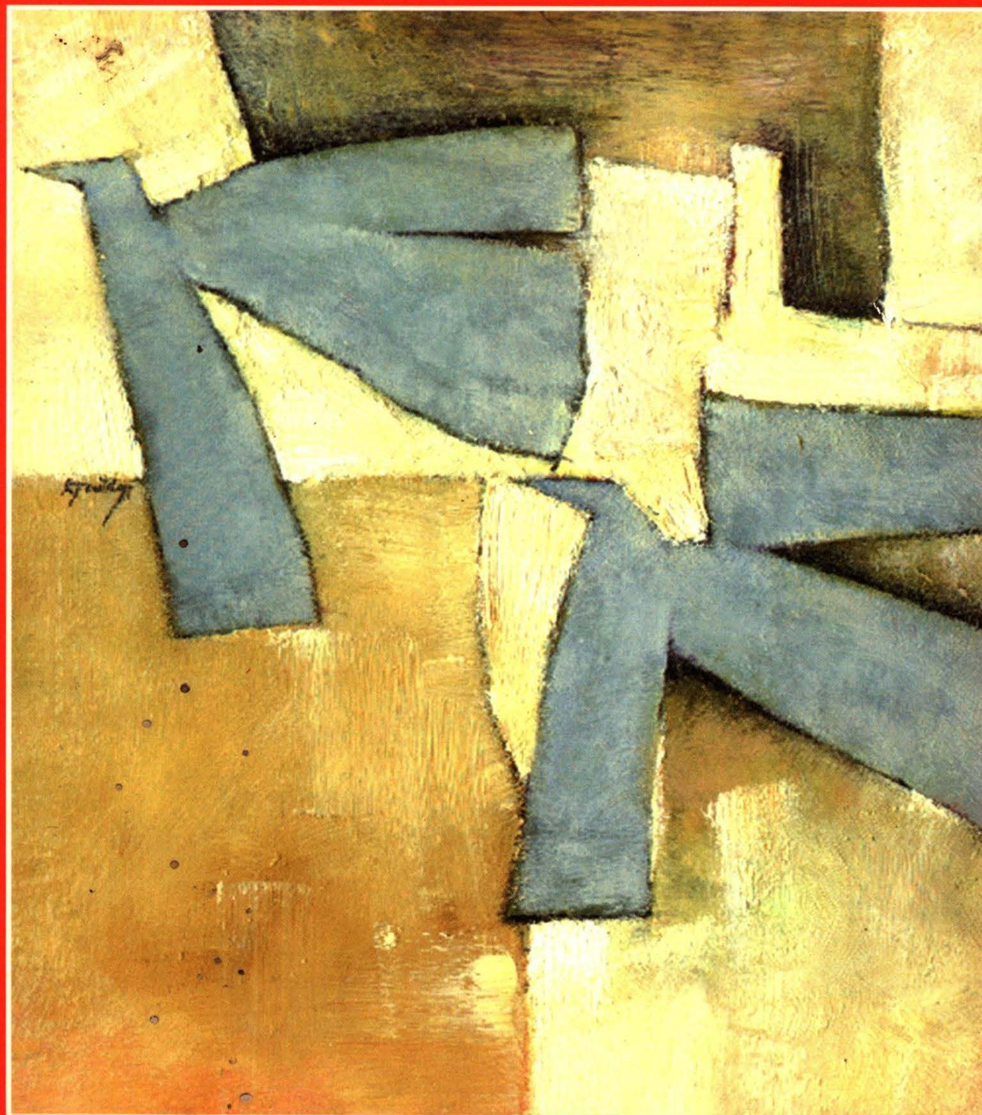
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 14 tháng 12, 1993 & tháng giêng, 1994

Xuân Giáp Tuất



TUYỂN TẬP THƠ VĂN



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Telephone: (714)537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ - số 14 tháng 12, 1993 & 01, 1994

Đại diện tại Florida:
Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068.
Tél: (904)282-2419

Đại diện tại Âu Châu:
Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Tél: 45.83.19.12

Đại diện tại Na Uy:
Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway

Đại diện tại Canada:
Trần Sa, P.O.Box 232, Station "C", Toronto, Ontario M6J 3P4. Tél: (416) 762-4659 và (416) 652-1384 • Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4. Tel: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh., 102 - 830E. Sixth Ave. Vancouver, BC V5T - 1M1. Tel: (604) 873-1697 • Mạnh Tường & Nam, 5000 7è Ave. Ouest # 03, Charlesbourg, Québec, G1H 6Z7. Tél: (408) 626-2280, (408) 654-8933. Fax: (408) 626-2280

Đại diện tại Australia:
Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.
Tél: 011-61-3-8071797

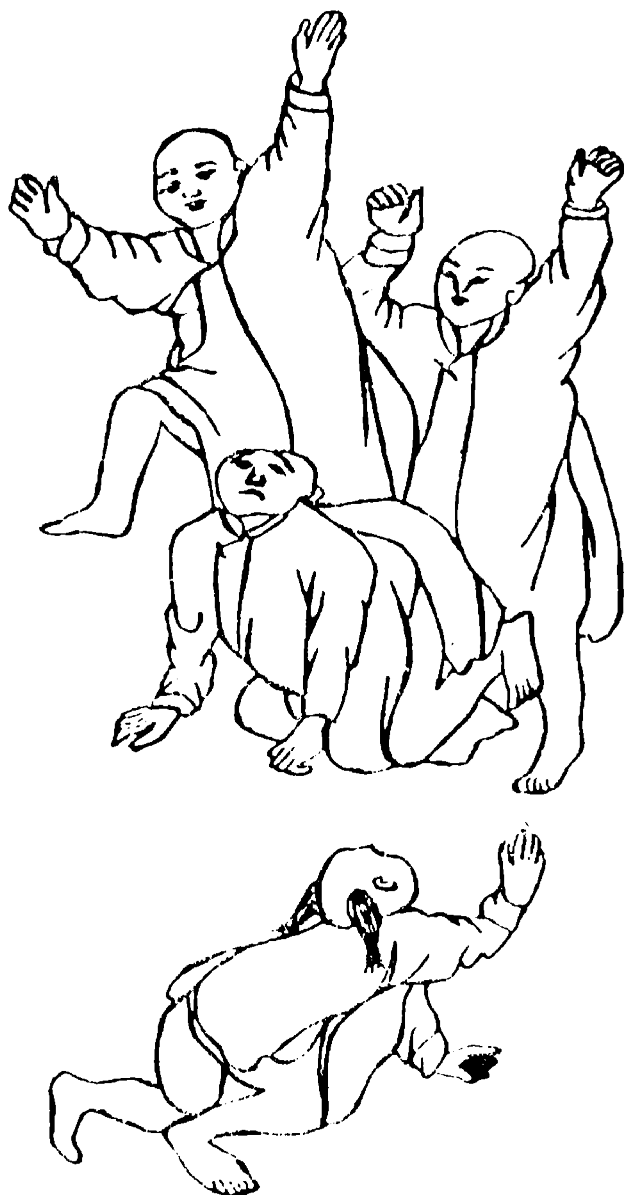
*

Chủ trương:
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trần Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ.

Chủ biên: **Khánh Trường**

Phụ tá chủ biên: **Phan Tấn Hải**
Nghiên cứu, lý luận: **Đỗ Hữu Tài**
Trị sự: **Nguyễn Thị Giáng Châu**

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



Mộc bản Việt Nam: Trẻ con chơi trò hùm bắt lợn (sưu tập của H. Oger)

HỢP LƯU

Kính chúc quí văn thi hữu, họa sĩ và độc giả
một năm mới an khang, thịnh vượng

MỤC LỤC



Bìa: **Khánh Trường**, Về Phương Nam (*Sơn dầu trên carton*)

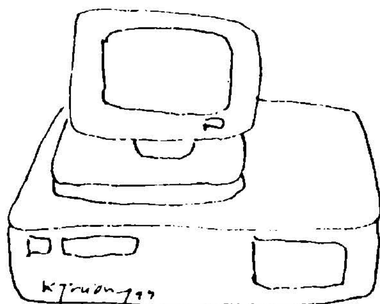
Phụ bản màu: **Lê Bá Đảng, Lê Phổ, Đinh Cường, Võ Đình, Lâm Triết, Nguyễn Trọng Khôi**

Minh họa: **Đinh Cường, KT, Võ Đình, Đỗ Duy Minh...** • *Biếm họa:* **Vẹt**





thư tòa soạn



Đánh dấu hai mươi tám tháng góp mặt trong sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại, trước tiên, *Hợp Lưu* chân thành cảm ơn các vị Mạnh Thường Quân (vì đức khiêm cung, không cho phép tòa soạn công bố tên tuổi lên mặt báo), trong ba năm qua, luôn yểm trợ cả vật chất lẫn tinh thần để *Hợp Lưu* có được vị thế vững vàng như ngày hôm nay.

Tiếp theo, cảm ơn anh chị em văn hữu từng góp mặt trên diễn đàn này. Nếu không nhờ mọi công trình tim óc của anh chị, Hợp Lưu không thể, và không bao giờ được đánh giá - qua dư luận chung - là tờ báo tiêu biểu của văn học nghệ thuật trong, ngoài nước ở thời điểm này.

Có thể nói rất hiếm, hiếm đến hi hữu, một tờ báo sống được qua 14 số khởi từ con số không. Và có thể nói thêm, hầu như chưa bao giờ trong làng báo một tạp chí được góp công góp sức bằng nhiều tấm lòng, bàn tay đến thế.

Một lần nữa, ban chủ biên xin gởi đến tất cả các ân nhân, văn hữu, thân hữu, độc giả lời cảm ơn chân thành nhất. Và ước mong dòng hợp lưu này mãi mãi tràn đầy, như đã, ba năm qua.

Chuẩn bị cho một năm mới, sắp đến, *Hợp Lưu* xin thông báo cùng quí độc giả một tin vui: Tháng 1 năm 1994, tập san ĐỐI THOẠI sẽ phát hành số ra mắt tại California, Hoa Kỳ. Đây là diễn đàn dành cho tất cả mọi người quan tâm đến sinh mệnh Việt Nam, đặc biệt trong các lãnh vực chính trị, xã hội và kinh tế. Mục tiêu tối hậu là vận động dân chủ và phát triển Việt Nam. Tập san này hoàn toàn độc lập, không thuộc bất cứ phe nhóm hay tổ chức chính trị nào. Vì vậy tập san sẽ mở rộng cửa đón nhận tất cả mọi ý kiến, mọi đóng góp của mọi thành phần, không phân biệt quá khứ, khuynh hướng hay chính kiến. Tuy nhiên sẽ ưu tiên cho những bài viết từ trong nước, vì chúng ta đều biết, hiện nay có rất nhiều trí thức tại nội địa muốn đóng góp trí tuệ vào công cuộc đấu tranh cho một Việt Nam phú cường, tự do và dân chủ, nhưng tiếng nói của họ không có cơ hội phổ biến. *Đối Thoại* sẽ giúp những tiếng nói này đến với quần chúng.

Về hình thức, *Đối Thoại* có cùng khuôn khổ với *Hợp Lưu*, dày từ 120 trang

đến 200 trang, phát hành hai tháng một lần, vào những tháng lẻ (1, 3, 5, 7, 9, 11...)

Như vậy, nếu bạn đọc trở thành độc giả của *Đối Thoại*, thì mỗi hai tháng, xen kẽ (Hợp Lưu phát hành vào những tháng chẵn: 2, 4, 6,, 8...) sẽ được đọc hai tờ báo, đại diện cho cùng một khuynh hướng được xem là cấp tiến nhất hiện nay: *Hợp Lưu*, chuyên về văn học nghệ thuật, và *Đối Thoại*, chuyên về chính trị, văn hóa, kinh tế.

Như đã thưa từ số đầu, sở dĩ thỉnh thoảng *Hợp Lưu* có đề cập đến các vấn đề ít liên quan đến văn học nghệ thuật... chẳng qua, do yêu cầu của tình thế, và do thiếu vắng một diễn đàn chuyên trách. Nay, *Đối Thoại* đã ra đời, quí bạn đọc nào quan tâm nhiều đến các lãnh vực chính trị, văn hóa, kinh tế, sẽ có cho mình một tờ báo như ý. Và quý vị nào xem văn chương, nghệ thuật là món ăn tinh thần cần thiết, sẽ vừa lòng hơn khi đọc *Hợp Lưu*.

Cũng từ nay, xin lưu ý các văn hữu và độc giả: bài vở nào có liên quan đến chính trị, kinh tế, xã hội... xin gởi cho *Đối Thoại*, P.O.Box 4692, Garden Grove, CA 92642. USA, Riêng thơ, truyện, lý luận, nghiên cứu, biên khảo văn học, nghệ thuật, xin vẫn gởi về *Hợp Lưu*.

Cuối cùng, để hoàn thiện hơn, ở những trang áp chót của số báo này, tòa soạn có một **Phiếu Góp Ý**, xin độc giả và văn hữu nhín chút thì giờ cho tòa soạn những ý kiến cụ thể, để qua những ý kiến này, *Hợp Lưu* điều chỉnh các mặt yếu kém, cùng triển khai các mặt tích cực.

Hợp Lưu



NGUYỄN HUỆ CHI

đổi mới nhận thức lịch sử trong nghiên cứu khoa học xã hội nói chung nghiên cứu văn học nói riêng



CÁC PHƯƠNG THỨC NHẬN THỨC LỊCH SỬ

Phải bắt đầu rút kinh nghiệm từ nhận thức lịch sử rồi mới có thể đi vào lịch sử văn học, vì nếu các bộ môn khoa học xã hội đều là các bộ môn nằm trên trục dọc của lịch sử, thì lịch sử theo nghĩa hẹp lại chính là bộ môn nòng cốt nhất; mỗi sự kiện diễn ra ở đây đều liên quan mật thiết đến các bộ môn khác, với những ảnh hưởng gần xa, lớn nhỏ khác nhau. 30 năm qua, giới sử học đã đạt được một số thành tựu rất khả quan. Nhiều cuốn sách chuyên sử có giá trị đã được công bố. Một tiến trình vận động của lịch sử dân tộc tương đối hợp lô gích cũng đã được phát họa ổn đáng. Tuy vậy, sử học cũng đã để lộ nhiều lúng túng, nhiều lỗ hổng về phương pháp luận cần được đặt thành vấn đề chung cho cả giới cùng tìm hiểu, luận bàn.

1. Chủ nghĩa công lợi trong sử học. Chỉ mới cách đây không lâu, khi học tập nghị quyết 7! chúng ta đã từng đối diện với một câu hỏi không nan giải mấy trong lý thuyết, nhưng lại khá nan giải về mặt thực tiễn. Đó là vấn đề: có nên nhìn lại lịch sử một cách chính xác, rạch ròi hay không? Lý thuyết cố nhiên đòi hỏi chúng ta bao giờ cũng phải đối xử với lịch sử cho thật công minh, và muốn vậy thì điều tiên quyết là phải nhận thức đúng diện mạo và bản chất các quá trình của nó. Nhưng trên thực tế mà nói, nhiều quá trình

lịch sử diễn ra trong vòng một trăm năm, thậm chí 50 năm trở lại thôi, trong phạm vi một nước hay trên phạm vi phe xã hội chủ nghĩa, đã không được tái hiện đầy đủ, không được giải thích, phân tích cặn kẽ bằng lý trí sáng suốt của chúng ta. Tìm hiểu lý do tại sao là cả một vấn đề còn mất nhiều công sức và thời gian. Tuy nhiên, chỗ rút ra được ở đây là hình như trong phương pháp tư tưởng, từ bao lâu nay ta vẫn chưa thật sòng phẳng với lịch sử. Ta quan niệm việc tìm hiểu lịch sử có cả mặt *lợi* và mặt *hại*. Và một thái độ nhận thức lịch sử được coi là chính thống, là phải ra sức khắc phục mặt có hại *bằng biện pháp giảm đẳng*, hoặc lờ đi không nói tới, đồng thời phải ra sức khai thác mặt có lợi của lịch sử, dùng nó để cổ vũ cho phong trào cách mạng đang diễn ra trước mắt, và sẽ diễn ra trong tương lai.

Nhưng có thể có cái gọi bằng chủ nghĩa công lợi trong sử học được hay sao? Nếu có, thì chắc hẳn tiêu chí công lợi duy nhất ở đây là *sự thật lịch sử*. Mục đích tối cao của sử học, theo chúng tôi nghĩ, là đạt đến sự thật khách quan như nó có, là chiếm lĩnh thực tại "vật tự nó", và cố gắng biến thành "cái cho ta". Sự thật lịch sử và lợi ích của giai cấp đang đóng vai trò mở đường cho lịch sử đi tới, hoàn toàn không có gì mâu thuẫn với nhau. Hơn thế nữa, ngay trong bản chất truyền thống của khoa lịch sử xưa kia cũng đã luôn luôn có cái nhu cầu tìm ra sự thật, phanh phui sự thật. Từ thời phong kiến, một qui định mà triều đại nào cũng phải tuân thủ là nhà vua không được tự tiện vào Viện Quốc Sử và đòi xem quốc sử, bởi vì những gì nhà viết sử ghi chép phải đúng như trong thực tế, độc lập với yêu cầu thêm bớt của ông vua.

Trần Minh Tông và vua Lê Thánh Tông đòi hỏi các vị sử quan phải trình cho mình xem những gì họ viết, đã được ghi vào sử sách như những bài học phản diện mà vua chúa nào cũng lấy làm răn. Còn sử học tư sản thì từ lâu cũng đã có qui định chặt chẽ về việc cho "khui" các hòm tư liệu để công bố, 50 sau năm khi sự kiện lịch sử xuất hiện. Có thể gọi những truyền thống như vậy là gì, nếu chẳng phải là sự kết tinh tinh thần khao khát hướng tới chân lý của nhân loại? Giống như câu chuyện ông vua Minidax có tai lừa trong *Nghìn Một Đêm Lẻ*, sự thật, cho dù phải đánh đổi bằng tai họa, thì vẫn là chuẩn mực của nhân cách, bản lĩnh, sự tiến thủ, và nhu cầu tiến thủ của con người.

Rất tiếc, giới sử học Mácxít từ ngót một thế kỷ qua đã không tìm được một hình thức thích hợp, một nguyên tắc được thừa nhận bằng pháp lý, để thực thi quyền thiêng liêng đó trong nghề sử của mình. Chỉ trang bị cho mình một thế giới quan tiến bộ không thôi rõ ràng chưa đủ để phát hiện và trình bày chân lý. Chẳng thế mà trong nhiều cuộc hội thảo gần đây, giới sử học Xô Viết đã phải than thở rằng trình độ của họ bị tụt hậu ghê gớm, tụt lại cái mốc những năm ba mươi. Chủ nghĩa công lợi trong sử học chúng ta, theo tôi, cũng chính là một hình thức biến tướng của chức năng minh họa cho những kết luận đã có sẵn và dưới đây xin nêu một vài biểu hiện cụ thể của nó.

2. Huyền thoại hóa lịch sử. Ai cũng biết rằng cái quan trọng nhất của sử

học là sử liệu. Không có sử liệu xác tín thì nhà sử học giỏi đến mấy cũng bằng như vô ích. Nói rằng mục đích của sử học là tìm ra sự thật, cũng tức là nói phong cách sử bút của sử gia có khác với văn gia ở sự chính xác và thận trọng. "Nói có sách mách có chứng" là để nói về điều ấy.

Ấy vậy mà trong tình trạng thiếu thốn sử liệu đến mức nghèo nàn như tình trạng của Việt Nam, trong tình trạng mà trình độ chung còn thấp đến mức đã xảy ra bao chuyện đau lòng như công nhiên đốt phá, hủy hoại, vứt bỏ, dày đạp lên không biết bao nhiêu sách vở, di tích, đền miếu, chùa chiền trên khắp đất nước từ hơn bốn mươi năm nay, không hiểu sao giới sử học chúng ta vẫn có thể viết được những pho sử dày về mọi giai đoạn lịch sử quá khứ, không một giai đoạn nào chịu để trống hoặc phải đánh một dấu hỏi. Đó là điều đáng lạ. Đáng lạ hơn, là họ lại có thể vận dụng phép biện chứng tinh thông trong khoa lịch sử, như điều khiển những quân cờ trong tay.

Có thể đặt ra hai giả định: hoặc trong các bộ sử của họ sự bình giải lịch sử đã thay thế cho các sử liệu được đem trình bày? Hoặc bản thân sử liệu mà họ đem vào đã mở rộng kích thước, không còn tính chính xác cần có.

Cả hai khuynh hướng hình như đều đã xảy ra đối với người viết sử. Do khuynh hướng thứ nhất mà trong mấy chục năm nay đã trở thành một thói tệ là sự coi thường tư liệu và sinh những lời bàn chay mà người ta vẫn gọi là "giàu chất lý luận". Khuynh hướng này không dừng lại trong giới sử mà lan sang đến nhiều ngành khác, trong đó có nghiên cứu văn học. Và cũng do khuynh hướng thứ hai mà trong nhiều bộ sử đã xuất bản, sự du nhập các truyền thuyết dân gian đã hầu như không còn là một biệt lệ, mà là chuyện bình thường. Vấn đề ở đây không phải là ở số lượng - số lượng thì cũng không phải là nhiều - nhưng chính ở quan niệm đồng nhất truyền thuyết với sử liệu, ở cả cái hình thức trình bày lịch sử theo kiểu kể chuyện dân gian. Xin nêu một ví dụ rút ra ngẫu nhiên từ bộ sử của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội, trang 61, tập I(1) nói về Thánh Gióng:

Và Dóng lên đường ra trận. Theo Dóng đi đánh giặc có người dân cày đang cầm vồ đập đất, có người câu cá, có người đi săn, có đoàn trẻ chăn trâu, có những chàng trai nghèo đang vỡ đất. Dóng cùng toàn dân đánh giặc. *Dóng nhằm nơi giặc Ân đóng xông tới, quất roi sắt vào thân giặc, vút tre ngà xuống đầu giặc:*

Đứa thì sứt mũi sứt tai
Đứa thì chết nhóc vì gai tre ngà.

Tướng giặc bị giết. Giặc thua thảm hại. Cả nước mừng vui với chiến thắng thần kỳ".

Truyện Thánh Gióng với tất cả kết cấu đầy đủ kiểu này thật ra chỉ mới xuất hiện trong các công trình khảo cứu của Nguyễn Văn Huyên trước Cách Mạng tháng Tám và Cao Huy Đỉnh vài chục năm trước đây. Phải chăng là hợp lý khi đặt nguyên xi kết cấu đó vào thời kỳ tiền sử?

Về phương diện này, hình như giới sử học hiện đại chưa được thận trọng

bằng giới sử gia phong kiến. Giới sử gia phong kiến khi viết về thời tiền sử bao giờ cũng đặt trong một đề mục gọi là *ngoại kỷ*, tức là cái gì nằm ngoài chính sử. Và khi bắt buộc phải sử dụng truyền thuyết bổ sung cho sử liệu, thì họ đều giới thuyết cặn kẽ. Ngô Sĩ Liên nói ở những trang viết thời Hùng Vương: "*Hãy xin thuật lại chuyện cũ để truyền lại sự nghi ngờ mà thôi*"(2). Còn Hồ Tông Thốc thì nêu lên một nguyên tắc về sự gạn lọc tài liệu: "*Những chuyện góp nhặt được ở đây đều là lượm lặt ở tiếng vang, lời đồn, trích lấy đầu đuôi để cho hiểu rõ phả ký từng đời mà thôi; còn những sự tích kỳ quái, lờ mờ khó xét thì tạm ghi lại đó để chờ các bậc quân tử sau này, dám đâu xuyên tạc ra lời quái dị để mê hoặc thế tục. Độc giả nên lưu tâm nhận rõ, cố sức suy nghiệm, thì từ trong hình bóng tiếng vang của lịch sử, ngọc đá sẽ phân rõ; tôi đâu dám tự coi ý mình là xác đáng*"(3).

Trong trường hợp du nhập truyền thuyết dân gian vào sử, lịch sử tất yếu sẽ chuyển sang dạng thức nửa huyền thoại. Nhưng trong trường hợp thay thế sử liệu bằng sự luận bàn, lịch sử cũng sẽ giảm bớt sức nặng của một bức tranh đầy ắp sự kiện và có đủ xuất xứ. Mà điều gì là điều người viết sử thường hay luận bàn? Tựu trung không ngoài cảm hứng về đất nước, nhân dân, tinh thần làm chủ, tinh thần chiến thắng và tấn công kẻ thù... Đó là những khái niệm mang tính hiện đại nhiều hơn là tính lịch sử và gắn liền với cảm hứng trữ tình của chủ thể nhận thức lịch sử. Có vẻ như dưới chiếc đũa thần của cái chủ thể trữ tình vô song ấy, lịch sử đã được sắp xếp lại, kết nối lại, mất hẳn đi những yếu tố ngẫu nhiên mà chỉ còn đầy những tất yếu lịch sử châu tuần về quanh con người đang làm chủ, và như cũng lớn lên phi thường nhờ người chủ nhân ông ấy. Chúng tôi coi đây là cảm hứng huyền thoại hóa lịch sử. Về phương diện nào, cảm hứng này cũng đồng nhất với cảm hứng hiện đại hóa lịch sử.

3. Hiện đại hóa lịch sử. Nếu huyền thoại hóa lịch sử là tô điểm lịch sử theo phương thức tư duy huyền thoại, thì hiện đại hóa lịch sử lại là uốn nắn lịch sử theo vóc dáng con người hiện đại. Điều này thường gặp nhiều hơn, bởi vì chọn khuôn mẫu từ hiện đại để hình dung lịch sử là việc dễ làm hơn, cũng dễ làm cho người đọc bị thuyết phục, hoặc bỏ qua, dù không đồng tình. Hầu hết các nhân vật lịch sử được giới thiệu, đánh giá, ca tụng trong 30 năm nay, những Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Ngô Thì Nhậm v.v... đều là những mẫu hình đã được xây dựng theo hướng này. Nói chung, họ hiện ra rất đẹp, và rất hợp với lương tri chúng ta, vì chúng ta không một chút nào muốn bôi bác lịch sử. Nhưng bình tâm mà xét, tất cả những con người đó, mặt này mặt khác đã không còn hiện ra một cách hồn nhiên như nó có - cứ hồn nhiên đã đủ vĩ đại - mà hiện diện như ý muốn của chúng ta, thông qua những mẫu hình nào đó của chính những con người đang sống hôm nay.

Khỏi phải nói, hậu quả của vấn đề là dẫn tới tình trạng làm nghèo nàn diện mạo lịch sử. Lịch sử như không còn có bề dày mà được dàn bày trên một

mặt cắt đồng đại, ở đó mọi sự kiện diễn ra trong sự xúc tác của cùng một khí hậu chính trị, một màu sắc tư tưởng. Nguyễn Trãi thì gần với Hồ Chí Minh, và Quang Trung hình như cũng vậy. Lịch sử cũng mất đi tất cả mọi thứ hàng rào ngăn cách, những lối sống, cách nghĩ trung cổ, những phong tục tập quán nghìn đời, những tín ngưỡng đạo lý xưa cũ... Nói chung là tất cả những gì để chúng ta hình dung bước đi của lịch sử một cách thật hơn, chầy chật, khó khăn, nhưng cũng cụ thể rõ nét hơn. Mặt khác sự "đóng khuôn" các nhân vật lịch sử cũng sẽ làm trì trệ đầu óc chúng ta, khiến ta không còn thoát ly được cách nghĩ giáo điều xơ xứng về quá khứ. Việc hiện đại hóa hình ảnh Quang Trung như một con người nhân ái, văn minh, lịch sự, của một chủ nghĩa nhân văn thế kỷ này đã gây trở ngại cho người đọc khi phải tiếp xúc với một Quang Trung khác, một Quang Trung vẫn mang ít nhiều màu sắc con người trung đại, một Quang Trung vẫn còn nói tục và hành động bỗ bã trong văn chương của Nguyễn Huy Thiệp, hoặc trong ghi chép của các giáo sĩ phương Tây đến Việt Nam thế kỷ XVIII. Ta sẽ dễ rơi vào tình trạng duỗi ra, chối bỏ với các Quang Trung mà ta gặp sau, vì ở trong ta đã có một Quang Trung được sử gia thời nay tô đậm.

Xin nêu một ví dụ khác: cũng trong bộ sử của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội đoạn viết về Lý Thường Kiệt có dẫn một bài thơ của ông mà câu cuối là: "*Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời*". Lời dịch này sai với nguyên văn khá nhiều. Trong nguyên văn, ý của Lý Thường Kiệt kín đáo hơn, ông chỉ nói: "*Chúng bay hãy chờ xem, rồi sẽ chuốt lấy thất bại*". Nhưng cuốn sử ra đời vào những ngày chúng ta đang đánh Mỹ, và chắc là người dịch mang cảm hứng "tiến công" của thời đại mà dịch quá đi như trên. Gần đây, bài thơ dịch được trích vào sách giáo khoa lớp 10. Từ thầy giáo đến học trò đều hiểu về một Lý Thường Kiệt có nét tính cách "tiến công" qua bài thơ dịch. Chúng tôi cũng đã thử nghiệm phân bua lại ở một vài nơi, nhưng đành chịu. Không một ai muốn trở lại với ý đúng của bài thơ, bởi, người ta đã cảm được cái ý vị thẩm mỹ riêng qua câu thơ dịch; người ta đã hiểu Lý Thường Kiệt phải là người có tư thế đứng trên đầu thù.

Làm cho lịch sử mang những nét đồng dạng với hiện đại thì dẫu có đề cao, cũng chẳng khác gì bóp méo và xuyên tạc lịch sử. Cho nên, về bản chất mà nói, hiện đại hóa lịch sử và cắt xén lịch sử cũng chỉ đứng trên cùng một quan điểm. Bởi thế, ở đây chúng tôi thấy không cần trình bày vấn đề cắt xén lịch sử như một mục riêng. Cắt xén là gọt chân lịch sử cho vừa với đôi giày đóng theo kiểu của chúng ta. Cắt xén đối với nhân vật và thời đại mà mình cảm thấy không có gì chung giữa mình với họ. Chẳng hạn như triều đại Mạc, triều đại Nguyễn... Thái độ bất công của sử học hiện đại đối với triều đại Nguyễn chẳng qua cũng chỉ là biểu hiện của một phương thức tư tưởng coi các tiêu chí của đương đại như là tiêu chí chung cho mọi thời đại chứ không có gì khác. Nhưng đâu có được thế! Đâu phải là lỗi của triều Nguyễn khi nhà Nguyễn đánh bại và kế chân Tây Sơn! Cũng đâu phải là lỗi của triều Nguyễn

khi nhà Nguyễn tổ chức một cuộc chiến tranh tự vệ quy mô mà cuối cùng đành thất bại trước chủ nghĩa thực dân Pháp! Nếu tôi không nhớ nhầm thì ở Nhật Bản, Nhật hoàng đã đầu hàng ngay sau ba phát đại bác của tàu chiến Mỹ. Nhưng nước Nhật ngày nay là một đất nước không xoàng. Tôi nghĩ, tiêu chuẩn chủ nghĩa yêu nước phải được nhìn thấu lý đạt tình, phải uyển chuyển, sinh động khi xem xét các quá trình lịch sử, đánh giá cái được cái mất trong cuộc vận động sinh tồn của dân tộc Việt Nam, nếu không, lịch sử sẽ hiện ra như một bộ xương cứng nhắc và không có ích mấy cho sự nhận thức có tính cách tân của hiện tại. Lịch sử cần phải là sự sống chứ không phải là một cái thây chết, sự sống có nhiều bình diện của nó, có cái cao cả và có cái đời thường; lịch sử là muôn màu.

Tóm lại, những khuynh hướng huyền thoại hóa và hiện đại hóa làm cho yêu cầu nhận chân lịch sử trong nhiều năm qua, không đạt được như ý muốn. Không những thế, cái tất yếu lịch sự bị nhìn nhận một cách đơn giản. Lịch sử chỉ còn như những tấm gương phóng đại nhiều kích cỡ, mà nhìn vào khoảng cách nào cũng thấy hiện ra bóng dáng người chủ nhân ông hiện tại. Có thể nói tuy không phải là chủ ý nhưng trong một chừng mực nhất định, phép biện chứng đã bị thay bằng "duy ngã luận".

TRỞ VỀ VỚI MỘT VÀI PHƯƠNG THỨC NHẬN THỨC LỊCH SỬ VĂN HỌC

Những vấn đề đặt ra cho chuyên ngành lịch sử, thực tế cũng là những vấn đề mà ngành nghiên cứu văn học đã thể nghiệm, đã vấp váp và đã thấm thía từ nhiều năm nay. Chỉ xin giới hạn trong hai vấn đề có tính chất cơ bản:

1. Phân kỳ lịch sử văn học. Nói đến phân kỳ lịch sử văn học là nói đến phương pháp khu biệt đặc trưng của mỗi một thời kỳ, sao cho các yếu tố được tập hợp lại trong thời kỳ này, quả có sự khác biệt về chất so với thời kỳ khác. Trên cơ sở đó, việc cắm mốc phân kỳ mới không gây một lẫn lộn nào đáng tiếc. Đành rằng, các mốc phân kỳ cũng chỉ là qui ước thôi, nhưng là qui ước không thiếu được của một sự nhận thức khoa học về lịch sử. Phân kỳ văn học sử, do vậy, có vị trí then chốt trong quan điểm cấu trúc lịch sử văn học.

Vấn đề đã từng là dấu hỏi của nhiều thế hệ nghiên cứu là: giữa phân kỳ lịch sử và văn học có gì giống và có gì khác nhau? Trả lời theo lý thuyết thì chẳng mấy khó khăn. Ai cũng thấy rằng *lịch sử* và *lịch sử văn học* là hai đối tượng riêng biệt, có liên quan với nhau, nhưng không phải là một. Không thể đem hệ thống này áp dặt vào hệ thống kia. Đúng như Mác nói: "*Đối với nghệ thuật thì có những thời kỳ phồn vinh nhất định tuyệt nhiên không có quan hệ gì với sự phát triển chung của xã hội cả, và do đó cũng tuyệt nhiên không có quan hệ gì với cơ sở vật chất, với cốt cách xã hội, nếu có thể nói như thế*

được".(4)

Song trên thực tế, vấn đề lại không đơn giản đến vậy. Một mặt, do cách nhận thức của cả một thời về vai trò chi phối tuyệt đối của chính trị đối với văn học (chính trị là thống soái), mặt nữa cũng do không tìm thấy trong các quá trình phát triển lịch sử văn học một dấu hiệu chuyển biến nào có tính chất bước ngoặc rõ nét (vì văn học vẫn thường phát triển tiệm tiến), trong khi đó lại dễ dàng tìm thấy những cái mốc chính trị nổi bật, đánh dấu những chặng đường lịch sử khác nhau, nên phần lớn các bộ môn văn học sử trước đây, từ *Lược Thảo Văn Học Việt Nam* (Nhóm Lê Quý Đôn), *Sơ Thảo Lịch Sử Văn Học Việt Nam* (nhóm Sử Địa), *Sơ Thảo Lịch Sử Văn Học Việt Nam Nửa Cuối Thế Kỷ XIX; Sơ Thảo Lịch Sử Văn Học Việt Nam 1930-1945* (Viện Văn Học) và *Lịch Sử Văn Học Việt Nam tập I* (Ủy Ban Khoa Học Xã Hội)... đều đã mượn mốc chính trị để làm phân kỳ lịch sử văn học. Nói cho đúng cũng có những người đã nhiệt tình chủ trương ngược lại. Chẳng hạn như nhà sử học Văn Tân. Là một trong năm tác giả bộ *Sơ Thảo Lịch Sử Văn Học Việt Nam, ông Văn Tân chủ trương giữa văn học và chính trị không bao giờ có quan hệ phát triển đồng nhất.* Trong lời tuyên ngôn của bộ *Sơ Thảo*, cũng như trong bài phê bình bộ *Lược Khảo*, viết gần như cùng một lúc, ông Văn Tân đã đưa ra hai ví dụ có tính chất điển hình, để bênh vực quan điểm của nhóm ông. Ông nói: "*Việc vua Quang Trung cả phá hai mươi vạn quân Thanh là một sự kiện quân sự và chính trị hết sức vĩ đại của nước Việt Nam hồi nửa sau thế kỷ XVIII, nhưng sự kiện này không thấy có một phản ánh tương xứng ở văn học Việt Nam. Năm 1930, Đảng Cộng Sản Đông Dương nhảy ra vũ đài chính trị ở Việt Nam, nắm lấy quyền lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam, đưa phong trào cách mạng ở Việt Nam sang một giai đoạn mới, nhưng cho đến Cách Mạng tháng Tám, cái văn học giữ địa vị chi phối ở Việt Nam chưa phải là văn học do giai cấp công nhân lãnh đạo*"(5)

Ý kiến của nhà sử học không phải là không có những phần hợp lý, mặc dầu từ dẫn chứng nâng lên khái quát, ông đã rơi vào tuyệt đối hóa. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là chỉ mấy năm sau, ông Văn Tân lại từ bỏ không thương tiếc quan điểm cũ của mình để đưa ra những nhận định trái ngược, cũng không kém cực đoan. Trong "Lời Nói Đầu" cuốn *Lịch Sử Văn Học Việt Nam Sơ Giản*", một bộ sách tóm tắt *Sơ Thảo*, ông đã có dịp đính chính trước bạn đọc những ý kiến "nông nổi" cũ, và quả quyết ngược lại rằng: "*Thực tế của văn học đã chứng minh rõ ràng các giai đoạn của lịch sử văn học hoàn toàn phù hợp với các giai đoạn của lịch sử chính trị*"(6); và "*thực tế của văn học nước ta hoàn toàn chứng minh như vậy*"(7).

Tuy nhiên, dầu đã hơn một lần quả quyết, khi bắt tay vào công việc thực tế, nhà sử học Văn Tân vẫn không khỏi lúng túng. Vì đã coi cái mốc 1788 - năm Quang Trung đại phá quân Thanh - là một mốc lớn của lịch sử văn học, tự nhiên ông Văn Tân cũng phải coi cái mốc 1802 - năm Gia Long đánh bại Tây Sơn - là một mốc thụt lùi của lịch sử văn học. Nhưng tìm tòi mãi trong

giai đoạn 1788- 1802, ông vẫn chẳng bới ra được một tác phẩm văn thơ nào gọi là có tầm cỡ, xứng với sự kiện đại thắng của Quang Trung. Trái lại, lùi ra sau 1802, ông lại thấy có kiệt tác *Truyện Kiều*. Thế là nhận định về sự ăn khớp giữa chính trị và văn học ngó như bất ổn rồi. Xoay mãi hết cách này cách kia, cuối cùng ông Văn Tân đành phải lập luận, suy diễn: *Truyện Kiều*, tuy xuất hiện dưới thời Gia Long, nhưng thực ra, đó *là tác phẩm đã được thai nghén từ cuối thế kỷ XVIII. Những năm đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Du chỉ đem* Truyện Kiều *đã được nung nấu ở trong lòng ghi lên mặt giấy*"(8); "*gác* Truyện Kiều *ra, văn học hồi nửa đầu thế kỷ XIX so với văn học hồi thế kỷ XVIII là một bước lùi về nội dung tư tưởng vừa về hình thức nghệ thuật*"(9).

Chẳng cần biện giải gì thêm thì sự loay hoay tìm kiếm của người đi trước cũng tố cáo với chúng ta một thực tế: cách làm của họ có gì như chưa ổn. Tại sao lại cứ phải gò ép văn chương cho phù hợp với cái mốc chính trị mà không để văn chương tự tìm lấy mốc của mình? Tại sao nỡ làm mất đi nét hồn nhiên của sự vận động tác phẩm bằng cách dùng một yếu tố bên ngoài để cưỡng chế nó? Hãy cứ để cho các hiện tượng văn chương diễn ra như nó có, và đặt nó đúng vào chỗ của nó, tự khắc cái dở, cái hay, bước lùi bước tiến của các tiến trình văn học sẽ hiện ra, có cần gì giấu diếm hay tô vẽ thêm? Nếu cái mốc 1930 không phản ánh một bước chuyển biến có thực của văn học cận đại, thì sao cứ phải gò văn học cận đại vào đấy? Dĩ nhiên, công việc này không thể là một việc cảm tính, mà cần cân nhắc, nghiên cứu cho kỹ lưỡng.

Muốn phân kỳ văn học, ta phải trở lại xuất phát từ những cái mốc của chính văn học. Năm 1932 có mấy sự kiện văn học quan trọng cùng xuất hiện một lúc, như Tự Lực Văn Đoàn, phong trào "Thơ Mới"... Vậy sao ta không dùng ngay mốc này để đánh dấu, mà phải đi mượn ở đâu những cái mốc phi văn học như mốc 1930?

Lại có người đặt vấn đề: nhưng Nguyễn Ái Quốc đã sáng tác từ đầu những năm 20? Hoàn cảnh sáng tác của Nguyễn Ái Quốc thực tế có chỗ cần suy nghĩ. Những năm 20 ai là độc giả quen thuộc của Nguyễn Ái Quốc? Câu trả lời chỉ có thể là: Hầu hết là đám độc giả trên đất Pháp. Ở Việt Nam, nhiều lắm cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay là cùng. Tác phẩm *Nhật Ký Trong Tù* của Nguyễn Ái Quốc cũng chính thức có độc giả kể từ năm 1960. Ngày nay mỹ học tiếp nhận đã giúp ta có cái nhìn toàn diện về các khâu liên hoàn của một quá trình sáng tạo nghệ thuật. Không thể nghĩ rằng một tác phẩm nào đó, trong một thời gian nào đó, chưa có sự tiếp xúc cụ thể với bạn đọc trên một lãnh thổ nào đó, mà lại nghiễm nhiên đóng một vị trí lịch sử trên vùng đất đó. Văn học cổ điển Việt Nam cách đây mấy năm có phát hiện được cuốn truyện *Hồng Hoang Lương Sử* viết từ cuối thế kỷ XIX, nhưng cho đến lúc đó vẫn chưa một ai hay, mà còn nằm trong kho sách gia đình. Cuốn *Hồng Hoang Lương Sử* dù có nghệ thuật đột xuất đến đâu cũng sẽ có một vị trí khiêm nhường trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XIX, vì nó chưa có một đời sống văn học thực sự. Nguyễn Ái Quốc cũng là một "ca" có phần nào tương

tự. Vị trí của tác giả Hồ Chí Minh trong đời sống văn học chắc chắn được phát huy chủ yếu từ sau 1945. Vậy nên đặt thơ văn Hồ Chí Minh vào bối cảnh từ năm 1945 trở đi thì hợp lý hơn.

2. Phân loại văn học. Sau vấn đề phân kỳ, đến các tiêu chí phân loại. Đây là cách tập hợp các hiện tượng văn học theo dòng, theo nhóm, để dễ nắm bắt cặn kẽ lịch sử văn học trong từng thời kỳ. Nếu phân kỳ là tạo những nhát cắt bổ ngang để lịch sử văn học được chia thành nhiều khoảng thời gian, thì phân loại là tạo những nhát cắt bổ dọc để lịch sử văn học được xem xét một bước sâu hơn, trên những loại hình mang đặc trưng loại biệt.

Nhưng văn học Việt Nam vốn là một nền văn học phương Đông quanh quẩn lâu dài trong bóng tối trung cổ. Nó ít có những biến thái rõ nét giữa các thời kỳ cũng như các dòng phái. Nói như Likhatrốp thì hầu như không có những cuộc đấu tranh làm xuất hiện các khuynh hướng, trường phái nghệ thuật trong văn học trung thế kỷ.

Vậy lấy gì phân loại các dòng, phái trong văn học Việt Nam quá khứ? Các nhà văn học sử những năm 50 cho đến gần đây đã tìm ra được một chuẩn mốc phân loại quan trọng, đó là chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước là một chuẩn mốc nằm ngoài văn chương - chuẩn mốc chính trị. Nhưng lịch sử dân tộc Việt cũng đã phát triển vốn trong dạng thức đặc thù luôn luôn đi liền với đấu tranh chống xâm lược, và hệ tư tưởng chống xâm lược đã trở thành hệ qui chiếu nhiều mặt cho sự phát triển của cả xã hội. Văn học kết tinh tinh thần yêu nước như một nguyên tắc, đạo đức thẩm mỹ, đã được dư luận xã hội thừa nhận và có truyền thống rất lâu đời. Lấy chủ nghĩa yêu nước làm chuẩn mốc phân loại văn học, phải coi là một phát kiến đáng kể, sáng giá của giới nghiên cứu những năm 50. Nhờ chuẩn mốc này, các bộ môn văn học sử những năm 50 đã đạt được một bước tiến so với các bộ sách cùng loại trước Cách Mạng.

Nhưng bước tiến nào cũng đi kèm với một bước lùi tương đối. Phân loại theo chủ nghĩa yêu nước là cách tập hợp hệ thống thông qua các yếu tố nội dung, chứ không nhìn toàn diện sáng tác như một kết hợp hữu cơ nội dung và nghệ thuật. Cách phân loại này mang tính phiến diện ngay từ đầu. Nó không thể phản ánh được những sự khu biệt đích thực, đặc trưng của các loại hoạt động văn học khác nhau trong cùng một xã hội. Khi qui định ranh giới giữa văn học yêu nước với các bộ phận văn học khác, người ta thường xem xét ở hai phương diện; cá nhân nhà văn là người tham gia phong trào cứu nước và đề tài nhà văn lựa chọn là đề tài trung quân ái quốc, là nghĩa vụ của kẻ làm trai đối với xã tắc giang sơn. Phân biệt như thế ngỡ không còn vấn đề gì chưa thỏa đáng, nhưng trên thực tế vẫn phát sinh những điều nhầm lẫn. Cái chính là có nhiều cấp độ nhận thức khác nhau ở cả hai phương diện đã nói, và sự đánh giá không thỏa đáng lại bắt nguồn từ cách hiểu giản đơn, thô thiển, những cấp độ vốn rất phức tạp này.

Trên cấp độ *con người xã hội*, người ta thường phân biệt đại khái làm ba hạng: con người nhập cuộc, con người ở ẩn và con người đầu hàng. Nhưng nào phải trường hợp nào xếp vào một trong ba hạng cũng ổn? Bởi đây là vấn đề con người - con người cụ thể lịch sử - mà ba hạng người được phân chia theo cách ta quan niệm lại chỉ mới là một sự *định lượng* mà thôi. Trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX chẳng hạn, hãy cứ loại trừ một ít nhân vật kiểu Hoàng Cao Khải, Tôn Thọ Tường, Nguyễn Thân... ra, thử hỏi trong số những người còn lại, giữa một Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Cao tuẫn tiết, một Thủ Khoa Huân, Nguyễn Trung Trực bị chém đầu, một Phan Văn Trị ở ẩn, một Nguyễn Thông nửa đường bỏ về ở ẩn, một Phan Thanh Giản quyên sinh và một Nguyễn Quang Bích toan tính quyên sinh, biết ai là người chất nặng tâm sự trung vua, báo quốc? Vậy xếp họ vào đâu cho đúng với thực chất con người họ thật là cả một bài toán gay go, nan giải. Trên cấp độ con người nhà văn mà nói, sự phân biệt cũng chẳng đem lại bao nhiêu ý nghĩa nếu không căn cứ vào giá trị sáng tác cụ thể của mỗi người. Có khi người trực tiếp tham gia chống giặc cứu nước vẫn viết nên những án văn rất ít giá trị, còn người ở ẩn lại có thể có được những vần thơ lay động được tâm trí mọi người. Chẳng phải xưa nay, *văn* và *người* tuy là hai đại lượng thống nhất nhưng có bao giờ đồng nhất hẳn với nhau? Hơn nữa, văn chương dẫu sao vẫn là câu chuyện của thiên hướng, nó đòi hỏi không phải chỉ có một trái tim rung cảm mà còn là một tài năng bậc thầy.

Trên cấp độ lựa chọn đề tài của nhà văn, vấn đề cũng có chung một ý nghĩa. Kể cũng khó lòng phân biệt sự hơn kém giữa một đề tài phò vua giúp nước và một đề tài loại khác, đề tài "thế sự". Chẳng lẽ một người cầm bút ca ngợi vẻ đẹp của xứ sở, quê hương, biết phát hiện ra trong đời sống hàng ngày những dáng nét đặc trưng cho cốt cách, tâm hồn Việt Nam, lại không thể xếp ngang hàng một cây bút chuyên cổ vũ cho lòng trung quân ái quốc? Cho nên, nếu đẩy tới một cấp độ cao hơn, cấp độ tính nhân bản của văn học, thì mọi sự phân biệt ở đề tài dường như biến mất. Sẽ không còn chỗ cho thứ lập luận bám vào những lợi ích gần gũi trước mắt để biện minh rằng loại đề tài này là sáng giá hơn loại đề tài nọ, vì cái đích vươn tới xa nhất của văn học giờ đây là con người với vẻ đẹp trần tục của nó, với niềm tin, khát vọng, cái cao quí cũng như cái tầm thường hèn mọn của con người. Văn chương yêu nước hay văn chương đời thường đều không thể lảng tránh mục đích cao sâu này.

Như vậy, *bổ sung cho tiêu chí chủ nghĩa yêu nước bằng tiêu chí chủ nghĩa nhân bản* theo tôi đã trở thành một nguyên tắc khoa học trong phân loại văn học sử Việt Nam. Một nền văn học đậm nét nhân bản sẽ nổi bật lên, xóa đi được những sự ngăn cách giả tạo, những mặc cảm không cần thiết giữa những nhà văn "hạng nhất", "hạng hai", "chiếu nhất", "chiếu nhì" vân vân... Diện mạo văn học dân tộc cũng sẽ hiện ra phong phú, đa dạng và sinh sắc hơn nhiều. Và người ta không còn đối xử với văn học, một môi trường đặc thù, theo cái cách đối xử của những con người phải đối mặt với nhau trong

chiến trận, hay trong dòng thác của cách mạng. Người ta sẽ không vứt bỏ đi *Cứu Đài Tập* của Nguyễn Húc, chỉ vì ông "trót" có những bài thơ tình rất hay ở thế kỷ XV, như trong một công trình nghiên cứu dăm ba năm trước đây. Trái lại Nguyễn Húc có thể có cùng một đại lượng giá trị với Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi. Người ta cũng sẽ không đem Phạm Quỳnh ra mà chỉ truy kích, truy kích cho đến cả câu nói không quá đáng của ông: "*Truyện Kiều còn tiếng nước ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn*". Một bộ văn học sử cận đại trong đổi mới hôm nay hẳn có đủ cơ sở lý luận để đặt Phạm Quỳnh vào lớp nhà văn khởi đầu, người đưa văn hóa châu Âu soi vào văn hóa dân tộc, một nhà văn nhận ra đặc trưng cốt yếu của văn chương là nghệ thuật ngôn từ.

Để kiểm điển lại các quan điểm sử học và văn học sử của ba bốn mươi năm qua có lẽ còn phải làm nhiều. Còn cần phải phân tích tỉ mỉ những cuốn sách cụ thể như cuốn *Lịch Sử Văn Học Việt Nam Tập I* của Ủy Ban KHXH, mà dù có trân trọng đến đâu ta cũng không thể không trăn trở trước hiện trạng lạ lùng của nó: sách là sách văn học sử mà hình thức kết cấu lại mang tính chất một sự góp mặt của đại gia đình các dân tộc Việt Nam; sách viết về văn học sử Việt Nam mà phần tinh hoa nhất là văn học viết lại bị cắt xén, đẽo gọt phản ảnh một thái độ coi thường. Cái "tôi" của nhà văn bị coi là điều cấm kỵ, trái lại quan điểm dung tục về "tính quần chúng" thì hầu như được trình bày công khai trong các chương viết về văn học dân gian, về văn học dân gian các dân tộc thiểu số... Các phẩm chất ưu việt của loại văn học này vì thế cũng không còn được nêu rõ.

Cuộc đổi mới trong quan điểm phương pháp luận lịch sử văn học phải bắt đầu từ việc đối thoại với những quan điểm có tính chất nền tảng như thế. Nói đến văn học là nói đến lãnh vực của cái "tôi", nói đến những nhà văn không phải trước hết là nói đến lập trường tư tưởng mà phải nói đến những tâm hồn lớn, những phong cách lớn, những bậc thầy về nghệ thuật ngôn từ, những nhà thẩm mỹ tối cao trong sáng tạo ngôn từ. Sự có mặt của họ, chỉ có họ thôi mới làm cho diện mạo đời sống tinh thần của một thời đại có thêm những nét mới mà thời đại khác không có.

NGUYỄN HUỆ CHI
(Trong nước)

---

(1) Nxb Khoa Học Xã Hội. Hà Nội 1973.

(2) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.* Nxb Khoa Học Xạ Hội. Hà Nội 1970. Trang 63

(3) Tựa *Việt Nam Thế Chí*. Chúng tôi tạm dịch.

(4) *Về Văn Học Và Nghệ Thuật.* Nxb Sự Thật. Hà Nội 1956. Tr. 99

(5) *Mấy nhận xét về quyển "Lược Thảo Lịch Sử Văn Học Việt Nam" của nhóm Lê Quý Đôn.* Văn Sử Địa số 30 (7.1957)

(6)(7) Lời nói đầu "*Lịch Sử Văn Học Việt Nam Sơ Giản*". Nxb Sử Học. Hà Nội, 1961, tr. 4

(8)(9) *Lịch Sử Văn Học Việt Nam Sơ Giảng*, sdd, tr. 216.

XUÂN QUỲNH

bài thơ viết cho mình và những người con gái khác

I

Các cô gái cùng thời với tôi
Tôi giống các cô và lại khác các cô
Trán tôi dô ra bướng bỉnh hơn, bàn tay thô lại còn vụng nữa
Vụng đến nỗi không chỉ mó tới đâu là đổ vỡ
Mà khi nói chuyện với ai,
tôi thấy tay thừa không biết giấu vào đâu
Như các cô, tôi có một tình yêu rất sâu
Rất dữ dội nhưng không bao giờ yêu được hết
Ở các cô, các cô âm thầm chịu đựng
Cho đến ngày tình yêu ấy tắt đi
Còn ở tôi, tôi mang nó nặng nề
Muốn nguôi quên, nó lại ngày càng lớn
Luôn xáo động, tôi không sao ngủ được
Không làm sao có thể ngồi yên
Con đường vắng, người đi và rừng cây lặng gió
Tôi yêu những dòng sông mùa nước lũ
Sau phá phách ngàn đời vẫn là lượng phù sa
Cơn mưa rào, yêu biết mấy cơn mưa
Qua sấm sét, cỏ cây từng trải
Tôi không thích nhìn ngôi nhà lộng lẫy
Bằng những công trình còn sắt thép ngổn ngang
Những công trình giống như tuổi thanh niên
Chưa hoàn chỉnh nhưng đó là hy vọng
Nếu được đổi nghề tôi sẽ xin đi xây dựng
Không phải ở trong nhà rộng mát này đâu
Với nghề kia tôi luôn được bắt đầu
Mùi vôi vữa bao giờ cũng mới...

*

Nhưng cái chính chúng ta thường chả nói
Mà bọn con gái mình hay nói xấu lẫn nhau
Bọn con trai nghe lỏm đôi câu:
"Cô này lác, cô kia thì cằm lẹm..."
Họ khinh chúng ta và lời cửa miệng
"Chuyện đàn bà"
Họ có biết đâu
Biết bao điều mãi tận thẳm sâu
ta chịu đựng hy sinh vì họ.

II.
Dẫu sao con trai cũng là đáng quý
Mỗi người sinh ra đã hướng sẵn một chân trời
Việc hôm nay họ không để ngày mai
Họ lượng sức, lượng đường "đi phải đến"
Đầu óc họ đã quen tính toán
Mỗi khoản trong đời đều xếp thành ngăn:
Ngăn làm thơ, ngăn đánh giặc, gia đình
Tình yêu nữa cũng trong ngăn của họ
Ôi con trai thật là kỳ lạ
Tôi yêu tất cả mọi người mà chẳng yêu được riêng ai!
Không sĩ diện đâu, nếu tôi yêu được một người
Tôi sẽ yêu anh ta hơn anh ta yêu tôi nhiều lắm
Tôi yêu anh dẫu ngàn lần cay đắng...

*

Con gái chúng mình mang tiếng nhỏ nhen chật hẹp
Nhưng hơn bọn con trai cái đức biết hy sinh
Ta yêu người con trai không phải vì mình
mà họ yêu ta vì họ yêu chính họ
Được yêu hai lần, họ cao lên một bậc
Ta không được yêu cảm thấy thấp dần đi
Vì chính ta cũng chẳng yêu ta.

*

Chúng ta cam lòng với việc tần tảo nuôi con việc đồng ruộng
hậu phương là việc phụ
Con trai cho rằng ra mặt trận, làm thơ... là việc chính của đời kia
Nhưng họ đâu biết rằng nếu không có chúng ta
thì họ cũng chẳng đánh giặc làm thơ

Không có chúng ta, họ chỉ sống với nhau thôi
họ sẽ trở thành ngu ngốc.

III

Và cả anh, anh yêu của riêng em
Khi anh nói "yêu em", trái tim em đập chừng mạnh quá
mạnh đến nỗi em tưởng là nghe rõ
Tiếng tim anh đang đập vì em
Em yêu anh, yêu anh như điên
Em viết những bài thơ tình yêu tưởng anh là ý, tứ
Trán em bớt nhô ra, bàn tay không vụng nữa
Tay này đây, em may áo cho anh
Bàn sẽ cắm hoa tường sẽ treo tranh
Em sẽ làm theo những điều anh mơ ước
Và khi nào anh buồn, em sẽ hát
Bài hát tình yêu ca ngợi con trai
Không chỉ anh nghe, hát cho cả mọi người
Để họ biết thế nào là hạnh phúc
Em yêu từ sự thông minh hóm hỉnh
Đến thói thường hay cáu gắt của anh
Nếu đời anh đã xếp thành ngăn
Em sẽ đảo tung những lề thói cũ
Điều đơn giản anh hiểu ra tất cả
Rằng tình yêu không thể tách rời
Khi ấy em là cơ thể anh rồi
Nếu cắt đi anh sẽ ngàn lần đau đớn.

*

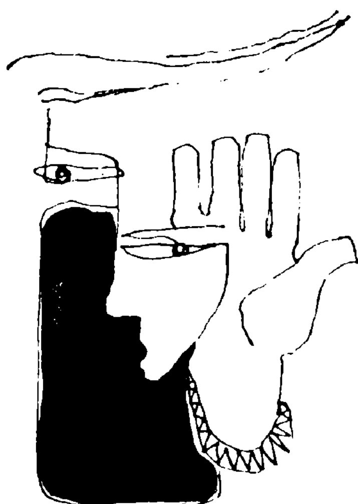
Nhưng mà anh thì vẫn là anh
Anh không thể vượt qua bọn con trai ấy nữa
Anh tính nỗi đau, niềm vui bằng tháng, bằng tuần lễ
Nhưng với em, em hiến cả một đời
Anh tiếc thời gian chúng ta đã qua rồi
Em, em biết không gì mất được
Bài thơ nói bằng trái tim anh lại viết bằng bộ óc
Đọc bài thơ yêu em thấy sự chia xa
Và bỗng nhiên em lại bơ vơ
Tay vẫn vụng, trán vẫn dô ra như trước
Biết bao giờ em trở nên tốt được
Vì khi già tay còn vụng về hơn

XUÂN QUỲNH
(Trong nước. Đã mất)



THI ÊM

cái tôi tự thức



Đã nhiều năm nay, một khuynh hướng tiêu dùng được ghi nhận ở các nước tư bản, từ phát triển đến kém mở mang: mặc cho kinh tế suy thoái, mặc cho thu nhập bình quân sút giảm, những mặt hàng mỹ phẩm của nữ lẫn nam, vật dụng tiện nghi gia đình và trang trí trong nhà vẫn ngày càng đắt khách. Khuynh hướng tiêu dùng được giới mạc-két-ting gọi là trào lưu cá nhân quay về với chính nó để săn sóc cái "self" và tổ ấm gia đình - "cocooning" - riêng tư: khi xã hội đang sống đầy bất trắc thì tâm lý con người là chăm lo đầu tiên cho chính nó và những gì thân thương gần gũi với nó. Và vì vẫn chưa có dấu hiệu gì rõ ràng là nhịp độ tăng trưởng kinh tế sẽ sớm được phục hồi chắc chắn nên tâm lý "self" và "cocooning" còn nuôi dưỡng dài lâu nhu cầu tiêu thụ nói trên. Các nhà sản xuất và kinh doanh các mặt hàng ấy yên tâm hoan hỉ: trong cái rủi có cái may! Đùng một cái, lại thêm nhiều cái may khác: hệ thống chính trị Liên Sô và Đông Âu sụp đổ, thị trường mở toang hoang. Trung Quốc và Việt Nam dù không sụp nhưng do "đổi mới kinh tế" nên thị trường cũng được cởi ra, hấp dẫn không kém. Ở các nơi ấy, dù sức mua không cao nhưng những đòi hỏi hàng đầu vẫn là mỹ phẩm, đồ tiện dụng gia đình, vật dụng tân trang và bày biện nhà cửa. Dưới mắt các nhà nghiên cứu thị trường, vẫn là một hình thái của trào lưu "self" và "cocooning" nhưng lần này tâm lý ấy được giải thích như sau: sau thời gian dài sống trong chế độ tập thể, con người phải tự quên mình và gia đình mình, nay được tháo cũi sổ lồng hoặc ít ra là bớt được phần nào kềm kẹp, việc đầu tiên của con người là tìm về với cá nhân nó và lo cho nơi ăn chốn ở của nó.

Và vì thiếu thốn quá nhiều nên nhu cầu trên còn lâu mới đạt tới điểm bão hòa. Giới nghiệp vụ và doanh thương các mặt hàng đó lại thêm hoan hỉ yên tâm. Chỉ lo làm sao cho phù hợp với thị hiếu, túi tiền của người mua, và... cạnh tranh lẫn nhau!

Song nhìn rộng ra thì những lý lẽ trên, thoát thai từ giới mạc-két-ting, không bao quát được trọn vẹn nguồn gốc hình thành của trào lưu "self" và "cocooning". Vì những biểu hiện trong nhu cầu tiêu dùng chỉ là mặt nổi dễ thấy nhất của cả một khuynh hướng chung về những đòi hỏi hiện nay của con người trên nhiều lãnh vực, đang quay trở về tìm lại chính nó và chỗ đứng của nó trong ngoại giới bao quanh. Quả thế: triết học xốn xang với những tranh luận về "con người chủ thể và bản sắc của nó", chính trị xung phong cất cao ngọn cờ "nhân tố con người", luật học lại sôi nổi chung quanh "quyền con người", xã hội học chăm chú tìm hiểu về "tác nhân cá thể và con người nghiệm sinh", ở văn học và nghệ thuật nói chung thì tính chất "lãnh mạn mới" lại nở rộ với những gào gọi nhân tình và chất vấn nhân tâm... Tóm lại, ở rất nhiều lãnh vực, khái niệm con người chiếm vị thế hàng đầu. Nói chính xác hơn, "cái tôi" của con người được đưa lên thành trung tâm điểm. Làm như thể trước nay nó chỉ là một thành tố không đáng kể, một đơn vị tính toán cần phải phủ định hoặc ít ra cần được che đậy!

Giống như trong thơ tỏ tình và điếu văn, khi người gọi người thống thiết nhất là lúc người chưa có được người hoặc đã mất người. Thời đại ngày nay, con người da diết tìm về cái "self" và gầy dựng cái "cocooning" của nó trên nhiều lãnh vực phải chăng vì nó nhận ra rằng nó đã đánh mất "cái tôi" của chính nó? Vậy "cái tôi" là cái gì và cớ chi mà nó bị đánh mất? Hẳn phải rằng vì trước nay bị dằng kéo một đằng bởi "Ánh sáng văn minh" - cội nguồn của hệ tư tưởng tư sản - và một đằng bởi "Nỗi đau phổ biến" - khởi nguyên của ý thức hệ Cộng Sản - "cái tôi" của con người, xuất hiện từ khi nó không còn qùy gối trước thần quyền, cuối cùng sủi tăm mất dấu: bên nọ, nó bị hòa tan vào "kỹ thuật" và "thị trường", bên kia, nó tan biến vào "giai cấp" và "lịch sử"? Và hẳn vì "cái tôi" mất tích nên những quan hệ giữa "tôi với tôi", giữa "tôi với người", giữa "tôi với đời" đã biến thành một mớ rối bòng bong trong nhận thức và trong hành xử?! Và cũng hẳn vì con người đã đánh mất "cái tôi" nên những tương quan giữa con người và quyền lực, giữa xã hội và nhà nước - với những hệ luận là các mối tương quan giữa kinh tế, chính trị, văn hóa - đã làm tốn hao không biết bao nhiêu giấy mực, kể cả nước mắt và máu?!

*

Bài viết này không có tham vọng luận tuyết rốt ráo. Nó chỉ là một tập hợp của vài suy nghĩ tản mạn mà chủ đích là khơi dậy một số vấn đề nằm trong bối cảnh chung của những câu hỏi vừa nêu trên, như những giả thuyết cần được kiểm nghiệm. Trình độ của nó có thể là chỉ phát hoạ một lối mòn nhỏ.

Song, nói như Văn Cao, "nếu không có đường mòn, ai biết mà tìm nhau?". Và biết đâu chừng, khi những lối mòn nhỏ tìm nhau, "rừng (sẽ) mở ra vạn lối"! Tham vọng tuy nhỏ mà lớn. Nghĩ cho cùng, chẳng có tham vọng nào nhỏ. Mọi tham vọng đáng để tham vọng đều lớn. So với mỗi đời người!

1. TỪ THÂN PHẬN CON NGƯỜI ĐẾN "CÁI TÔI LỊCH SỬ".

Từ giữa thế kỷ thứ 15 đến cuối thế kỷ 18, ở Tây Âu, là thời đại đắc thắng của tư tưởng duy lý. Với những khám phá mới của khoa học, nhất là của các ngành toán, vật lý và thiên văn, con người tin rằng nó sẽ nắm bắt được mọi qui luật của vũ trụ để từ đó làm chủ thiên nhiên, làm chủ luôn cả xã hội lẫn vận mệnh cuộc đời. Nó bắt đầu ngạo nghễ tự khẳng định như một chủ thể không cần ai khác ngoài lý trí của nó, kể cả đấng siêu nhiên tối cao. "Tôi không cần đến giả thuyết về Thượng Đế trong công trình khoa học của tôi", Laplace ngang nhiên tuyên bố. Thần thánh, dưới cái nhìn của kỷ nguyên Ánh Sáng, chỉ là sản phẩm của nhân loại thời còn ngây ngô: trước khi con người khởi sự táy máy cái trí não non nớt của nó, khí thiêng của tạo vật không cần có mặt. Thần linh chỉ xuất hiện khi con người cần tìm ra giải đáp cho những thắc mắc của nó về những cái lý an bài trong thiên nhiên: trời và đất, đêm và ngày, vạn vật và thinh không, sống và chết... Nói cách khác, các thế lực siêu nhiên do chính tư tưởng thần bí của con người tạo ra để lý giải trước hết những quan hệ giữa người và thiên nhiên và tiếp đó là những quan hệ giữa người và người: gán cho vô hình một sức mạnh siêu hình, trao cho vô hình toàn quyền sáng chế và lấy thần quyền chỉ đạo thế quyền để cuối cùng bắt con người cúi gục trước nó là kết quả của chặng đường đầu tiên mông muội trong sự động não của nhân loại. Thời vô minh đó đã qua bởi ánh sáng của trí tuệ con người từ đấy rạng chiếu tương lai: vô hình rồi cũng sẽ được nắm bắt như hữu hình bởi mọi bí ẩn của tạo hóa sẽ dần dần bị văn minh khoa học phanh phui.

Thượng Đế mất thiêng, con người bắt đầu phá vỡ những khuôn sáo của các tín điều xưa cũ để sắp xếp lại lịch sử, môi trường xã hội và đời sống của nó: khái niệm nhân quyền dần dần thành hình, dựa trên cơ sở của chủ nghĩa nhân văn thời Phục Hưng (thế kỷ 16), và tìm cách khẳng định những vị thế mới cho con người trong một quá trình đấu tranh dài, từ cuộc cách mạng của Anh năm 1688 đến cách mạng 1789 của Pháp. Miền đất hứa của con người, từ đó, không chỉ là thiên đàng, nghĩa là ở bên kia cuộc sống hay đằng sau cõi chết, mà là nằm ở hạ giới, nghĩa là trong cuộc đời. Trọng tâm của vấn đề, từ "Léviathan" của Hobbes đến những "Tiểu luận về chính quyền" của Locke, từ "Khế ước xã hội" của Rousseau đến "Luận đề siêu hình về tập tục" của Kant, là làm thế nào vạch ra được trật tự của những qui trình cấu tạo, tổ chức và vận hành để đến được đấy.

Nhưng con người rồi cũng chẳng nhảy xa hơn cái bóng của nó. Nó vẫn

không thoát khỏi cố tật luôn luôn muốn dựa vào cái gì mà nó nghĩ là cao hơn nó để vượt lên trên thân phận của nó. Trước đó, nó nhân danh Thượng Đế Tối Cao, bây giờ nó lại đòi Lý Trí Khai Sáng: khi con người không còn dựa hẳn vào thần quyền để lý giải những tương quan giữa người và người thì chủ nghĩa duy lý được đưa lên để chiếm lấy chỗ bỏ trống của Thượng Đế, biến thành một siêu lực mới biện minh cho hành vi xã hội, kể cả những cưỡng chế giáo điều. Nói khác đi, khi uy quyền của Thượng Đế bị ánh sáng của tư duy khoa học đẩy lùi thì con người lại thần thánh hóa quyền lực của lý trí và tôn xưng nó như một vị cứu tinh mới. Có thể rằng vì, nói như Nietzche trong "Zarathoustra", đối với con người "cái chủ yếu mà nó tìm kiếm không phải là sự thật mà chính là cái gì giúp cho nó sống an tâm". Do đó mà kể từ thế kỷ Ánh Sáng, những biến đổi trong các thể chế xã hội, những oan khốc của giai đoạn tích lũy tư bản đầu tiên, kể luôn cả những bành trướng của chế độ thực dân thuộc địa sau này, đều được biện giải, trực tiếp hay gián tiếp, như những chặng đau khổ mà nhân loại phải trải qua trên con đường khai phóng tư duy, phổ cập tiến bộ kỹ thuật, tiến đến kỷ nguyên Văn Minh. Những tiêu ngữ về nhân quyền và dân quyền viết chưa ráo mực đã bị chà đạp dày xéo ư? Thì đấy cũng chỉ là những cái giá tạm thời bắt buộc phải trả trên quá trình tiến hóa từ thú thành người, từ rợ đến hiện đại, một quá trình sàng lọc của tồn sinh mà ở đấy mạnh được yếu thua!

Một trật tự mới ra đời. Khắc khe chẳng kém qui chế của thần linh. "Tất cả đến từ ngẫu nhiên và tất yếu", Démocrite đã viết như thế từ thời cổ đại. Sự ngẫu nhiên mang đến cho đời sống những bất ngờ, mở ra cho con người một số tự do lựa chọn. Song đồng thời, tính tất yếu của vận hành sự vật buộc con người vào những hạn chế của cõi nhân sinh. Thân phận nhân gian nằm ở chữ "và", gọn mà sâu. Ở thời Duy Lý thì tất cả lại trở thành tất yếu: khi mọi thứ sẽ được khám phá và tính toán bằng những công thức khoa học thì không còn gì để gọi là ngẫu nhiên. Mà vũ trụ hết cả những ngẫu nhiên - như vụ trụ của Newton và Laplace - thì cùng lúc con người cũng bị tước đoạt tự do và lựa chọn, sáng tạo và hoài bão, nghĩa là mất luôn cả tính chủ thể của nó để chỉ còn hiện hữu như hệ quả của một dây chuyền quyết định luận máy móc. Ở đó, không còn chỗ cho ngây thơ và mơ mộng, cũng chẳng còn chỗ cho con người cá thể và riêng tư: tất cả đều phụ thuộc lẫn nhau, đều là công cụ của nhau trong những tương quan ràng buộc tất yếu đầy tính qui luật.

Rốt cuộc, con người, mới ngày nào còn kiêu ngạo ngẩng cao đầu như một chủ thể độc lập khẳng định "cái tôi" của nó trước Thượng Đế, nay lại xuôi tay qui hàng một định mệnh mới, an bài bởi một Thực Thể Thuần Lý vạn năng lạnh lùng và kiêu căng, hăm hở ý đồ toàn trị chỉ chực gói gọn tất cả vào những công thức, định luật khách quan và đại đồng, vô tâm và vô ngã. Nghiệm cho cùng, hệ tư tưởng khởi sinh từ thế kỷ Ánh Sáng là một hệ tư tưởng thần thoại được thế tục hóa mà ở đó Lý Trí đóng vai trò của Thượng Đế và Văn Minh Hiện Đại - Vương Quốc của Khai Sáng - thế chỗ cho Đất

Hứa Thiên Đường!

Do đó mà suốt thế kỷ 19 sang cả đến đầu thế kỷ 20, song song với sự phổ biến của tư tưởng duy lý trong các ngành khoa học tự nhiên và nhân văn là sự lớn mạnh của trào lưu lãng mạn trong văn học nghệ thuật. Từ cái sầu đau nhân thế của Goethe đến những nhân gian đầy ngang trái của Hugo, của Stendhal hay của George Sand; từ cái hoảng kinh thầm lắng Giacomo Leopardi đến những ảo giác huyễn loạn của Baudelaire; từ cõi hoang đường nhạt nhòa ánh sáng trong thủy thái họa của Blake đến cái trơ trọi bất tận trong thế giới sơn dầu của Friedrich; từ những tiết tấu vang vọng của Berlioz đến những gào gọi ngút ngàn của Wagner, trào lưu lãng mạn mở ra một vũ trụ mà nơi đó mỗi con người đều muốn siêu thăng thành Thượng Đế, mỗi hành tinh khi nổ ra đều muốn nuốt trọn cả thiên hà: ở đó, con người tìm được cái cảm quan về một chủ thể tự do mà nhân sinh thuần lý đã tước đoạt! Trào lưu ấy đã kéo dài cả trăm năm, gồm nhiều trường phái và lan rộng khắp Tây Âu, nói lên tính chất phổ biến của nhận thức mới của con người về chính nó: đó là quyền được khẳng định cá tính, nhân cách tiểu dị và những rung động tế vi của nó. Nói cách khác, đó là quyền của "cái tôi cá thể".

Nhưng rồi "cái tôi" tìm được của con người lãng mạn - trong sự chối từ cái thực tại và lý trí khách quan để quay về với nội tâm và thăng hoa trực cảm chủ quan - rốt cuộc vẫn lại là một chủ thể hư ảo và hoang tàn. Trở về từ "Một mùa ở địa ngục", Rimbaud - hình ảnh tiêu biểu cho nhiều thế hệ lãng mạn - vẫn là kẻ lưu đày ôm "cái tôi" đơn chiếc lang thang và câm lặng trong chốn nhân gian đầy nghiệt ngã. Nhánh hồng trong đời thật vẫn khác cành hồng trong tâm tưởng: nó luôn luôn đầy gai nhọn!

Sau này, Borger, trong "Tạp luận về những hiện hữu hoang đường" (Le livre des êtres imaginaires), tưởng tượng cảnh Shakespeare tâm sự với Thượng Đế: "Tôi đã nhập thân vào biết bao nhiêu nhân vật trong các kịch bản của tôi. Cuối cùng tôi vẫn chỉ ước ao viết về một nhân vật duy nhất. Nhân vật ấy chính là tôi thực sự". Thượng Đế trả lời: "Ta cũng thế. Ta vẫn chưa hiện hữu thật là Ta. Ta đã mở một vũ trụ bất tận và Ta đã cấu thành nó, nó cũng như ngươi đã mở những tác phẩm của ngươi và ngươi đã sáng tạo. Rốt cuộc, từ mơ đến thực, ngươi đã phải phân thân trong nhiều vai tuồng cũng như Ta đã tan tác trong vạn cõi thinh không vô cùng"! Có thể dùng đoản khúc ấy ở đây như một hình ảnh thâm trầm và gọn nhất để nói về "cái tôi chủ thể" ở Tây Âu từ cuối thế kỷ 17 đến cuối thế kỷ 19: phân thân để rồi tan tác! Quả thế, khởi đầu nó dựa vào sự khai phóng của trí tuệ để đẩy lùi thống trị của thần quyền, tiếp đó nó dựa vào thế giới nội tâm để chống lại độc đoán của lý trí, và sau cùng bị dằn kéo bởi ba kích thước - Lý Trí Tâm Hồn và Lòng Tin - có những nội dung đối nghịch nhau, "cái tôi" của nó lạc loài, vỡ vụn. Sang đến thế kỷ 20, nó còn phải chịu nhiều tan tác hơn thế nữa để rồi cuối cùng là mất biệt. Song hãy tạm dừng ở đây chuyện xứ người để bàn chuyện Việt Nam.

Từ 1932 đến 1945, trong vòng thời gian chỉ vừa hơn một con giáp, thơ văn

Việt Nam dồn dập bao nhiêu là trào lưu và trường phái, từ lãng mạn đến siêu thực ngang qua tượng trưng, từ tả chân tự nhiên đến hiện thực phê phán ngang qua trào phúng chua cay. Đó chính là thời gian mà "cái tôi" xuất hiện, mãnh liệt tự khẳng định, mãnh liệt phân hóa và mãnh liệt vong thân! Trước đó, khái niệm "cái tôi" - biểu trưng cho ý thức của con người về chính nó như một hữu thể cá nhân - không có trong xã hội và nhân sinh quan Việt Nam: từ Phật, Đạo, Nho của thời Lý Trần (thế kỷ 11-14) đến Nho, Phật, Đạo của thời Lê Nguyễn (thế kỷ 15-19), con người, nếu không bị ràng buộc vào những lễ nghi cộng đồng "chính danh định phận, tam cương ngũ thường" của Khổng Giáo thì cũng chỉ là "giả tướng" trong "giới, định, tuệ" của Phật pháp hoặc là "hư vọng" trong quan niệm "vô kỷ, vô đãi, vô tranh" của Lão Trang. Sang đến hai thập niên đầu thế kỷ 20, khi hệ tư tưởng hổn dung Nho, Đạo, Thích chỉ còn giống như cành nguyệt quế khô cằn mà César đội lên đầu để che cái trán hói của anh kiếm sĩ về già, thì tiếng than của hai nhà nho tân học Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh minh chứng rằng những luận đề của Montesquieu, của Rousseau về nhân quyền và dân quyền cũng như những khẩu hiệu "Tự Do, Công Bằng, Huynh Đệ" của Ánh Sáng Cách Mạng Pháp chỉ có thể được áp dụng ở mẫu quốc chứ không bao giờ ở thuộc địa.

Bối cảnh lịch sử đó giải thích vì sao nếu sự xuất hiện của con người lãng mạn Tây Âu là tiếng hát cáo tri về chiều hướng đi xuống của một thời kỳ duy lý cực độ thì, trái lại, sự ra đời của con người lãng mạn ở Việt Nam lại là bản nhạc dạo đầu mở màn cho một thời đại thuần lý cực đoan: Ý thức về thân phận cá nhân cộng với nhận thức về thân phận của tập thể là động lực thúc đẩy sự xả thân cuồng nhiệt vào một lý tưởng nhằm xây dựng một cái chung mới mà ở đó con người tưởng rằng mỗi cái riêng đều được toại nguyện. Nếu mãi sau này, ở trời Tây, một Eluard từng siêu thực đến thế mà còn ca ngợi chuyện "từ chân trời của một người đến chân trời của tất cả'; một Neruda lãng tử đến dường kia mà còn hỏi: "Thơ để làm gì khi nó chỉ biết nói về màn sương muối? Thơ để làm gì khi trái tim người mang vết dao đâm tím bầm cái chết?" (trong Ode à Federico Garcia Lorca); một Sartre hiện sinh đến bậc thầy mà còn bảo: "học thuyết Mácxít là một chân trời của thời đại không thể vượt", thì ở Việt Nam vào những năm 30 chẳng có gì là lạ khi không ít người mới ngày nào còn thèm khẳng định "ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất" (Xuân Diệu "Hy Mã Lạp Sơn") bấy giờ lại ngẩng cao đầu mà hát "tôi buộc lòng tôi với mọi người" (Tố Hữu "Từ Ấy")! Khi đất nước trĩu nặng ách thực dân còn viễn tượng nào cao cả hơn con đường đấu tranh giải phóng và kiến tạo một tương lai mà ở đấy "mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người"? Vả lại, vào thời điểm mà ở Việt Nam "Khế ước xã hội" của Rousseau đã gieo mầm rằng "con người chỉ thành thực sự con người khi nó thật đóng trọn vẹn vai trò công dân" thì chủ nghĩa Mácxít đúng là đã mang đến một động lực mới chứa chan hy vọng giải thoát con người ra khỏi xiềng xích của chế độ thuộc địa để nó được hoàn thành chức năng cao cả nhất của nó: công dân

của một đất nước độc lập mà ở đó mỗi người rồi sẽ "làm theo năng lực và được phân phối theo nhu cầu"!

Nhưng, nằm trong quĩ đạo của kỷ nguyên Ánh Sáng, chủ nghĩa Mácxít vẫn không vượt thoát ra được trọng trường khuyết tật của một hệ tư tưởng duy lý: khởi đi từ một cái nhìn nhân bản, cuối cùng hình ảnh con người trong Mácxít lại cũng bị nuốt chửng bởi ý chí luận về việc xây dựng một địa đàng của "những ngày mai ca hát". Từ Mác thời trẻ dằn vặt bởi sự "tha hóa của con người" đến Mác thời chín muồi chăm chú vào "quan hệ sản xuất", hình ảnh con người trong Mácxít đã quá đà khởi đi từ ý niệm về "chủ thể khát vọng của tự do" để biến thành "tác nhân của lịch sử" mà trong đó nó không còn được nhận như một hữu thể cá nhân mà chỉ được nhìn chủ yếu thông qua lăng kính của "những qui luật về tiến bộ xã hội", của "lực lượng sản xuất", của "đấu tranh giai cấp và ý thức hệ"! Nói cách khác, số phận bản thân con người bị thâu tóm vào trong tiến trình lịch sử của nhân loại mà ở đó con người chỉ trở thành chính nó với sự giác ngộ về một sứ mệnh có tính sử thi của nó: nó chỉ thật sự được giải phóng khi nào lực lượng sản xuất tiến bộ được giải phóng, bằng không, mọi nhận thức của nó về nó như một hiện hữu tự tại đều chỉ là biểu hiện gian trá của một ý thức hệ tư sản thống trị. Giữa tất yếu và tự do, lịch sử vừa là chiếc cầu nối vừa là ánh sáng dẫn đường. Rốt cuộc, con người chỉ là cái bàn đạp để từ đó sử quan Cộng Sản vươn lên biến thành hiện thực!

Du nhập vào Việt Nam trong cái vỏ bọc Khổng Mạnh "trung hiếu tiết nghĩa" và thông qua cách tiếp cận về mô hình "đấu tranh giai cấp và tổ chức cách mạng" của Lê Nin, hình ảnh cá nhân con người, dưới cái nhìn của Cộng Sản Việt Nam, còn bị hòa tan hơn nữa trong những gò bó của tập thể, lễ nghi của cộng đồng, vòng trói của cơ chế và của guồng máy. Sang đến thời Stalinehóa và Mao-hóa, với những đợt "chỉnh quân, chỉnh huấn, chỉnh đảng" thì con người hoàn toàn mất tiêu dưới sức đè của "chuyên chính", của "tính đảng" và "tính giai cấp". Hơn thế nữa, ở một xã hội nông thôn còn nặng đầu óc tín ngưỡng thần thoại của một vũ trụ quan mà ở đó con người muốn được an lành, phải cầu xin sự độ trì của thần của thánh, thậm chí sự che chở và xá tội của ma của quỷ, thì chủ nghĩa Cộng Sản Việt Nam lại bị "bần nông hóa" để biến thành những tín điều huyền diệu của một tôn giáo mới. Trong chiều hướng đó, có thể nói rằng Mácxít phổ cập ở Việt Nam là một hệ tư tưởng thế tục được thần thoại hóa mà ở đó "đảng tiên phong" đã đóng thay vai trò của Đấng Sáng Thế và "lãnh đạo các cấp" đã từng là một hệ thần linh đa tạp tự cho mình cái quyền phán xét con người một cách vô tội vạ!

Song cũng chính nhờ những niềm tin sắt đá như thế mà những kỷ luật thép của tổ chức cách mạng Cộng Sản Việt Nam đã thành công trong việc thống nhất đất nước, những tưởng là mở ra một kỷ nguyên mới con người đoàn viên lại với con người. Nào ngờ, cũng chính cái thành công rự rỡ đó đã củng cố và khuếch trương thêm lòng "tự hào thần thánh" của Cộng Sản Việt Nam hãnh

tiến trị vì trên "lương tâm của nhân loại", trên "đỉnh cao trí tuệ" của loài người, trên đầu sóng ngọn gió của "ba dòng thác cách mạng". Trong cái nhìn đầy tính thần thoại và tín ngưỡng mê say đó, "cái tôi" của con người cuối cùng không hơn ngọn cỏ dật dờ nát bét dưới vết xe lăn của lịch sử!

Edgar Morin, trong "Le vif du sujet" đã thổ lộ một tâm sự oan trái, não nề mà sâu sắc, khi ông nhìn lại khoảng thời gian 1940-1945, lúc ông hoạt động trong đảng Cộng Sản Pháp và tham gia vào cuộc kháng chiến chống Đức Quốc xã: "L'occupation a été ma libération, la libération a été mon effondrement" (Sự chiếm đóng đối với bản thân tôi là một giải phóng, sự giải phóng đối với tôi lại là một sụp đổ): dưới ách thống trị của ngoại bang, chủ nghĩa Mácxít đã mang đến cho con người ngọn lửa của niềm tin về sự giải phóng của chính cá nhân nó trong tương lai, song đến ngày đất nước độc lập thì việc ứng dụng một chủ nghĩa Cộng Sản kinh viện hóa lại chỉ gây ra đổ vỡ cho con người, làm cho nó ngày càng lạ mặt với chính nó! Ở Việt Nam, có biết bao nhiêu con người ngậm đắng nuốt cay với cái tâm sự muôn vạn não nề hơn thế nữa?!

2. TỪ "QUI LUẬT THỊ TRƯỜNG" ĐẾN "CÁI TÔI KỲ DIỆU".

Thập niên 70, khởi từ những biến động giá cả dầu lửa, kinh tế Âu Châu rơi vào một chu kỳ dài khủng hoảng cấu trúc toàn diện. Niềm tin vào sự tăng trưởng không ngừng của "30 năm huy hoàng" 45-73 tan vỡ. "Nhà nước bảo trợ" (Welfare State), với những chính sách phân phối thu nhập xã hội nhằm tạo một thế cân bằng tương đối hầu bảo đảm sự tái tạo của chính thể tư sản, bắt đầu hụt hơi. Thập niên 80, chính sách kinh tế "tân tự do" trở thành khuynh hướng thống lĩnh: Nhà nước thu lại càng nhỏ càng tốt, thị trường phình ra càng rộng càng hay. Nguyên tắc tư lợi và cạnh tranh chiếm ngự xã hội và thị trường. Cuối thập niên 80, hệ thống Xã Hội Chủ Nghĩa Đông Âu và Liên Sô, với một nhà nước bao cấp đuối sức và một xã hội phong tỏa què quặt, thoáng chốc tan rã. Tượng đài Mác Lê Nin bị hạ bệ. Từng đoàn chuyên gia lũ lượt xuất ngoại tìm hiểu cấp tốc kinh tế thị trường để "hòa nhập". Ở vài nước "cựu cách mạng" khác, như Trung Hoa và Việt Nam, "đổi mới kinh tế" cũng là chuyện sống còn. Kinh điển cũ được thay bằng thần chú mới: business first!" "Hãy làm giàu nhanh lên" là tiếng trống trận vang trời!

Trong chiều hướng đó, "Thế Giới Tự Do" biến thành "Vương Quốc Của Mặc Kệ Nó" (Laisser faire) và "Tất Yếu Lịch Sử" nhường ngôi cho "Qui Luật Thị Trường". Rốt cuộc, chẳng có gì mới dưới ánh mặt trời, từ Adam Smith quay một vòng đến Keynes, Schumpeter và Rawls để cuối cùng là trở về với Smith: "Nhân chi sơ bổn tính" vẫn thích lợi! Muốn phục hồi kinh tế và ổn định xã hội không gì hơn là cứ mang lợi riêng ra mà nhử! Từ Pythagore đánh một vòng đến Marx ngang qua Descartes, Hégel để trở về với Pythagore: khởi đầu của vũ trụ và của nhân loại là một ý niệm về những con

số. Song ngày nay con người hiện đại hơn, văn minh hơn: những con số ấy được tính dựa vào tỷ giá đô la! "Đầu tiên là tiền đâu"! Bình thản mà nói cho văn vẻ: mỗi con người là một tự do lựa chọn, hãy cứ để nó tha hồ tính toán chạy đuổi theo quyền lợi riêng tư của nó, bởi vì điều đó cuối cùng sẽ phục vụ chung cho quyền lợi tập thể: tất cả sẽ tự điều chỉnh theo luật cung cầu!

Nhưng nếu môi trường cộng đồng là một guồng máy khổng lồ có khả năng tự điều chỉnh theo luật cung cầu thì tự do của con người cuối cùng chỉ là ảo tưởng! Nghịch lý của hệ tư tưởng thống lĩnh hiện nay chính là nằm ở đó: không thể nào cùng lúc vinh danh tự do của con người và tấn phong "qui luật thị trường"! Câu tuyên bố "để đời" của chủ hãng Ford đã từng nói lên điều đó: "Khách hàng tùy ý lựa chọn màu sơn của chiếc xe hơi, với điều kiện đó là màu đen". Dĩ nhiên, từ xã hội sản xuất đến xã hội tiêu thụ, con người có nhiều món hàng hơn để lựa chọn. Nhưng điều đó thực chất không có ý nghĩa là tự do của con người được tôn trọng. Nó chỉ chứng minh là kinh tế và xã hội được triển khai theo "qui luật thị trường". Nói cách khác, môi trường sống của con người vận động theo một qui trình có một nội lực riêng mà ở đó con người không phải là tác nhân: nếu thị trường là thượng đế vạn năng và qui luật của nó là phép màu nhiệm sáng thế thì con người không có vai trò chủ thể mà chỉ là đối vật. Khi cơ chế vận hành độc lập với ý chí con người thì tác nhân đã bị tách ra khỏi quá trình. Mọi dự định thống nhất tính tự do của con người với ý hướng vận động của thị trường tư bản là một cố gắng của tư duy con người để tự bịp lấy chính nó: ở nơi chốn đó, tự do của con người không phải là để khai phóng và khải ngộ con người về thân phận của nó mà chỉ là để tái tạo môi trường mà nó đang sống. Tự do của con người biến thành tự do của bầy sói trong rừng già: Khôn sống dại chết, mạnh được yếu thua. Mỗi người vì mình, thị trường vì tất cả!

Rốt cuộc, thị trường, vốn là sản phẩm của hoạt động con người, hình thành từ những quan hệ trao đổi giữa người và người để tồn sinh, lại biến thành một cơ chế thống trị chi phối quan hệ giữa người và người, mở rộng môi trường cho người đè người. Trong qui trình đó, tiền tệ, hình thành từ những định lượng "tiện dụng" về giá trị trao đổi, lại biến thành một thực thể có giá trị tự thân và sức mạnh thần thánh. Trong ngôn ngữ của con người đã xuất hiện một từ vựng mới: "Moneytheism", "đạo thờ tiền"! Giống như quả bóng làm ra để con người vui chơi, nhưng tung qua hứng lại từ chân này đến chân kia của các cầu thủ, đường di chuyển của nó làm như được vận động theo một năng lực riêng, các cầu thủ lại phải chạy theo giành nó đến hụt hơi, và màn giải trí lắm khi biến thành những trận sát phạt kinh hồn. Có thể hình tượng việc kinh tế thị trường được "thế giới hóa" hiện nay như việc mở rộng một trận bóng đá gay cấn ở mức độ toàn cầu. Khác biệt chủ yếu là chỗ này có được một trọng tài giỏi, luật chơi tương đối đàng hoàng, chỗ kia trọng tài lại tồi, muốn giành banh thì cứ tha hồ giở trò "rừng rú của luật giang hồ". Ấy là chưa nói đến những đội trước nay dá quen sân đang hăm hở "xơi

tái" những đội mới tập tễnh vào "nghề"! Cạnh tranh biến thành lẽ sống của nhân loại: khi kinh tế thị trường là con đường tốt nhất (the one best way) thì lựa chọn hợp lý nhất (the rational choice) của con người phải là một lựa chọn phù hợp với vận động của nền kinh tế đó. Đúng là một vòng lẩn quẩn của chuyện con rắn cắn đuôi. Từ Duy Lý của kỷ nguyên Ánh Sáng đến Thuần Lý của thị trường hiện đại, con người vẫn mãi miết đi tìm lấy nó trong những vòng trói do chính nó tạo ra!

Ở thế giới đó, "cái có" (avoir) che mờ "sự có" (être), cái chiếm hữu thủ tiêu cái hiện hữu: khi giàu mạnh là mục đích tự thân thì cái gì "phi kinh tế" đều là "phi lý"! Giá trị của hành vi xã hội được đo bằng mức độ ích lợi của nó: tốt và đúng đồng nghĩa với lợi, xấu và sai đồng nghĩa với bất lợi! Con người được thu gọn vào một kích thước duy nhất: Con Người Kinh Tế - Homo Oeconomicus! Và ích lợi được đo đếm bằng mức độ của lợi nhuận! Tri thức (savoir) do đó cũng trở thành vô bổ so với kỹ năng (savoir faire), và kỹ năng lại ngạo nghễ biến thành phong thái của ngộ thế (savoir être)! Dưới cái nhìn đó, kinh tế tăng trưởng là phòng đợi của thiên nhiên. Thị trường là hành lang dẫn lối. Kỹ năng là thao tác mở đường. Và hạnh phúc thế gian đo bằng sức nặng của hầu bao! Thực dụng: "Có thực mới vực được đạo"! Thì đã đành. Nhưng cũng đừng quên rằng chính vì "vô đạo" mà lắm khi con người tự "thực" luôn cái nhân cách của nó!

Ngoại trừ các bực thánh chân tu và các vị "dở hơi ấm đầu", người bình thường chẳng ai "dại" gì chê bỏ tiện nghi vật chất. Nhưng vấn đề nẩy sinh khi vật chất chiếm lĩnh đời sống, trở thành mục tiêu tối thượng và giải trừ mọi giá trị tinh thần: khi xã hội thiếu ăn, nhân phẩm không chắc còn đủ. Nhưng khi xã hội ngụp lặn trong thừa mứa hay mê man chạy đuổi theo nó như một lý tưởng tột cùng thì nhân văn chưa hẳn đã có dư! Chẳng phải ngẫu nhiên mà những thuyết lý về sự vắng mặt của con người và sự từ nhiệm của nhân tính - từ Sartre cho đến Marcuse - đã xuất hiện đúng trong thời gian mà xã hội Ây Tây vẫn tự hào về những tăng trưởng vật chất: khi siêu thị biến thành nhà văn hóa thì phần xác đã lấp phần hồn, dạ dày đã đè lên trái tim và khối óc! Khi máy móc thay thế quan hệ giữa người và người thì chẳng những "tha nhân là địa ngục" (Satre) mà con người cũng chẳng còn nhận ra nhân dạng của chính nó! Và khi con người cúi đầu thì nó chỉ còn nhìn thấy cái phần hạ thể của nó: giải phóng con người bị đồng hóa với giải phóng xác thân và nhục cảm!

Nói cho rõ: giải phóng thân xác khỏi những trói buộc giả dối và khắc nghiệt của cộng đồng để cá nhân con người được sống thật với những dục vọng rất người của nó tự thân là một cuộc cách mạng nhân văn. Song lầm tưởng rằng con người được giải phóng khi nhục thể của nó được giải phóng là một tư tưởng phản nhân văn: "tứ khoái" của con người đâu có phải là mục đích cuối cùng của cuộc đời nó sống! Nói cách khác, khi thân xác được tự do hành lạc nhưng đầu óc và tư tưởng vẫn nằm trong vòng kiềm kẹp thì đó chỉ

là một hình thức tha hóa con người: đĩ bợm và "bia ôm" có thể đầy đường, chung chạ công khai có thể thoải mái, nhiều "tabous" về nhục dục có thể bị phá bỏ, nhưng nếu môi trường đó vẫn bị phong tỏa bởi một thể chế chính trị và văn hóa độc đoán thì con người lẫn xã hội đều chưa được giải phóng. Trái lại, chính vì bị cưỡng chế bởi một thượng tầng kiến trúc hà khắc mà con người ngộ nhận rằng nó có thể tìm một lối thoát cho chính nó bằng cách giải phóng hạ thể của nó! Nghiệm cho cùng, biện chứng luận Mácxít rất đắc dụng trong việc tìm hiểu những tình huống này.

Rốt cuộc, trong xã hội tiêu thụ thống lĩnh bởi nguyên tắc tư lợi và qui luật thị trường thì hạ thể của con người có khuynh hướng lấn chiếm và che mờ bản thể của nó. Và khi bản thể chìm lỉm trong những dua đòi vật chất thì con người lại lầm tưởng rằng "cái tôi" của nó chỉ được khẳng định bằng những ký hiệu hào nhoáng bên ngoài. Thực chất, đó chỉ là một "cái tôi" rỗng ruột: đằng sau những xa hoa chưng diện phù phiếm, bên trong những kiểu cách sơn son thếp vàng, con người chỉ còn là một bộ phận không tên, một đơn vị dễ dàng được hoán vị trong sự vận động phi nhân tính của một nền kinh tế hàng hóa. Nói khác đi, chính bản thân con người cũng trở thành hàng hóa trong một xã hội chiếm ngự bởi những quan hệ hơn thua, lời lỗ: trong mạc-két-ting vẫn dùng chữ "packaging" để chỉ nghệ thuật trình bày gói ghém món hàng cho "ăn khách", từ đó mà nghiệm thì cung cách ứng xử để "trình làng" cái-tôi-ký-hiệu cũng chỉ là một hình thái của "packaging" mà món hàng con người muốn "câu khách" chính là bản thân nó!

Trong qui trình đó, cái-tôi-ký-hiệu chỉ là là biểu tượng cho một cái-tôi-không-có-thật! Và trong cái thế giới hiện nay vẫn đầy rẫy ký hiệu thì chính sự hiện diện của con người lại trở thành minh chứng cho sự tột cùng phi lý của một đời sống đã mất ý nghĩa nhân sinh: khi hiện hữu chỉ được thể hiện và nắm bắt bằng ký hiệu bên ngoài, và khi thực chất của ký hiệu là tự nó không có một ý nghĩa nội tại nào cả, thì cuối cùng bản thân sự hiện hữu cũng không còn một nội dung hay giá trị gì cả! Ngay đến cả sự có mặt của vũ trụ rốt cuộc cũng chỉ là một vết hoen ố quấy rầy cái tĩnh lặng trong trắng vô cùng của hư không: "L'univers n'est qu'un défaut dans la pureté du non-être" (Valéry). Còn gì ghê gớm hơn?!

3.TỪ "CÁI TÔI TỰ THỨC" ĐẾN XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI.

10^{-43} giây sau bùng nổ vĩ đại - big bang - của không-thời-gian, vũ trụ bắt đầu được cấu thành trên nền tảng của sự phân cực và phối hợp giữa bốn cực cơ bản: trọng trường, điện từ, hổ tác yếu, hổ tác mạnh. Trước đó, là cái thăm thẳm hỗn mang ngăn cách bởi "bức tường của Planck" mà trình độ khoa học ngày nay vô phương chọc thủng. Và ở điểm chi sơ khởi nguyên, khi thời gian chưa có, khi không gian giả thuyết gồm 10 đến 26 chiều thâu tóm vào một chấm cực kỳ li ti đầy những "lỗ đen" vô thủy vô chung, thì bốn lực nói trên lại

hỗn dung thành một lực duy nhất. Vật lý học hiện đại đang mơ một giấc mơ vĩ đại: tìm ra một lý thuyết mới - từ việc kết hợp thuyết tương đối và thuyết lượng tử - để tìm hiểu việc hội tụ bốn lực thành một. Nó hy vọng rằng từ đó sẽ dần dần vén được bức màn bí ẩn về sự vận hành của sáng thế. Hoặc ngược lại, là hé mở ra một chốn vi mô đầy ắp một vĩ mô chẳng tận cùng của những-điều-không- thể-biết!

Qui về một mối là giấc mộng tự ngàn xưa của nhân loại. Song trên đường tìm đến "nhất nguyên" trong vũ trụ luận, khoa học ngày nay vẫn không quên rằng vũ trụ và sinh thái chỉ có, dưới thể dạng hiện nay, trên cơ sở của sự tương tác, trong những điều kiện nhất định, của bốn lực cơ bản trong thiên nhiên. Nếu một trong bốn lực thay đổi định lượng và định tính để vượt lên trên và bao trùm các lực khác thì vũ trụ sẽ có một lịch sử chuyển hóa và hình thái khác hẳn mà ở đó con người sẽ không có mặt để thắc mắc về sự có mặt của chính nó và của vũ trụ. Nói khác đi, "đa" có thể đến từ "nhất", nhưng "nhất" không sinh nhân giới, bởi nhân giới chỉ có thể đến từ "đa" (chẳng phải bất cứ cái "đa" nào cũng tạo ra một sinh thái để từ đấy thoát thai và tái tạo con người, song đấy lại là chuyện khác). Nói chính xác hơn, không những nhân giới chỉ có thể phát sinh từ "đa" mà nhân giới chính là "đa". Mọi ý định triệt tiêu cái đa nguyên của nhân giới chính là một khuynh hướng phong tỏa tính năng động của sự sống, phong tỏa con người. Do đó, nếu thuyết nhất nguyên trong vũ trụ luận là một dự án hướng thượng nhằm khải ngộ nhân văn thì trái lại, mọi ý đồ nhất nguyên hóa trong nhân sinh quan là một toan tính - ý thức hay vô thức - gò bó và nghèo nàn hóa nhận thức của con người về chính nó!

Oái ăm thay, qui về một mối lại là khuynh hướng nổi trội trong sự nhận thức của con người về chính nó từ trước đến nay: khi con người đặt mình dưới sự thống lĩnh của thần quyền, lòng tin đóng vai chủ chốt, hồn phách của người trở thành cái "nguyên đệ nhất". Sang đến thời Khai Sáng, lý trí lại chiếm "đệ nhất nguyên", và thâu tóm cái đa dạng của nhân sinh và đa diện của con người dưới quyền thống trị của nó. Phản ứng ngược lại là tấn phong rung cảm nội tâm lên ngôi hoàng đế, và thực tại của nhân thế được qui chiếu vào một cái nhìn đặc dị của cá tính và tình cảm con người. Ở thời buổi vật chất thì thân xác của con người lại được trau chuốt và ca tụng như mảnh đất riêng tư quý báu hàng đầu mà từ đó mọi thứ được kết trái nẩy mầm. Trong quá trình đó, vô hình trung, bốn kích thước của con người - Lòng Tin, Lý Trí, Tâm Hồn, Thể xác - thay vì tương tác với nhau - như bốn lực cơ bản của thiên nhiên - lại biến thành bốn phạm trù đối kháng nhau: con người tan tác và "cái tôi" của nó tan tành!

Nói cách khác, mỗi hữu thể cá nhân gồm bốn mặt: hồn, tim, óc, xác. Để mặt này lấn át và thống trị các mặt khác có nghĩa là con người đã tự tha hóa lấy nó, tự thủ tiêu lấy cái phong phú của chính bản thân nó. Muốn bốn diện ấy hỗ tương cho nhau bản thân mỗi con người phải tự tìm hiểu lấy nội dung và tính chất của mỗi diện cấu thành "cái tôi" của nó. Nhưng sự tổng hòa của

hồn tim óc xác có đủ để con người đạt tới "cái tôi tự thức"? Cần phải thêm kích thước nào khác? Sau đây là mấy luận đề thử nghiệm:

- 3.1. Nói đến linh hồn và lòng tin là nói đến sự hướng vọng của con người tới điều siêu việt (transcendance). Là nói lên khao khát của con người về bất diệt trường tồn, thèm mong được nối dài vĩnh cửu: ở cuối bến bờ của kiếp nhân sinh phù du, nó ước ao nó vẫn còn hiện hữu mãi! Nghiệm cho cùng, khát vọng đó phát xuất từ cái khắc khoải của con người về giá trị của chính cuộc đời của nó: sống sao cho đến khi hồn lìa khỏi xác nó chẳng phải hổ thẹn về những năm tháng ở cõi phàm trần! Trên nền tảng đó, và nhìn từ góc độ của một triết lý lấy con người làm trọng tâm, thì có thể nói rằng siêu việt không chỉ hẳn là ánh sáng đến từ một thực thể tối cao nằm ở bên trên con người và tách biệt với nhân giới, mà là có thể hàm chứa ngay chính trong hành vi nhân thế. Và khi mà siêu việt được thế tục hóa - nghĩa là thế tục được siêu việt hóa - thì đó là lúc con người cố gắng để vượt lên trên chính nó: tìm đến với ý nghĩa của nhân sinh là động lực để thăng hoa nhân giới! Kích thước vĩnh hằng lúc ấy nằm ngay trong lòng của nhân linh hướng thượng, biến nó thành vừa là bệ phóng vừa là đích đến cuối cùng: con người lúc ấy không dõi theo cái gì khác ngoài những giá trị mà nó đã chọn. Lòng tin của nó lúc đó cũng rõ ràng đối tượng: tin ở con người có khả năng vượt lên trên chính nó, tin vào con người đã đặt lòng tin của nó vào con người!

Hạt chuyển thành sóng mà sóng cũng thành hạt. Đấy là một trong những điều dị thường mà có thật của thế giới cơ học lượng tử. Ai chắc rằng chuyện ấy không thể xảy ra ở cõi nhân gian khi mà nhìn rộng đến vô cùng thì nó chỉ là một chấm bụi mờ trong cái không gian của biết bao thiên hà đo bằng thời gian của hàng tỉ năm ánh sáng? Khi mọi chuyện trong vũ trụ bắt đầu bằng một bùng nổ vĩ đại - và nếu Đấng Sáng Thế có thật - thì ai cấm con người nghĩ rằng linh hồn của nó là hạt và sóng đến từ một mảnh vỡ cực nhỏ của Linh Hồn Sáng Thế? Làm sao sống cho ánh sáng của linh hồn nó xứng đáng với âm vang còn lại của Ánh Chớp đã rọi sáng cả không-thời-gian 15 tỷ năm về trước? Câu trả lời chẳng đến từ Đấng Sáng Thế mà đến từ chính con người, từ mỗi một con người! Đó là khởi điểm để con người vươn đến "cái tôi tự thức".

- 3.2. "Cogitatio sum" - "Cái Ấy tư duy trong tôi" - "Ca pense en moi", Descartes đã khẳng định thành "Cogito ergo sum" - "Tôi tư duy nghĩa là tôi hiện hữu" - "je pence donc je suis". Chủ thể là tôi, vì tôi có lý trí, tư duy, thắc mắc, hoài nghi. Dù cho rằng "cái ấy" tức là cái mà nhờ đó tôi tư duy được là ơn huệ của trời đất, là quà tặng của khí thiêng thì tôi tư duy tôi vẫn là tôi chứ không ai khác. Minh bạch, đàng hoàng: tôi là tôi! Song lại mang đầy ý đồ toàn trị: cái hiện hữu bị giản lược vào cái tư duy. "Cái tôi" nằm gọn trong cái hữu thức! Vô hình trung Cogito trở thành một thực thể toàn năng. Trong bộ ba "tôi/tư duy/hiện hữu", Cogito rốt cuộc lại ở vào ngôi thứ nhất! Phải từ Freud

đến sau này mới lộ rằng Cogito hữu thức chỉ là một phần nhỏ của hiện hữu, của nhân cách, của "cái tôi": xung lực của bản năng thân xác khi dụng chạm với thực tế đã dồn nén vào vô thức. Nhưng "cái cõi lòng tăm tối" ấy, cái tàng thức khi ẩn khi hiện ấy, lại chiếm phần lớn tâm tư con người và chi phối rất nhiều hành vi của nó. Với phân tâm học lại xuất hiện một bộ ba mới: cái đó/cái tôi/cái siêu tôi mà ở đó hồn tim óc xác vừa phân cực vừa quyện lẫn với nhau qua những xung động của dồn nén, tự vệ, thăng hoa... "Cái tôi" lại sinh ra nhiều ngôi thứ. Rối rắm cũng nằm trong ngôn ngữ hàng ngày: trong cái nhập nhằng giữa "ta/tôi/mình", "moi/je/self" làm sao phân định đâu là bản sắc thực sự của chính tôi? Câu trả lời đòi hỏi mỗi con người phải vận dụng cả trí thể lẫn tâm linh của nó: "the full mind is alone the clear" (Schiller) "khải ngộ chỉ có thể đến với con người toàn diện" (dịch theo ý chứ chẳng theo lời). Và "cái tôi tự thức" là "cái tôi" vươn tới từ "full mind".

- 3.3. "Bản chất của con người là tổng hòa của tất cả những quan hệ xã hội", phương cách đặt vấn đề đó của Mác không sai nhưng nếu hiểu nó như một nguyên lý bất di dịch thì nó lại biến thành một định đề máy móc: trong duy vật biện chứng, khi một bộ phận bị tách rời ra khỏi qui trình vận động của tổng thể thì phần duy vật lại bị đè bẹp phần biện chứng. Đúng là tồn tại xã hội và ý thức xã hội có quyết định trong tồn tại cá nhân và ý thức cá nhân. Nhưng tác động ngược lại không phải là không có. Nếu không sẽ chẳng hiểu được vì sao xã hội có thể được cải tạo bởi con người. Nhất là khi con người vừa là một nhân tố cấu thành của quan hệ sản xuất vừa là một thành phần của lực lượng sản xuất. Trong chiều hướng đó, "cái tôi tự thức" không chỉ là tổng hòa các quan hệ giữa tôi và tôi ở bốn mặt hồn tim óc xác, nó còn là tổng hòa của quan hệ giữa tôi với người trong xã hội: người cần người để biết rõ hơn về nó, để khẳng định lấy nó, để giữa tôi với người trong xã hội: người cần người để biết rõ hơn về nó, để khẳng định lấy nó, để thật sự trở thành chính nó. Quan hệ giữa tôi với tôi và giữa tôi với đời do đó là mối quan hệ hai chiều hỗ tương: nội tâm là bàn đạp để phóng ra ngoại giới xã hội và ngoại giới xã hội là một mực thước để soi rọi nội tâm. Tách biệt hai chiều hỗ tương ấy thì con người bị chẻ hai và tự tha hóa: tôi khư khư chỉ biết lấy tôi thì dù có vĩ đại lắm tôi vẫn chẳng hơn anh chàng Narcisse trong huyền thoại chết đuối ở vũng nước cạn vì cứ muốn gục đầu xuống ôm lấy cái bóng của mình. Ngược lại, dấn thân cuồng nhiệt đến độ "cái tôi" bị hòa tan thì con người cũng trở thành lệ thuộc, không còn khoảng cách để nhìn lại chính nó và để thẩm định trở lại giá trị của mục đích mà nó đang đeo đuổi. Nói cách khác, nhập thế với phong thái xuất thế là hành xử của "cái tôi tự thức" để tổng hòa tồn tại của nó trong tồn tại xã hội. Trong một bức tranh nổi tiếng (L'officier de chasseurs de la garde impériale chargeant) trưng bày ở bảo tàng viện Louvre, Géricault vẽ một chàng kỵ mã, gươm tuốt trần, phóng ngực thẳng vào khói bụi chiến trường, nhưng người lại hơi quay về phía sau và đôi mắt lại cúi

xuống, để nhìn vào lòng mình, tự hỏi về ý nghĩa sự sống của mình và về cái chết bao quanh. Nội dung sâu lắng: trong đòi hỏi xả thân, con người lấy khoảng cách để nhìn lại mình, để biết rõ vì sao mình nhập trận. Hành động được soi rọi bởi tư duy và tư duy kết trái với hành động: có những lúc con người đem cái sống cận kề cái chết vì nó biết rõ giá trị của nhân thế, của cuộc đời, của chính nó!

- 3.4. "Ở đây và bây giờ. Hic et nunc" trở thành đòi hỏi phổ cập khi chẳng còn mấy ai tin vào "những ngày mai ca hát". Nhưng Auguste Comte đã có một nhận định sâu sắc: "Xã hội đa phần được cấu thành bởi những người chết" ("La société est faite de plus de morts que de vivants"): hiện tại có được là nhờ nó vươn lên từ đôi vai gầy guộc của quá khứ. Nói đúng hơn nữa, xã hội bao gồm cả người chết lẫn người sống và người chưa sinh: nó vừa là lịch sử, vừa là hiện thực trước mắt, vừa là dự phóng. Do đó "ở đây và bây giờ" là một đòi hỏi chính đáng khi nó gắn vận hành của sự vật vào nguyên tắc thực tế, tránh cho con người rơi vào huyền hoặc của những "thiên đường mù". Nhưng nó trở thành bất nhân khi vì hiện tại mà con người đem bán đứng tương lai và quay lưng tráo trở với quá khứ. Nhất là tương lai và quá khứ ấy không phải là của riêng nó, mà lại là tiền đồ và lịch sử đã qua của cả xã hội, cả đất nước, cả dân tộc. Trên nền tảng đó. "cái tôi tự thức" là cái tôi sống trọn vẹn với ba hướng thời gian: nó đồng thời là trí nhớ là thực tại là hoài bão. Nó không bán rẻ hướng này để được hướng nọ. Nó không phủ phàng với người đương thời của nó mà cũng chẳng phủ phàng với lớp người đã khuất và thế hệ sắp đến!

- 3.5. Tóm lại, "cái tôi tự thức" được cấu thành từ sự tổng hòa bốn mặt hỗn dung: hồn tim óc xác, của hai chiều tương tác: cá nhân và xã hội. Của ba hướng hỗ tương: quá khứ hiện tại tương lai. Ngẫm cho cùng, có thể đó là một mẫu hình không bao giờ với tới, tự bao giờ và mãi về sau. Touraine, trong phần cuối của "Critique de la modernité" (Phê phán về hiện đại) viết: "Le sujet ne triomphe jamais" - "chủ thể chẳng bao giờ thắng nổi". Vì con người luôn luôn thua chính nó, luôn luôn tự tha hóa không ở mặt này thì mặt nọ. Nhưng dù biết là không bao giờ thắng, thế mà trong thế giới loài người vẫn có người điềm nhiên đứng lên đòi thành người, thành chủ thể, thành "cái tôi tự thức". Nhờ thế mà con người làm hiển danh con người. Nhờ thế mà xã hội trở thành xã hội của con người. Chưa nhiều thì ít!

THIÊM
7.93



NGHIÊU ĐỀ

garage sale ca thương

Khiêng đi nào khiêng nhanh anh em ơi
bày kín đất bày đầy vườn ngõ
sáng vui mừng khuya khoắt buồn hiu
nằm la liệt những mặt mày vấn số

Hôm nay weeked ngày của Chúa
phơi mình ta dưới ánh dương quang
trên cỏ những tên người lấp lánh
cá một đàn thở dốc hoang mang

Tăm sủi trắng dòng con nước nổi
vết chàm nguyên trán đám con ranh
bụt cười bụt cười cười ông bụt
những ngày ta giữa đám xuân xanh

Em rắc muối hết từng đường me dại
áo giam tròn vườn ổi Lái Thiêu
ta cũng mọc um nhánh cành cuống quít
miệng ngậm tràn hồng hạt lựu đỏ hoe

Sâu trong túi áo xưa ngày đó
hạt me già nín thở long đong
khiêng đi nào năm mươi xu đồng giá
rặng me già thả miết bóng trôi sông

Vai từ đổ rì rào hương tóc cũ
dậy vang lừng khuya khoắt mưa sa
năm mươi xu áo còn nguyên hơi thở
ngực còn nguyên này đám nhũ hoa

Nằm giữa bình minh nằm giữa buổi sáng
ngày weekend thong thả bình yên
đợi một mặt trời ôm hết cỏ
bốc hơi vùng ẩm mốc thâu đêm

Đã bán hết đời ta nhiều bận
còn đa mang từ bấy đến giờ
hạt nút em mất từ dạo ấy
chín đỏ ta đêm gió vật vờ

Nằm ngửa ngó trời nằm ngửa ngó người
nghe sóng đất khỏa chân trần xao xác
đi về trên những lối mòn xưa
thả bóng dài che ngày hiu hắt

Em kín lửa thắp đầu sông cuối chợ
áo tro tàn vùng bay đỏ phù sa
ta uống nước sông giặt áo người từ đó
cháy đỏ tươi dòng máu thiết tha

Mỗi weekend một rằm tháng bảy
tay hóa vàng thả gió bay xa
bay mỏi như mịt mù sương tuyết
trắng nguyên màu trời đất bao la

Rồi chẳng còn chi thu dọn nữa
ngày đang tàn dâng bóng núi cao
gió nổi quẩn quanh vùng trước ngõ
khi về cây mất bóng từ lâu

NGHIÊU ĐỀ



NGUYỄN THẾ VIỆT

lý luận phê bình văn học mác-xít việt nam đi về đâu



LTS: *Sau khi bảo vệ xong luận án phó tiến sĩ ở khoa Đông Phương đại học tổng hợp Xankt Peterburg thuộc Liên Xô cũ, Nguyễn Thế Việt xin tị nạn tại Đức. Trong thư kèm theo bài viết, ông nói, đó là "một sự chọn lựa nghiệt ngã, buồn nhiều hơn vui".*

Do hoàn cảnh khó khăn của một người tị nạn mới: cuộc sống chưa ổn định, tài liệu sách vở thiếu thốn, tác giả chưa thể đi sâu vào chi tiết, tuy nhiên, phần nào bài viết cũng cho chúng ta một nhận định đúng đắn: nếu các lý thuyết gia tại Việt Nam vẫn áp dụng phương pháp lý luận phê bình mác-xít một cách "thiếu uyển chuyển", *chỉ* "lo co cụm trong ranh giới an toàn nhất của các quan điểm chính trị", *thì bộ môn này vô hình trung trở thành động lực tiêu cực, đẩy văn học Việt Nam đi vào ngõ cụt, làm thui chột bao nhiêu tài năng sáng tạo, như đã, trong gần nửa thế kỷ qua.*

Hợp Lưu

*

Bình giá văn học vốn có truyền thống lâu dời ở Việt Nam. Đây là một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa cổ truyền dân tộc.

Người bình văn dĩ nhiên là phải có năng lực cảm nhận văn, và quan trọng

hơn là biến cái mình cảm nhận được thành sự thừa nhận chung, tạo nên được hứng thú chung của công chúng văn học. Chính vì thế, sẽ không phải hoàn toàn không có lí khi có nhiều ý kiến từng nhận định rằng hoạt động bình văn cũng là hoạt động "sáng tác", là hoạt động trong đó vai trò của trí tưởng tượng, của thăng hoa bản năng, của vô thức chiếm một vị trí quan trọng, quyết định sự thành công. Hoạt động bình văn truyền thống là "trung gian" chuyển tiếp tác phẩm đến công chúng. Nó không hướng tới chủ đích coi tác phẩm như là đối tượng nghiên cứu, không có nhu cầu định hướng cho sáng tác.

Lý luận phê bình văn học với tư cách là một bộ môn khoa học văn học xuất hiện ở Việt Nam khá muộn. Mãi sau thời kỳ đình chiến 1954 do nhu cầu đào tạo các lý thuyết gia tương lai, những bộ giáo trình lịch sử văn học, lý luận văn học đầu tiên được biên soạn một cách cấp tốc, trên cơ sở chuyển dịch những tài liệu lí luận văn nghệ mác-xít du nhập từ Liên Xô cũ đã qua đời. Từ đó trở đi sau nhiều lần chỉnh lý bổ sung không đáng kể, "bộ dao mổ" đó được mài dũa và sử dụng để "mổ xẻ" văn học mãi cho đến những thập niên gần đây.

Trước đó, vào những năm 40, xuất hiện một số cuộc bút chiến về "lập trường văn nghệ", chẳng hạn "Nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "Nghệ thuật vị nhân sinh", đã chẳng đi đến kết cục nào ngoài việc cảnh báo cho mọi người biết đã bắt đầu thời đại của sự can thiệp thô bạo từ bên ngoài vào "bếp núc" văn chương. Hàng loạt bài phê bình văn học trong suốt sự nghiệp của ông Hoài Thanh (được coi là lý thuyết gia mác-xít sành điệu văn chương một thời) không có gì khác hơn là việc đối chiếu kinh nghiệm tâm lý và kinh nghiệm xã hội có trong tác phẩm và của bản thân. Được coi là hay, những tác phẩm có nhiều tiểu tiết phù hợp với kinh nghiệm của người bình, và ngược lại.

Trong bối cảnh đó, bộ môn lý luận văn học ra đời, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng lý thuyết chuyên ngành như một khoa học tiếp cận những qui luật thẩm mỹ đặc thù của văn học, những khuynh hướng và quá trình phát triển văn học, và giúp định hướng sáng tác cũng như tiếp nhận văn học. Đó là xuất phát điểm đúng đắn và cần thiết. Vấn đề rắc rối là ở chỗ dựa trên cơ sở những quyền lợi sống còn của cuộc thí nghiệm xã hội, ở những nước có tham vọng "hiện thực hóa" học thuyết của Mác, các ngành khoa học nói chung, lý luận văn học nói riêng, đã bị lái chệnh mục tiêu ban đầu cho phù hợp với nhu cầu chính trị nhất thời của chính quyền chuyên chế.

Những chuyên gia đầu ngành lý luận văn học mác-xít ở Liên Xô cũ được phân công xúc tiến xây dựng lý thuyết trên cơ sở quán triệt quan điểm đảng cộng sản lãnh đạo văn nghệ cả trên cơ chế (các cơ quan văn hóa văn nghệ, báo chí, xưởng in, các hiệp hội, văn học nghệ thuật đều chịu sự quản lý trực

tiếp của đảng cộng sản) lẫn chuyên môn (đảng trực tiếp kiểm duyệt, chỉ đạo các quan điểm lập trường văn nghệ). Triết học Mác-Lênin được coi là khoa học đứng trên mọi khoa học, trong đó có lý luận văn học. Nguyên tắc văn nghệ phục tòng chính trị được công khai hóa và văn học được mệnh danh là "vũ khí" đấu tranh giai cấp. Những biểu hiện khinh nhờn quá trớn, không biết điều, đòi văn nghệ "vỗ vai" chính trị đã bị xem là "luận điệu của kẻ thù giai cấp".

Công bằng mà nói, dựa vào nền tảng lý luận triết học mác-xít để xây dựng lý luận phê bình văn học là một bước tiến cần được ghi nhận. Các cặp phạm trù và qui luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng (thực ra là có từ trước của Ponebách và Hêghen) nếu biết chuyển dùng một cách uyển chuyển, trong nhiều trường hợp có thể cắt nghĩa, phân tích được những thuộc tính thẩm mỹ của các tác phẩm văn học. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở đó, và từ đó, thay vì phải hoàn thiện lí luận để lí thuyết văn học ngày càng tiếp cận với đặc thù của văn học, lí thuyết gia lại chỉ lo co cụm trong ranh giới an toàn nhất của các quan điểm chính trị, lí luận phê bình bắt đầu thành vật cản của đời sống văn học.

Thoạt tiên xu hướng chính trị hóa đặc thù văn học được nhập cảng và phổ cập thành quan điểm chính thống và được coi là "vũ khí" sắc bén để chống lại lập trường văn nghệ của giai cấp tư sản. Văn học được gán cho tất cả các thuộc tính (tính đảng - ở đây có nghĩa là đảng cộng sản , tính giai cấp, tính nhân dân...), trừ cái thuộc tính tất yếu của nó - tính người - thì lại bị phủ quyết! Lí thuyết gia loay hoay cắt nghĩa ba chức năng của văn học (nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ) rốt cuộc không phát giác ra được gì ngoài việc "vẽ rắn thêm chân". Nguy cơ của xu hướng chính trị hóa đặc thù văn học trước hết diễn ra trong khu vực "định giá" văn học. Ở đây (các cơ quan kiểm duyệt, hội đồng chấm thi...) người ta chỉ lo "săm soi" lập trường chính trị của tác phẩm. Tác phẩm văn học được coi là tốt phải là tác phẩm chứa đựng sâu sắc tính đảng, tính giai cấp, nghĩa là phải làm tròn bổn phận "minh họa" những giáo điều có sẵn. Đề tài văn học được định hướng theo các đơn đặt hàng của đảng. Trong khi đó, những tác phẩm mang đặc thù văn chương, gay cấn, có vấn đề, trung thực, thường bị coi là loài "cỏ dại" độc hại, là sản phẩm của kẻ thù giai cấp với "biểu tượng hai mặt" "mập mờ" và "nguy hiểm". Đó là lý do các vụ án văn nghệ "giết nhầm" trong suốt mấy thập niên qua đến bây giờ vẫn chưa được minh oan. Sau vụ "Nhân Văn Giai Phẩm", hẳn công chúng văn học chưa quên lối "phê bình" chụp mũ đối với các nhà văn Hà Minh Tuân (*Vào Đời*), Việt Phương (*Cửa Mở*), Lý Phương Liên (*Nghĩ Về Thúy Kiều*), Ngô Văn Phú (*Sẹo Đất*), Phạm Tiến Duật (*Vòng Trắng*), Thạch Quỳ (*Với Con*)... và gần đây nhất là đối xử bất công cả với những tài năng như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, của những kẻ mệnh danh "cầm cân nẩy

mực".

Chính vì lối "góp ý" chân tình đến chết người ấy mà một số trong các tên tuổi sau khi được hưởng ân sủng "phê bình" thì hoặc là vĩnh viễn bẻ bút, hoặc ngược lại tập uốn lưỡi tụng ca "mặt trời" đến mức quên cả liêm sĩ và lương tâm!

Xu hướng chính trị hoá đặc thù văn học, đặc biệt tỏ ra lúng túng khi phải cắt nghĩa các hiện tượng văn học quá khứ. Lập trường giai cấp được coi là "chìa khóa vạn năng" để nhà nghiên cứu tiếp cận văn học trước khi có đảng, trong nhiều trường hợp tỏ ra mất thiêng. Những bộ giáo trình biên soạn để dạy văn cho học sinh phổ thông và đại học đã vạch sẵn lối mòn tư duy cho các "lí thuyết gia tương lai": Chẳng cần phải chịu khó mất công tìm tòi gì cho nhiều, ngoài việc "đo bò làm chuồng", nghĩa là gán cho văn học quá khứ những xung đột muôn thuở của "giai cấp tống trị" và "giai cấp bị trị"! Cứ theo cái đà đó, người ta hài lòng với những khái quát còm cỏi dựa trên cơ sở tính cộng đồng lập trường tư tưởng mà ai cũng biết. Trong khi đó việc quan sát những giá trị đặc thù của văn học để có thể phân biệt sự tương đồng và khác biệt của các kiểu loại tư duy nghệ thuật, các khuynh hướng và thời kỳ văn học để tìm ra quy luật của quá trình văn học mới thực sự là đáp số cần giải đáp thì lại không được quan tâm đến. Và chính là các kiểu loại tư duy nghệ thuật (chứ không phải lập trường chính trị tư tưởng) với tư cách là giá trị đích thực của văn học, sẽ chối từ những nhận định chủ quan dễ dãi của nhà nghiên cứu đối với quá trình văn học.

Tương tự như thế, trong lĩnh vực sáng tác, các lí thuyết gia Việt Nam đã du nhập toàn bộ lý luận của cái gọi là "phương pháp sáng tác của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" được sinh ra dưới thời Stalin. Thực chất của lí luận về cái gọi là "phương pháp sáng tác của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" là độc tôn tô hồng thực tại (được diễn đạt bằng một cụm từ hoa mĩ: "Miêu tả hiện thực trong xu thế vận động và phát triển của nó"). Nghịch lý của lí thuyết chính là ở chỗ một mặt họ yêu cầu nhà văn tôn trọng việc phân tích một cách khách quan những qui luật của thực tại, mặt khác lại yêu cầu quá trình phân tích này bao giờ cũng phải bao hàm trong đó sự khám phá ra xu thế phát triển "không gì cưỡng lại được" của khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Những nhà nghiên cứu có lương tri sẽ lấy làm hổ thẹn trước sự gán ghép trắng trợn và ngụy biện kể trên. Quán triệt nguyên tắc này, một mặt phê phán lối kết thúc "bế tắc", "bi kịch" của chủ nghĩa hiện thực phê phán 1930-1945 ở Việt Nam; chẳng hạn là thiếu cái nhìn lạc quan, biện chứng về tương lai (*Tắt Đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước Đường Cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Chí Phèo* của Nam Cao thường được dẫn ra làm ví dụ), mặc khác, các

lý thuyết gia đòi hỏi mỗi tác phẩm văn học đều phải có một kết thúc như nhau: kết thúc có hậu (loại "kết thúc" đặc thù của văn học "luận đề", văn học minh họa).

Các nhà văn mác-xít Việt Nam trong bốn thập niên qua viết về chiến tranh cũng như hòa bình đều hết sức né tránh những vấn đề thời sự của cuộc sống, đều viết theo luận đề dễ dãi kiểu truyện cổ tích: Gán toàn bộ xấu xa cho "địch", gán toàn bộ cái hoàn thiện cho "ta"* và không dám đặt ra những vấn đề gay cấn, kết thúc bi đát, vốn là những quan hệ sống hiện thực ở ngoài đời.

Giáo sư phó tiến sĩ Hoàng Ngọc Hiến trong một bài phân tích về đặc thù văn học Việt Nam thời gian qua, đã chỉ ra sự giả dối và ngụy biện của cái gọi là "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa", chính là "chủ nghĩa hiện thực phải đạo", nghĩa là chủ nghĩa hiện thực "một nửa". (Ai chả biết đã là hiện thực "một nửa" nghĩa là bao hàm trong đó sự giả dối). Dĩ nhiên bài báo đã bị chụp mũ là "xuyên tạc", và tác giả của bài báo đã bị chỉ trích không chỉ từ phía các lí luận gia của đảng, mà còn cả từ phía các nhà sáng tác "phải đạo" vốn bị tổn thương danh dự cá nhân.

Tai hại của "chủ nghĩa hiện thực phải đạo" không chỉ ở chỗ là nó vô thưởng vô phạt đối với công chúng mà quan trọng hơn là nó hủy diệt luôn cả những nỗ lực tìm tòi và sáng tạo của đội ngũ sáng tác có tài năng. Có thể nói rằng trước thời "cởi trói" tạm thời của ông Nguyễn Văn Linh rất hiếm tác phẩm sâu sắc, góc cạnh lọt qua được khâu kiểm duyệt. Trong đời sống văn học, "chủ nghĩa hiện thực phải đạo" bị công chúng ghẻ lạnh và từ chối. Nhiều sáng tác văn học thuộc loại này được bao cấp in ấn, tốn bao nhiêu giấy mực, rốt cuộc in ra bày ở quầy chẳng ai sờ tới. Những bài phê bình quảng cáo với nội dung "tung hứng", "mẹ hát con khen hay" đã không lừa được ai. Nhiều cuộc thi và trao giải thưởng văn học (giá trị của giải chỉ có ý nghĩa tượng trưng) được tổ chức hàng năn nhằm cứu vãn tình thế đã không mang lại mấy kết quả khả quan. Trong tình thế tưởng như vô phương cứu chữa đó, bước ngoặc lịch sử của lí luận và sáng tác văn học đã may mắn xuất hiện ở Việt Nam cùng với xu hướng chính trị cởi mở được khởi xướng từ Liên Xô cũ và các nước Đông Âu.

Cũng cần phải mở ngoặc thêm rằng ngay trên đất Liên Xô cũ, "cái nôi" của lí thuyết kinh viện, khuynh hướng phi chính thống, khuynh hướng phản kháng cả về lí luận lẫn sáng tác đã âm ỉ chuẩn bị và trên từng mức độ khác nhau đã xuất hiện trên bục giảng và trên văn đàn. Thời tụng ca Stalin và loại tiểu thuyết màu hồng *"Thép Đã Tôi Thế Đấy"* chỉ còn dư âm trong nhà trường và trong những tác phẩm của các chuyên gia sốt sắng bảo vệ lập trường văn nghệ của chủ nghĩa Mác. Trước khi có cải tổ chính trị, xu hướng

tẩy chay lý thuyết kinh viện (đặc biệt là tẩy chay lí thuyết về phương pháp sáng tác của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa) đã xuất hiện trong các trường đại học và các viện nghiên cứu. Những cuộc tranh cãi vô bổ về phương pháp sáng tác của "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" đã chấm dứt, thay vào đó là những tìm tòi mở rộng những khả năng hiện thực của khoa học văn chương trên các bình diện: Thi pháp học, loại hình học văn học, tiếp cận văn học trên cơ sở nguyên lý tính hệ thống... Ở đây những tên tuổi nổi tiếng thế giới đã chứng minh rằng hoàn toàn có thể xây dựng và phát triển thành tựu và kinh nghiệm của các khoa học khác (Có thể kể đến những công trình loại này của Paktin, Likhachev, Melechinxki, Khravchenko, Rivtin...)

Trên lĩnh vực sáng tác, xu hướng trung thực đã khẳng định giá trị nhân bản đích thực của văn học. Nhiều cuốn tiểu thuyết loại "chuyện thường ngày ở huyện", nhiều kịch bản phim loại "sám hối"... đã là những quả bom tấn công vào chế độ độc tài, đã làm bừng tỉnh, thức tỉnh dân tộc Nga và các dân tộc thuộc Liên Xô cũ sau hai phần ba thế kỷ bị lừa dối. Công chúng văn học lại trở về với không khí náo nhiệt truyền thống ngày xưa. Dòng văn học đậm đà tính nhân loại đã lấy lại được cảm tình của công chúng.

Trên bối cảnh đó, khi "lãnh tụ" Nguyễn Văn Linh mở đầu thời kỳ cải tổ ở Việt Nam, đã lên tiếng "cởi trói" cho văn nghệ sĩ, thì, cũng như ở Liên Xô cũ, dòng văn học phản kháng giàu tính nhân bản có cơ hội xuất hiện. (Dòng văn học này, không phải chờ đến giai đoạn này mới lên tiếng nhưng đến đây bắc đầu thời kỳ được công khai hóa, và tạm thời chưa bị chụp mũ, trù dập).

May mắn cho "số phận" của văn học Việt Nam là nhờ có cơ hội này những tên tuổi như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Lê Lựu, Lưu Quang Vũ, Phùng Gia Lộc... đã khẳng định chỗ đứng của văn học phản kháng. Chưa bao giờ ở ta lại dấy lên được nhiệt tình đón nhận tác phẩm văn học đến thế của công chúng. Tiếc thay giai đoạn này đã không kéo dài được bao lâu!

Trên lĩnh vực phê bình văn học mặc dù không có đột biến như ở lĩnh vực sáng tác, nhưng khuynh hướng cởi mở, trung thực đã có cơ hội để lên tiếng. Những lý luận gia chuyên canh cổng cho chính trị đã mất tạm thời miếng đất độc quyền lí luận phê bình. Trong không khí cởi mở, những địa hạt cấm kỵ của lí luận phê bình được đưa ra mổ xẻ. Các nhà nghiên cứu cấp tiến lên tiếng bảo vệ những tài năng mới, đòi xét lại những giá trị văn học quá khứ bị rẻ rúng hoặc lãng quên. (Văn chương *Tự Lực Văn Đoàn* - Phong trào *Thơ Mới*...) Những công trình lí thuyết đa dạng và chuyên sâu lần lượt được công bố (Đại diện cho khuynh hướng nghiên cứu này có thể kể đến Hoàng Ngọc Hiến, Trần Đình Hượu, Lê Ngọc Trà, Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Huệ Chi, Phan Ngọc...). Những tìm tòi loại này đáng ghi nhận ở chỗ, thay vì chỉ quan tâm đến lập trường quan điểm sáng tác, lí thuyết gia

chú ý đúng mức khám phá đặc thù văn học. Thay vì chỉ phân tích đơn lẻ biệt lập những tác phẩm hoặc khuynh hướng, tác giả quan sát quá trình văn học như là lịch sử phát triển có quy luật. Thay vì chỉ coi tác phẩm như là sản phẩm cuối cùng, tác giả đưa ra quan niệm "sáng tác" như là hoạt động sản xuất đặc thù, phải được quan sát trên toàn bộ chu trình từ chủ thể sáng tạo đến tác phẩm và công chúng, môi trường tồn tại của tác phẩm. Dĩ nhiên là nghiên cứu phê bình văn học đích thực không có đất để dung thân hoặc thỏa hiệp với xu hướng nghiên cứu phê bình kinh viện, bảo thủ. Một phía, chỉ quan tâm đến chính đời sống văn học, những qui luật của sáng tạo, tài năng; và phía khác thì chỉ quan tâm đến việc khẳng định vị trí "ai" đứng trên "ai" giữa văn học và chính trị. Chính vì thế, đây là cuộc đấu tranh vượt ra ngoài ranh giới của những cuộc bút chiến có tính chất chuyên môn thuần túy. Khi cảm thấy nguy cơ không thể cưỡng lại được của phong trào dân chủ đang càng ngày càng trưởng thành, các nhà chính trị dã kịp thời thít chặt lại sợi dây trói, mà nó đã trót nhẹ dạ "cởi ra" trong vài năn trước. Lại trở lại thời kỳ của các chủ suý lí thuyết văn học nô bộc chính trị. Lại tiếp tục bài ca muôn thuở của văn học minh họa... Và, một câu hỏi lớn được đặt ra: chối từ sự đổi mới, nghiên cứu phê bình văn học mác-xít Việt Nam đi về đâu?

NGUYỄN THẾ VIỆT
(Germany, tháng 8.1993)

LƯU QUANG VŨ



anh đã mất chi?
anh đã được gì?

phải chăng anh đã mất giấc mơ?
Mất tiếng chim kêu mất mùa dứa chín
Anh mất cả mây trôi qua lòng giếng
Mất tiếng gà hẻm núi mất cơn giông.

Anh mất chợ đông phố nhỏ bờ sông
Niềm vui thơ ngây và con thuyền buồm trắng
Mất đom đóm đêm sâu, mất mùa mận đỏ
Mất cây bàng trụi lá lúc sang đông.

Giờ lạnh tanh anh chẳng còn xao động nữa
Không nỗi buồn cay đắng không niềm vui
Khổ đau hôm nay không giống đau khổ cũ
Và nỗi lo âu cũng khác hẳn xưa rồi

Anh đã cho rất nhiều cho tất cả niềm tin
Người ta chê anh nhiều lưu luyến quá
Anh gắng gượng quên đi anh gạt bỏ
Bao diệu kỳ, chân thực thuộc về anh.

Đến những người anh tin, giờ cũng đổi thay
Tới nụ cười cũng phải.. dắn đo
Vâng! Người già có nỗi buồn của người già
Nhưng người trẻ có cái buồn chẳng trẻ

'Ừ! — thì ngẩn ngơ, anh đành nhận thế
Giọt lệ trong có tủi hổ gì đâu
Anh chưa biết dâng đời những niềm vui thịnh soạn
Nỗi buồn chân thành, đời không nhận sao em?

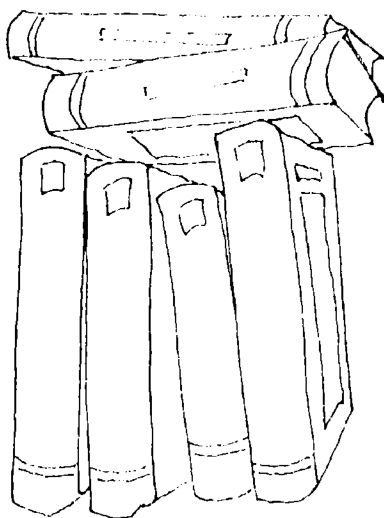
Anh đã khổ đau, khổ đau dài hơn số tuổi
Vẫn trong lành khi em đến cầm tay
Và nếu mất em rồi...
—Vẫn còn đôi mắt của em...

LƯU QUANG VŨ (Trong nước. Đã mất)



LÊ HOÀI NGUYÊN

một cách nhìn mười tám năm văn học việt ngoài nước



LTS: Hợp Lưu *vừa nhận được vài số tạp chí* Quê Hương, *Cơ quan ngôn luận của Ban Việt Kiều Trung Ương, phát hành từ Việt Nam.*

Số tháng 8, 1993 "Chuyên Đề Về Văn Học Người Việt Ở Ngoài Nước" *có trích đăng nhiều thơ, truyện, biên khảo của các cây viết hải ngoại như Du Tử Lê, Cao Đông Khánh, Hà Huyền Chi, Tuệ Nga, Khế Iêm, Thường Quán, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Tất Điều, Võ Phiến, Bùi Vĩnh Phúc, Luân Hoán, Nguyên Sa, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Trần Long Hồ, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Huỳnh Liễu Ngạn, Thục Ngạn... cùng bài nhận định độc giả sẽ đọc sau đây.*

Do điều kiện thông tin và tư liệu giới hạn, cũng như tầm nhìn dù thiện chí, vẫn chưa thực sự khách quan, nên nhiều nhận xét trong bài viết này chưa được chuyên sâu, chuẩn xác. Tuy nhiên, nếu ta còn nhớ trước đây giới phê bình lý luận trong nước từng phủ nhận hoàn toàn nền văn học lưu vong hải ngoại, thì nay, đã bắt đầu chấp nhận một thực tế: quả thật đang có một nền văn học Việt bên ngoài quốc gia, và nền văn học đó, dù được biểu hiện dưới bất cứ dạng thể, khuynh hướng nào, vẫn phải dành cho nó một chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng dân tộc.

Chúng tôi xin đăng lại nguyên văn bài viết, kể cả tên vài tác giả bị viết sai, với hy vọng sẽ cung cấp được cho độc giả một lượng thông tin hữu ích.

Hợp Lưu

I.

Tháng mười năm 1981 trong bài giới thiệu cuộc hội thảo của mười tác giả, tạp chí *Nhân Chứng* còn rụt rè nhận xét: *"Tạm gọi là một nền văn chương lưu vong cũng đã hình thành"*. Thái Tú Hạp thì băn khoăn: *"Sáu năm, khoảng thời gian chưa đủ để vơi dịu những nỗi đau đớn thoát lìa quê hương, nhận phận một kiếp lưu đày với muôn vàng đắng cay tủi nhục. Nhìn lại sáu năm Văn Học Việt Nam nơi xứ người quả là một vấn đề quá lớn, có hơi vội vã chăng?"*. Uông Hồ Vệ thì đầy thất vọng trong một cái "tít": *"Bộ môn văn: con dao cùn trong tay những người cầm bút lưu đày"*.

Bảy năm sau, 1988, Bùi Vĩnh Phúc trên tạp chí *Văn Học* số 30 đã có thể viết rằng: *"Dòng văn chương ngoài nước của người Việt sau mười ba năm xa xứ có khá nhiều sinh động. Nó cho ta hình ảnh của một dòng sông lớn tách ra làm nhiều nhánh"*. Tuy nhiên Bùi Vĩnh Phúc phải đặt câu hỏi: *"Có hay không có một nền văn chương của người Việt tứ xứ sau 30.4.75?"*

Chỉ hai năm sau nữa, Nguyễn Hưng Quốc (tạp chí *Văn Học* số 47 và 48), Nguyễn Hữu Nghĩa và Nguyễn Mộng Giác (Tạp chí *Văn Xã* số 3) đã không cần phải dắn đo để mỗi người làm một bài sơ tính 15 năm văn học lưu vong theo cách riêng của mình. Ở thời điểm này bộ môn văn học hải ngoại đã bắt đầu khác xa tinh thần khởi điểm ban đầu của nó. Bùi Vĩnh Phúc cảm thấy cần phải dùng chữ "dòng văn chương ngoài nước" thay cho "dòng văn chương lưu vong" hoặc "văn chương hải ngoại": *"Khi nói ngoài nước, ta vẫn cảm thấy gần gũi đối với đất nước với con người Việt hơn là khi nói đến quốc ngoại. Sự cảm thông, sự rung động này có lẽ là do ảnh hưởng khác biệt đối với thâm thân của ta hai tầng ý nghĩa thuần Việt và Hán Việt."*

II.

Sự kiện 30.4.75 đối với văn học là một cái mốc đặc biệt quan trọng. Nó tạo ra một nền văn học thống nhất trong nước nhưng đồng thời cũng khởi đầu một nền văn học lưu vong ngoài nước. Nền văn học lưu vong ấy kế thừa tư tưởng chính trị và kỹ thuật văn chương của văn học Sài Gòn trước 75 nhưng có những màu sắc độc đáo mới khi nó tồn tại và hoạt động trong các xã hội phát triển cao. Nó phản ánh đời sống của một bộ phận người Việt sống trong hoàn cảnh éo le đầy thương cảm ở bên ngoài, bị chia cắt với đất nước. Nó càng đi xa càng phát triển mạnh mẽ thì càng đi vào qui luật tiếp cận, hội nhập với văn chương trong nước, với cội nguồn dân tộc. Tức là: tính lưu vong khởi thủy sẽ mất dần đi, nhường cho tính hòa hợp với nền văn chương ở quê hương. Có thể phân định các thời kỳ của nó như sau:

1. THỜI KỲ HÌNH THÀNH, KHAI PHÁ: 1975-1980

Các cây bút di tản chưa thoát khỏi trạng thái hoang mang, tuyệt vọng. Họ

còn chờ đợi sự giải thoát, cứu trợ về công ăn việc làm, nhà ở - Một vài người thi thoảng mới cầm bút. Một số hoàn toàn im lặng. Một số khởi định viết rồi cũng im lặng nốt. Phần văn học trong mấy tờ báo di tản lúc đó vắng bóng các tên tuổi cũ, hoặc có thì người ta cũng ký tên khác. Xuân Vũ xuất hiện đều trên *Trắng Đen* với bút danh Lê Mỹ Hương, nhưng không mấy hấp dẫn. Để có món ăn cho độc giả, các báo phải đăng tải tiểu thuyết của Quỳnh Giao và Kim Dung.

Những sáng tác tiêu biểu là tập *Đất Khách* của Thanh Nam, *Thơ Cao Tần* của Lê Tất Điều, *Thư Gửi Bạn* của Võ Phiến...

2. THỜI KỲ PHÁT TRIỂN 1981-1985

Từ đầu năm 1980 làn sóng vượt biên làm gia tăng đáng kể số lượng người Việt tị nạn. Nhiều cây bút cũ của Sài Gòn sau khi hết hạn cải tạo cũng xuất cảnh hoặc vượt biên bổ sung cho đội ngủ văn chương ngoài nước. Cuộc sống và trạng thái tâm lý của cộng đồng người Việt hải ngoại tạm thời ổn định. Báo chí xuất bản tăng lên đột ngột do có máy xếp chữ ảnh điện toán áp dụng phương pháp quang học la-de. Phong trào chống cộng với hàng trăm tổ chức phản động lưu vong, ồ ào nhất là trên lĩnh vực âm nhạc đã khích thích không khí sáng tác của giới văn chương. Hội "Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại" được "Văn Bút Quốc Tế" công nhận, bầu lại lãnh đạo mới hoạt động mạnh về chính trị. Lề lối sinh hoạt của một nền văn học lưu vong cũng hình thành cùng với việc ra dời của những tạp chí chuyên về văn chương như *Văn Học* của Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác, *Văn* của Mai Thảo, *Làng Văn* của Nguyên Hương và Nguyễn Hữu Nghĩa - Một số cây bút mới xuất hiện đã nhanh chóng trưởng thành gây được ấn tượng, trong đó có nhiều cây bút nữ như Lê Thị Huệ, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Trần Diệu Hằng, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc...

Theo Nguyễn Hữu Nghĩa, những tác giả được chú ý trong giai đoạn này là Võ Phiến, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Diệu Hằng, Lê Thị Huệ, Hà Thúc Sinh, Hồ Trường An, Duyên Anh, Nguyễn Mộng Giác, Võ Hoàng.

3. THỜI KỲ KIỆN TOÀN 1986-1990

Do tác động của tình hình quốc tế và tình hình đổi mới trong nước, phong trào chống cộng ồn ào hung hãn lắng xuống. Qua thử thách của thời gian và thị trường rất nhiều báo và tạp chí rơi rụng. Máy vi tính giúp cho các nhà văn viết lách thuận lợi và nhanh hơn. Thực tế đất nước và văn học đổi mới trong nước tác động vào cộng đồng hải ngoại. Người Việt ở nước ngoài có khả năng để dự cảm về tương lai hòa hợp dân tộc tái thiết đất nước.

Trong khi Võ Văn Ái hô hào chiến dịch *"chuyển lửa về quê hương"* thì nhiều tác phẩm văn học đổi mới trong nước được phổ biến trong đồng bào hải ngoại - Một số văn nghệ sĩ có tên tuổi ở Sài Gòn trước đây muốn xin về thăm đất nước. Lo sợ ảnh hưởng của văn học trong nước, số văn nghệ sĩ "diều hâu" cực đoan kêu gọi tẩy chay ngăn chặn *"sự xâm nhập của văn nghệ Hà Nội cộng sản"* vào cộng đồng hải ngoại. Thù hận và cố chấp, họ gọi văn học đổi mới trong nước chỉ là *"đồ giả"*, *"trò bịp của Hà Nội nhằm chia rẽ cộng đồng tị nạn"*. Họ tẩy chay cô lập những văn nghệ sĩ về thăm đất nước và những nhà xuất bản, những báo in lại tác phẩm trong nước.

Khuynh hướng văn học chống cộng hung hãn ồn ào mất dần hấp dẫn, cạn kiệt nguồn sống. Khuynh hướng văn học lành mạnh gây được ảnh hưởng với cộng đồng hải ngoại với những vấn đề cấp thiết, nghiêm túc trong cuộc sống của họ, giúp cho họ tìm được lời giải cho tương lai. Bên cạnh Nhật Tiến, Du Tử Lê, Nguyễn Mộng Giác, Duyên Anh... có thêm nhiều tên tuổi mới đầy bút lực: Luân Hoán, Thường Quán, Ngô Nguyên Dũng, Trần Mộng Tú, Trần Long Hồ, Nguyễn Văn Ba, Trân Sa, Khánh Trường, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trịnh Y Thư...

4. THỜI KỲ PHÂN HÓA, THANH LỌC TRỞ VỀ NHẤT THỂ MỚI

Từ năm 1990 đến nay, khuynh hướng trở về cội nguồn trong văn học Việt ngoài nước đã chứng tỏ ưu thế trong một loạt sự kiện văn học gây chú ý đối với cộng đồng hải ngoại. Đại hội văn bút nhiệm kỳ 1991-1993 liên danh Nguyễn Ngọc Ngạn thất bại nhường vai trò lãnh đạo cho liên danh của bác sĩ Trang Châu, Trương Anh Thụy, Võ Kỳ Điền. Tháng 10, 1991 Tập san Văn Học Nghệ Thuật Biên Khảo *Hợp Lưu* tuyên bố đoạn tuyệt với kiểu quan hệ cũ giữa những người cầm bút hải ngoại đầy những hằn thù, nghi kỵ, bài bác, chia rẽ và chủ trương một lối thoát dũng cảm là *"trực diện với sự thật, hướng tầm nhìn về tương lai, đặt tiền đồ của văn hóa dân tộc lên trên hận thù giai đoạn bằng con đường hợp lưu"*.

Tiếp theo, tháng 6, 1992, từ Toronto, Canada lại ra đời tạp chí *Trăm Con* do nữ thi sĩ Trân Sa chủ biên. Tập hợp *Trăm Con* chủ trương không bị ràng buộc bởi quá khứ nào mà chỉ hướng về tương lai, không bị ràng buộc bởi bất kỳ một lãnh tụ nào, một chế độ nào, một ngoại bang nào mà chỉ có hòa hợp dân tộc là một.

Người Việt hải ngoại chào đón *Hợp Lưu, Trăm Con* và đánh giá đó là xu thế tất yếu đi đến hòa hợp dân tộc. *"Từ bao năm nay có lẽ đến bây giờ báo chí hải ngoại mới thực sự giành lại được cái chức năng cao quí của nó, phản ánh trung thực tâm tư nguyện vọng của tuyệt đại đa số quần chúng"*.

Cuối tháng 6, tại Montréal, Võ Đình tổ chức cuộc triển lãm hội họa và

sáng tác trong ba mươi lăm năm của ông để gặp mặt đồng sự bạn bè cầm bút tị nạn. Nhưng trước ngày khai mạc triển lãm, có người gởi thư đến Võ Đình, nhóm *Hợp Lưu, Trăm Con* đe dọa nếu họ đến Montréal sẽ xảy ra hành hung. Tại Toronto, hai tờ *Làng Văn* và *Chiến Sĩ Tự Do* đòi hỏi Hiệp Hội báo chí Canada triệu tập cuộc họp khẩn cấp tẩy chay *Trăm Con*, kết quả 5 trên 7 thành viên Hiệp hội không tán thành và đa số thành viên bỏ phiếu chấp thuận giải tán Hội. Các tòa báo người Việt khắp nơi nhận được bản tin tường thuật vụ Hiệp hội báo chí Canada tan vỡ kèm theo lời báo động Việt cộng vừa tung ra chiến dịch "Bông Hồng Xám" để phá hoại làng văn hải ngoại. Việc này được giới cầm bút hải ngoại gọi là "Sự kiện động đất ở Montréal". Ngày 6.7.1992 Chủ tịch "Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại" ra thông cáo tuyên bố:

"Được biết trong thời gian hai ngày 26 và 28 tháng 6 năm 1992 vừa qua tại thành phố Montréal (Canada), các nhân sự trong ban tổ chức ba buổi sinh hoạt đánh dấu 35 năm cầm bút của họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình đã bị áp lực từ nhiều phía để ngăn cản sự tham dự của một số anh chị em chủ trương hai tờ Hợp Lưu *ở California (Hoa Kỳ) và* Trăm Con *ở Toronto.*

Nhận thấy hành động này đi ngược với chủ trương và tinh thần Hiến chương của Văn Bút Quốc Tế mà chúng tôi là một thành viên, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại cực lực phản đối mọi thế lực cưỡng bức sự tự do sinh hoạt, tự do phát biểu tư tưởng của giới cầm bút Việt Nam tại hải ngoại."

III.

Về sự đánh giá các khuynh hướng văn chương ngoài nước.

Trong những tư liệu mà chúng tôi đã có, các ý kiến có nhiều điểm khác nhau, nhưng có một nhược điểm chung là sự lẫn lộn giữa các tiêu chuẩn về chính trị với tiêu chuẩn kỹ thuật và các màu sắc khác nhau về nội dung, đề tài của văn chương ngoài nước. Là do chỗ đứng của người nghiên cứu hoặc do một lý do nào đó người ta thường ưu tiên và cường điệu giá trị của loại văn chương chống cộng kiểu Nguyễn Ngọc Ngạn, Thế Giang, Võ Văn Ái, Võ Hoàng, mà nhìn nhận không công bằng lắm với khuynh hướng phản ánh thực trạng cuộc sống xã hội di tản và tìm kiếm lối thoát hợp lý cho tình trạng lưu vong.

Nguyễn Hưng Quốc cho rằng đặc điểm của văn học lưu vong là ba yếu tố:
- Về chính trị là chống cộng, chống lại văn học trong nước.
- Tự do sáng tác
- Đối kháng lý tưởng.

Bùi Vĩnh Phúc đưa ra cách chia làm 6 nhánh:
- Nhánh "hoài cảm nhớ nhà"
- Nhánh "lên đường chiến đấu"

- Nhánh "thích nghi"
- Nhánh "hội nhập"
- Nhánh "tiếp cận lịch sử xã hội"
- Nhánh "duy cảm, duy nhiên".

Nguyễn Mộng Giác quy tất cả về các dạnh thức phản kháng chính trị của văn học lưu vong Việt Nam. Ông phân loại làm 5 dạng thức:

a) Dạng thức hoài niệm gồm hai giai đoạn: 1975-1979: cảm thức lưu lạc. Từ 1979 trở đi: gồm hai khuynh hướng:
  - Khuynh hướng văn chương phong tục của các cây bút gốc miền Nam
  - Khuynh hướng hồi ký (trừ các hồi ký cải tạo)

b) Dạng thức văn chương đấu tranh (gồm cả hồi ký cải tạo).

c) Dạng thức hội nhập (chủ yếu là các cây bút trẻ và các cây bút nữ).

d) Dạng thức phê phán lịch sử.

Nguyễn Hữu Nghĩa tạm chia sinh hoạt văn nghệ Việt Nam lưu vong làm 5 khuynh hướng:
- Khuynh hướng dấn thân (gồm cả chống cộng và phần hoài niệm quê hương và tìm kiếm con đường giải thoát lưu vong)
- Khuynh hướng xã hội.
- Khuynh hướng hoài niệm.
- Khuynh hướng giao lưu (với Tây phương và với Hà Nội).
- Khuynh hướng bác học (gồm cả ba ngành biên khảo, nghị luận và dịch thuật, thơ, minh họa).

Một tác giả khác, Trịnh Xuân Kim, trên tạp chí *Đất Mới* đưa ra bốn khuynh hướng như sau:
- Khuynh hướng chống cộng.
- Khuynh hướng hoài vọng.
- Khuynh hướng phi chính trị, vị nghệ thuật.
- Khuynh hướng đổi mới.

Ở trên chúng tôi đã có nhận xét về các cách phân loại vừa được trình bày. Tham vọng phân chia ranh giới rành rẽ giữa các khuynh hướng và nghiêng về cổ động chính trị cho thái độ đối lập với đất nước sẽ làm cho người ta khó tiếp cận với bề mặt thực trạng văn học nước ngoài, trong từng thời điểm cũng như cả quá trình của nó. Chúng tôi tạm đưa ra một phương pháp phân chia tổng hợp nhiều bình diện khác nhau như sau:

A. CÁC KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ.

1. Khuynh hướng đối kháng với trong nước, chịu ảnh hưởng nặng của văn

học Sài Gòn trên 1975. Gồm một số sáng tác của các cây bút có tên tuổi cũ và Nguyễn Ngọc Ngạn với các tiểu thuyết *Màu Cỏ Úa, Chân Dung Người Góa Phụ, Trong Quan Tài Buồn, Cõi Đêm*..., Xuân Vũ (chiêu hồi trong kháng chiến chống Mỹ, đã được giải thưởng văn học của Sài Gòn với tiểu thuyết *Đường Đi Không Đến*) với các tiểu thuyết *Trên Lối Mòn Hậu Chiến, Kẻ Sống Sót*..., Thế Giang vốn sinh trưởng ở Hà Nội rồi vượt biên 1980, với tập truyện *Thằng Người Có Đuôi*. Các tập hồi ký *Cùm Đỏ* của Phạm Quốc Bảo, *Đáy Địa Ngục* của Tạ Ty, *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh...

2. Khuynh hướng thích nghi ưu tiên cho sự tìm kiếm giải pháp hợp lý cho tình trạng lưu vong của cộng đồng tại đất nước sở tại. Chẳng hạn quan niệm "hợp lưu" của Hồ Trường An. *Hợp Lưu* là một tác phẩm gồm nhiều truyện ngắn, mỗi truyện là một cảnh đời ly hương, một bài học về phép ứng xử để tồn tại trong cảnh huống lưu vong. Một cô gái, mẹ, em chết trong chiến tranh, vật lộn với cuộc sống sau 1975, sống chết gang tất trên thuyền vượt biên... cuối cùng đến đất Pháp, lấy chồng người Pháp rồi sinh con đẻ cái, vun đắp cho một gia đình êm ấm. Một chàng trai hăng hái lao vào hoạt động chống cộng của một tổ chức người Việt tỵ nạn, cũng như đã hăng hái lao vào những cô đầm với những cuộc tình trác táng, rồi bỗng nhiên một ngày thức tỉnh và cảm thấy muốn sống một đời mẫu mực, thanh thản của một viên chức. Hồ Trường An nói về "hợp lưu" như một quan niệm sống: dòng chảy đến từ một cội nguồn nào xa lắc, nhưng một khi đã đến cái nơi mà phải gặp một dòng nước khác thì hai dòng cùng hợp lại để xuôi ra biển. Đó là thái độ chấp nhận ta với người một cách cởi mở, hân hoan, thư thái...

3. Khuynh hướng hội nhập dân tộc, hướng về đất nước với tâm thế hoài vọng và gắn bó chứ không phải "căm thù cộng sản" và mơ ước "chiến thắng trở về". Mặc dù khuynh hướng này còn có thái độ phê phán hiện thực trong nước nhưng về mặt chính trị là thái độ chấp nhận. Đó là quan niệm của nhóm *Hợp Lưu, Trăm Con*, của Du Tử Lê với *Khi Tôi Chết Hãy Mang Tôi Ra Biển; Trường Khúc Mẹ Về Biển Đông*, của Nhật Tiến, Thụy Khuê, Đặng Tiến, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Trần Vũ, Thường Quán, Luân Hoán, Nguyễn Hồi Thủ, Nguyễn Bá Trạc...

4. Khuynh hướng thuần túy nghệ thuật. Thực ra đây chỉ là một cách gọi, bởi vì chú trọng đến những đề tài mang tính nhân đạo cũng là một thái độ chính trị lành mạnh. Người cần bút khi viết về các cảnh đời trong quá khứ của quê hương không nhằm phê phán, đả kích xã hội hiện tại, họ chỉ thể hiện một quan niệm về con người, về quê hương. Khuynh hướng này biểu hiện ở những sáng tác của Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Văn Ba, Nhị Lang...

B. CÁC KHUYNH HƯỚNG NGHỆ THUẬT GỒM CÁC PHONG TRÀO SÁNG TÁC.

- Phong trào cổ điển: Viết với kỹ thuật và ngôn ngữ của truyền thống văn học chữ Việt ở giai đoạn khai sáng như Vi Khuê, Tuệ Nga, Trần Vấn Lệ, Nhị Lang...
- Phong cách hiện đại: viết với kỹ thuật và ngôn ngữ của văn học Sài Gòn tiền 1975 và văn học thế giới hiện đại như Du Tử Lê, Trần Diệu Hằng, Đỗ Kh., Trần Vũ, Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác, Mai Thảo, Duyên Anh, Nhã Ca...
- Thể nghiệm tính dục: Nguyễn Thị Thanh Bình, Đỗ Kh., Kiệt Tấn, Trần Vũ...
- Thể nghiệm tâm linh tôn giáo: Nguyễn Hữu Nhật, Nghiêu Minh(1)...

C. CÁC KHUYNH HƯỚNG LỰA CHỌN ĐỀ TÀI.

- Đề tài quá khứ, lịch sử: hai bộ *Mùa Biển Động, Sông Côn Mùa Lũ* của Nguyễn Mộng Giác, Hồi ký lịch sử của các chính khách, tướng lĩnh quân đội Việt Nam Cộng Hòa...
- Đề tài cuộc sống hiện tại trong nước: Thế Giang, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Ngọc Ngạn...
- Đề tài cuộc sống của cộng đồng người tị nạn: Ngọc Khôi, Cao Bình Minh, Trần Thị Kim Lan, Lê Thị Huệ...

D. CÁC KHUYNH HƯỚNG BẢN SẮC

- Nhóm văn chương gốc miền Nam với bản sắc các địa phương Nam Bộ: Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Võ Kỳ Điền, Phạm Thăng, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Văn Ba, Huỳnh Hữu Cửu, Nguyễn Hoàng Hưng(2)...

E. CÁC THẾ HỆ CẦM BÚT

- Thế hệ Sài Gòn tiền 1975: Bình Nguyên Lộc, Nguyên Sa, Mai Thảo, Túy Hồng, Nguyễn Thị Vinh, Trùng Dương, Dương Kiền, Nguyễn Tất Nhiên...
- Thế hệ cầm bút sau 1975: Hồ Đình Nghiêm, Định Nguyên(3), Bùi Bích Hà, Phan Tấn Hải, Nguyễn Mạnh Trinh...
- Thế hệ trưởng thành ở hải ngoại: Vũ Quỳnh N.H, Hoàng Mai Đạt, Ngu Yên, Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Hoàng Nam...

Mỗi thế hệ có một vai trò nhất định đối với từng giai đoạn của văn học Việt ngoài nước. Lớp cầm bút trẻ đang sung sức, đang làm biến đổi bộ mặt

của nền văn học ấy theo chiều hướng tích cực, hợp với xu thế phát triển của thời đại và đất nước.

IV.

Mười tám năm qua, một chặng đường dài, đủ cho một thế hệ lớn lên. Như một đứa trẻ bỏ bố mẹ đi lưu lạc nay tìm cách trở về nhà. Đứa bé biết bao biến đổi. phong sương, dày dạn, đã là một chàng trai chững chạc. Có thể nói nền văn học Việt ngoài nước như thế. Có thể ghi nhận cố gắng của đông đảo anh chị em cầm bút hải ngoại để vượt qua hoàn cảnh sống khắc nghiệt, để bảo tồn chữ Việt và văn hóa dân tộc trên đất khách quê người, để nối dài truyền thống sáng tạo, gắn bó với nhân dân, đất nước của văn học Việt.

Nền văn học Việt ngoài nước hôm nay có một đội ngũ sáng tác đông đảo hàng mấy trăm cây bút đủ các thế hệ, các thể loại với các báo, các tạp chí chuyên ngành, với các cơ sở xuất bản có điều kiện hiện đại. Khởi đầu từ tính chất lưu vong, đối kháng với đất nước, khi trưởng thành nó tự thanh lọc các tính chất tiêu cực, và đang phát triển tính hội nhập cội nguồn để trở về hòa vào dòng văn học lớn của đất nước. Một vài người cầm bút hải ngoại lo sợ điều này, vẫn muốn níu giữ một nền văn học lưu vong cô độc không muốn cho nó hướng về đất mẹ. Người ta lo lắng về một ngày hòa hợp dân tộc, mọi người tha hương đều thoải mái đọc sách báo trong nước và tác phẩm của người cầm bút hải ngoại được phổ biến rộng rãi trong nước thì cái gì sẽ xẩy ra: "Nó sẽ biến mất với tư cách là một nền văn học lưu vong".

Nếu "ngày ấy" đến thì có cái gì phải lo sợ, lo lắng về một qui luật tốt lành? Một khi những người cầm bút ngoài nước thực sự đóng góp vào công cuộc tái thiết đất nước, chấn hưng dân tộc và chúng ta có một nền văn học Việt ngoài nước độc đáo là một bộ phận tài sản văn hóa dân tộc.

LÊ HOÀI NGUYÊN
Hà Nội tháng 5, 1993

Chú thích của tòa soạn Hợp Lưu:

(1) Tác giả này không quen tên ở hải ngoại. Có thể là Nguyên Phong?

(2) Có lẽ Nguyễn Tấn Hưng.

(3) Định Nguyên cầm viết trước 1975.



TRỤ VŨ

quasimono

Có một lão lưng gù
yêu một nàng công chúa
một mối tình thiên thu:
- bếp hồng còn đỏ lửa.

Hôm nay tôi cũng khóc
như lão đã khóc nhiều
như em rồi sẽ khóc:
- châu ngọc của tình yêu

Có chút chi cao quí
trong hạt lệ âm thầm
có chút chi thi vị
trong mối tình lặng câm.

Hồng hoa đương độ nở
cứ hát khúc yêu đương
chi hay tình câm của
tấm lá khô bên đường.

Trong vắng lặng lầu chuông
của nhà thờ Đức Mẹ
chiêm ngưỡng đóa hoa hường
lão gù rưng mắt lệ.

Ôi nàng thì tuyệt đẹp
giữa trời đất thanh tân
trên đôi mày nét nguyệt
hiện vẻ chi thiên thần

Nàng ngồi bên cửa sổ
trong tiếng hát thiên đường
đưa hai bàn tay nhỏ
ôm chim mà yêu thương.

Hồn dâng tình tuyệt mỹ
lão gù đứng dưới chân
đưa tay che mặt quỷ
ngắm bức tranh thiên thần.

Nàng quay đầu trở lại
ngó xuống, ngó xuống thềm
lão gù che mặt lại...
mà trông lên, trông lên.

Đôi mắt lặng nhìn nhau
đất trời không tiếng nói
ôi nàng có hay đâu
lòng ai đang khổ tủi.

Hôm nay tôi cũng khóc
như lão đã khóc nhiều
như em rồi sẽ khóc...

Trăng tàn trong hoang liêu.

TRỤ VŨ
(trong nước)



ĐẶNG TIẾN

thơ hoàng cầm, truyền thống và hiện đại



Hoàng Cầm (1989)
qua Bùi Quang Ngọc

Hoàng Cầm là một nhà thơ Việt Nam xuất sắc bị buộc phải im hơi lặng tiếng hơn ba mươi năm, nên tài hoa chưa được quần chúng tiếp nhận đầy đủ, và giới phê bình, nghiên cứu có khoảng cách để đánh giá đúng mức.

Vài năm nay, đã thấy xuất hiện nhiều tác phẩm Hoàng Cầm. Gần đây, mừng Hoàng Cầm lên bảy mươi - với trên lưng già nửa thế kỷ sáng tác và gian truân - nhà xuất bản Văn Hóa cho in một tập thơ chọn lọc 1942-1992 dưới tựa đề, Bên Kia Sông Đuống, *một tuyển tập đặc sắc.*

Hoàng Cầm sinh năm 1922, tên thật là Bùi Tằng Việt do nơi sinh là thôn Phúc Tằng, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Hà Bắc). Anh ra đời và lớn lên trong tiếng hát Quan họ, tại vùng Kinh Bắc xưa, cái nôi văn hóa của đồng bằng Bắc Bộ. Thơ Hoàng Cầm bắt nguồn từ nền văn hóa kia và tiếng hát ấy. Thi hứng của anh xoáy dọc xoay ngang vào những Kinh Bắc, Thuận Thành, Bát Tràng, Sông Đuống. Từ lưng vốn cũ càng, Hoàng Cầm từng bước làm mới thơ mình, anh là trường hợp hiếm hoi nếu không phải là duy nhất giữa những nhà thơ cùng lứa tuổi, đã tạo ra một phong cách thi ca mới, trên một nền từ vựng cũ, trên phong tục cổ truyền. Thơ Hoàng Cầm là cuộc hôn phối hạnh phúc giữa tính dân tộc và tính hiện đại.

I. CÂY TAM CÚC

Cây Tam Cúc là một bài thơ hay, tiêu biểu cho những thành tựu nghệ thuật của Hoàng Cầm. Từ một trò chơi dân gian khá phổ biến, tác giả đã sáng tạo nên một bức tranh trữ tình đặc sắc và phong phú, bắt đầu với tình nam nữ, rồi đến tình chị em, tình người, tình dân tộc. Rộng ra nữa là tình yêu tuổi trẻ, quê hương, tình yêu cuộc sống trong mọi mặt, trong cảnh nhàn nhã lẫn lúc chênh vênh. Từ một ổ rơm giản dị, hình ảnh quê nghèo, Hoàng Cầm đã vẽ lên giấc mơ hạnh phúc, giấc mộng lứa đôi với ít nhiều nhục cảm. Bài thơ tình tứ và nhẹ nhàng, có khả năng làm suy nghĩ, nhờ kỹ thuật già dặn và tân kỳ của Hoàng Cầm về mọi mặt từ vựng, ngữ điệu cũng như hình ảnh.

Một điều cần nói thêm: nếu đặt được bài thơ vào không khí và văn hóa quan họ thì nó sẽ thêm hương sắc. Những câu hát quan họ, thường là những bài tỏ tình trai gái, có khi trơ trẽn; nhưng đặt vào nền văn hóa quan họ, thì khác: những bài hát ấy mời gọi, ca tụng cuộc sống và con người. *Cây Tam Cúc* của Hoàng Cầm cũng vậy: nó chuyên chở tình người, tình quê nhiều hơn luyến ái lứa đôi.

Cũng như những làn điệu dân gian xưa kia, thơ Hoàng Cầm ngày nay là những ngọn lửa sưởi ấm cuộc sống, một tia nắng mới trên chân trời cũ. Những đóa râm bụt nở muộn màng trên bờ dậu, làm thắm lại niềm lãng quên bên triền ký ức.

*

Thơ Hoàng Cầm trau chuốt, có khi do dụng công và kinh nghiệm, có khi chỉ là thành tựu của vô thức - mà nhà thơ gọi là *thần lực* hay *tâm lực*. Vô thức ở đây là phần tích lũy trầm kha của rung cảm và tiềm năng sáng tạo; thi nhân từ năm này sang năm khác sống triền miên bài thơ mình cho đến lúc nó bật ra thành lời, thành tiếng; do đó, Hoàng Cầm có lần tâm sự rằng nhiều câu thơ, có khi toàn bài thơ của mình, là tiếng nói đến trong những giấc mơ, từ một thế giới khác, như là một giọng nói màu nhiệm, linh thiêng.

Thơ Hoàng Cầm giàu âm điệu. Anh nói: *"Nhạc điệu là cái xe chở cái hồn của bài thơ"*. Có những câu thơ dìu dặt, luyến láy do sắp xếp; nhưng giai điệu toàn bài thơ có thể xuất thần, vượt khỏi dụng công. Ví dụ bài *Cây Tam Cúc* trên 111 chữ đã có đến 27 âm *đ* là một phần tư. Ngoài số lượng, còn chất lượng: âm *đ* đứng vào những vị trí xung yếu, hay diễn tả những tình ý thiết thân:

Em đừng lớn nữa, Chị đừng đi
... Em đi đêm, tướng điều sĩ đỏ
Đối xe hồng đưa chị đến quê Em
... Quan Đốc đồng áo đen nẹp đỏ
Thả tịnh vàng cưới Chị...

Âm *đ* còn là những chuyển động trong bài thơ *đi, đứng, đưa* và *đến*; hay là màu sắc hạnh phúc: tướng *điều sĩ đỏ*; trầu cay má *đỏ* đối lập với màu đen của định mệnh: Quan *Đốc Đồng* áo *đen* nẹp *đỏ*; tướng sĩ *đỏ đen*. Hai chữ *đỏ đen* cô đọng nội dung bài thơ, một trò chơi may rủi, giống như tựa đề *Đỏ Và Đen* của tiểu thuyết Stendhal.

Âm *d* chủ đạo âm điệu bài thơ *Cây Tam Cúc* của Hoàng Cầm nhắc ta âm *l* trong bài thơ *La Fileuse* của Valéry, và một câu thơ khác của Hoàng Cầm rất cảm động:

Em ngồi đâu, Chị đứng đâu
Bỗng dưng hai đứa hai đầu hư không

Ngoài giai điệu toàn bài thơ, gồm những câu dài ngắn, so le, với nhịp điệu thường xuyên thay đổi. Bắt đầu bằng nhịp cổ điển, sau đó tiết điệu biến đổi, khi dìu dặt, khi rắn rỏi, lúc khoan thai, nói chung là nhẹ thoảng. Có thể nói *Cây Tam Cúc* là một bài thơ ngắn dồi dào nhịp điệu vào hàng đầu trong thơ Việt. Hoàng Cầm phân phối, luyến láy những nguyên âm, phụ âm rất tài tình. Đoạn đầu, bốn âm k (=c) câu đầu vọng lại ở hai chữ (*cây / cay*), biệt dãi ở câu giữa, "kết" ở chữ "*kết*" rồi chữ "*quê*" (đọc *k*) câu bốn. *Quê em* là hình ảnh của hạnh phúc vọng tưởng

Năm sau giặc giã
Quan Đốc đồng áo đen nẹp đỏ
Thả tịnh vàng cưới chị
võng mây trôi

Quan Đốc Đồng... nhịp thơ gay gắt, như định mệnh bức bách đánh dấu bằng âm *đ* cứng rắn - như trong những chữ *đánh đấm, đạp đổ, đấu đá, đau đớn* đối lập với câu sau, ung dung, nhẹ thoáng, làm nổi bật những động từ phóng túng, tự do, thoải mái: *thả, cưới, võng, trôi* đưa đến hư không. Chữ *thả* dùng rất độc và đắt, nhắc đến những cuộc bố ráp của một quân đội viễn chinh vô kỷ luật. *Võng* đi với *cưới*, nhưng kết quả là *mây trôi*, như một hạnh phúc tan biến, vô tông tuyệt tích:

Em đứng nhìn theo, Em gọi đôi

Còn lại một mình Em, giữa cảnh mây trôi, tan tác. *Gọi đôi* là gọi Chị, gọi hạnh phúc, gọi vô cùng và vô vọng.

Câu thơ ngắn và đơn giản nhất

Năm sau giặc giã

nhắc lại hoàn cảnh lịch sử, nhắc thoáng qua thôi, nhưng chúng ta đều nhớ đến hàng triệu giấc mơ tình đã cháy rụi, đã tàn lụi trong cơn hỏa mộng dài nửa thế kỷ. Thơ Hoàng Cầm trọn vẹn với dân tộc chỗ đó. Giặc giã, tự nó mang theo bạo lực áp bức. *Quan Đốc đồng* là chức quan địa phương thời Lê, ở đây là hình ảnh của định mệnh, của cường quyền; chữ *đốc đồng* được chọn, vì âm vang và vì thể chất kim khí cứng rắn, đối lập với tuổi thơ *đứa được, đứa thua*, với hạnh phúc thanh bình có *đi*, có *đưa* là có *đến*. Thân phận người chị long đong: động từ *cưới* không rõ chủ từ, qua câu thơ, không rõ *Quan Đốc đồng*

cưới chị hay ông ấy chỉ *thả tịnh vàng cưới chị*. Ai cưới, không biết, về dâu cũng không hay; chúng ta cảm giác một cuộc cưỡng hôn, hay một cuộc hôn nhân chắp nối trong giặc giã. Đau xót nhất là Em đã bảo: *Chị dừng đi.*

Ta đã thấy Hoàng Cầm dùng động từ rất tài tình. Các nhà thơ mới đều có chủ tâm sáng tạo bằng động từ. Như Huy Cận:

Sóng rủ nhau đi bát ngát cười
(...)
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
(...)
Đêm thở, sao lùa nước Hạ Long

Hoàng Cầm cũng sành dùng hoán dụ:

Thân cau cụt vẫy đuôi mèo trắng mốc
Chuồn chuồn khiêng nắng sang sông
(...) cò chở nắng tề phi...
(...)
Hàng tre nhả yếm
Đá nghển trông con
gục đầu sườn núi Dạm
Lụa vàng xé lộc rắc tro tiền

nhưng đặc sắc là những động từ rất chính xác trong trò chơi tam cúc, nhưng lại ẩn dụ tình ý khác: *chị gọi đôi cây... Nghé con bài... Em đi đêm... chui sấp ngửa... đổi xe hồng... Em gọi đôi...* Dĩ nhiên, người biết chơi tam cúc sẽ thích thú với những động từ *gọi, kết, chui, đi đêm* (đổi bài) *đổi*. Thậm chí ta có thể lắp ghép hai câu thơ, để tóm tắt toàn bài:

Chị gọi đôi cây - Em gọi đôi.

Chị chỉ đánh bài tam cúc thôi, còn Em thì mơ tình yêu, đôi lứa. Em sẵn sàng hy sinh những tài sản quý giá nhất, những con bài tốt nhất, *tướng điều sĩ đỏ*, để hưởng được một thoáng hạnh phúc phù du: *Đổi xe hồng đưa Chị đến quê Em.*

Giấc mơ tình ái đã đến với Hoàng Cầm từ tuổi lên tám, bên cạnh cô hàng xóm tên Vinh tuổi gấp đôi. Tuổi thơ sớm đã phảng phất mùi tính dục với *hơi tóc ấm... dọng tuổi dương thì*, và hình ảnh rạo rực, tinh quái:

Tướng sĩ đỏ đen chui sấp ngửa

Có lẽ trai gái chơi bài xong, mệt quá, lăn kềnh ra ngủ: hình ảnh mộc mạc hồn nhiên của quê nghèo. Chúng ta nhớ bài thơ *Cờ Người* được gán cho Hồ Xuân Hương, có câu: *quân thiếp trắng, quân chàng đen*, và Hồ Xuân Hương thường có lối chơi chữ như thế. Văn học dân gian đã cho ta những ví dụ chơi chữ tinh tế:

Quay tơ thì giữ mối tơ
Dầu năm bảy mối cũng chờ mối anh
... Biết nhau từ thuở buôn thừng
Trăm dứt ngàn nối xin đừng quên nhau

Cấu trúc *Cây Tam Cúc* hài hòa tỏa ra một thế giới riêng, trong đó kỹ thuật chơi chữ như biến dạng với những đường khâu, chúng ta chỉ còn thấy một tấm áo đẹp, hay một họa phẩm tuyệt vời.

Bình thường, tình ái đưa đến hôn nhân. Trong thơ Hoàng Cầm thì ngược lại, hôn nhân là mối động cơ của tình ái, là giấc mơ tình ái. Hình ảnh *xe hồng* đẹp và tinh tế. Nghĩa đen của nó là quân bài, nhưng mang hình tượng của xe cưới, xe hoa - ngày xưa đã có phong tục dùng kiệu kết hoa để rước dâu. *Trầu cay má đỏ kết xe hồng*... Vẫn người chị ấy, trong giấc mơ hôn phối,

Chị vỡ pha lê. Bùn vẫy tay
Hồn trong Em chuốc Chị chìm say
Là Em cưới Chị xanh thiêm thiếp
Sinh một đàn con
Mây trắng bay (Chị Em Xanh)

Viển vông, sao mà giấc mơ tha thiết đến thế. Cũng người chị ấy, trên một cánh đồng chiều đông, đã hứa hẹn hão huyền:

Đứa nào tìm được lá Diêu Bông
Từ nay ta gọi là chồng...
(...)
Ngày cưới Chị
Em tìm thấy lá
Chị cười xe chỉ ấm trôn kim (Lá Diêu Bông)

Lễ cưới, trong thơ Hoàng Cầm, là một hình tượng nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ trên hết. Hôn lễ không phải là luật lệ, nghi thức xã hội mà thôi, nó là một thành tựu của tình người hài hòa trong xã hội: hôn lễ là sự đồng thuận giữa hai cuộc sống, trong rất nhiều cuộc sống làm thành đại gia đình, xã hội, dân tộc; là dòng sông hòa hợp để tiếp nối dòng sống của loài người. Hôn lễ là niềm vui của nhân loại qua đám cưới chuột "*tưng bừng rộn rã*" trong bài *Bên Kia Sông Đuống*. Thơ là hôn lễ của từ ngữ, giữa lòng ngôn ngữ. Từ đó, khi tả một mâm cưới nghèo, chỉ có khoai luộc, Hoàng Cầm đã cấu tứ được một hình tượng đặc sắc:

Cỗ cưới chênh vênh khoai luộc
Mật vàng mọng rách vỏ nâu non (Đợi Mùa)

Tả củ khoai như vậy là thần tình, và hiện đại: thơ văn Việt Nam dường như chưa có củ khoai nào đa tình đến thế; trong ca dao, *củ khoai* còn phải *chấm mật*, ở đây mật *vàng mọng* sẵn trong củ khoai, như thân thể cô dâu căng đầy nhựa sống, chín mọng khát khao, chứa chan mật ngọt trần gian. Mà vẫn không quên những khốn khó của nhân gian, không quên thân phận *chênh vênh, nâu non rách rưới*. Đâu đây, còn phảng phất mùi da thịt cô gái hai mươi:

Ổ rơm thơm dọng tuổi dương thì

Nơi kia, hơi ấm cô gái lại thơm mùi gạo mới:

Đường quê mình dăng hương tám đỏ

Khép ổ rơm mùa dăng tóc tám xoan
Em quẩy sân vuông cót tròn nếp quít
Em nung gạch già thuyền ngả bến than
(...)
Hàm răng nuột nà xít xa dóng mía
Vú xuân đường phèn căng bưởi Nga My
Môi hè thạch non hé dưa hấu tía
Cốm sen cuối cành gói lá dài bi.
(...)
Anh đi xa Em mới biết nói thầm
Đường đê chợ Trầm sang mùa tu hú... (Vợ Liệt Sĩ)

Hạnh phúc lứa đôi dậm đặc màu sắc dân tộc, mà hơi thơ lại mới mẻ, thắm tươi. Nhục cảm nồng nàn, rạo rực, mà dịu dàng, kín đáo. Cô gái quê trong Nguyễn Bính lúc nhớ người yêu thì cơ thể

Sao cứ đầy lên, cứ rối lên

Cô gái quê trong Hoàng Cầm, cơ thể *đầy* mà không *rối*. Cô gái tân thời trong thơ Xuân Diệu rảnh rỗi hơn:

Em gọi thầm anh, suốt cả ngày

Cô gái quê trong thơ Hoàng Cầm *mới biết nói thầm* khi xa vắng người yêu. Ý không thật, lời không thật, nhưng tình thì thật: vắng anh, cả đời sống nội tâm của em đều thay đổi, mọi đối thoại với người ngoài đều trống rỗng. Nói, là nói thầm, nói với anh hay nói một mình. Câu sau: *Đường đê chợ Trầm...* là một câu tả cảnh, ngoại cảnh và tâm cảnh cô gái

Anh đi xa Em mới biết nói thầm a
Đường đê chợ Trầm sang mùa tu hú b

Hai câu thơ kết hợp a + b mạch lạc, tinh tế, hay cái hay thường tình của văn chương, của lời nói khéo, nay ta thử tách rời a ra khỏi b, sẽ có hai câu thơ độc lập, lẻ loi, và mỗi câu đều có giá trị riêng, nhất là câu

Đường đê chợ Trầm, sang mùa tu hú

Ý nghĩa không có gì, nhưng âm vang kỳ diệu. Hoàng Cầm có nói: "*Cái tứ của thơ phải đọc ngoài lời. Có nhiều bài thơ mang một tứ rất lạ, khó giảng, khó bình, chỉ cảm thấy được thôi*".

Cũng là tiếng tu hú, cất lên đầu mùa hạ, gọi nắng hồng trái chín và những phiên chợ rộn rã trong thơ Nguyễn Bính:

Tu hú vừa kêu, vải đã vàng

mà âm vang khác. Có thể trong sáng hơn, nhưng không có tạo cảm giác mờ ảo, huyền nhiệm như câu thơ Hoàng Cầm. Ánh sáng ấy, là biên giới giữa thơ và văn xuôi.

Nhắc lại tình cảm ở tuổi thơ - tuổi mười hai ở quê vào năm 1934 là còn nhỏ lắm - Hoàng Cầm cùng làm chung với một người bạn, bài *Gọi Đôi* trên đồi chùa Phật Tích, xuân 1974:

Dưới sông kia chẳng quay đi

Mười hai tuổi cũ biết gì chị ơi
Một con bướm lửa đậu môi
Hai nhành hoa lửa chia đôi tay cầm
Ba tầng mây lửa trầm ngâm
Bốn con chim lửa đậu nhầm cỏ hoang.
(...)
Em ngồi đâu chị đứng đâu
Bỗng dưng hai đứa hai đầu hư không.

Ngọn lửa đam mê bùng cháy tuổi thơ của Hoàng Cầm sẽ tiếp nối bập bùng mãi trong thơ anh, cho đến bây giờ *"thì cũng bấy nhiêu ngày đêm nghe lửa reo mòn tuổi tác"*. Mượn hình ảnh trong truyện thơ *Men Đá Vàng*, ta có thể so sánh nhà thơ Hoàng Cầm với người thợ nung men sứ Bát Tràng trong huyền thoại, *gan hồng thạch, dạ kim cương, anh Phù Du ngày đêm canh sức lửa.*

Lửa của bướm hoa, lửa của đá vàng, thơ Hoàng Cầm, năm mươi năm qua, đã trầm ngâm vàng mười thử lửa.

*

Tam cúc là một trò chơi dân gian trong những ngày tết. Nói là dân gian, nhưng cũng phong lưu

Rút trộm rơm nhà đi trải ổ

hàm ý là cậu bé đi chơi lén dâu dó bên hàng xóm. Chỉ *trộm rơm* không thôi, thì không lấy gì trầm trọng. Nhưng niềm vui của cậu bé là vụng trộm. Mê say cô hàng xóm hơn mình tám tuổi, trong tình chị chị em em, thì có cái gì đó bất chính, mang mùi vị trái cấm. Cậu bé càng biết vậy, càng thiết tha, càng lý thú, cái thú *đi đêm* thầm lén. Người chị biết vậy mà vẫn để cậu em mơ mộng, vẩn vơ mà vô hại. Biết đâu cô chị chẳng thích thú và đồng lõa?

Nghé con bài tìm hơi tóc ấm
Em đừng lớn nữa, Chị đừng đi

Trong bài thơ, chỉ có một câu phủ định; nhưng vô vọng. Làm sao *"đừng lớn nữa"*, làm sao giữ mãi được cõi *"thiên đường xanh những mối tình bé dại" (le vert paradis des amours enfantines)* như lời thơ Baudelaire? Nhân vật Créon, cuối vở kịch Antigone của Anouilh cũng dặn chú tiểu đồng là *"đừng lớn nữa" (Il faudrait ne jamais devenir grand)*. Vấn đề của Hoàng Cầm là không thoát ra khỏi được tuổi thơ. Hoàng Cầm ở tuổi sáu mươi, bảy mươi, làm thơ là để sống lại tuổi mười hai, *"trong tấm lòng may thay vẫn là tấm lòng 12 tuổi"*.

Tuy nhiên, thơ Hoàng Cầm có hồi cố mà không có hoài cổ. Anh không tỉ tê, tí ta tí tách. Sử dụng chất liệu cũ để kiến trúc một phong cách thơ mới, Hoàng Cầm thành công. Thơ Hoàng Cầm vừa lạ vừa thân. Sinh trưởng từ tiếng hát quan họ, thơ Hoàng Cầm không phải là một làn điệu dân ca nối dài

mà là ngôn ngữ hiện đại của tâm hồn tân tiến. Đây là điều khó thực hiện, và số người đạt tới không nhiều. Không phải vì tình cờ mà mà tuyển tập *Bên Kia Sông Đuống* mở ra bằng bài *Cỏ Bồng Thi:*

Chị đưa Em đến bến này
Cheo leo mỏm đá
Trước vực
Sau khe
... Cỏ Bồng Thi phải cheo leo mỏm đá.

Đến bến là phải đến nơi bằng phẳng, êm ả, ngừng nghỉ. Nhất là nơi *chị đưa Em đến*. Sao vẫn *cheo leo*? Bài này viết năm 1959, nhưng ta không nên giải thích đơn giản bằng vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm mà anh là nạn nhân dài hạn. Vì cùng một năm ấy, anh còn làm nhiều bài khác rất thanh thoát, như *Lá Diêu Bông, Cây Tam Cúc* và loạt bài *Đêm Ngũ Hành*, không có ẩn ức gì về thân phận. Chính anh nói vào thời điểm ấy anh "*không một phút nào nghĩ tới thời cuộc chính trị và xã hội trước mắt*".

Cheo leo mỏm đá, theo tôi, là gian nan của người làm thơ, muốn sáng tạo và làm mới thơ mình. Người làm thơ khác người làm kinh tế, nhưng vẫn phải sử dụng một số vốn nhất định, về cảm xúc, tri thức và từ ngữ. Anh phải nhảy múa trên một *mỏm đá, trước vực, sau khe*; anh làm thơ gì đây, để nói cái gì đây và nói với ai đây? Khắc khoải của Hoàng Cầm cũng là của nhiều nhà thơ, nhà văn khác, những người bị cấm in ấn tác phẩm như anh hay Văn Cao, Trần Dần, đến cả những người có nhiều tự do hơn như Nguyễn Đình Thi, Huy Cận. Người nghệ sĩ vẫn thường muốn tiên tiến về mặt nghệ thuật, nhưng bản thân làm sao tiên tiến được trong một xã hội lạc hậu và trì trệ về tri thức, kinh tế và chính trị? *Mỏm đá* của Hoàng Cầm cũng *cheo leo* với nhiều tác giả khác.

Bình thường, nói chuyện thơ, thì chớ nên so sánh người này với người kia, vừa không nghiêm túc vừa kém trang nhã. Viết khéo đến đâu, thiện chí đến đâu vẫn có người giận. Nhưng đành so sánh cho sáng tỏ. Tôi đã nói: Hoàng Cầm kết hợp được tính dân tộc và tính hiện đại trong thơ. Văn Cao và Nguyễn Đình Thi là hai tác giả luôn luôn đấu tranh cho dân tộc và cho hiện đại, nhưng tính dân tộc và tính hiện đại trong thơ hai anh biệt lập với nhau. Xuân Diệu năm 1940 hiện đại mà ít dân tộc; Xuân Diệu 1950 dân tộc mà ít hiện đại. Huy Cận dân tộc trong tình cảm và hiện đại trong trí tuệ. Dĩ nhiên nói như vậy là sơ lược, thậm chí sơ đẳng. Nhưng tôi mạn phép giản lược, cho bài viết dễ hiểu, vì độc giả thường so sánh và thường hỏi: còn kẻ nọ người kia thì sao?

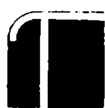
*

Cây Tam Cúc là một thành tựu nghệ thuật tiêu biểu. Trong một bài thơ ngắn và đơn giản, tác giả đã sử dụng ngôn ngữ mới, tài hoa và tinh tế, từ cách chọn chữ đặt câu, đến cách xe kết âm thanh, nhịp điệu, màu sắc, hình ảnh,

tạo cho người đọc nhiều cảm giác, cảm xúc, tư duy và mơ mộng. *Cây Tam Cúc* là một thế giới hài hòa trong toàn bộ hữu cơ của thơ Hoàng Cầm, chủ yếu nói lên tình yêu, tình người, tình quê hương xứ sở, trong vẻ đẹp truyền thống lẫn với những gieo neo của thân phận. Đặc điểm thơ Hoàng Cầm là truyền thống ấy lung linh trong ngôn ngữ thơ mới, trẻ trung và hiện đại.

ĐẶNG TIẾN
20.9.1993.

Kỳ Tới: Anh Đưa Em Về Sông Đuống



HOÀNG CẦM

cây tam cúc

Cỗ bài tam cúc mép cong cong
Rút trộm rơm nhà đi trải ổ
Chị gọi đôi cây!
Trầu cay má đỏ
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em

Nghé cây bài tìm hơi tóc ấm
Em đừng lớn nữa chị đừng đi
Tướng sĩ đỏ đen chui sấp ngửa
Ổ rơm thơm dọng tuổi dương thì

Đứa được
chinh chuyền xủng xẻng
Đứa thua
dáo gỡ ngoài thềm
Em đi đêm tướng điều sĩ đỏ
Đổi xe hồng đưa Chị đến quê Em

Năm sau giặc giã
Quan Đốc đồng áo đen nẹp đỏ
Thả tịnh vàng cưới Chị
võng mây trôi
*Em đứng nhìn theo Em gọi đôi**

HOÀNG CẦM
(Rét 1959)

*Bài này còn một câu kết khác: *Một chiếc xe đen đi chân trời.* Tác giả phân vân, xin bạn đọc tùy tâm chọn.



CHẾ LAN VIÊN

bánh vẽ

Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấp nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui.
Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn
Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi,
Họ cũng ngồi thôi
Nhai ngồm ngoàm...

CHẾ LAN VIÊN
(Mới ở dạng phát thảo, rút trong tập nháp PROMÉTHÉE 86)



TRẦN MẠNH HẢO

lọ mực trên bàn viết

Trang thơ của mọi đời sau dọc
Có trong lọ mực ngủ trên bàn
Máu xanh mà bật bao cười khóc
Bụng lọ còn nguyên cả thế gian

đỉnh núi

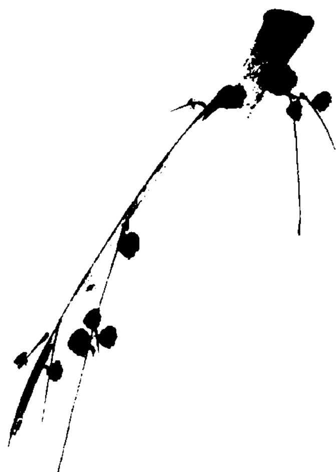
Chờ mãi trăng mới tròn
Ngồi thưởng rằm lại tiếc
Giá cứ còn trăng non
Để mai đừng trăng khuyết

TRẦN MẠNH HẢO



NGUYỄN HUY THIỆP

thiên văn



Con đò nằm bên vệ sông. Buổi trưa nắng gắt. Khách xuống đò mặc đồ chàm xanh, tay nải khoác vai. Đò không có chèo, neo bằng sợi dây thép buộc vào hòn đá. Chắc lại đở về nghỉ trưa rồi. Dòng sông không có một bóng người.

Khách ngồi ở mũi đò bình thản.
Sông lặng tờ.
Này nhé: này là dòng sông
Định mệnh cứ cuồn cuộn chảy
Bồi và lở
Được và mất
Con thuồng luồng nào nín hơi dưới đáy
Ngẫm nghĩ về mẻ lưới người
Anh đã mắc vào lưới tình
Thật chua xót ngu ngốc
Anh đã mắc vào đôi mắt
Chịu án lưu đày
Con thuồng luồng nín hơi bơi đi
Tránh những bến quen ê chề
Này bọn cá mương, cá ngao
Mày có bao giờ mơ về đại dương?

Khách lôi ở tay nải ra một miếng lương khô hơi giống mẩu bánh mì đen. Khách nhai trệu trạo, đôi mắt đăm đăm nhìn dòng nước.

Khách ăn rất lâu, có vẻ như thể ăn dè. Hay đây là miếng lương khô cuối cùng? Hay trong tay nải vẫn còn lương khô nhưng chặng đường đi còn xa? Không biết. Khách hẳn là người đã từng nếm nhiều gian khó. Những kẻ không thủ đắc điều gì, không chuyên tâm điều gì không ăn như thế. Những người quen sống no đủ không ăn như thế.

Những mẩu bánh vụn lương khô vun lại giữa lòng tay khách. Những con cá lòng tong bé xíu bơi sát mạn đò. Khách nghiêng người thả tay xuống, thích thú thấy chúng bu lại.

Này nhé: sự biến dịch luân hồi
Cười người hôm trước hôm sau người cười
Thế gian cứ một hồi trị một hồi loạn
Thời cuộc cứ một khi co một khi duỗi
Anh đã mắc vào lưới tình
Thật chua xót ngu ngốc
Anh đã mắc vào đôi mắt
Chịu án lưu đày
Ừ, về nhà thôi, về nhà thôi
Cố hương có ai mong chờ
Cố hương có ai tựa cửa
Nơi nào có khói lam chiều
Đâu là nơi mẹ ta chôn rau?
Cây gạo đầu làng có còn không?
Bây giờ có ai đi nhặt hoa đó không?

Khách băn khoăn nhìn quanh. Những giọt nước rất to ném xuống mặt sông như dò dẫm, như đùa, như cợt, khi mau, khi chậm, rồi bỗng tạnh hẳn. Khách hãi hùng: giữa bến sông vắng chẳng có nơi nào trú ẩn.

Mặt sông chuyển sóng. Màu nước xanh sậm hơn. Rồi màu nước xanh sậm chuyển sang màu nhờ đục. Những cành củi khô, rác rưởi kết thành bè trôi nhanh loang loáng giữa dòng. Sóng đánh dồn dập làm chiếc đò xoay mạnh. Sợi dây thép neo đò tuột khỏi hòn đá. Ngay lập tức, mưa trút xuống rào rào, sấm ì ầm, chớp lóe sáng, sét nổ.

Chiếc đò xoay mạnh văng ra khỏi bờ. Khách loạng choạng té ngã. Đành phải phó mặc mọi sự, chống đỡ bây giờ vô hiệu.

Này nhé: sự tuyệt vọng
Người đến có chu kỳ nào không

Trời rất xanh, bồng bềnh trên cao những đám mây trắng, mây bông. Gió thổi những đám mây bay đi. Nhận được điều ấy bởi những bóng râm thỉnh thoảng lướt trên mặt sông như chạy, như đuổi. Có đàn chim sẻ bay ào qua.

Này nhé: này là cánh chim
Có cánh chim nào mỏi mệt không?
Có cánh chim nào rã rời không?
Mà gió đấy mà bão đấy
Gió bão xua đuổi thời vận
Mặt đất đầy những cạm bẫy
Anh đã mắc vào lưới tình

Thật chua xót ngu ngốc
Anh đã mắc vào đôi mắt
Chịu án lưu đày
Những cánh chim bay đi
Về chân trời xa
Đêm nay chim ngủ đâu
Mà đêm nay hồn anh ở đâu
Này chú chim xanh
Bao giờ báo tiệp?

Khách đứng dậy, vẻ lo lắng hiện trong đôi mắt. Sao đã lâu không ai xuống đò? Sao không thấy lái đò? Đến cả mái chèo cũng tháo đi rồi? Hay đây là cạm bẫy?

Khách ngồi xuống chỗ ban nãy ở đầu mũi đò. Chắc khách nghĩ không cạm bẫy nào giăng ra đây cả. Điều ấy đáng khinh bỉ, tầm thường. Với khách, một bộ hành như thế, hoặc tin rằng không ai làm hại được gì bởi rất có thể chỉ là một hình ảnh không thực, hoặc giả khách đã quá quen với mọi hiểm nguy nên coi thường mọi sự là thường.

Nắng không còn gay gắt nữa. Thiên nhiên mơ màng. Lựa một thế dễ chịu, khách duỗi chân, gác đầu lên tay nải, dim mắt lại.

Này nhé: giấc ngủ
Ta đã ngủ giấc ngủ dài
Hãy tỉnh thức vì trưa rồi
Mặt trời đã chuyển từ Đông sang Tây
Mà mưa bão qua giờ ngọ cũng hết
Sao anh mơ màng?
Anh đã mắc vào lưới tình
Thật chua xót ngu ngốc
Anh đã mắc vào đôi mắt
Chịu án lưu đày
Thế gian cay đắng
Giọt mật nào còn sót trên môi em
Một cuộc mộng mị dài trăm năm
Một giấc mơ dài cả đời anh...

Khách bỗng choàng dậy. Những kẻ có số phận bất trắc mạo hiểm vẫn luôn có những giây khắc bừng thức hãi hùng như thế. Những kẻ khao khát tri thức tự do và chân lý tuyệt đối cũng luôn có những giây khắc bừng thức hãi hùng như thế. Những bản năng mọi rợ ngủ say(1)

Khách khép mắt ngủ lại chập chờn, cứ nghĩ chỉ chớp mắt không lâu. Thật ra, không phải thế. Thiên nhiên vẫn tính gian trá thời gian khi ta thiếp ngủ. Một lát sau khách thức dậy thì mặt trời đã đi một chặng xa rồi. Khách cúi người bên mạn đò, vốc nước rửa mặt. Chừng như không đã, bèn đưa tay bám

chặt lấy thành dò rồi vục hẳn đầu xuống nước. Nước ấm áp dễ chịu. Căng mắt cố nhìn chỉ thấy một màu vàng đục nhức nhối. Không chịu nổi, khách lắc mạnh đầu rồi đưa tay dụi mắt. Khi định thần lại, khách bỗng giật mình vì trong khoảnh khắc thiếp đi thiên nhiên đã trở mặt. Không còn ánh nắng. Không còn trời xanh. Không còn mây bông. Tất cả sầm sập âm u một màu xám chì. Phía chân trời, cuồn cuộn những dải mây đen vần vũ.

Ngươi có tuân theo những vận động ám muội nào không
Đâu là hạt giống người gieo
Đâu là cái gật đầu cho một âm mưu?

Anh đã mắc vào lưới tình
Thật chua xót ngu ngốc
Anh đã mắc vào đôi mắt
Chịu án lưu đày
Con thuồng luồng lặn thẳng một hơi
Sá chi một mẻ lưới người?
Ồ tự do, tự do hay buông thả?
Tự do thường nối theo sự tuyệt vọng nửa bước chân.

Khách một mình trên dò giữa mưa bão. Rất dễ lố bịch và thê thảm. Nhưng dấy là với kẻ tầm thường. Còn khách, hình như bây giờ mới là lúc khách biểu hiện bản lĩnh của mình. Nhanh nhẹn, khéo léo, dứt khoát, quả cảm, khách di chuyển đến giữa tim dò, chân rướn thẳng, giữ thăng bằng.

Con dò chao dữ dội theo dòng nước. Ai đã xem trò lướt sóng hẳn sẽ ngạc nhiên trước tài nghệ phi thường của người điều khiển mảnh ván trên đầu sóng. Có điều ở đây mảnh ván là cả con dò cồng kềnh và thô lậu: số phận nào mà chẳng cồng kềnh, thô lậu?

Này nhé: định mệnh
Ngươi cồng kềnh và thô lậu
Những đợt sóng vận hạn của ngươi thật quái ác
Còn ta, ta lướt qua ngươi giản dị, mạch lạc
Giản dị, mạch lạc buông thả
Giản dị, mạch lạc xu thời
Tự do nào chẳng có buông thả, xu thời
Cao thượng, đê tiện chung một nụ cười
Anh đã mắc vào lưới tình
Thật chua xót ngu ngốc
Anh đã mắc vào đôi mắt
Chịu án lưu đày
Bên kia bờ xa
Chứa ẩn định mệnh kinh hoàng

Mưa như trút. Gió thổi khi ngang, khi dọc. Con dò lướt trên đầu sóng

chẳng có chiều hướng nào hết: khi xuôi, khi ngược, khi nhanh, khi chậm. Có điều rõ ràng con đò đang tiến về phía bờ xa.

Mưa thưa hạt, gió dừng thì đò cập bến. Sóng liếm vào bãi cát từng đợt thèm khát, mệt mỏi, gợi dục. Những con le le không biết ở đâu bay đến, kêu táo tác đỗ xuống mép nước, ngang nhiên ở ngay mũi đò.

Này nhé: ta cập bến đợi
Ta đã lôi cuốn tất cả những gì nông cạn
Tầm thường để đến đích
Ta đã tự khoa trương, tự khinh bỉ
Ta đã đi qua sự vô luân, sự nhẹ dạ
Và tí ti điều vụn vặt
Ta đã đến bến bờ
Bình đẳng với những kẻ bình đẳng
Bất bình đẳng với những kẻ bất bình đẳng
Không bao giờ bình đẳng hóa những bất bình đẳng
Anh đã mắc vào lưới tình
Thật chua xót ngu ngốc
Anh đã mắc vào đôi mắt
Chịu án lưu đày..

Khách xách tay nải nhảy xuống đò vuốt mặt, loay hoay đẩy mũi đò ghếch lên bờ cát.

Khách nhìn lại đằng sau, tự hỏi vì sao mặt sông rộng thế, lại mặc nhiên xa lạ với mình, chẳng biểu hiện tình cảm gì.

Khách thở dài, ngước mắt nhìn trời. Đêm xuống. Những ngôi sao mọc lên rất nhanh trên nền trời trong vắt. Kia là chòm sao Thần Nông chăm chú nhìn về phương Nam, lưng rất thẳng. Đây là dấu hiệu thiên văn báo rằng năm tới được mùa, làm ăn không vất vả.

Khách đi hút vào đêm tối.

Ngày ấy, năm ấy, đồn rằng có một khách qua sông trên đò một mình, chẳng có chèo chẳng có sào gì cả, mưa bão rất lớn, mà đò vẫn cập bến. Người ta bảo rằng đó là một thiên thần qua sông. Dấu chân để lại trên sạp đò thật lớn, cô lái đò ướm chân mình vào đấy về nhà mang thai.

Cũng có thể qua sông hôm ấy là một thi sĩ. Thi sĩ bao giờ cũng làm những việc lạ thường, đuổi theo những vẻ đẹp kỳ ảo, những vẻ đẹp huyền bí. Chỉ có điều vết chân thi sĩ để lại thường rất nhỏ.

NGUYỄN HUY THIỆP
Hà Nội 1993

(1) Dịch thoát một câu trong Faoctơ



HOÀNG HƯNG

chó đen và đêm

1.
Con chó
Con chó đen
Con chó đen chạy vào đêm
Đêm gừ gừ âm ấm

2.
Chó đen sủa bông sứ máu

3.
Chó đen ngửa mặt nhìn trăng

4.
Chó đen rít rít những điều khó hiểu
Linh hồn nào lang thang trong đêm?

5.
Buồn quá chó ơi
Ai cũng bỏ ta rồi
Phì phì mày ghếch mõm vào môi

6.
Chó đen sùng sục suốt đêm
Nỗi ngứa ngáy tiền kiếp
Phát điên vì không nói được

HOÀNG HƯNG
(Trong nước)



MAI HÀ

trở lại san jose

• Gởi Tường Vũ Anh Thy và Hoàng Phủ Cương

Trơ trơ. Núi đứng trơ trơ
Trơ trơ. Ta đứng bên bờ quạnh hiu
Nắng chia con phố về chiều
Em chia kỷ niệm ra nhiều nhánh sông

Nhánh nào đục nhánh nào trong?
Nhánh ta đã cạn những dòng lệ em.

MAI HÀ



NGUYỄN BÌNH GIANG

quê

Nơi còn có Mẹ
Dòng sông tất tả nắng mưa

Nơi có hài cốt Cha
hình mộ neo mộng mị

Nơi em thả rơi tiếng cười
níu ta một đời hư ảo

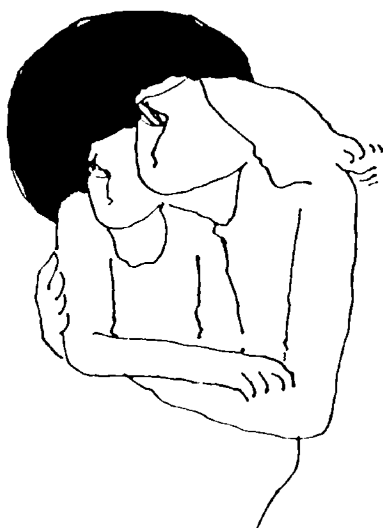
Nơi còn có thằng bé
là ta
chiều chẳng nội dung

NGUYỄN BÌNH GIANG
(trong nước)



TẠ THÁI

trăng máu



Tôi biết chị HN năm 87. Tôi nhớ đang đứng đợi một người bạn ở trước tiệm may Thiết Lập thì một người đàn bà bồng con đứng xớ rớ gần đó tiến tới bắt chuyện. Chị có lớp da sần sùi khô đỏ, cái miệng nhỏ, cằm nhọn làm tôi liên tưởng những người có tướng chết vì đói, hai con mắt linh hoạt, to khác thường. Chị HN tự bắt chuyện, thỉnh thoảng cười hì, và cuối cùng nhờ tôi chở về nhà giùm. Tôi xin lỗi vì có hẹn gặp bạn, nhưng cũng ghi số điện thoại cho chị.

Chị gọi nhiều lần, trong lúc tôi ở chỗ mướn share phòng lần thứ hai. Tôi kiên nhẫn lắng nghe chị độc thoại suốt mấy tiếng đồng hồ mỗi lần, lắm lúc nghe không ra đầu đuôi câu chuyện, có lần tỉnh bơ đi vào phòng tắm rồi trở lại cầm ống nghe chị cũng không hay biết, có lần bực quá phải ngắt lời, "Bữa nay nói vậy đủ rồi, bữa khác chị gọi lại nhé!"

Trong óc, tôi phân tích chị HN như một bác sĩ tâm thần nghiên cứu con bệnh. Câu chuyện cuộc đời của chị đại khái như vầy. Chị là con nuôi, đời sống cơ cực từ nhỏ, cũng có thời là cán bộ, hay hoạt động cho Việt Cộng, hay bị chụp mũ Cộng Sản gì đó, có học thức đàng hoàng. Lúc qua Mỹ, một người đã từng có vị thế ở Việt Nam, một chủ báo ở Texas, và cũng là thầy giáo cũ của chị dụ dỗ ve vản làm chị có bầu. Khi được tin, ông ta mua tặng vé máy bay tống chị qua Cali. Xì-căng-đan lớn quá, ông ta dù gì cũng có sự nghiệp, vợ con, thể diện! Gia đình của chị ngoảnh mặt. Còn gì nữa cà? À, chị ghét nước Mỹ. Chị không chịu được bất cứ mùi hóa học nào, thuốc lá, dầu thơm, keo xịt tóc, v.v... và vân vân, vân vân. Chị bảo con chị mà hít vào nó thở không

được. Đứa con trai 2, 3 tuổi là lẽ sống duy nhất của chị. Chị lấy tên cha đứa bé đặt tên cho nó. Đứa bé mang tên cha, dù khi còn là giọt máu đã bị cha nó chối từ. Chị xấu chừng nào, con chị đẹp chừng nấy. Thằng bé trắng nõn, mũm mĩm như những đứa con nít đóng quảng cáo trên truyền hình. Nhiều người muốn nhận nó làm con nuôi. Không ai tội nghiệp chị, người ta tội nghiệp thằng bé thôi. Tôi cũng vậy.

Một tối đi chơi với bạn về khuya, tôi trợn mắt khi thấy chị HN ôm con đứng đợi trước cổng. Trời lạnh cóng. Tôi hỏi:

- Chị tới hồi nào vậy?
- Cũng một tiếng mấy hơn.
- Ủa, không ai mở cửa cho chị vô à?!
- Cái anh hồi nãy nói cưng đi vắng rồi. Mà chị nhìn phòng em có đèn, chị tưởng em giận chị không muốn gặp mẹ con chị chứ.
- Trời đất!

Tôi mở cửa, không biết nên la làng hay an ủi chị. Rồi chị kể chủ nhà duổi chị rồi, chị không có chỗ ở.

- Chị về nhà em chị được không?
- Về được thì chị về rồi em ơi, nó đánh chị, nó chửi chị...

Tôi mân mê những ngón tay đứa bé.

- Thôi chị ở tạm vài ngày với em cũng được.

Tôi sắp sửa dời nhà, nghĩ thầm ông chủ có phiền hà cũng không sao.

Không nhớ rõ những tiểu tiết gì sau đó, nhưng kết cuộc là... À, tôi nhớ một ít. Tôi nhớ chị có liên lạc với em chị nhưng không tới đâu. Tôi nhớ chở chị đi vòng vòng và có ý nghĩ sống gì mà khổ sở quá, để tôi lái xe phóng qua cầu freeway cho hết nợ. Tôi bắt chị dọn ra khỏi chỗ tôi, dù chị nói em năn nỉ ông chủ nhà giùm chị, cho chị ở tạm. Thằng bé khóc quá! Tiếng khóc nó làm tôi xót ruột. Nhưng tôi phải cứng rắn, không thì... Tôi có cảm giác căn bệnh tâm thần của mẹ nó đang lây qua tôi. Chị đánh thằng bé, nó khóc thêm. Tôi chở hai mẹ con với chồng đồ đi lòng vòng khu Little Saigon.

- Bây giờ một là em chở chị đi về nhà em chị, hai là em bỏ chị ngoài đường, chị chọn cái nào?
- Người ta đâu có cho mẹ con chị về đâu em.

Chị không chọn lựa. Chị muốn bám vào tôi mà có biết đâu tôi cũng như cây gỗ mục với nỗi khổ sở của riêng mình, hơi sức đâu mà cứu vớt chị.

- Hay em chở chị tới Hội Thánh Tin Lành Việt Nam đi - Chị ngập ngừng - Ở đó có giúp chị một lần.

Tôi chở chị tới, người ta nhận ra chị và không giúp gì được cả. Họ bảo trường hợp chị chưa khẩn cấp lắm. Chạy thêm một vòng, đêm phủ, tôi trở lại trước cổng nhà thờ, xách đồ chị bỏ bên đường. "Bây giờ, chị là trường hợp khẩn cấp rồi đó!" tôi nói. "Em không giúp gì chị hơn" tôi thản nhiên. Chị hôn

má tôi. Đứa con kêu tên tôi trọ trẹ. Tôi thở dài nhấn ga xe chạy trốn.

Hành động bỏ hai mẹ con ngoài đường ban đêm cắn rứt lương tâm tôi khá lâu. Tôi vẫn tiếp tục cuộc sống ở trọ share phòng. Tôi không gặp chị thời gian dài, rồi một hôm ở nhà hàng Nha Trang bước ra, tôi thấy chị bồng thằng bé đi tới. Thằng bé lớn trội, răng trắng nởn, sức nặng làm trĩu tay chị mà chị vẫn bồng nó. Thấy môi nó hơi khô, tôi lấy chapstick cho nó xức. Đường dây liên lạc nối lại, tôi mới biết là chị cứ dọn hết chỗ này sang chỗ khác. Những người cho chị mướn phòng không chịu nổi hai mẹ con chị. Thằng bé tới tuổi đi học mà chị không gởi nó đi học. Chị nói họ làm gì con chị mà tay chân nó bầm giập hết trơn, chắc mấy đứa Mỹ đánh con chị. Một hôm, chị gọi tôi, nói người ta quăng đồ chị ra ngoài đường rồi, em tới giúp mẹ con chị. Tôi tới và thấy rõ là đồ chị được chất đống bên lề đường. Đã vậy, trời còn bắt đầu mưa lâm râm nữa chứ. Lúc đó tôi đã về nhà Mẹ tôi ở. Tôi nghĩ để tôi chở thằng bé và chị về, xin Mẹ tôi cho chị mướn phòng, tôi ra phòng khách ngủ, cho chị tạm ổn định đời sống, rồi tôi sẽ khuyên chị cho thằng bé đi học. Có lẽ tôi cần nói sơ về gia cảnh của tôi lúc đó.

Tôi có một hoàn cảnh đầy màu sắc như chị HN. Ba tôi mất ở Việt Nam. Mẹ dẫn anh tôi và tôi vượt biên, tới Mỹ năm 79. Mẹ tôi ở với một người đàn ông mà tôi gọi là "cậu" và anh tôi gọi là "thằng". Tình cảm quan hệ giữa chúng tôi đủ để gạch bỏ hai chữ gia đình. Vì thế có những lúc tôi chọn ở những nơi có thể cho tôi một không khí gia đình ấm cúng. Lúc tôi trở về nhà Mẹ, tôi nghĩ đây là cơ hội chót để gây dựng gia đình thật của mình. Mẹ tôi vui vì ba người đàn ông quan trọng trong cuộc dời ở gần Mẹ. Tôi cảm thấy lạc lõng. Vài bạn bè tôi muốn tới ở chung, Mẹ không chịu, anh tôi không chịu.

Chị HN và con trai vô ở chung được 3, 4 ngày gì đó, anh tôi phàn nàn với Mẹ tôi, và Mẹ tôi phải chọn con mình. Tôi nói sẽ dọn ra ngoài mướn apartment ở riêng với chị HN. Tôi phải giải giải thích lý do chánh là hai năm trở về sống với Mẹ, Cậu, và anh tôi, có lần nào chúng mình đi ăn nhà hàng chung không? Hơi tức cười, nhưng nội chi tiết nhỏ đó cũng đủ diễn tả những phức tạp khác rồi. Giờ, tôi chỉ muốn giúp chị HN nuôi con nên người.

Thế là đọc báo, đi coi phòng, à, có thời giờ dẫn hai mẹ con thằng bé đi coi phim "Teenage Mutant Ninja Turtles" nữa chứ! Thằng bé coi phim mà bí bô bí ba, giơ tay giơ chân đóng phim theo. Tôi nghĩ tới thời gian chật vật sắp tới, nhưng tự khen thưởng hành động cao thượng của mình.

Tôi hơi hấp tấp. Khi mọi việc sắp đâu vào đấy, chỗ mướn thuận tiện, chị HN nói với tôi:
- Chừng nữa ở chung, chị chỉ xin em một điều là em có xịt dầu thơm hay

gì đó thì ra ngoài cửa xịt giùm chị nhe. Con chị mà nó hít mùi lạ là nó lên cơn phá của nó.

Tôi ngớ người. Thiên địa ơi bà chị mát dây điện như vầy mà tôi ở chung được à?! Bé con ơi, Cậu sẽ cầu nguyện cho con lớn lên bình an, chứ Cậu không cưu mang con được rồi.

- Em đổi ý rồi chị - Tôi đang lái xe - Em không dọn vô ở với chị được đâu.

Chị muốn tôi giải thích. Tôi không nói gì thêm. Thế là chị dọn ra ở chỗ share phòng mới. Và tôi sau đó. Mẹ tôi khóc như mưa gió, đổ lỗi cho chị HN. Anh tôi lầm lầm lì lì, nói, "Nhà đang cần mày mà mày đi chi vậy?!"

Một hai năm lại trôi qua. Có lần chị HN nhờ tôi chở đồ về nhà em chị. Lúc giúp dọn đồ, người cho chị mướn phòng trần tình vài lời với tôi, nói muốn giúp hai mẹ con lắm, thấy tội nghiệp, nhưng chỉ cứ la hét, không rời thằng bé nửa bước, một ngày đánh răng cho nó cả chục lần. Ba má chị sắp được bảo lãnh qua. Tôi chở Mẹ tôi tới thăm chị ở nhà em chị, căn nhà đẹp ở một khu biệt lập cổng gác. Mẹ tôi hôn chị và thằng bé lúc về. Tết, chị gởi biếu Mẹ tôi một hộp mứt do chính tay chị làm, đủ thứ mứt chưng bày đẹp mắt trong hộp lót giấy trắng chị cắt từng mảnh vụn sợi dài.

Thời gian qua. Chị gọi tôi một sáng, bảo tôi tới chỗ ở mới của chị.

- Tụi nó đầu độc má chị rồi em ơi. Má chị vô nhà thương nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Tụi nó thuốc má chị chết rồi em ơi! - Chị khóc.

Tôi tới chỗ ở mới của chị HN. Căn apartment một phòng trên lầu khu nhiều Việt Nam trong Hội Thánh Tin Lành hồi đó tôi bỏ chị ngoài đường. Nhà cửa tươm tất gọn ghẽ, được chị trang hoàng như nhà giữ trẻ, với thú nhồi bông xếp hàng, giấy màu cắt hình dán tường. Một phòng chị vẫn để trống; chiếc giường nệm chị bỏ ngoài phòng khách. Chị cũng kêu tôi vào ở chung, chị không lấy tiền đâu.

Ba má chị qua Mỹ xong, gia đình vẫn lục đục, chị lại phải ra khỏi nhà, nhưng mướn chỗ này cũng gần sát bên nhà em chị. Tôi không biết gì hết về gia đình chị. Qua chị, tôi biết em gái chị thương chị, em trai chị ghét chị, đánh dập chị, chửi rủa chị, nhưng chị vẫn thương họ. Biết hoàn cảnh chị, tôi cũng không dám phán xét gia đình chị. Chị chỉ là con nuôi, lại còn chửa hoang, mát mát nóng nóng, ai mà muốn dính líu tới chị.

Thằng bé mừng rỡ khi gặp tôi. Nó bắt tôi hứa chở nó đi xin kẹo lễ Halloween. Tôi hứa và thất hứa. Gặp nó lần tới, nó nói chờ Cậu hoài mà Cậu không tới. Dẫn hai mẹ con đi hội chợ Tết 93, thằng bé cầm tay tôi quấn quít, chỉ bỏ đi không thắc mắc khi thấy hàng arcade đông nghẹt con nít.

Mấy tháng sau chị lại gọi, nói người ta sắp sửa đuổi chị, chị trả tiền nhà không nổi, em vô ở chung với chị đi. "Em sắp đi tiểu bang khác rồi chị ơi!". "Hả? hả? Em đi đâu?". "Georgia. Làm móng tay". Chị trách tôi sao không

rủ chị học móng tay chung, hét lên khi thằng bé phá điện thoại, than trời, "Mày làm khổ tao quá đi! Tao bỏ mày ở đây một mình nghe. Tao học móng tay rồi tao theo Cậu qua Giorgia, trời ơi, đừng làm khổ tao nữa mà. Tao nói mày nghe không?!" Chị quát lên, và điện thoại ngưng bặt.

Mấy tháng rồi tôi không nghe tin chị. Nếu chị gọi số beeper & voice mail, chị sẽ có số điện thoại riêng mới của tôi, và chị sẽ biết tôi còn ở đây. Tôi cũng vừa trải qua sóng gió riêng tư, và chỉ đủ can đảm (hay ngu xuẩn) để tiếp tục sống. Ngày này qua ngày khác.

Tôi nhớ chị HN và thằng bé. Bây giờ, đang ở trong một căn nhà mới của người bạn, tôi nhớ hai mẹ con. Mỗi lần mua vé số, tôi ao ước trúng số để có thể mua nhà, mang họ về, không những giúp chị dạy dỗ thằng bé lớn lên ở xã hội Mỹ và càng ngày càng xa cách mẹ nó, mà còn giúp chị vững vàng hơn với đời sống mình.

Chị HN và thằng bé mang tên cha không phải là một nhân vật tưởng tượng. Thỉnh thoảng, tôi thấy tên đứa bé ở Hội Đoàn này, Ủy Ban kia. Còn HN, tên chị, dịch nôm na là trăng máu.

"Bé cưng, Cậu chúc con mọi may mắn. Cầu xin Thượng Đế gìn giữ con."
"Chị HN mến, em chúc chị bình an."

TẠ THÁI
(Tháng 10.1993)



DIÊM CHÂU

cẩm thạch hồng và cỏ xanh...

Rau muống với bèo bồng
nở hoa đồng màu tím nhạt

*Em ngủ trên đỉnh cao giữa trời quang mưa tạnh
cẩm thạch hồng và từng búi cỏ xanh còn nhớ dấu chân
em ngủ trong hồn tôi một buổi chiều mịt mù sương
thế kỷ tàn
xin em cứ ngủ yên
để tôi được nhìn ngắm những mộng mị em hồng
trên đôi má..
hỡi những hạt bụi đường đừng tiếp tục chờn vờn trước mắt
hãy chờ tới một buổi mai hỡi những hạt sương giá
cẩm thạch hồng và cỏ xanh
hãy trả lại ta mọi dấu chân*

*như trong bài thơ họ Bạch
em tới em đi - "hoa, phải chăng hoa.."
nhưng đêm nay tôi xin em
cứ ngủ yên trong hồn tôi như thế
để tôi được tiếp tục nhìn ngắm những mộng mị em hồng..*

*một búi cỏ xanh và cẩm thạch hồng
cẩm thạch hồng và cỏ xanh*

DIỄM CHÂU



PHỐ THỊ NGỌC NI

cây đàn trong miệng ngậm

• Gởi DTK

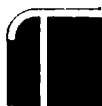
ngậm đóa tầm xuân trong miệng
ướt
tháng ngày trôi giạt xuống đáy năm
lời con chim hót sao mà nhớ
nỗi nhà hao hút dính mù tăm

cất cây đàn nhỏ trong miệng
ngậm
người từ cố lụy bước chân ra
trèo lên cây phượng rung cành xuống
rực rỡ trời em xác huyết hoa

hớp ngọn thu phong trong miệng
đắng
thở ra hiu quạnh cả đất trời
em ở bên nhà đâu có biết
lòng chị phai từng chiếc lá rơi

ngậm cành đông tuyết trong miệng
lạnh
chị từ quê quán giạt sang đây
hỏi thăm đường đến mùa đông trước
tìm lại hồn xưa lạc chốn này.

PHỐ THỊ NGỌC NI
(10.93)



TRIỀU HOA ĐẠI

những bài thơ yêu em

1.
Ruổi ngựa lên miền bắc
tuyết trắng xóa lưng trời
tìm nhau nhưng chẳng thấy
lẫn theo bóng trăng vơi

2
Ngày tháng dài quanh quẩn
đi về một lối xưa
đầu nhà hoa,lá.Rụng
nhớ thương người sắt se

3
Chiều nghiêng vơi cánh mỏi
dĩ vãng mặc áo hoa
tường rêu xưa rạn nứt
ngồi lại chỉ mình ta

4.
Còn lại ta với bóng
âm thầm trăng tuyết.Rơi
tình xưa kể,đã tắt
nhưng sao mãi yêu người

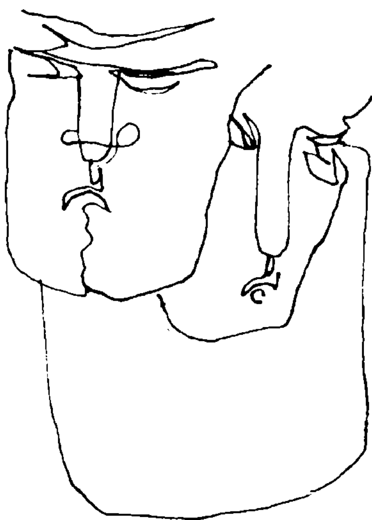
5.
Buổi sáng tắt hơi thơ
ta yêu em thế sao?
trăng về ngang đầu núi
cũng ngậm ngùi biếng soi

TRIỀU HOA ĐẠI



LÊ MINH KHUÊ

anh lính tô-ny đ.



Một gã đàn ông mặt mũi tối tăm, loại người nhan nhản vẫn lượn lờ ở các chốn đô hội, ghé vào nhà lão Thiến. Gã đàn ông đứng ở cửa, thân thể vạm vỡ của kẻ được nuôi sống bằng chất bột lấn áp dữ dội khuôn mặt nhờ nhờ, không ra thiện ác, khuôn mặt trên cái đầu nhỏ tí. Lão Thiến hỏi mà không thèm đứng lên:

- Chuyện thằng Thán hả?
- Vâng, sao ông biết?
- Điều đó tính sau. Sao?
- Thằng Thán chết mất xác rồi.

Lão Thiến nghe câu đó, hơi động dậy cục hầu to tướng, trông như cục gạch bám vào cổ. Thằng Thán con trai lão đi đào vàng ở miền Trung. Nó nhập vào đội ngũ những kẻ đào vàng tứ xứ đã gần năm nay. Đây là lần thứ ba có kẻ đến nhà báo tin thằng Thán chết: Một lần chết đuối, một lần chết chém. Lần này chết mất xác. Gã đàn ông báo tin đứng ở cửa liếm môi. Trông bộ gã đói ăn. Lão Thiến thừa biết tâm địa bọn này nên lão hỏi mà không thèm động dậy các cơ mặt:

- Vì gì mà mất xác?
- Sập hầm! Không moi được.
- Ba kiểu chết!
- Ông bảo gì?
- Ba thằng báo ba kiểu chết. Mẹ chúng mày!

Gã đàn ông đưa tin có vẻ hơi sững người. Gã quan sát căn phòng của cha con lão Thiến. Không có gì đáng cho gã cầm lên tay. Đồ giẻ rách! Gã lầm bầm rồi cố nài:

- Nhưng tôi đã đến đây. Tàu xe tốn kém. Xin ông vài bữa cơm bụi.

Lão Thiến khoát tay chỉ ra cái hõm tối tăm:

- Xem đấy! Gặm được cái chó gì thì gặm!

Gã đàn ông rõ là loại cố cùng. Gã bước chân qua lưng lão Thiến, giơ tay túm cái quạt tai chuột, cánh quạt thủng lỗ chỗ như cóc gặm:

- Xin ông tạm!

Gã kẹp cái quạt vào nách đi ra. Lãi Thiến nói to:

- Giở hồn. Thằng Thán nhà ông nó về nó xin tí tiết mày bù vào, xéo mẹ mày đi!

Lãi Thiến thừa biết thằng con lão loắt choắt như loài chuột nhắt, chứ nó thuộc loại trời đánh không chết. Nó như loại cỏ dại dốt bảy lần lại bảy lần mọc lại, lần sau mạnh hơn lần trước. Chả thế có lần nó đi ăn trộm ngã từ sân thượng tầng ba xuống, phúc bảy mươi đời lại có cụ tổ đỡ cho rơi vào đống cát. Lão đố thằng nào vật chết được nó... Tuy vậy, sau khi tống được gã đàn ông ra cửa, lão Thiến cũng thấy nôn nao trong dạ. Lão chờ đêm đến, lôi cái radio nhỏ dấu kỹ trong đống bát rếch ở gậm gường ra. Và lão bắt đầu dò dài. Không bao giờ lão nghe trọn một câu người ta nói trong đài. Cái thú của lão là cầm nút điều chỉnh mà xoay. Chỗ nào sọt sẹt, lão lắng nghe rồi vặn tiếp. Hàng xóm láng giềng lườm nguýt, hậm hực. Lão cho qua tất. Việc lão lão làm. Động đến mả bố chúng mày đấy à? Lão sẽ trả lời như vậy vì lão không thể tưởng tượng được con người ta, tại làm sao chỉ vì những tiếng động mà lại mất ngủ? Có nổ bom tấn bên tai lão, lão vẫn an giấc như thường. Lão chén bữa tám bát cơm gạo mốc, cho nó rẻ, ăn kèm với thứ mắm muối từ đầu cá ruột gà nhặt nhạnh ở chợ chiều. Mỗi khi lão ăm mắm, cả xóm nín thở. Lão bảo chỉ có những thứ nặng mùi thế này mới hợp khẩu vị lão. Lão to kềng to càng như cái máy kéo cổ lỗ hết dầu mỡ và bỏ xó từ đời tám hoánh nào. Đôi khi người ta bảo lão là cái hồn ma từ địa ngục trở về hoành hành nơi dương thế.

Ăn ngủ như thế nên lão cường tráng nhất khu nhà này. Không ai muốn dây vào lão. Trước kia lão hù dọa láng giềng là nhà lão ba đời trong sạch, lại có công lao. Hơi một tí lão lôi công lao ra kể, ai muốn nghe thì nghe, thường là trẻ con đứng nghe, như vịt nghe sấm. Đến lúc các thứ hù doạ như thế có vẻ hết hiệu lực, lão lấy sức mạnh bù vào. Lão đi qua sân là cả khu nhà rung lên như động đất, nói theo nghĩa đen vì lão khỏe lắm, như một con bò mộng. Mà lão lại xuất thân từ tầng lớp không bao giờ đếm xỉa đến chữ "sĩ", cái thứ xa xỉ của những con người hèn yếu vì có đôi chút lương tâm. Lão muốn gì lão làm cho bằng được. Lão xéo lên tất cả. Lão làm chân gác cổng, về hưu từ chục năm nay. Lão có nhà ở ngoại ô, có vườn, ao thả cá. Đột nhiên lão bán tất để chuyển vào thành phố. Lão dùng tiền mua vàng giất túi, giả nghèo giả khổ, bắt cả nhà chui vào cái hốc chưa đầy chục mét vuông, không cửa sổ, một bên là khu vệ sinh công cộng, mà đã là của công thì không thiếu gì mùi. Một bên là cái sân thượng giờ đây người ta tràn ra che cót để ở. Mỗi cái hốc bốn bên cót ép là một gia đình. Thật là đủ màu sắc. Có những cặp vợ chồng phường

chèo chửi nhau như chó với mèo, đêm vẫn ôm nhau ngủ trên một cái giường, rúc rích cười đùa khi đêm về có trận mưa làm không khí bớt nồng nặc hôi thối. Có những nhà toàn đàn ông con trai lộc ngộc. Ban ngày tứ tán kiếm ăn, đêm cùng chui vào hốc. Điện mất. Quạt không có. Nước hiếm không dội được cái thân thể tràn trề sinh lực vì mồ hôi. Họ cởi trần nằm ngủ như cá xếp trong nồi. Khắp cái sân thượng ngày xửa ngày xưa đã từng là nơi hóng mát của các cậu ấm cô chiêu giờ đây khò khè khọt khẹt vang lên tiếng ngáy của đám chúng sinh yên ngủ dưới bầu trời đầy sao của thượng đế che chở họ. Ban đêm họ ngủ như những con người khốn khổ hèn mạt. Ban ngày họ là lũ quỷ dữ, một bầy súc vật sống với nhau như bầy dàn, con nào mạnh thì tranh được miếng ngon. Đó là bộ mặt của trăm ngàn cái nhà tập thể đổ ra từ khi người ta cứ quyết tâm nhồi, từ linh hồn đến thể xác vào cùng một rọ... Lão Thiến bán gia tài ở nhà quê, vàng giắt đầy người mà vờ đói khổ như đồ ghẻ rách. Lão cũng chui vào một trong những cái hốc trên sân thượng này và trong bầy thú ở đây, lão là con thú có bộ răng dữ tợn nhất.

*

Vài hôm sau thằng Thán lù lù xuất hiện. Hắn có cái ba lô căng phồng đằng sau lưng, bên trong không hiểu dựng thứ gì. Thán bước đi oai vệ vào khu tập thể. Mọi ánh mắt phóng ra từ các hang hốc đều hội tụ vào cái ba lô thằng du côn đang đeo sau lưng. Có tiếng chớt nhả giọng Nghệ pha giọng Bắc vang lên trong hốc cầu thang:

- Thán!

- Gì?

Thằng Thán quay nhìn mụ dàn bà béo ngấn cổ, son phấn lòe loẹt như gái ở nhà ga, miệng toe toét cười, một cọng hành còn dính ở răng cửa:

- Chào chú?

- Vâng, chào bà chị!

- Mày mang cái gì trong ba lô mà hùng thế?

- Quần áo thôi!

- Mẹ mày, quần áo cái chó gì. Có là vàng mới nặng thế chứ!

Lão Thiến chạy ra đón con, lão đỡ lời:

- Vàng gì, có là vàng thoi!

- Vàng thoi đấy! Thằng Thán hiên ngang đi lên gác. Cái cầu thang xây từ thời Pháp thuộc rên rỉ, cót ca cót két, lúc nào cũng gây cảm giác "a lê hấp, sập cho mà xem!". Nhưng hàng chục năm nay nó vẫn chưa sập. Người ta bảo là vì nó được xây từ thời Pháp. Thời ấy thợ thuyền chưa biết ăn cắp xi-măng, chưa hề đếm xỉa đến cái thói gian dối đã trở thành nạn dịch thời nay nên nhà cửa thời ấy chứa năm người bây giờ chứa cả hai trăm người mà không có sao hết.

Mấy thằng nhãi đang chơi bài ăn tiền ở sân túa ra, reo ầm lên khi trông

thấy thằng Thán:

- Công tử đã về, "quan đại thần" khao chúng cháu đi.

Sở dĩ lão Thiến có cái tên "quan đại thần", vì lão sống như súc vật, ai cũng nghĩ lão như súc vật, trừ có lão. Lão hoàn toàn hài lòng khi ở trong cái hốc tăm tối mà cha con lão gọi là nhà. Lão cũng làm lễ sinh nhật. Trời Phật ơi, sinh nhật hẳn hoi! Đám nhãi con nín thở theo dõi lão làm sinh nhật. Ngày xưa lão đã làm thường trực ở một cơ quan to đáo để ngoài phố nên lão biết mùi vị của các thứ lễ lạc này lắm. Lão kéo hai gã đàn ông vô tích sự ở cùng phố tới nhà, ngồi nhấm bia với lạc rang và đọc thơ. Gì chứ thơ thì các lão làm như trẻ con đánh rắm. Mỗi giờ được vài chục bài... Rồi lão làm giỗ chạp, tết nhất. Đám anh em họ hàng lão đã tràn từ cái làng xa tít tắp ra hết thành phố. Lão là một tài năng ghê gớm ở xứ này. Đám anh em họ hàng chả học hành gì sất mà có trong biên chế Nhà Nước tất tật. Người thì bán rau mậu dịch. Kẻ thì làm bảo vệ. Lúc về hưu cũng lương bổng như ai. Lão mang cái bằng "có công với cách mạng" đi làm tấm bùa hù dọa các ông thủ trưởng yếu bóng vía. Lão đi lại năm bảy lần, hai mươi lần. Lão ngồi lì ở nhà các thủ trưởng, không quà bánh gì sất, chỉ nói oang oang. Ấy vậy mà hai lão em trai, hai bà em gái và hàng chục họ hàng hang hốc được cất hết vào cơ quan Nhà Nước, hộ khẩu tem phiếu đàng hoàng. Giỗ chạp, lão tập trung cả đám trong cái hốc nhà lão, lão thường đãi cả đám một con vịt cỏ - nhà lão giỗ vào mùa vịt - năm nào cũng thế. Con vịt được nấu trong nước loãng, thêm gia vị và cả đám hàng chục nhân mạng ngồi quanh xì xụp ăn uống. Chật chội nhưng thành thị vẫn hơn đất nhà quê... Lão ngồi giữa, đàng hoàng lên giọng phê phán, đi ra đi vào giữa đám em út cháu chắt ngồi quanh con vịt trong khi vàng lão giắt trong người. Chưa có một ông quan, ông vua nào trên đời lại thỏa thuê sung sướng trong cảnh điền viên như lão. Và biệt hiệu "quan đại thần" đặt cho lão thật xứng đáng. Chỉ có vua quan mới sống trong vương quốc của mình được như thế, bất kể trời nóng trên bốn mươi độ C, bất kể mưa giột, mùi chuột chết, mùi nhà xí... Lão cứ làm việc lão, cứ ăn ngủ như thường...

Thằng Thán ném cái ba lô, ra chiều mệt nhọc. Nhưng nghĩ thế nào nó lại ôm vào lòng. Nó nhìn quanh quất rồi giúi cái ba lô vào góc, chỗ vẫn thường nấu nướng bằng cái bếp dùng điện ăn trộm ở đường dây qua cơ quan bên. Hắn trông chừng lão Thiến. Lão kềnh càng thế thôi chứ khi ăn cắp, lão nhẹ nhàng hơn mèo. Suốt ngày lão chăm chăm xem ai có gì là lão thó. Lão thó tất, từ quần lót đàn bà đến cái đoạn dây điện nối từ ngoài vào nhà người ta. Lão lấy cả cái bô trẻ con để ngoài sân. Lão tống tất cả vào cái ba lô to, thỉnh thoảng lão làm một chuyến về quê. Ở đấy lão còn có ông anh ruột ở lại quê vì không thể chuyển tải lũ con cả mười đứa ra thành phố. Lão Thiến thường đổi cái ba lô đựng đồ ăn cắp vặt cho lão anh rồi mang ra thành phố nắm khoai sọ, nắm đỗ... Cả khu nhà này biết lão ăn cắp mà không bắt được bao giờ. Thằng Thán là môn đệ của bố nhưng hắn thường làm các quắn to, "không lèm nhèm ăn vặt như ông!" Hắn hay quát bố như thế.

Vợ lão Thiến đã chết. Đứa con gái gả chồng trên miền núi. Còn lão với thằng Thán. Thằng Thán theo chúng bạn đi tứ phương kiếm ăn thỉnh thoảng cho lão tiền nhưng hai bố con không bao giờ ăn cùng mâm. Khi thổi cơm, lão hoặc thằng Thán ăn trước. Hai bố con làm cái dây móc trộm điện ở công ty bên cạnh, đun sùng sục ngày đêm. Lão thường đun nhừ mớ đầu cá hoặc xương lợn mua rẻ ngoài chợ để húp nước, khi không có gì đun lão cũng cắm điện vào bếp. Lão chậc lưỡi: - Ăn cắp thì cho bõ. Ăn cắp như tớ ăn thua chó gì. Báo đài nói đầy ra đấy. Có kẻ ăn cắp bạc tỉ mà chả sao sất. Tớ gà què ăn quẩn cối xay!

Lúc này lão Thiến quanh ra quẩn vào, mắt liếc liếc cái ba lô. Ruột gan lão cồn cào. Chưa bao giờ lão Thiến thấy thằng Thán mang về được cái ba lô to như thế. Lão hào phóng cho thằng con cái bánh mì. Nhìn thằng con im lìm ngồi ăn, lão không thể nhịn được nữa:

- Thán, quấn này mày vớ bẩm, hả?

- Cái chắc.

- Quả gì đậm thế?

- Quả c...! Thằng Thán văng tục, nhặt nhanh mấy mẩu bánh rơi dưới chiếu, quệt tay chùi mồm, vào xó mở cái nắp bô. Một mùi khai thối khủng khiếp lan ra khắp nhà. Thằng Thán làm phận sự xong, chui vào cái xó nhà bố nó phân chia cho nó, ngáy như sấm. Một tay nó ngoắc vào cái dây ba lô.

Trong khi thằng con ngủ, lão Thiến ngồi như ngồi trên lửa. Lão cố đoán xem cái gì mà không tài nào đoán được. Gần tối lão dò dẫm lại chỗ thằng con:

- Thán, dậy tao bảo.

- Gì?

- Mày có của sụ, coi chừng thằng Hùng. Nó về hơn tuần nay. Trốn trại.

- Vậy hả? - Thằng Thán bật dậy, ôm ghì cái ba lô. Thằng Hùng con mụ Phàn người Nghệ mà buôn bán ma lanh hơn bất cứ một dân thổ cư nào. Thằng Hùng hai nhăm tuổi, đã ba lần ở tù. Mỗi lần một năm lại ra. Mỗi lần ra lại anh hùng hơn. Loại thằng Thán còn phải kiềng. Kỳ này thằng Hùng lãnh án năn năm tù về tội hiếp dâm. Chưa được một năm, hắn đã trốn trại.

- Có bị nã không?

- Chắc có. Bây giờ hắn nằm tít trên gác xép. Cả nhà này không đứa nào dám hé răng. Hắn xin tiết liền... Mày cứ nói thật, cái gì ở trong đó. Rồi hai bố con cùng lo, mình mày tao e không xong.

- Bố phải kín mồm nhá.

Lão Thiến nhổ nước bọt vào tay, hươ lên trước mặt hai lần như một cử chỉ hành lễ. Hai bố con thề thốt coi bộ rất nghiêm trang. Thằng Thán xích lại gần bố:

- Trong này là xương...

- Mày đùa.

- Đùa với bố đấy. Xương này quí hơn vàng. Xương Mỹ.

Lão Thiến khịt mũi. Lão nhướng cái cổ lên thật cao. Đó là kiểu lão xúc

động. Lát sau lão thì thào:

- Thật không? Khéo nhầm bỏ bố.

- Tôi với thằng Đảo đào được. Có cả dây vàng đeo ở cổ. Chỗ dây vàng móc cái lọ nhựa, bên trong đựng thỏi nhựa in tên. Bị tróc mất cái đuôi tên. Còn rõ mỗi chữ Tô-ny Đ. Phiên hiệu đơn vị cũng còn mờ mờ. Lọ đó thằng Đảo cầm đi chào hàng. Xương Mỹ trăm phần trăm. Thằng Đảo có kinh nghiệm. Nó còn đo kích thước nữa kia.

- Nếu bán được thì giá bao nhiêu?

- Thằng Đảo bảo còn phải chi cho cả dây, cũng nhiều ra phết. Còn bọn đào được khoảng năm triệu. Tôi với thằng Đảo chia đôi.

- Mẹ kiếp, khối tiền.

- Thằng Đảo đi bắt mối ngoài cảng. Thằng Đảo chờ ở đó. Bán cho bọn thủy thủ. Bọn nó đưa qua Mỹ, khối tiền. Nếu vụ này xong tôi sẽ cho bố năm trăm ngàn. Được chưa?

- Tùy mày. Nhưng ăn thì cũng ăn mỏng thôi. Nó mới bền.

- Bố không phải dạy. Tôi cho bố năm trăm là bố lãi. Chả mất giọt mồ hôi chó nào mà vớ năm trăm...

- Được rồi mày ngủ lấy sức mai lại đi. Tao canh cho.

Lão Thiến ngồi cạnh cái cửa làm bằng cót ép. Lão có kiểu ngồi của chó trong ổ, khoanh tay chân cho vừa ổ. Thằng Thán yên tâm vì có bố gác, hắn nằm ngáy o o. Lão bố sau cơn xúc động, bắt đầu đến trạng thái tinh thần kỳ lạ mà lão vẫn có khi nghe tin con có tiền. Thằng Thán không bao giờ dấu bố tiền kiếm được. Đôi khi hắn còn khuếch thêm lên nhưng đố nhả cho xu nào. Tiền có khi hàng triệu nhưng quanh quẩn dăm hôm là nướng vào đề hết. Của thiên trả địa, làm sao giữ được nếu nó không đưa cho bố nó giữ hộ? Lão bố vừa ghen tức, vừa thèm khát. Hàng loạt những âm mưu xuất hiện trong đầu lão nhưng nghĩ đến cái máu hung dữ của thằng con, chưa bao giờ lão ra tay. Lão cứ loanh quanh trong mớ bùng nhùng ý nghĩ mờ ám và nỗi sợ hãi triền miên, bất kể lúc nào thằng con có tiền, mỗi lần như thế miệng lão nhạt như ngậm phải bèo, mắt lão đục lờ đờ, nhìn không rõ... Lúc này lão đang trải qua trạng thái nửa thèm nửa sợ ấy, tai lắng nghe tiếng động bên ngoài. Lão lơ mơ ngủ cho đến khi có bàn tay ai đập nhẹ vào vai. Lão ngẩn lên, rõ ràng như ban ngày, lão nhìn thấy mặt thằng Mỹ đen như hắc ín, răng trắng như vôi, hắn đưa bàn tay chỉ còn xương ra vuốt tóc lão. Lão cố cựa mình mà không cựa nổi. Người lão như được quết một lượt sơn, dính cứng vào nhau. Lão ú a ú ớ gọi thằng Thán. Thấy lão lúng túng, thằng da đen cười nghiêng ngửa nhưng không ra tiếng. Hắn cứ đứng bên lão, chỉ cái đầu còn nguyên, toàn thân là xương trắng hếu, hắn cười mà coi bộ cực kỳ thê thảm. Lão Thiến khiếp sợ, đạp mạnh chân vào cánh cửa bằng cót ép và tiếng động ấy làm lão Thiến tỉnh ngủ, thằng da đen biến mất. Thán bàng hoàng hỏi bố vì hắn cũng vừa tỉnh dậy:

- Thằng Hùng hả bố?

- Hùng nào. Thằng da đen...
- Thằng da đen gì?
- Có lẽ tao mơ. Tao thấy thằng da đen cười tao.
- Bố mơ thấy thằng da đen hả? Mẹ khỉ, tôi cũng vừa mơ thấy. Hãi quá, muốn gọi bố mà không được...

Thán bật đèn. Cả hai cha con đầu trộm đuôi cướp lần đầu tiên khám phá ra rằng có một cái gì bí ẩn vẫn khống chế những giấc mơ con người. Nó khống chế cả tham vọng tiền bạc, cả sự độc ác và ngu muội của con người.

- Thằng đó nói gì với mày không?
- Không, hắn chỉ cười thôi, mà tôi ngửi thấy cả mùi tanh.
- Mày mang nó đi đi. Để ở nhà hãi bỏ mẹ... Đưa tao mấy que hương.

Lão Thiến thắp ba nén nhang, múc một tách nước để lên cái ba lô, lấy ống bơ gạo cắm nén nhang vào, cũng để lên cái ba lô. Cả đời lão không biết khấn ai, nhưng lúc này như có cái gì mạnh khủng khiếp nhập vào người, lão sì sụp trước cái ba lô.

- Ông có khôn thiêng thì ông ngủ đi, ngày mai thằng con tôi tìm đường cho ông về quê quán. Như vậy thằng con tôi đã làm phúc chứ không phải nó gây tội. Ông về với cha mẹ vợ con, còn hơn là ông nằm lại rừng núi mà không ai tìm thấy ông.

Thằng Thán im lặng nghe cha khấn. Hắn ít tin rằng linh hồn anh lính da đen Tô-ny nào đó lại oán hắn. Hắn cũng có học lên đến lớp bảy. Hắn biết Tô-ny vì sao bị giết. Ác giả ác báo chứ. Anh ta giết người thì anh ta cũng bị người giết. Anh ta cô đơn lủi thủi ở chốn rừng xanh núi đỏ, hắn có công tìm thấy anh ta và anh ta phải trả tiền cho hắn. Vậy thôi. Nghe nói bên Mỹ người ta sòng phẳng trong mấy vụ tiền bạc lắm.

Lão Thiến khấn xong lại giục con trai đi ngủ. Lão không dám tắt đèn, Lão ngồi chong chong ở cửa chờ sáng. Tuy vậy gần sáng lão lại thiếp đi. Lão nhìn thấy rõ ràng hai bàn chân bằng xương đang dạo quanh người lão và mùi hôi thối nồng nặc bốc lên, làm lão phát nôn. Sợ hãi quá, lão nhắm nghiền mắt và vẫn nghe tiếng chân khô khốc, như tiếng động của kim khí dạo quanh chỗ lão ngồi. Lão thiếp đi mê mệt cho đến sáng.

Ba ngày thằng Thán đi vắng, lão Thiến không ngủ được vào ban đêm. Lão mơ liên tục. Vẫn là anh lính da đen, lúc thì có da có thịt như ông Tây đen hàng binh Pháp ngày hòa bình vẫn lái xe ở quê lão. Lúc đó lão còn trẻ. Người lính Pháp có lần dừng xe mời lão hút thuốc lá. Anh lính da đen ngày đó hiền lành là thế mà sao cái ông Tô-ny này lại im lìm bí hiểm. Anh ta giống hệt ông hàng binh Pháp khi xưa, nhưng chả nói năng gì sất. Cứ đứng trong góc phòng nhìn ra. Mỗi lần lão mơ, lão lại ngửi thấy mùi hôi của xương của thịt được đào lên từ mồ mả. Có lúc lão lại thấy trần xì bộ xương trắng hếu đi lách cách trong nhà; bộ xương leo lên giường, lên thành cửa sổ rồi cái mồm xương với hai hốc mắt nhìn lão chằm chằm ghê gớm. Xưa nay lão chưa hề yếu bóng vía, thế mà mấy ngày này lão cứ bủn rủn cả tay chân mỗi khi nghĩ tới giấc ngủ. Ban ngày

lão khóa cửa, ra vườn hoa chỗ ngã tư phố, leo lên cái ghế đá còn có cả dấu vết của các cuộc trăng hoa ban đêm, lão ngủ. Ở đấy lão ngủ yên, mặc kệ nắng gió vì xưa nay nắng gió không là quái gì đối với lão. Đến tối lão phải về. Cả đêm lão chong đèn dò dài. Lão bắt chước mụ Phàn rắc muối ra cửa sổ, thắp hương cắm ở lối đi. Lão nghe rõ tiếng động của bầy thú ngủ đêm trên sân thượng. Cạnh cái hõm nhà lão là vợ chồng thằng Xét bán thịt chó ngoài chợ. Thằng Xét bỏ con vợ nhà quê, ra đây mở hiệu thịt chó và chiếm được một hõm trên sân thượng này. Hắn kiếm đâu ra được con bò lạc về làm vợ. Nàng người miền trong, da trắng, giọng nói ỏn ẻn. Nàng sướng phát điên lên vì được tắm xà phòng Camay, được mặc xi líp Thái Lan, được xức nước hoa Tàu. Thằng Xét chiều cô vợ mới, chịu khó mua sắm cho nàng để ban đêm nàng ban phát cho hắn cái thứ hạnh phúc của một con cái hùng hổ bên cạnh một con đực cũng dư thừa sức lực vì rượu, vì thịt chó... Xét sắm cả áo kiểu "ký giả", quần bò mốc, giày "bít" cho nàng. Và hắn sung sướng khi thấy bất cứ một mốt mới nào xuất hiện trong đám con gái bán thịt ở chợ là vợ hắn cũng có...

Mấy đêm nay, tiếng chân đi lại của lão Thiến bên kia cản trở vợ chồng Xét khá nhiều. Nàng nằm im nghe ngóng tiếng động của lão Thiến và ngay đến con hổ cái khi nằm cạnh con đực ban đêm cũng trở nên mềm oặt, nàng nép đầu vào cái nách hôi hám của thằng Xét, thứ mồ hôi của kẻ ăn nhiều thịt chó. Nàng nũng nịu bằng cái giọng miền sơn cước quanh năm gió Lào:

- Em sợ lão Thiến quá!

Thằng Xét xoa đầu vợ y như cái cảnh phòng ngủ hắn vẫn được xem trên ti vi. Hắn cũng muốn bắt chước phim ảnh nói một vài lời nịnh vợ, âu yếm vợ nhưng hắn không quen. Hắn ậm à rồi văng ra trong lúc nàng vẫn chờ đợi một lời nói khác:

- Đ. mẹ, "não" điên, chấp "nàm" đ. gì? Quay qua bên "lày", khiếp, dạo "lày" béo thế, y như con "nợn" cạo "nông".

Tiếng cười nghèn nghẹt như tiếng chuột cống ăm đêm của vợ chồng thằng Xét khiến lão Thiến yên tâm. Lão mở dài, dò dài, thắp đèn sáng trưng và mong cho hết đêm...

Một tuần sau thằng Thán hí hửng mang về bọc tiền to. Hắn cười toét cái miệng đầy những răng:

- Trúng đậm!

Hắn mang về một bọc lá chuối tướng đựng dấy lòng lợn, có cả mắm tôm và ba cân bún. Hai bố con lão Thiến làm một lèo hết sạch mớ lòng lợn và ba cân bún. Quanh đi quẩn lại, lão Thiến không nhìn thấy bọc tiền của thằng con đâu:

- Mày nhét nó đâu rồi?

- Ở trong nhà này thôi. Tôi đi vắng một ngày, khi về tôi sẽ chi cho bố năm trăm. Quân tử nhất ngôn.

Thằng Thán đi, ở nhà lão bố không thể ngồi yên. Ban ngày mà lão không

ngủ được. Lão lò mò khắp nhà để tìm bọc tiền. Xó xỉnh nhà này có chỗ nào mà lão không mò ra. Lão tìm, lão móc ở tất cả chỗ nào kín nhất mà không thấy. Buổi trưa mệt quá, lão nằm ngay trên sàn nhà, bụng nghĩ xem còn chỗ nào? Lão chỉ cần rút vài con "ngan nằm" trong đống kia, đến mẹ nó cũng không biết được. Nghĩ ngợi, lão thiếp đi và phải bật dậy ngay khi trông thấy bộ xương ngồi chồm hổm trên kèo nhà. Lão văng tục:

- Đ. mẹ mày, mày đang về quê cha mày, mày còn muốn chó gì nữa mà dọa tao?

Bộ xương cứ ngồi như thế, lúc lắc đầu, những khớp xương lỏng lẻo chuyển động rung leng keng như tiếng nhạc ngựa. Lão Thiến sợ hết hồn. Lão xua tay xua chân cho nó đừng làm thế nữa nhưng nó càng làm già. Mùi hôi thối khiến lão tắt thở... Lão chống cự với bóng ma trong giấc ngủ chập chờn, đến khi tỉnh dậy, lão cảm thấy mình gầy tọp, chán ăn, người ngợm bải hoải như phải gió.

Ngày hôm sau, lão Thiến lại phải mò ra vườn hoa ngủ. Buổi chiều, thằng Thán về nhà, nó xộc ra vườn hoa kéo cổ bố:

- Về ngay!

Thấy mắt thằng con ngầu đỏ, cái môi nó đem sạm lại một cách dữ tợn, lão Thiến đi theo con. Thằng Thán về nhà trước. Khi bố nó vừa bước qua cái cửa cót ép, nó túm cổ lão Thiến:

- Tiền đâu?

Lão Thiến sững sốt:

- Sao lại hỏi tao tiền?

- Tiền tôi để dưới cục gạch này, bố đem đâu rồi?

Lão Thiến chỉ biết lắc đầu, lùi xa hai bàn tay cứng như gọng sắt của thằng con. Lão không nói nên lời. Thằng Thiến thấy bố như vậy càng nghi ngờ một cách điên dại:

- Ông nôn ra. Tiền mồ hôi nước mắt của thằng này, ông nuốt không trôi đâu. Ba triệu đồng của tôi không phải của thiu thối.

- Tao không lấy!

Lão Thiến bắt đầu lắp bắp được.

- Ông không lấy thì chó vào đây à? Nôn ra!

- Tao thề với mày, tao có tìm thật, định rút vài con nhưng không thấy. Tao thề với mày, tao mà nói điêu thì tàu xe chẹt tao nát ra như bụi.

- Ông có mà chết. Ông thề mà chết được thì tôi ăn cứt chó. Nghe thủng chưa? Nôn ra, ọc ra. Tôi bóp cổ ông lè lưỡi bây giờ!

Và nó xông vào, túm lấy cái cần cổ có cục hầu to như cục gạch của lão bố. Lão Thiến kêu ằng ặc như một con chó già bị trấn nước.

- Nôn ra. Một mình ông ăn không xuôi đâu. Nôn ra cho tôi đi nộp đề.

- Tao không lấy. Tao thề!

- Thề cái con chó. Nếu ông không lấy thì tự cầm dao kia rạch mặt ra cho tôi xem, không thì là tôi bóp cổ ông chết. Dao đây!

Lão Thiến run lập cập. Cầm con dao sắc như nước, lão Thiến nhìn con van nài:

- Tha cho tao, tao không lấy của mày đâu. Con ơi, đời nào bố làm thế? Bố già rồi, bố làm thế phải tội.

- Rạch mặt đi!

- Thôi, đau lắm tao chịu sao được?

- Không rạch thì chặt đi một ngón tay. Làm ngay. Ông có làm thế tôi mới tin, không là tôi bóp cổ ông chết tươi. Chặt đi!

Thằng Thán xông tới. Cái mặt nó xù ra vì độc ác. Một cách vô thức, tội nghiệp, lão Thiến kê ngón tay lên thành giường, nhìn con. Thằng Thán hét:

- Thề đi, chặt đi, đồ sâu bọ! Chặt ngay không là thụt lưỡi vào với thằng này.

Con dao dơ lên, phập một tiếng khủng khiếp, một dòng máu trào ra theo ngón tay trỏ bên bàn tay trái của lão rơi xuống sàn. Thằng Thán nhìn cảnh đó, không một chút xúc động. Hắn thấy bố hắn mặt tái mét, miệng lệch sang một bên vì đau đớn. Tất cả điều đó chỉ làm hắn tỉnh trí lại. Hắn bước ra ngoài, còn biết né chân cho khỏi dây vào máu. Hắn bừng bừng ý muốn trả thù đứa nào cướp không của hắn ba triệu. Ngón tay của lão Thiến có lẽ làm nó tin là lão không lấy thật. Nhưng thằng nào, thằng nào vào đây? Biết lấy gì trả nợ? Đối với lão chủ đề này, không trả hắn cho rửa mặt bằng át-xít ngay. Mẹ kiếp, thời này đứa nào cùn đứa ấy thắng. Tao trốn! Và trong những bước đi như say, hắn mơ thấy đất thánh Hồng Kông!

Trông thấy thằng Thán xăn xăm bước xuống cầu thang, mụ Phàn muốn cười với hắn mà không dám cười. cái mặt hắn hãi quá, y như vừa uống máu người. Mụ đi lên sân thượng, định vào nhà thì nghe tiếng rên đau đớn của lão Thiến. Chưa hiểu chuyện gì, mụ đã hô hoán:

- Giết người, có người bị giết!

Người ta thấy lão Thiến đang ngục đầu xuống, miệng ngậm chỗ tay bị thương, máu từ đó nhuộm đỏ cả cằm lão, chảy xuống ngực áo. Cái thân thể to tướng của kẻ tạp ăn và lười nghĩ ngợi, cái thân thể hung dữ của kẻ chỉ chuyên dùng cơ bắp và mọi chuyện giờ đây rúm ró lại, đến đứa trẻ có con tim độc ác cũng phải mủi lòng. Ngay giây phút ấy lão Thiến hơi mê đi. Lão nhìn thấy trong làn sương mờ mịt ở đâu đó, bộ xương người trắng hếu đang nhìn lão, bộ xương mờ mờ, hơi cử động và giơ bàn tay lên đỉnh đầu. Lão nghĩ là nó gọi, định đi tới nhưng hóa ra không phải, bộ xương đang chào lão. Thậm chí lần này bộ xương còn ré lên cười y như đàn bà. Lão muốn giơ tay chào lại nó nhưng không được, tay lão bị trói chặt...

Lão loáng thoáng nghe tiếng người.

- Lão tỉnh rồi, gọi "tắc lô" cho lão đi. Đi "tắc lô" cho nó êm.

Một tiếng nói rất tục. Tiếng cười đàn bà lại ré lên. Lão Thiến hiểu ra đó là tiếng cười của mụ Phàn. Và cái đám thú mà lão vẫn chung sống bấy lâu nay trong cùng một cái sân thượng giờ đây đang là những con người bên cạnh

lão. Lão được băng bó, được rửa mặt, được mặc thêm cái áo, được khiêng xuống cầu thang đi cấp cứu...

Từ đó lão không bao giờ mơ thấy bộ xương và anh lính da đen nữa. Lão đã được yên, ngoại trừ thằng Thán đi biệt tích...

Một đêm thằng Xét giục vợ đi ngủ sớm. Hắn ôm cái của mũm mĩm trời cho vào hai cánh tay đồ tể chó, phả hơi rượu vào mặt nàng:

- "Của lỡm" ơi, ngày mai anh sẽ mua cho "làng" một cái áo "nông" cực xịn.

- Của đâu mà xộp thế? - Nàng bắt đầu dùng ngôn ngữ đô thị.

- Bắt được... Mà đừng có bép xép ông xẻo "nưỡi" nghe chưa? Mà sắp tới ông có mua cúp thì cũng phải "lói" tiền riêng của mình, nghe chưa? Không nghe ông "nà" ông xẻo tất... Món chôm được cực to, "ló" mà biết thì tù. Hiểu chưa?

Nàng cười thét lên như bị cắt tiết. Đêm nào nàng cũng có những trận cười như thế. Khắp cái sân thượng đang mờ mịt trong giấc ngủ nặng nề, sau một ngày vật lộn với miếng ăn, chỉ có vợ chồng thằng Xét là ồn ào nhất, thức khuya nhất. Chúng vẫn là những con thú ngay cả khi màn đêm khiến cho thú trở thành người.

Đêm nay lại oi nồng, trời đang chuyển cơn giông. Lão Thiến lên cơn đau ở ngón tay cụt. Lão ngồi ở cửa sổ nhìn ra, chờ cơn mưa cho vết thương dịu lại. Ngoài kia là đô thị. Nhà nhà xếp chồng lên nhau. Anh lính Tô-ny Đ. không còn quấy nhiễu lão nữa. Lão lại hài lòng, mãn nguyện, như quan đại thần chính hiệu, chỉ trừ những lúc như lúc này. Cơn đau khắc khoải, đỏ màu máu, khiến lão chán ngấy sự đời... Lão bỗng nghĩ ra, và ngớ cả người ra trước một điều mà lâu nay lão không nghĩ tới: Chính thằng lính da đen kia đã chôm bọc tiền. Mẹ nó, chả thế mà từ hôm chôm được đến nay, không thấy nó xuất hiện nữa! Thằng xỏ lá đến thế là cùng!

LÊ MINH KHUÊ
(Trong nước)



MẠNH TƯỜNG

trên những giải ngân hà

• Tặng Ngụy Kinh Sinh (Wei Jingshen)
và Đoàn Thanh Liêm

Ngày nào đó
trên những giải Ngân Hà
tôi sẽ hỏi anh
trong trái tim máu đó
tại sao thời gian không trở ngược mà lại trôi xuôi
tại sao chúng ta chỉ nhớ quá khứ mà không nhớ tương lai
và những thiên thể kia, sinh ra làm gì và sẽ về đâu
sau khi tàn lụi
và anh đã nghĩ gì
khi còn ngồi sau chấn song tù ngục
ở nhà giam ngoại ô Bắc Kinh hay Chí Hòa
với cơn bịnh trầm kha không chữa được
dù đã uống mọi thứ thuốc của nhà giam
(9-1993)

biên đình

• Tặng Tuệ Sỹ

Sư già am lạnh buổi chiều
bếp không còn củi trăm điều dở dang
chiều nay xe đáo trường an
con đường oan nghiệt lang thang một mình
bờ hoang cỏ mọc biên đình
sát na ngoảnh mặt lặng thinh cõi về
(10-1993)



LUÂN HOÁN

thêm một cuốn năm

1.
Trời đổi mùa ta đổi bệnh đau
tim gan phèo phổi tóc cùng râu...
chỉ riêng một bệnh không thay đổi
là cái bệnh buồn chẳng đến đâu

2.
Táy máy moi từ lỗ nín ra
đôi ba viên đất, từ quê nhà?
không đâu. Ngửi mãi không ra được
cũng đỡ cô đơn đôi phút mà

3.
Qua nổi mùa đông này hay không?
Tiêu pha gần hết chuyện đau lòng
chập chờn thấy máu vô cùng đỏ
và trái tim chừng sắp trổ bông

4.
Ta phế bỏ ta năm ngoái kia
tìm hoài chưa ổn lời đề bia
mời em mách giúp cho vài ý
phơi nắng trăm năm chữ với người

5.
Đôi ba chục bạc có là bao
quái lạ túi ta lủng lúc nào?
thôi khỏi thả cò bay vô ích
ta chữ cũng đang bận chiêm bao

LUÂN HOÁN



THANH THẢO

bây giờ

bây giờ giữa chúng mình đã lìa một ngó sen
tơ vương quá dài
thời gian ủ kín tận lòng sâu
ít có cơ may nẩy chồi
bây giờ mùa thu viết cho anh
lá thư thứ nhất
thông báo bằng giọng dịu dàng
của cơn gió ngơ ngác
rằng anh quên tóc em sẽ bạc
những nếp nhăn đuôi mắt
sẽ như người khách lạ chợt ghé nhà
cứ tưởng thăm qua
nào ngờ ở hẳn
chúng ta chẳng còn nhiều
bao của cải đang dần cạn
thời gian là món tiền chợ hàng ngày
lắt nhắt vụn vặt
mà ta không thể không tiêu
bây giờ những vở kịch hùng hồn
đã hạ màn
trơ cái nhà hát mênh mang
đầy rác rưởi
những người xem ké
tranh thủ từng khe hở
vô vọng
bây giờ chúng mình
hai đứa ngó sen
im lặng

THANH THẢO
(Trong nước)



PHẠM CHI LAN

nấm mộ lá



Có một dạo bỗng dưng người ta nói đến một nhân vật ít người để ý đến từ bao lâu nay. Một người âm thầm như chiếc bóng chẳng liên quan gì đến ai trong thành phố tỉnh nhỏ này. Những lời bàn bạc về người đàn ông ngày càng thêm huyền hoặc. Người ta tạo ra những dữ kiện về con người lặng lẽ kia, sau khi ông đã biến mất và những trận gió lạ từ đâu thổi về ngang khu vườn tiêu điều của thành phố.

Ông Nô làm việc cho công viên thành phố đã từ lâu lắm. Người ta không biết ông từ đâu đến hay gia thế ông thế nào, chỉ biết ông chăm chỉ làm một công việc duy nhất từ ngày ông đến đây, công việc lập đi lập lại ngày này qua tháng khác mà không hề thay đổi. Ông là người lao công kiên nhẫn tận tụy nhất của thành phố mà nhiều người ngạc nhiên với sức chịu đựng của ông với thời gian. Mùa nóng cũng như mùa lạnh, mùa nắng cũng như mùa mưa, dáng dấp âm thầm của người đàn ông Á-Đông nhỏ thó cắm cúi quét gọn từng đống lá khô thành từng cụm, hay lủi thủi nhặt từng cọng rác trên những lối đi đã trở thành hình ảnh quen thuộc của người bản xứ dạo bộ nơi công viên vào buổi chiều.

Năm nay mùa thu đến sớm. Lá rơi quá nhanh. Lá rụng hết chỉ còn cây trơ xương. Lá phủ ngập đầy lối đi như một lớp thảm phủ dầy mặt đất. Mùa thu là mùa của lá rơi, thành phố không mướn ông Nô để thu dọn lá mùa thu, bởi mùa thu là mùa của lá rụng quét dọn làm sao cho xuể. Nhưng thành phố vẫn cần một người lao công để quét dọn nhặt nhạnh những rác rến mà người ta để lại sau những cuộc vui chơi của trẻ con hay người lớn. Có những buổi

chiều, người ta nhìn thấy ông già gầy gò ngồi ở một góc vườn, hay dưới một gốc cây mở gói thức ăn ông đem theo cho bữa cơm chiều. Ông lặng lẽ ngồi ăn một mình, khuôn mặt chìm lặng và ẩn kín như một bức tượng câm nín. Ông thầm lặng lắm bởi vì ông chẳng hề nói chuyện với ai. Nếu có muốn nói điều gì, ông thường làm hiệu bằng cử chỉ. Có người nghĩ chắc ông tàn tật không nói hay nghe được. Lại có người nghĩ khác, họ bảo thường trông thấy ông đứng ngẩng mặt nhìn trời lẩm bẩm điều gì, mắt nhìn đăm đăm vào cõi xa xăm như tìm kiếm nghe ngóng hay đang nói chuyện với các vì sao. Có thể ông đang tìm kiếm vì sao bản mệnh của ông. Cũng có thể ông đang nói chuyện với một đấng vô hình nào đó. Có người còn bắt gặp ông lẩm nhẩm khi ngước mặt nhìn lên vòm trời cao thẳm, nơi đó mắt ông nhìn thấy những điều ông không nhìn thấy hàng ngày chung quanh ông. Cũng có thể ông đọc thần chú hay cầu nguyện cho nhân sinh bớt đau khổ và cô đơn.

Ông ấy là người đầu tiên đến mở cửa công viên thành phố, và là người ở lại sau cùng khi chiếc cổng sắt khép lại khi công viên đã đến giờ đóng cửa và thành phố đã lên đèn. Rồi ông quay lưng lầm lũi đi vào bóng đêm mất hút. Ông cư ngụ ở nơi nào người ta cũng không hề thắc mắc. Một ngày có hai mươi bốn tiếng, ông làm việc quanh quẩn trong công viên đã mười mấy tiếng đồng hồ. Khu vườn này là nhà của ông. Ông biết rõ từng góc của công viên, có bao nhiêu gốc cây khóm hoa trong vườn ông đều quen thuộc. Buổi tối khi mặt trời sụp xuống, ông đi về đâu nào ai quan tâm. Họ chỉ biết rằng đã cả chục năm nay, không ngày nào vắng mặt ông lão lao công đơn độc giữ gìn vệ sinh ở công viên thành phố này.

Mùa thu đến sớm và cũng chóng tàn, mới giữa tháng mười mà lá đã trút không còn một chiếc nào trên cành. Hàng cây trơ trụi lá, chơ vơ những nhánh cây xương xẩu trắng hếu như những bộ xương người dựng đứng. Những cây phong xứ này dị ứng với thời tiết lạnh. Chỉ qua một trận lạnh mầu lá đã rùng mình đổi sang mầu tê tái. Từ mầu tê tái chuyển sang mầu đỏ hực. Thêm vài luồng gió lạnh nữa là lá rũ mình chuyển sang mầu nâu xám xịt, rồi rùng mình tìm về với cội nguồn. Lặng lẽ nào ai hay. Cảnh vật ở đây nhuốm vẻ tiêu điều quá nhanh. Tâm hồn thiên nhiên quá nhạy cảm. Thiên nhiên nhạy cảm nhưng người thì lại hồn nhiên. Họ vô tư đến nỗi tin ông lão lao công biến mất cũng chẳng mấy ai để ý. Sáng nay đã gần trưa rồi mà cánh cổng công viên vẫn im lìm khép kín. Không thấy ông Nô đến mở cửa công viên.

Có tiếng con chim lạ hú lảnh lót ở góc vườn. Một luồng gió cuốn những chiếc lá khô xoắn tít quyện vòng tròn ở góc cuối vườn tạo nên một thứ âm thanh xao xác khô nhẹ, nghe hiu hắt như xoáy vào lòng. Lũ chim sẻ làm tổ trên những cành xương khô vẫn còn ngủ yên. Cảnh vật vẫn còn im lìm trong cơn lạnh đầu mùa. Khu vườn tiêu điều hơn với vài gợn gió chướng gờn gợn lạnh. Tiếng con chim lạ ở đâu về vẫn kêu quang quác ở trên cành khô. Và những luồng gió cứ xoáy tròn như những vòng spiral kỳ quặc. Khi người ta tìm thấy ông lão làm vườn nằm chết ở dưới một gốc cây, thân thể ông đã lạnh

cứng và trên mình ông chỉ phong phanh một manh áo mỏng. Lá tụ về phủ kín khắp người ông. Nấm mộ lá chôn ông đã mấy hôm rồi mới có người khám phá. Nấm mộ lá bị người ta bới ra tìm thấy thi thể một người đàn ông gầy gò, mái tóc muối tiêu với khuôn mặt khô xương xẩu lạnh lẽo không cảm xúc. Không ai hiểu do đâu lá khô cuốn về che phủ thân thể ông, như một tấm chăn dầy, như một nấm mộ. Đây là người đàn ông da vàng từ một nơi nào đến, ông không hề tiếp xúc với ai, người ta đặt tên ông là Nô vì ông chỉ biết lắc đầu từ chối. Người ta chép miệng lắc đầu. Tội nghiệp. Rồi có người đến đem xác ông lão đi mất.

Những đám lá khô vẫn lào xào bay vung vãi khắp khu vườn. Lá khô phủ dầy trên những lối đi, khung cảnh tiêu điều như một khu vườn hoang phế. Dạo này ít người dạo bộ hay chơi thơ thẩn ngoài công viên. Có lẽ vì trời đã trở rét nhiều, hoặc tại khung cảnh khu vườn mang vẻ âm u huyền hoặc làm người ta ngại ngùng.

*

Khi tôi vừa bước chân đến thành phố tỉnh lẻ này, có nhiều cặp mắt nhìn tôi dò xét lẫn ngại ngùng. Có những cái nhìn đặt nhiều câu hỏi. Tôi linh cảm rằng thành phố này không quen với những khuôn mặt lạ, nhất là một khuôn mặt da vàng lạc lõng chìm trong đám đông. Có lẽ tôi không được chào đón lắm ở nơi hẻo lánh hoang vu này. Thành phố nằm dưới chân thung lũng, trông ra một dãy núi đá lởm chởm màu đỏ đất sét. Ở đây đêm xuống gió nhiều lắm. Gió hú gào rên xiết ngoài trời. Gió rít qua khe cửa. Gió lồng lộng thổi từ phía Bắc về, gió kéo những đám mây đen với nhiều hình thù lạ lùng, như những bức tranh mây chuyển động thay đổi từng cảnh mục. Buổi chiều xong việc, tôi ngồi thong dong nhìn ra bên ngoài cửa sổ (căn phòng khách sạn có cánh cửa sổ hướng về phía tây, đối diện với công viên thành phố). Tôi nhìn ngắm và phân tích, tưởng tượng về những đám mây chuyển sắc đổi hình phía xa như đang xem một hoạt cảnh không âm thanh và tiếng động. Mới chạng vạng chiều mà thành phố đã im lìm chìm trong vẻ hoang vắng u tịch. Tôi khoác áo len mỏng định đi ra ngoài, định dạo một chút ở công viên lá trước khi lên giường đi ngủ sớm. Thằng nhỏ thập thò ngoài cửa phòng tôi có lẽ từ lâu, dường như chỉ chờ tôi bước ra là chận hỏi.

- Hi Miss. You going out for a walk?

Tôi hơi giật mình vì bất ngờ.

- Hi, Tôi định đi dạo công viên...

Cặp mắt nó nhìn tôi như muốn nói điều gì, ngập ngừng như muốn giữ chân tôi lại. Tôi mỉm cười làm thân, hỏi thăm:

- Em ở gần đây hả ?

Gật đầu trả lời, rồi đưa tay chỉ về phía sau khách sạn. A, nhà nó cũng là đây. Có lẽ nó muốn làm quen với người lạ ở xa đến. Tôi kéo tay thằng bé ngồi

xuống chiếc ghế gần đấy. Lục tìm trong túi áo có một thỏi kẹo chocolate, tôi tặng người bạn nhỏ thân thiện của tôi.

- Em tên gì?

- Tên Bô.

Thằng Bô là người bản xứ lai da đỏ. Đôi mắt nâu mầu hạt dẻ với hàng mi dài đa cảm, nước da nâu sậm và mái tóc đen mượt, trông nó ngoan như mấy đứa nhỏ chăn châu ở làng xưa của tôi. Bô nói có một người Á-Đông, trông giống như tôi sống đã lâu ở đây. Một người đàn ông vẫn thường đi qua nhà nó mỗi buổi sáng và chiều tối. Tôi hỏi Bô có quen với ông ta không. Thằng nhỏ ngập ngừng, rồi khẽ gật đầu. Thì ra thành phố hẻo lánh này cũng có một người da vàng cư ngụ. Bô đưa tay chỉ về phía công viên trước mặt, nói nơi đó là nhà của ông ta. Rồi nó cầm tay tôi dắt về phía công viên, như muốn chỉ cho tôi xem điều gì. Công viên chỉ có lá và lá.

Cơn mưa kéo dài từ tối hôm trước, đến giữa trưa vẫn còn rả rích. Cứ mỗi lần thời tiết nặng nề là tôi gặp cơn nhức đầu deo dẳng. Công việc nhiều suy nghĩ quá và tôi cũng đã chán cái khung cảnh u ám đìu hiu của thành phố này. Tôi có ý nghĩ muốn ra về sớm. Sau trưa, mưa đã tạnh và mặt trời ló một chút ra khỏi đám mây, như cánh tay truồi ra bóng tối bắt lấy một vùng ánh sáng thoi thóp. Tôi lấy áo khoác ra về sớm hơn thường lệ. Đi bộ trên con đường tắt về lại nơi trú ngụ, ngang qua một tiệm chạp-phô nhỏ, tôi thấy thằng Bo ngồi trước cửa đang lau chùi bộ chân đèn bằng đồng. Tôi dừng lại chào Bo, thằng nhỏ ngước mắt nhìn tôi nhoẻn cười.

- Chào Bô. Em làm gì ở đây thế ?

- Hello Miss. Em giúp việc ở đây cho ba em. Đang định đi kiếm cô. Chờ một chút, em có cái này cho cô xem.

Thằng Bô bỏ bộ đèn đồng xuống chạy vào bên trong. Tôi đứng chờ ngoài đường lơ đãng ngắm con phố vắng sau ngày mưa nhầy nhụa. Mặt đường đầy xác lá ướt nhẹp, những đám lá trút nằm bẹp dí dưới mặt đất trông lầy lội dơ bẩn như rác rến sau cơn lụt. Khu phố xây bằng stucco màu đất thẫm, thấm nước mưa trông càng sẫm tối u ám hơn. Thằng Bo chạy ra dúi vào tay tôi một gói giấy nói đem về xem thử, rồi nó chạy biến vào trong. Tôi tần ngần nhìn gói giấy, có lẽ là một quyển sách. Cánh tay ánh sáng phụt tắt chìm mất trong đám mây đen, tôi quay về trên con đường nhỏ với bóng tối phủ chụp lên thành phố. Bóng điện thấp thoáng nhấp nháy sáng lên. Tôi tò mò mở gói giấy, cảm giác lạnh chuyền vào những ngón tay, rồi như có một luồng gió hay ánh sáng hay mùi hương gì vụt bay vút lên vào bóng đêm, thẳng lên trời...

*

Có một thứ ngôn ngữ làm lòng tôi se lại mỗi khi nghĩ đến. Lời tự đáy lòng chỉ có thể xuất phát bộc lộ bằng những câu thơ bi lụy thế này. Chân thành

quá, cảm động quá đến nỗi tôi đã thức trắng bao đêm lẩm nhẩm những câu không vần, không đầu không đuôi từ cuốn sách kỳ lạ này. Nó nói thứ tiếng tôi suy nghĩ, thứ ngôn ngữ tôi được sinh ra và khóc bằng thứ âm thanh não nùng đó. Có những tiếng gọi mẹ gọi cha gọi con gọi người yêu dấu đầy xúc cảm và thiết tha không thể dùng một thứ ngôn ngữ nào thay thế được. Tôi nghe dường như có ai đang gọi tôi bằng thứ tiếng gần gũi thiết tha đó.

Quyển vở mở đầu là hình ảnh một cuộc chia ly với tiếng gọi "mẹ ơi" êm ái, rồi cũng kết thúc bằng tiếng gọi "...ơi", cùng với lời vĩnh biệt thời gian. Người viết đã nhỏ máu vào những tiếng kêu thiết tha lẫn trìu mến. Tôi hình dung ra ông đang ngồi thu mình ở một góc khuất công viên, cắm cúi viết nắn nót những tiếng gọi trong quyển sổ, rồi mở rộng trang giấy cho những chữ viết ấy hoá thành một thứ âm thanh bay vút lên trời, tan vào không gian mà nơi ấy có những con mắt long lanh đẫm lệ của những ngôi sao nhìn ông thật âu yếm.

"Lạnh quá mẹ ơi, gió lồng lộng đưa hơi lạnh từ phía bắc về làm con nhớ những ngày gió bấc mẹ nhúm lửa quạt hơi ấm toả khắp nhà. Nhà quê mình nhiều rơm nhưng nhúm lửa bằng rơm nhiều bụi mẹ sợ con lại lên cơn ho mỗi khi trời trở lạnh. Mỗi khi con ôm ngực lại thấy khuôn mặt mẹ nhăn nhúm vì đau đớn. Chắc ngực con không đau bằng mẹ."

"Vẫn trò chuyện với những mắt sao
long lanh như mắt em xanh
buổi chiều sông Hồng vụt cao
Cánh diều lạc gió
Tôi đi như mây
từ độ chân trời rực đỏ

Ôi lá, ôi cây
hãy choàng ôm lấy tôi
như cánh tay mẹ hiền
như lửa ấm từ thân em
cháy!"

*

Tôi rời thành phố tỉnh nhỏ không kịp từ giã Bô. Tôi đi như chạy trốn những luồng gió lạnh và những cơn lốc của lá. Ở một nơi nào đó trên mặt đất này, có một nấm mộ bằng lá phủ kín nỗi niềm đau thương của những kẻ di dân thầm lặng. Những chiếc lá đang dần rữa trong cái lạnh của mùa đông.

PHẠM CHI LAN
(Mùa thu 1993)



THƯỜNG QUÁN

trưa

Không thể đi nữa
hàng cột đá khoảng cách không xê dịch

mọi người đứng lại chờ uống cơn khát
dừng gió
lợn cợn cát
cùng ngó lại tuổi tác và điểm danh

những chiếc bóng rơi rớt

Em là một khuôn mặt
đen trong giếng tối
dưới tàn lá
đôi mày rậm

mà người đứng trước tôi đã lỡ trớn
uống quá hạn phần
bắt đầu lên cơn say

cuộc động kinh nhẹ
hàng cột đá không đứng vững
chao đảo
    chao đảo... đang sụp đổ

người đi sau

đêm

Cánh đồng vô hạn
mây dựng Núi trắng

trên thềm đá ngó mông
tuồng chờ đợi
một hiện tượng được hứa hẹn bằng mũ triều thiên
lửa thăng thiên và lễ phục

tôi chỉ gặp một người
tóc cứng dựng như lửa
đôi mắt rách rưới

đi ngược lại con đường tôi đã đi qua

khi tôi hỏi về phép bí tích
phúc tạ được sinh hạ
người cúi xuống
đặt trán lên mặt đá nhám sắc

ôi những vết trầy sướt
đỏ như sao băng

khoảnh khắc

tôi tin con người có những khoảnh khắc, trong một khoảnh khắc
mong manh nào con người rất gần với hơi gió
tôi tin con người có những khoảnh khắc

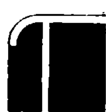
thoát đi chầm chậm yên tĩnh
dưới sắc đậm những tàn lá
chiều nay tôi lại nhớ một khuôn mặt không rõ

có thể là anh lúc ngửa mặt không không
khi chúng ta đạp xe ngang qua Ba Đình
búi tóc bạc đôi mắt thanh niên
như nhìn trời mà không nhìn một thứ gì cả

bao nhiêu trận gió trốt bao nhiêu năm dài lũ dột
bao nhiêu vực đá sắc
búi tóc này bao nhiêu đám mây phù trên đá đã bay qua

THƯỜNG QUÁN

VI KHUÊ



anh không coi em như là đồ chơi

Anh không coi em như là đồ chơi
Anh yêu em mà, yêu, trời ơi!
Anh chết lần mòn, anh sẽ chết
Em mà nói vậy, ác, em ơi!

Anh khóc đây mà, giữa dòng người
Anh khóc không cần phải hổ ngươi
Anh khóc lệ trào tuôn lã chã
Anh khóc mà em. Khóc thiệt thôi!

Anh xem em như là bông hoa
Anh thưa em, vòng tay, thưa em mà
Anh vẫn cần em như trái đất
Cần mặt trời kia đỏ ráng pha

Anh đi khắp đông tây nam bắc
Trở về nghe rớt tiếng tài hoa
Trở về trong một cơn say khướt
Dệt gấm vàng, dâng áo lụa ngà...

Áo lụa ngà xin dâng cho em
Ít ra đời cũng còn dễ thương
Vì em, đôi mắt hồ thu biếc
Vẫn trần gian một chút thiên đường

Khi anh mười tám anh yêu thật
Như thằng bé trượt xuống dòng sông
Vẫy vùng để thoát cơn mê hoặc
Của sóng dồn sóng đến bãi cồn

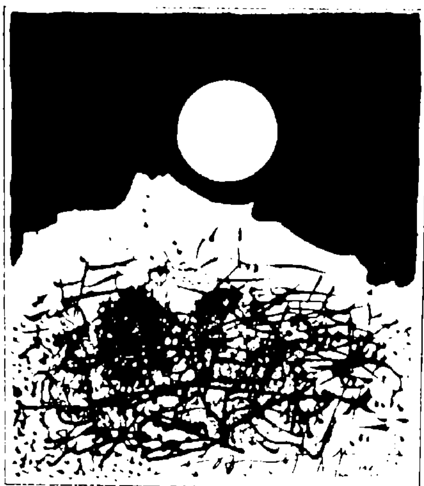
Giờ, ngoài năm mươi, anh yêu chơi
Như em thường nói "Có gì vui?"
Dù thật dù chơi anh cũng khóc
Cùng em. Để có "chút gì vui"!

VI KHUÊ



HỒNG HOANG

một bổn phân



LTS: *Ngắn, thật ngắn, nhưng nhiều ẩn dụ. Đó là nhận xét của tòa soạn khi giới thiệu hai truyện rất ngắn này cùng bạn đọc.*

Vài năm trở lại đây, nếu để ý theo dõi, chúng ta thấy hiện nay các nhà văn trong nước thường có một lối viết rất cô đọng, tước bỏ tối đa những gì có thể tước bỏ được. Muốn sử dụng lối viết này, phải có bản lĩnh cao, bởi những ai từng cầm bút, đều hiểu: viết dài, dễ, nhưng viết ngắn, mà đủ, mới là "tuyệt nghệ".

Hợp Lưu

*

Nước đã sinh ra vô vàn vật sống, các loài chim đã bay trên mặt đất và dưới bầu trời.

Đã có một buổi chiều và một buổi sáng. Rồi đã có muôn loài sinh sôi nẩy nở dẫy rẫy trong nước trên đất dưới bầu trời. Đó là ngày thứ năm của cuộc khai thiên lập địa. Đến ngày đó tuy chưa có loài người, nhưng Thiên Chúa đã quyết định trong vũ trụ chỉ có hai loài: *loài có hơi thở và loài không có hơi thở.*

Ngày hôm sau Thiên Chúa phán: "Ta dựng nên loài người theo hình ảnh ta. Nó sẽ cai trị chim trời, cá bể, các súc vật, các thú rừng và các côn trùng bò trên đất". Thiên Chúa đã dựng nên loài Người giống hình ảnh Chúa. Liền có như vậy.

Chúa ngắm nhìn mọi sự mình tạo thành, thấy rất tốt lành. Đã có một buổi chiều và một buổi sáng. Đó là ngày thứ sáu. Rồi người cho phép:

- con người được ăn tất cả các loài có hơi thở và không có hơi thở.

- các loài có hơi thở khác ăn lẫn nhau và ăn thêm cả loài không có hơi thở.

Gà là một loài có hơi thở đã ăn giun, ăn dế, ăn thóc, ăn cỏ, đôi khi ăn cả sỏi đá nữa. (Sỏi đá không thở tí nào).

*

"Phải tôn vinh và phục vụ con người, vì chí ít cũng là tôn vinh và phục vụ hình ảnh Chúa". Gà trống đã dạy các con như thế. "Cả mẹ nó nữa, mẹ mái mơ thân thương, tươi ròn, ấm áp của các con tôi, cũng phải dặn dò các con tôi như thế". Gà trống đã nói với vợ như thế. Rồi ngẩng cao đầu kiêu hãnh, trịnh trọng dẫm những bước chân khẳng định chân lý, đi quanh cô vợ mái tơ và đàn con chiếp chiếp thơ ngây.

*

- Cục - cục, chíp - chíp chàng ơi. Mai là ngày rằm đấy.

- Em yêu, anh hiểu. Anh biết. Em hãy ở lại trông nom đàn con.

- Trốn đi chàng ơi, ngày mai Người sẽ cắt tiết chàng để cúng tổ tiên và nhấm rượu đấy.

- Không không là không... Em yêu, anh muốn nói cho em hiểu rằng: "Đêm và sáng sớm mai anh còn phải gáy".

- Thôi, thiếp xin chàng, rằm và mùng một chớ chủ quan. Hãy trốn đi rồi thỉnh thoảng lẻn về với em. Hôm mùng một đầu tháng Người đã cắt tiết một cụ gà trống thiến rồi.

*

Để giữ giọng mà im lặng là vàng. Gà trống kiêu hãnh vươn cao chiếc vương miện, dẫm những bước chân khẳng định. Nó những muốn nói với vợ con:

"Dù biết ngày mai phải chết, thì hôm nay vẫn sống như không bao giờ chết".

Hôm đó gà trống đã gáy báo bình minh trước vầng sáng đầu tiên của mặt trời, như gà vẫn gáy sáng từ ngàn xưa và ngàn sau nữa.

Hôm đó, khi ánh bình minh lên cao, soi chói lọi cửa chuồng gà, gà mẹ mái mơ và đàn con thơ ngây cùng chứng kiến chiếc mũ miện của gà trống bố chúc xuống sát chiếc bát sành.

Còn Người thì hát lẩm nhẩm: "Gái cắt tai - giai cắt cổ, tạo hóa kiếp cho mày khỏi kiếp gà, kiếp sau mày lên làm người". Đó là bài ca để cắt cho ra nhiều tiết. Sáng nay mẹ con nhà mái mơ nghe, nhìn tất cả, nhớ cả ánh mắt

cuối cùng của bố như trăng trối:

"Chúa đã sinh ra ta là loài có hơi thở, chỉ được phép ăn những loài có hơi thở yếu hơn như châu chấu, cào cào hoặc giun dế".

*

Cái bát sành thẫm đỏ máu gà. Hơi thở của gà trống đã kiệt, mắt đã nhắm nghiền mà cái "giẫy - giẫy" cuối cùng còn nghe như thế: "Sáng nay ta đã làm tròn bổn phận - hỡi loài có hơi thở khỏe hơn... Còn nếu sự này hoãn lại, sáng mai ta vẫn còn gáy báo bình minh, vì đó là bổn phận".



made in giấc mơ

Kính tặng Mẹ
Xin Mẹ nghe gà gáy đừng sốt ruột.



Bà là người hay lam hay làm. Hai nghìn năm rồi tiếng gà gáy luôn làm Bà thổn thức lo âu. Một buổi sáng kia trước cửa thềm nhà Bà là biển người đông chưa từng thấy bao giờ. Biển người im lặng chờ đợi. Đợi bà thay đổi lời tiên tri. Bà là nhà tiên tri vĩ đại của đồng bào. Hai nghìn năm qua Bà chưa đoán sai một lời.

Thiên nhiên đã cho đồng bào của Bà một đặc ân duy nhất chính là Bà, người đàn bà có tuổi thọ vô biên có khả năng thấu hiểu cơ trời. Với khả năng kỳ diệu đó, Bà trở thành niềm tin, thành hy vọng toàn năng của đồng bào.

Đám đông kéo đến chờ Bà nói: "Trái đất không nổ nữa".

Cách cái buổi sáng kia một ngày, nhà tiên tri vĩ đại đã cho thông báo "Bảy ngày nữa trái đất sẽ nổ". Ngày đầu tiên khi thông báo đó ra đời, không phải mọi người không tin Bà. Điều đó lớn lao quá nên chỉ có năm mươi phần trăn tin Bà mà thôi. Năm mươi phần trăm khác hy vọng Bà cho thông báo lại. Bà không thông báo lại, Bà không thể sai. Nhà tiên tri không thể sai. Uy tín hai ngàn năn đủ khẳng định, đủ lớn để cả đồng bào hoang mang kéo đến trước

thềm nhà Bà. Nhà của Bà là một lâu dài được đồng bào yêu quý xây dựng như một cỗ máy bí ẩn nhằm bảo vệ Bà mãi mãi. Chừng nào Bà còn chừng đó còn cuộc sống, còn tình yêu, còn sáng tạo. Vậy mà chỉ còn năm ngày nữa trái đất sẽ nổ tung.

Nhiều ước mơ vụt tắt, nhiều công trình vô nghĩa, nhiều ưu tư trí tuệ tinh thần hụt hẫng, hụt hư không. Than ôi thương cho giống hữu tình còn nhiều ham muốn kín đáo khác không muốn bị hủy diệt đi.

*

Riêng về Bà, Bà tự hiểu rằng khi xây dựng được một niềm tin quá lớn cho đồng bào, đồng Bào sẽ bảo vệ Bà ngay cả khi Bà đưa họ vào hủy diệt. Bà giữ vững niềm tin đó. Bà không thể giả dối, không thể thay đổi sự thật. Chắc chắn còn năm ngày nữa trái đất sẽ phải nổ tung.

Có anh chủ tiệm phở cười bi đát với khách hàng: "Tôi lấy tiền phở làm gì nữa, chỉ còn năm ngày thôi, ăn đi ông khách, ăn nữa đi ông khách".

Ngoài đường phố xe cộ bỏ bừa bãi, cái bị bẹp dúm, cái chạy hoắng lên khác thường. Tai nạn không cần cấp cứu. Bệnh viện và thuốc men cần làm gì nữa nếu tất cả chỉ còn có năm ngày. Chẳng con bệnh nào thấy hạnh phúc khỏi bệnh nan y. Chẳng thầy thuốc nào phải giữ lời thề nghề nghiệp.

Ngày thứ bốn khủng khiếp nhất. Ngày mà mọi thất vọng đã tới sự quá đi của nó. Tất cả ở sát bờ của dửng dưng và ham hố. Nếu mọi cơn khát cố của ngày trước là nhạt nhẽo thì ngày sau là khoái cảm dường như cuối cùng mà ai ai cũng cần làm nốt. Ai ai cũng cùng tâm lý muốn cho cái muốn riêng trở thành hiện thực, dù chỉ giây phút trước khi tất cả nổ tung.

Nhiều xác chết của thù hằn hơn bao giờ hết. Nhiều tình yêu đơn phương được thực thi bằng bạo lực. Sự đểu giả không sợ chế riễu, không sợ phỉ nhổ. Chỉ còn ba ngày nữa nhân thế tận cùng, đạo đức còn đâu thời gian.

Nhiều thi sĩ tỉnh táo lại, nhiều thương gia hóa dại. Tất cả chỉ vì người đàn bà có tuổi thọ kỳ dị, biết tuốt mọi điều sống giữa những người chỉ thọ tới bảy mươi tuổi đã là hiếm rồi.

Ngày thứ tư cũng như ngày thứ ba. Ở giữa bảy ngày có khoảng chập như vậy. Ở khoảng đó mọi mối quan hệ quân-thần, phu-phụ được giải quyết đơn giản, xử lý đơn giản chưa từng thấy. Thật chưa bao giờ người ta thật thà thẳng thắn với nhau như bây giờ.

Phụ nói với phu rằng: "Ông tưởng tôi chung thủy với ông sao? Ông làm sao sánh được với chàng". Phụ nói rồi chỉ tay ra chỗ anh thợ chữa khóa vẫn ngồi nhờ hành nghề trước cửa. Đấng phu quân gào lên. Trời ơi... Hỡi trời. Song tất cả chỉ còn hai ngày thôi.

Đấy là phu với phụ. Còn huynh với đệ, còn phu tử - phụ tử... Quả thật là thẳng thắn thật thà.

Có cô con dâu chỉ mặt bố chồng: "Ông là thằng khốn nạn đểu cáng".

Rồi biết sao nữa đây? Còn nhà trường và bọn trẻ. Bọn thanh niên đông đảo, đầy nghị lực ước mơ, đầy sức mạnh đang còn được giáo dục dở dang chưa kịp có thành tựu để hiến dâng, để hy sinh...

Xác chết của cuồng loạn lại chồng chất cho đến khi hai ngày cuối cùng đã qua đi. Chỉ còn hai tiếng đồng hồ nữa trái đất sẽ nổ. Lúc này tất cả đều kiệt sức. Chẳng còn gì khác ngoài ngồ chờ sự tận diệt tất yếu. Sự kiệt sức lặng câm tập thể, chờ đợi sự ứng nghiệm siêu nhiên. Không khí của bảy ngày qua đã trở nên ô uế bẩn thỉu, xác chết đủ thối đến buồn nôn.

Những người mẹ đau thương ôm con chạy như kiến trong lòng chảo giờ này cũng kiệt sức. Toàn trái đất trật tự. Mọi hoạt động ngưng đọng trong cơn tuyệt vọng tập thể. Còn bà tiên tri: Khi đồng bào của Bà trong cơn ngủ mê, Bà soi lại bầu trơi mông lung; Bà nhận ra mình tính toán sai, Bà tính kỹ lại thấy trái đất không nổ nữa. Thay vào đó là sự bùng nổ ngỡ ngàng của tập thể. Tất cả lại trở thành biển người trước thềm nhà Bà. Lần này đồng bào muốn Bà nói đúng. Muốn trái đất phải nổ đi nếu không làm sao tồn tại khi nhiều điều cần giấu đi nay đã được khui ra ê chề.

Nổ đi, trời ơi nổ đi vì tình huynh đệ giả dối vì lòng chung thủy bịp bợm... vì thầy trò man trá này đã ê chề quá đỗi.

Đề nghị trái đất nổ đi.

Bà tiên tri đã xuất hiện trước đám đông. Giữ vững uy tín. Bà thẳng thắn nói:

"Đồng bào thông cảm đi. Đồng bào về đi. Tất cả hãy bình tĩnh làm lại từ đầu".

Ngừng một lát, Bà lại nói: "Thưa! Tôi có quyền sai sót một lần trong suốt hai nghìn năm chứ?"

Biển dậy sóng tràn xô Bà ngã chới với... Bà ngạt thở.

*

Buổi sáng muộn, gà thôi gáy đã lâu. Trong căn phòng ngủ nhỏ ở khu tập thể Trần Nhật Duật có một bà đang ngủ hét lên choàng tỉnh, toàn thân vã mồ hôi. Thì ra tất cả chỉ là giấc mơ. Bà đã mơ thấy sự thật. May quá, tất cả không phải là sự thật. Thảng thốt tâm hồn đến chiều tối, Bà viết đơn xin nghỉ hưu ở một cơ quan và viết đơn xin đi làm ở một cơ quan khác. Bà quyết bỏ nghề tiên tri.

HỒNG HOANG

(Trong nước)



NGUYỄN ĐỖ

tản mạn bút chì

cuộc nhậu thật đông tôi bỏ ra về
chẳng tài nào hiểu được
sao tôi lại thèm một mẩu bút chì
nằm ngửa mà viết

"ơ kìa mày say sao, chai chưa mở nút"
tôi bàng hoàng lắc lắc cái chai không
mới trưa nay một dòng chữ nhem gầy
một nhà thơ tuổi bốn mươi vừa khuyết

"uống đi Đỗ" mờ mờ nghe ai liếc
tôi cháy ran đỏ hỏn trong lòng
năm giờ chiều nay tôi đưa em vào phụ sản điều hòa
cái nụ con tôi - là gái hay trai - đành không được khóc

"ơ cái thằng làm sao thế mày"
bỗng dưng tôi muốn thụi ai một quả
và gục đầu vào ngực em
đêm nao ga Hải Phòng đi buôn thuốc lào
bị thuế vụ tịch thu tôi bật khóc...

dấu hỏi

dòng sông ngày mà tôi trở về
có một núm đen ở giữa
không trăng sao, không bò gặm cỏ
không hôn nhau

vạc đêm ở đâu
sao ống quần tôi không cỏ may
mẹ không gọi về ăn cháy

tôi nằm gối đầu lên đá
gác chân vào đám mây đen
cỏ đêm tua tủa như chân nhang

ơn bạn
ơ cái lá đa hai mươi xuân úa
dòng sông quê tôi tên gì
tên gì cái núm đen nhu nhú?

không đề sau ngày cưới

hoa cưới đã tàn
bạn về
đường ray trong ta lun lút chạy
ngày lại ngày hoàng hôn mọc như cũ
vô cởi quần ra mặc quần

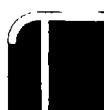
ta thừa bốn phương thiếu một góc sân
buồn cũng rượu không buồn cũng rượu
đêm đêm tiếng còi tàu xé ruột
da diết kêu ngày ấy quay về

mong một hồi âm gõ tay vào tường
trang sách cũ lật tìm vết ố
lá úa gào với trời xanh
người ta nổi đầy mụn ngứa

ta thức khuya
ta dậy sớm
trò chuyện với gạt tàn
nhiều hơn với vợ

hoa cưới thành rác
bạn chớp nhùng nhoằng cuối chân trời

NGUYỄN ĐỖ
(Trong nước)



NAM DAO

đêm lửa

Đêm đá lửa mây
Chi chi chành chành
Mây lửa đêm đá
Đá lửa đêm mây
Một thoáng chân mày
Ù à ù ập
Bốn phía chân mây
Nhập nhòa áo gối
Mưa dầm mây gội

Hờ ơ ơ anh

Chi chi chành chành
Đêm xanh nổi lửa
Con ngựa dựt cương
Ngựa hồng tung vó lên đường

À ơ ơ em
Chi chi chành chành

Suối âm dương vờn quanh
Lửa trong ngoài bừng đỏ
Hờ ơ ơ...
Trên cơ thể cuộc sống căng dây
À ơ ơ...
Em với anh đây.

NAM DAO
Montréal, 8-89



TRẦN THỊ DIỆU TÂM

thiếu nữ và con mắt trái



Thiếu Nữ ấy là bạn tôi. Cô ta có thói quen nhìn cuộc sống bằng con mắt phía trái. Điều này có nghĩa là cô thường nhìn sự việc bằng phía mặt sau của nó.

Bởi thế tính tình cô khó chịu. Bạn bè không ai ưa vì cái tật nói thẳng, nói như dâm vào tim. Ế chồng là phải. Nhưng tôi và Thiếu Nữ là đôi bạn thân. Quên, phải thưa trước với người đọc, tôi cũng là thiếu nữ chưa chồng, có người yêu còn ở trại tù bên Việt Nam. Tôi chờ chàng ra tù, về Việt Nam cưới chàng ngay.

Thiếu Nữ và tôi có hai nghề nghiệp khác nhau. Thiếu Nữ là y tá trong một bệnh viện lớn ở ngay Paris, phụ trách phòng Hồi Sinh, nghĩa là người nào sắp được ăn bát cháo lú, quên chuyện đời để bước qua cây cầu biên giới giữa sống và chết, thì thiếu nữ kéo ngược họ trở về, bắt họ phải đổ mồ hôi lẫn nước mắt cho cuộc trần ai này. Còn tôi, đứng bán hàng ở một trung tâm mỹ phẩm và nước hoa danh tiếng tại Chams Élysées. Có lẽ vì ảnh hưởng của nghề nghiệp, nên tôi ngửi cuộc đời bằng mùi hương hoa, còn tô thêm son thêm phấn cho đời thêm diễm ảo.

Chúng tôi thuê chung một căn nhà.

Ban ngày có chuyện gì vui, tối về kể cho nhau nghe.

- Hôm nay có một ông người Ý, phát âm chữ R rất rõ, mua một lô nước hoa, ba lọ Dune của Christian Dion, ba lọ CoCo Chanel, ba lọ Bizane của nhà Rochas, toàn mùi trứ danh. Thật ít có người đàn ông nào làm quà tặng vợ hách như thế.

Thiếu Nữ cho ý kiến:

- Mỗi người đàn bà thường chỉ thích dùng một loại nước hoa thôi. Ông ta mua ba loại khác nhau tức là ông ta có một vợ và hai cô bồ.

Tôi ngẩn người ra. Hình ảnh người đàn ông lịch sự ban sáng bỗng dưng trở nên xấu xí. Tôi cãi:

- Nhưng trông ông ta đứng đắn lắm, lớn tuổi rồi.

- Càng lớn tuổi, họ càng khoái đàn bà.

Tôi làm thinh, thở dài.

Thiếu Nữ kể chuyện của cô:

- Sáng nay có một bà tự tử vì ghen, đem vào cấp cứu nhưng đã muộn. Lấy ra trong túi áo là một bức thư tuyệt mệnh cho biết vì yêu chồng, không muốn thấy chồng mình chia xẻ tình yêu cho người khác. Bà ta cũng sáu mươi tuổi là ít, vậy thì chồng cũng xấp xỉ. Kết luận cho thấy rằng bất kỳ ở tuổi nào người ta cũng có thể có bồ bịch.

Tôi im lặng.

Tuần nay chúng tôi nhận được giấy mời đi dự buổi họp mặt của một hội đoàn văn nghệ có phụ diễn ngâm thơ, ca nhạc. Thiếu Nữ không thích đám đông. Tôi thì khoái, vì có dịp trang điểm chưng diện.

Thiếu nữ nhìn tôi:

- Coi chừng, diện đẹp thế là nguy.

- Sao lại nguy?

- Có người tán tỉnh thì thêm mệt.

Tôi chỉnh:

- Vui chứ.

Thiếu Nữ chậm rãi:

- Nè bạn, bạn hãy nhớ bạn còn có một người yêu đang ở trong trại tù miền Bắc Việt Nam nhé.

Tôi cau có:

- Đừng hiểu lầm, tôi luôn luôn chờ đợi.

Thiếu nữ:

- Chưng diện chải chuốt bóng bẩy là ngụ ý muốn quyến rũ.

Tôi bực mình bỏ qua phòng của mình định không đi dự buổi họp mặt. Nhưng Thiếu Nữ làm lành với tôi ngay, xin lỗi đã nói lên một điều cô cho là đúng.

Cả hai chúng tôi đi đến buổi họp. Đám đông gồm những khuôn mặt đã thấy nhiều lần.

Có ông đến gần bắt chuyện với Thiếu Nữ:

- Có ai lọt vào mắt xanh của cô chưa? Tức thì bạn tôi trả lời:

- Xin lỗi ông, tôi là người Việt, mắt tôi không xanh. Mắt tôi đen nên thấy mọi điều đen tối cả.

Người đàn ông hoảng sợ bỏ đi. Tôi níu lấy cánh tay Thiếu Nữ:

- Vừa thôi bạn, ông ta mến bạn lắm, nhiều lần thăm hỏi bạn đấy.

- Ăn nói ngu quá chịu chi nổi, đuổi thằng cha đi chơi chỗ khác.

Trên bục diễn, một ông đang phát biểu ý kiến, Thiếu Nữ nói:

- Lão này có bệnh mê mi-crô.

Tôi suỵt suỵt bảo nói khẽ chứ.

Một giờ sau, cái mi-crô nghe rè rè, bèn đổi qua mục hát, mục hò, mục ngâm thơ. Thiếu Nữ phê bình:

- Bạn ơi tôi chiều bạn đến đây, chứ tôi ngán quá rồi. Những bài hát ấy, những bài thơ ấy, những lời phát biểu ấy tôi đã nghe quá nhiều. Thế giới văn học của bạn đầy sáo ngữ và rỗng tuếch. Ôi, những trí thức đầy mình như thế mà không sáng tạo ra nổi một điều gì mới mẻ trong chục năm qua.

- Tại đời sống nơi đây không có thì giờ cho phép họ suy nghĩ, họ sáng tạo.

Thiếu Nữ mỉm cười:

- Những kẻ sống phè phởn thế kia thì tâm hồn họ đã mục rữa cả rồi. Họ đi vay mượn nỗi khổ của kẻ khác để làm văn chương. Muốn trở thành một nhà văn đích thực, họ phải đòi đoạn trên chính nỗi đau thương của lòng họ.

Mấy ông bà đứng cạnh nhăn nhó nhìn Thiếu Nữ. Có một bà bảo nhỏ: - Con này khùng khùng điên điên.

Tôi ngượng quá lôi Thiếu Nữ ra về.

- Bạn ơi, điên vừa chứ.

Thiếu nữ nhìn tôi, mặt buồn:

- Mỗi lần nói lên sự suy nghĩ khác đám đông là họ cho mình điên. Điên cũng được, có sao đâu mà sợ.

Tôi chỉ làm thinh, thở dài.

Mấy hôm nay, trời đã sang thu, cái lành lạnh làm tôi nhớ nhung: Người tôi yêu biết bao giờ mới mãn hạn tù. Buồn. Tôi đi mua sách báo Việt Nam về đọc mỗi tối. Rồi tập viết một hai cái truyện ngắn gởi đăng báo thử xem sao cho đỡ buồn. Thấy các ông bà bên đây cứ ra mắt sách mới đều đều, tên tuổi được in lên báo chí. Hay dở thì không biết, miễn sao được thấy cái tên mình bằng chữ in trên trang giấy. Tôi thấy ai cũng viết văn cả, tại sao mình lại không viết được?

Thế là tối nào tôi cũng cặm cụi ghi ghi chép chép. Thiếu Nữ vào phòng tôi hỏi thăm:

- Buồn lắm hả?

- Ừ, buồn.

- Đọc sách, viết văn như thế có bớt buồn không?

Tôi chưa biết trả lời sao, thì cô ta nói một hơi dài:

- Văn chương tạo ra ảo ảnh đẹp. Nhà văn bị ảo ảnh quyến rũ nên vô tình bày ra một thế giới mới nhằm đánh lừa độc giả. Nhưng chính nhà văn là kẻ bị lừa trước tiên, bị lừa gạt bởi chính mình mà mình không hay.

Nói xong Thiếu Nữ cười lảnh lót, tiếng cười ghê rợn. Tôi co người, sợ hãi nhìn cô bạn mang tính ác quỷ.

Cô ta nói:

- Muốn khỏi buồn, đừng mơ tưởng.

Tôi nổi giận, mơ tưởng là điều quý giá nhất khi con người còn lại một mình. Tôi mỉa mai:

- Bạn nên đi bác sĩ chữa mắt đi, có lẽ cái võng mô trong mắt bạn bị cấu tạo ngược chiều hay sao đó.

- Chính nhờ con mắt nằm ngược ấy, mới thấy được sự giả hình của con người.
- Để làm gì chứ? Tôi hỏi.
Thiếu Nữ chậm rãi từng tiếng:
- Để thương cho họ.
Lòng tôi chùng lại vì câu nói vừa rồi của cô. Thiếu Nữ đi tìm lấy cái không đẹp, cái tầm thường để thương người.
Tôi trái lại, đi tìm cái đẹp để yêu mến người. Cô ác quỷ này có tiền thân là một thiên thần.

Một hôm, cô trở về nhà mặt mày thờ thẩn, tôi hỏi tại sao. Thiếu Nữ cho biết:
- Vừa mới hồi sinh một người đàn ông sắp chết vì tự tử.
- Vậy, nên mừng đã cứu một mạng người.
Thiếu Nữ lắc đầu:
- Nếu không vì cái lương tâm vô lý của nhân đạo mà người ta bày đặt ra, tôi cho họ chết luôn cho được việc. Ít ra, người đàn ông ấy đã thành công trong việc chấm dứt cuộc sống của mình.
- Hãy săn sóc ông ta.
- Ông ta la hét om sòm khi tỉnh dậy, khi biết mình còn sống. Tôi phải chịu trách nhiệm về sự sống lại của ông ta. Ông ta đang thù hận tôi.
Lần đầu tiên tôi thấy Thiếu Nũ băn khoăn. Băn khoăn vì đã phạm tội cứu sống một đời người.

Đời sống chúng tôi cứ trải qua những buổi trò chuyện như thế, tôi cảm thấy mệt mỏi, và nói với Thiếu Nữ:
- Chúng mình sống, nhưng thiếu thiếu một cái gì.
Thiếu Nữ cười:
- Thiếu đàn ông chứ gì.
- Ừ, đúng.
- Hãy sống như chẳng bao giờ có đàn ông trên đời.
Tôi nói: - Nhưng thượng đế sinh ra đàn ông trước khi sinh ra đàn bà.
Thế là Thiếu Nữ được dịp thuyết một hơi dài:
- Ai bảo thế? Thánh kinh hả? Kẻ hậu sinh giải thích thánh kinh theo ý muốn của họ cho hợp thời. Trước kia Giáo Hội bắt đàn ông đi tu thì không được lấy vợ, cho rằng Chúa không có vợ. Bây giờ Giáo Hội Công Giáo đang nghiên cứu cho phép đàn ông đi tu được lấy vợ. Và để có lý do chính đáng, họ sẽ giải thích rằng ngay chính Chúa Giêsu cũng có người yêu, đó là Bà Thánh Madeleine. Biết đâu đấy.
Tôi chỉ biết cười trừ, lại hỏi cô:
- Vậy không tin gì à?
- Có gì vĩnh cữu để mà tin.

*

Vào một buổi chiều thứ bảy, tôi đang dọn dẹp quần áo trong tủ, Thiếu Nữ chạy qua:

- Ê, bạn ơi, qua đây nhờ chút việc.
- Gì thế?
- Vào đây chọn giùm tôi bộ quần áo nào bạn thích ý nhất.
- Đi đâu?
- Để tôi mặc đi ăn tối nay.

Chuyện lạ. Lần đầu tiên thiếu nữ chú ý cách ăn mặc. Tối ngày cô chỉ jeans, pull, trời lạnh thì khoác blouson.

- Nhanh một chút, sợ trễ giờ.

Tủ áo của cô toàn những màu tối, đen, đen xanh, rêu, nâu xẫm hay vàng úa như lá khô rụng trên đất. Tôi chọn một bộ veste và jupe màu xanh đen, lại cho cô mượn cái áo sơ-mi bằng lụa hồng mới mua chưa mặc. Cho cô mượn thêm đôi bông tai vàng óng ả. Thiếu nữ dẫy nẩy lên không chịu mang hoa tai.

Tôi giải thích:

- Đàn bà phải có nữ trang, vậy bạn không muốn mình là đàn bà sao, ít nhất là tối hôm nay.

Sau khi thay đổi quần áo và mang hoa tai vào, trông Thiếu Nữ lạ hẳn đi. Trong gương hiện ra một thiếu nữ mặn mà duyên dáng. Tôi đề nghị phớt lên đôi má một chút phấn hồng.

Thiếu Nữ đưa tay sờ vào gương như muốn tìm xem đấy có phải là thân xác thật của mình hay không.

Tôi vui vui trong lòng, nói:

- Đấy là hình ảnh phản chiếu con người thật của bạn, nó không phải là ảnh ảo.

Tôi chải lại mái tóc cho cô, và xức nhẹ một chút nước hoa hiệu "1000" của nhà Jean Patou. Thiếu Nữ sợ hãi né tránh mùi hương giả tạo. Cô nói:

- Tôi muốn đến với chàng bằng bộ mặt thật của mình.

Lòng tôi bừng bừng rung động:

- Có một người đàn ông rồi. Ai?

Do dự một lát, Thiếu Nữ cầm tay tôi:

- Người đàn ông mà tôi đã phạm tội cứu sống.

Và những ngày sau đấy, tính tình cô đổi thay, dịu dàng và tươi mát. Môi luôn luôn sẵn sàng cười với tôi, nói những câu nghe dễ chịu. Cô nhìn cuộc đời này với hai con mắt nhân ái. Cái tâm đạo chìm sâu dưới đáy lòng cô nay thoát hiện, bắt đầu bén rễ trên mảnh đất bụi bặm này.

Bởi vì Thiếu Nữ đã yêu.

TRẦN THỊ DIỆU TÂM
10.1993



NGUYỄN CHÍ TRUNG

khởi đầu

Ấy người xưa góp lá cồn
Đem lên đắp kín Linh Hồn Khổ Đau
Chưa mười năm, đã phai màu
hai mươi năm, đã đâm sâu vào mình

Những giòng miên viễn tâm linh
Mà nơi cư trú là hình hài đau
Của người Thi Sĩ Khởi Đầu
Giữa trăng, mạt hậu đêm sâu quây quần
Phải đâu cồn hoa không ngần
Thật ra hoa nở vô ngần thời gian
Con người ta kẻ đi ngang
Còn người Thi Sĩ mơ màng chiêm bao

Những đêm mùng một kêu gào
Âm thanh sư tử dội vào Chân Không
Là đây thảm kịch bi hùng
Là đây tiếng hú trong cùng thời gian
là đây Sa Mạc huy hoàng
Mà thinh không thoảng tiếng đàn Kiều chơi
Là đây thi sĩ đền bồi
Mùi hương cồn cỏ đem đời bỏ đi
Kết tinh giọt máu đền nghì
Dù lòng thăm thẳm Lời Nghi Vấn này
Đêm ba mươi trăng đen đầy
Ai người mắt thịt thơ ngây ngó nhìn
Ai người nhắm mắt lặng thinh
Nghe cho ra tiếng tụng kinh bên Thềm
Nhìn cho ra tấm lòng bền
Trăm năm gió cuốn trên nền cát không
Dù không giây phút nào ngừng
Nát tan gãy đổ trong từng trận cơn
Đổ tan gãy nát linh hồn
Hình hài bi thảm bên tồn sinh treo

Ôi Thơ là tiếng gió reo
Và hồn Thi Sĩ bụi gieo trên Đường
Ấy người xưa trú Tiền Đường

Ba trăm năm khúc nghê thường mới ngân
Giọt sương Châu Á một lần
Long lanh mặt cỏ vô ngần thời gian
Đêm sâu mặt lạnh trăng tàn

"Dẫn mình đi bỏ chiến tràng như không"
Những lời mang ở trong lòng
Đem về Chốn Ấy, còn mong muốn gì!
Những lời mặt giấy lỡ ghi
Tấm lòng nghĩ suốt, đền nghì cho cam
Chín mươi chín ngọn màu lam
Giờ nghe phảng phất điệu vàng này thôi
Núi hồng quê cũ tu bồi
Còn nghe Lời Vọng bên trời rã tan
Còn đây cung bậc điêu tàn
Ở mùa mạt thế sầu dàn trên thân
Còn đâu quê cũ ân cần
Là nơi trú ngụ Tinh Thần Thi Ca
Còn đâu mái ấm Quê Nhà
Giờ đây Mặt Đất đã ra thế này
Giờ đây ta giữ Lá -Cây
Mà nghe Rừng gọi sum vầy hôm xưa
Nghe rung mùa cũ ân thừa
Sửa soạn Cố Quận - dựng mùa Hồi Quy

Ấy người giải cấu? tương kỳ?
Trời Đông phương lạnh cũng vì Tây phương
Bên Kia hương khói miếu đường
Bên này đã vắng những phường uyên nguyên
Bây giờ sông bỏ xa thuyền
Ra đi tăm tắp những miền phù du
Đêm sâu thế kỷ sa mù
Mùa thu trái đất thân tù hãm thân
Đây là Xa đó là Gần
Đâu là đây đó? Còn lần lữa chi!
Hỏi han nghi vấn làm gì?
Gửi Lời ra chốn biên thùy làm vui?
Hố hang bờ cõi chôn vùi?
Động sâu thăm thẳm cuộc phù sinh quên?

(Thi Ca, Tập 1)
NGUYỄN CHÍ TRUNG



NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

mùa xuân hiện sinh cho chữ nghĩa siêu thực

● Gởi Đỗ Kh.

những bông đào giả hé nụ
trên cành gầy chẳng xót xa

ba con cá he vàng khè
lải nhải khúc nhạc vàng cá

trong gió xa êm mưa phùn
mặt cờ hồng đã nhăn nhúm

trả tình yêu cho phố chiều
bới các đống rác tìm thơ

làm con chim nhạn bơ vơ
khạc ngàn lời ca xấc láo

ơ kìa thấp thoáng rừng mơ
lũ nó bẻ mận hái đào

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG



VÂN HOÀNG

hãy lấy chồng là nhà văn



Các bạn gái thân mến.

Nếu bạn muốn thực sự làm chủ một gia đình mà không cần phải mất công tham gia vào các cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng nam nữ, xin bạn hãy học tập tôi. Hãy lấy ngay một ông nhà văn làm chồng.

Lấy chồng nhà văn, bạn cũng chẳng cần phải học hành, cầu thị gì cho mệt, vì chỉ cần buộc chặt đời mình vào đức ông chồng là bạn đã thừa khả năng tốt nghiệp cùng lúc nhiều trường đại học. Trong đó có trường đại học thể dục thể thao, trường đại học lao động, đại học kinh tế, đại học tài chánh...

Trước khi lấy chồng, tôi là một cô gái có thừa hồn nhiên và mơ mộng như mọi cô gái mới lớn. Tôi cũng thừa cả chiều cao, 1m70 và thừa trọng lượng, 65,10kg. Chắc các bạn thừa biết, với chiều cao như thế, ở Việt Nam mình, tôi chỉ có thể đi thi hoa hậu hay làm người mẫu là hợp. Nhưng còn trọng lượng? Song, điều quan trọng là cả hai đặc điểm trên chắc chắn là khó được yêu và khó lấy chồng. Bởi thế, ngay từ năm chớm dậy thì, linh cảm trước sự "quá khổ" của mình, tôi đã phải theo học thường xuyên các khóa thể dục thẩm mỹ chỉnh hình... Nhưng càng tập người tôi càng lớn ra. Đến khi tốt nghiệp khoa toán đại học sư phạm thì tôi đành phó mặc cho số phận. Không yêu, không chồng đã sao?

Ở đời, hễ cái gì mình bỏ mặc thì nó lại hay đến. Tôi có ông anh họ vốn rất quan tâm đến tương lai của tôi. Anh Hùng hơn tôi năm tuổi, là giáo viên dạy văn ở trường trung học. Anh yêu văn học hơn cả vợ con. Và tôn thờ các nhà văn ngang với văn học. Nhờ vậy mà lâu lâu anh cũng có được bài thơ về tình

yêu và lòng tin in trên mặt báo. Một hôm anh đến gặp tôi với sắc diện tràn trề tình cảm:

- Thúy à. Đã đến lúc em phải lấy chồng rồi đấy. Năm nay 23 phải không?

- Người như em thì ai lấy? - Có được người chạm đúng dây thần kinh khát vọng, tôi mừng rú trong bụng, nhưng vẫn làm ra vẻ chẳng màng - Em đã thề dành hết trái tim mình cho học trò.

- Trời đất. Gì mà tiêu cực dữ vậy? Anh sẽ giới thiệu em với một người. Đồng ý không?

- Có cao và nặng bằng em trở lên không? Tôi nói đùa.

- Về mặt tâm hồn thì ảnh cao và nặng hơn em là cái chắc. Người đó có thể em biết rồi.

- Ai?

- Nhà văn Thiên Thiên.

Tôi bị lơ lửng như người trong tình trạng không trọng lượng mất năm phút. Tôi đã từng đọc cuốn tiểu thuyết *"Rừng Núi Lao Xao"* của Thiên Thiên. Lại cũng đã từng nghe anh nói chuyện về "Nhân cách con người trong thời đại mới" ở nhà văn hóa thanh niên, hồi tôi còn là sinh viên. Hôm đó, tôi ngồi ngay hàng ghế đầu, còn anh đứng trên một chiếc ghế để tương xứng với tầm tối thiểu của chiếc mi-crô nên tôi biết chắc anh chỉ cao chừng một mét sáu. Như đọc được tâm trạng tôi, anh Hùng nói:

- Em cứ yên tâm. Thời buổi văn minh hiện đại, tình yêu đã phá bỏ hết mọi ranh giới không gian, thời gian, chủng tộc và định kiến... Các cô gái ta đua nhau lấy Tây trắng, Tây đen, Tây vàng nè. Các cô gái trẻ vui vẻ lấy chồng già và ngược lại, các bà sồn sồn như trẻ lại bên các chàng trai mới lớn nè. Đàn ông, đàn bà vừa có vợ có chồng lại vừa có bồ nè... Cho nên nếu anh Thiên Thiên có thấp hơn em mười phân thì cũng chẳng phải cái gì khác thường, thậm chí còn là biểu tượng mang đầy tính dự báo thời đại phụ nữ được đề cao hơn nam giới đã đến. Song điều quan trọng nhất là Thiên Thiên có tâm hồn rộng lớn. Điều này chắc chắn sẽ là cơ sở của một tình yêu lớn. Người đàn bà nào không mong điều đó nào?

*

Ngọn nguồn chỉ đơn giản như vậy, đã ghép tôi và nhà văn Thiên Thiên thành vợ chồng. Anh họ tôi đã nói vô cùng đúng. Lấy nhau rồi, cái sự chênh nhau quá đáng về kích thước giữa tôi và Thiên Thiên chẳng có gì quá lố trước bàn dân thiên hạ. Vì Thiên Thiên nói anh là người của xã hội, còn tôi làm vợ tức là người của gia đình nên không bao giờ anh cùng tôi sánh vai ngoài đường. Thử hỏi, có cơ hội nào để người đời chê cười chồng thấp vợ cao? Còn ở trong nhà, sự chênh lệch, một bên là thể chất lớn và một bên là tâm hồn lớn, đã khiến tôi nhiều lần phải khóc thầm, ai biết mà cười.

Lấy nhau vừa một năm tôi đã đẻ cho anh thằng con trai. Năm thứ ba, lại

con trai. Đến năm thứ năm, tôi mới nhắc "tâm hồn lớn" rằng ngoài xã hội đang có phong trào vận động sinh đẻ có kế hoạch đấy, anh yêu ạ. Anh nhìn tôi nghi ngờ:

- Thế họ khoán mỗi nhà sinh mấy con?

- Có hai thôi, anh yêu ạ.

- Thế hả? Tâm hồn lớn cáu nhàu - Thật là phản khoa học, phản tự nhiên, nếu như trong nhà này chỉ toàn một lũ con trai, còn nhà khác toàn con gái...

Song anh cũng sợ "luật pháp" nên đành nhất trí giải phóng cho tôi khỏi chuyện sinh đẻ tầm thường.

Lương giáo viên trung học của tôi bao nhiêu thì các bạn biết rồi. Còn lương ủy viên ban chấp hành của Thiên Thiên, không rõ bao nhiêu, nhưng anh nói chỉ để dùng hút thuốc lá, cà phê, nhậu lai rai và giao tiếp với bạn bè, đệ tử. Đó là bốn thứ dinh dưỡng cảm hứng tồn tại của nhà văn, thiếu chỉ một trong bốn thứ đó, đối với anh sẽ chẳng khác gì trở lại thời kỳ "bị trói". Thế còn tiền nuôi con, anh yêu? Chúng ta có những một, hai, ba đứa kia đấy. Tôi cứ phải luôn luôn đếm chính xác vì anh ít khi nhớ các chữ số của hàng đơn vị. Nghe tôi nhắc anh tuyên bố xanh rờn: Bao nhiêu tiền nhuận bút có được, anh sẽ đưa hết cho em để nuôi con và mua sắm các thứ trong nhà. Hồi chưa cưới, lời tuyên bố còn đỏ tím, đã khiến tôi cảm động. Làm nhà văn, nhuận bút là thiêng liêng, lớn lao nhất, lại đưa hết cho vợ con, chỉ giữ lại đồng lương ít ỏi để chi biết bao nhiêu là thứ, nào thuốc, nào cà phê, nào nhậu lai rai, nào giao tiếp bạn bè... Thương anh quá. Không nỡ để anh phải hy sinh quá nhiều cho vợ con, tôi nói:

- Không cần phải rành rẽ quá thế, anh yêu ạ. Hễ có nhu cầu gì hữu ích cho thể diện và lao động nhà văn, anh cứ lấy tiền nhuận bút và cả lương của em mà chi tiêu. Em và các con nếu phải tằn tiện để anh rộng cánh sáng tạo cũng chỉ là những đóng góp nhỏ nhoi.

Tất nhiên, đó là lúc chưa có con, nên tôi vẫn tưởng đẻ chúng ra, chỉ cần nuôi bằng bầu sữa tinh thần, giống như chồng tôi "nuôi" tôi, là đứa nào đứa nấy lớn nhanh như Phù Đổng. Song thật xui ơi là xui. Hóa ra nuôi con phải có sữa, có thịt, có đường, gạo; phải có tiền mua thuốc lúc nó ốm đau; đi nhà trẻ phải có tiền nhà trẻ, đi mẫu giáo phải có tiền mẫu giáo, tới lớp một thì tiền sách vở, tiền đóng góp xây dựng học đường... vân vân các thứ tiền. Đau khổ hơn cả là đẻ liên tục cho anh ba đứa con mà chưa bao giờ tôi được cầm một đồng nhuận bút của anh. Hồi làm mai Thiên Thiên cho tôi, để chứng tỏ Thiên Thiên là nhà văn đang sung sức, ông anh họ tôi, đã mang đến cho tôi đọc bản thảo viết tay tiểu thuyết *"Đất Đỏ"* của Thiên Thiên và nói sách đang được xếp chữ ở nhà in. *Thân yêu tặng LT, em của Hùng, người bạn đáng đáng quí nhất đời tôi. Thiên Thiên*. Kèm theo chữ ký lớn như vệt sét đánh xiên chéo trang đầu bản thảo. Chỉ cần đọc dòng chữ nắn nót ở góc bản thảo, tôi đã sướng run người. Tôi thích nhất là anh biết tên tôi mười mươi nhưng vẫn viết

tất L.T., chứng tỏ tâm hồn anh vẫn trẻ trung, trong sáng, e ấp như tuổi học trò.

Anh Hùng thấy tôi cảm động, liền thì thầm:

- Hai tháng nữa, cuốn này in xong, nhuận bút cỡ ba cây vàng là ít.

Nghe vậy, tôi tự ái lắm. Hóa ra Hùng tưởng tôi yêu Thiên Thiên vì ham tiền à? Bởi vậy tôi quyết định, chỉ một tháng sau cưới Thiên Thiên bằng tiền của ba má tôi cho, trước khi anh có khoản nhuận bút khổng lồ, để chứng tỏ tôi yêu cả khi anh nghèo khó chứ không phải vì tiền. Thực tế, do nhiều trục trặng, ba tháng sau, sách mới ra, và ba tháng nữa anh mới có nhuận bút, nhưng không phải ba cây vàng mà là ba chục ngàn, nếu qui ra vàng chưa đầy một "chỉ". Quyển sách được rất nhiều người quen và bạn bè ca ngợi vượt xa cuốn *"Đất Rừng Lao Xao"*. Bởi thế, anh đã coi thường mọi giá trị vật chất, cao hứng mua sách tặng và chiêu đãi bạn bè tùm lum. Khi chợt nhớ ra tôi, (tuy là vợ nhưng so với hàng trăm bạn bè, cấp trên cấp dưới, độc giả ngưỡng mộ, tôi chỉ là con số nhỏ nhất dễ quên của hàng đơn vị) anh mới dùng số tiền còn lại mua một con vịt quay và một xị rượu để về để hai vợ chồng ăn mừng tác phẩm. Báo hại thời điểm đó tôi ốm nghén thằng con đầu, không ăn nổi thứ gì, thành thử chỉ ngồi nhìn anh đánh chén một mình, với niềm an ủi lớn lao: chồng ăn tức là mình no.

Kể từ đó, anh không viết thêm cuốn sách nào nữa.

Có nhiều lý do để anh không viết. Nào là chế độ nhuận bút "chết đói". Nào là không khí văn học bế tắc. Nào là tình hình xuất bản tiêu cực. Nào là kỷ cương xã hội suy đồi... vân vân. Anh chỉ thực sự bừng khởi khi các báo đăng một loạt bài triết luận của anh: "Tôi tử hình quá khứ của chính tôi". "Vĩnh biệt tác phẩm của một thời hư danh". "Tôi từng cưỡng hiếp các nhân vật của mình như thế nào". "*Đất Đỏ*, đứa con tảo hôn"...

Mỗi bài báo ra, anh đều mang về đọc sang sảng cho tôi nghe, và phân tích đâu là những câu đa ngôn, đa nghĩa, đâu là tầng tầng lớp lớp ý tứ... Rồi anh kể bạn bè anh nhiều người khen các bài báo của anh là những tuyên ngôn tân thời. Nếu có đại hội nhà văn, người cao phiếu nhất chắc chắn là anh... Anh còn nói: Chắc chắn "tụi nó" sẽ trả nhuận bút cho anh rất cao, tính theo chất lượng tư tưởng chứ không theo số chữ.

Tôi mừng thầm vì anh đã trở nên thực tế nhưng vẫn vờ thắc mắc: Mọi khi anh vẫn nói viết báo chỉ là trò vặt, rồi quen với giọng tân văn sẽ làm hỏng tư duy văn học? - Đúng thế. Nhưng những bài này có tầm cỡ chiến lược. Chắc chắn nhuận bút phải ra nhuận bút. Lần này được bao nhiêu, anh sẽ đưa em hết.

Xét trên góc độ tâm hồn, coi như tôi đã cầm được những đồng nhuận bút trong tay.

Nhưng vài ngày sau, anh kéo một lô bạn văn của anh tới nhà. Nhà thơ nữ Y mới vào nghề, đang được lăng xê và đang nhủng nhẳng bỏ anh chồng là kỹ sư điện tử làm ra nhiều tiền nhưng tâm hồn khô cạn, để đi theo ông nhà văn

X già, thường xuyên rỗng túi nhưng tiềm lực tình yêu bao la. Nhà văn J ngót nghét 50 vẫn sống độc thân. Cứ theo khẩu khí của ông ta thì cả văn đàn Việt Nam có mình ông đáng là đích thực, còn lại đều cỏ rác hết. Nhà văn Z tóc tai rũ rượi, chân tập tễnh vì nghiện rượu. Và mấy tín đồ văn chương, trong đó có Hùng, ông anh họ thân mến, tôn thờ các nhà văn như tôn thờ văn học.

Mặt mày rạng rỡ, Thiên Thiên nói nhỏ vào tai tôi: "Nhờ bài *Các nhà văn hãy viết bằng chính trái tim mình* mà bạn bè đến tụ tập chúc mừng. Em có tiền đưa anh một ít để mua rượu và đồ nhậu về lai rai". Tôi tê tái lắp bắp:

- Tiền lương đầu tháng em vừa lảnh nhưng thằng Ba đang viêm phế quản, em định để mua thuốc.

- Ôi, em cứ tạm ứng cho anh chứ không bạn bè nó cười mình đang thắng mà ki- bo...

- Thế nhuận bút những bài báo đâu? Tôi hỏi.

- Mấy thằng báo chí nó coi quá rẻ chất xám của giới văn học... nên lãnh rồi mà anh không nỡ cho em biết.

*

Nhiều lần tôi khuyên "tâm hồn lớn":

- Anh thân yêu ơi. Nhà mình thường xuyên túng quẩn. kể từ cuốn *Đất Đỏ*, dù sao cũng gọi là tiền nhuận bút, đến nay đã ba mặt con, em không thấy anh viết sách nữa...

Anh ngồi lặng đi một lúc rồi gườm gườm:

- Em muốn anh viết cái gì? Phục hồi những thứ mà anh đã cáo chung nó hay vì tiền?

Tôi cố nói:

- Trong bạn anh, chẳng thiếu những người vẫn viết và vẫn sống nhờ cây viết...

Anh hầm hầm đứng dậy, to tiếng:

- Đó là bọn văn chương thương mại, chuyên đẻ ra các thứ không đích thực. Nhà văn chân chính không thể cầm bút vì tiền hay vì bất cứ sự thấp hèn nào.

- Thế nhà văn tồn tại bằng cái gì hở anh?

- Tồn tại vì lương tâm nhân loại, vì nghệ thuật vĩnh hằng.

- Nhưng sách viết hồi trước, anh đào mồ chôn nó rồi. Còn sách bây giờ, anh chưa viết. Lấy gì đảm bảo cho tồn tại?

- Anh lấy nhân cách ra để khẳng định.

Vừa dứt lời, anh biến mất khỏi nhà. Mãi tối mịt mới về, mồm sặc sụa mùi rượu, tuôn ra những thông tin mới về thắng lợi tinh thần. Người có tâm hồn lớn không bao giờ giận vợ lâu. Thật dễ thương làm sao. Anh vẫn lại tiếp tục hăng say đi gặp gỡ người này, người nọ, tụ họp nay nhóm này, mai nhóm khác để hô hào mọi người hãy giống mình... Những lúc đó, về nhà còn chén cơm nguội và chút thức ăn gì, anh cũng lục ra chén sạch như đang được ăn cao

lương mỹ vị...

*

Tôi thực sự trở thành người làm chủ gia đình. Một vị trí mà bất cứ người phụ nữ nào đi lấy chồng cũng phải mơ ước. Lo nuôi luôn cả chồng và các con, chẳng đúng tinh thần làm chủ là gì? Trước đây, khi mới có đứa con đầu, tiền lương của tôi cộng ít vốn ba má cho, mọi chi tiêu trong nhà tạm đủ. Hàng ngày, trừ buổi sáng đến trường, tôi còn buổi chiều và buổi tối ở nhà để giữ được cửa nhà ngăn nắp. Khi đứa thứ ba ra đời thì trong nhà không ai phát động, cũng nổ ra cuộc thi đua bày bừa. Và Thiên Thiên là người đứng đầu. Anh cứ bạ đâu nằm đó. Hễ đứng dậy là gối, mền, mùng để y nguyên. Áo quần thay ra treo vứt tùy tiện. Áo quần dơ của anh, tôi bận quá không giặt, anh bỏ mặc trên mắc để "quay vòng" mặc lại. Gạt tàn thuốc, tôi mua hẳn bốn cái để bốn nơi trong nhà, nhưng hút chỗ nào anh cũng búng tàn, vứt mẩu thừa chỗ đó. Tôi nhắc thì anh nói, "người nghệ sĩ phải phóng túng, cẩu thả mới là nghệ sĩ", hay "tài nào chẳng đi đôi với chút tật, lấy nhà văn thì phải biết trọng cả những tiểu tiết đó".

Từ khi tôi phải đi dạy thêm buổi chiều để tăng thu nhập, nhà tôi như cái chuồng heo thực sự, bởi không còn ai trông nom. Đến bữa cơm nóng thường xuyên cho các con cũng khó đảm bảo nổi. Sáng ra, tôi nấu một nồi cơm lớn, đến trưa, tiện con con ăn, tiện bố bố ăn. Còn bao nhiêu, để bữa tối hâm lại. Và bữa tối thì thường xuyên vắng mặt đức ông chồng. Gần như tối nào cũng thật khuya anh mới về.

Kể từ khi được làm chủ gia đình toàn diện, sáng dạy ở trường, chiều đi dạy thêm, còn ở nhà giờ nào là "rèn luyện" trong hàng trăm công việc không tên từ giặc giũ hàng đống quần áo cho chồng cho con, cho mình đến đi chợ, nấu cơm, lau nhà, lo cho con cái học hành và lo thêm cho chồng trong cuộc phiêu lưu nghệ sĩ, tôi trở nên có sức chịu dựng phi thường về cả tinh thần lẫn thể chất. Và một kết quả bất ngờ đã xảy ra, sau tám năm chung sống với anh, khi ở trường có một cuộc khám sức khỏe toàn thể giáo viên, tôi cân nặng có 45kg, chiều cao chỉ còn 1m6, vừa khớp với số đo của các hoa hậu Việt Nam. Đúng là cầu được ước thấy. Cứ phải quên nó đi thì nó mới đến. Giá không tính mấy sợi tóc bạc nhanh nhẩu đoảng trên đầu và những nếp nhăn sốt sắng đến sớm cả chục năm trên mặt, có phải tôi đã biết ơn anh trọn vẹn không? Tuy nhiên, do đầu óc tôi lúc nào cũng mê mẩn trong việc kiếm tiền và nội trợ sao cho hai thứ thu chi vừa khớp nhau, nên tâm hồn tôi có khuynh hướng bị "vi tính" hóa. Tôi rất sợ, không dám nói với chồng. Anh mà biết đầu tôi không còn chỗ cho tâm hồn cư trú, chắc chắn anh sẽ chán tôi. Để anh buồn chán tức là tôi phạm tội cản trở cảm hứng sáng tạo của anh. Mà anh bị thui chột thì số tiền nhuận bút tác phẩm đang thai nghén lâu dời ở miền đất hứa sẽ vĩnh viễn không có.

Cho đến một hôm, tôi phát hiện ra thằng con lớn 10 tuổi sáng nào cũng cắp cặp ra khỏi nhà đúng giờ, nhưng kỳ thực đã bỏ học hai tháng trời, tôi gần như phát điên, buộc phải nói cho anh biết, chính lối sống không quan tâm tới việc nhà đã suýt dẫn đến một hòn máu của anh ra lề hè... Anh lôi thằng con ra đánh một trận. Tất nhiên, cũng đánh theo kiểu nhà văn... Tức là chỉ đánh võ mồm... Mà đối với nó, võ mồm đã mất thiêng từ lâu rồi. Thấy bố nổi khùng, thằng con cứ trân trân nhìn bố, rồi nói lại:

- Ba không có quyền mắng con.

- Tao đẻ ra mày mà không có quyền à?

- Ba đẻ ra con sao hồi con bệnh nằm bệnh viện, ba không đến? Sao ba không đi họp phụ huynh học sinh, để cô giáo mắng con?

Anh trừng mắt với tôi:

- Nó nằm bệnh viện khi nào?

-Hồi anh đi thực tế một tháng ở trường cải tạo thiếu niên hư, rồi về viết bài "Những con người của con người".

- À, đúng là em có gọi điện thoại cho anh... Thế còn vụ họp phụ huynh?

- Cùng một lúc, phải họp cho cả ba đứa không được, nên em chỉ đi cho hai đứa nhỏ, còn trường nó phải nhờ anh. Bây giờ mới biết anh không đi...

"Tâm hồn lớn" lắc đầu:

- Một xã hội vô trách nhiệm với con trẻ thế này thì chẳng còn hy vọng gì ở thế hệ thừa kế. Chúng nó sẽ thành bụi đời hết...

Tối hôm đó, lần đầu tiên kể từ khi lấy nhau, anh không đi vắng, làm tôi cảm động. Có lẽ từ nay anh bắt đầu nghĩ tới gia đình, vợ con. Nhân buổi chiều có tiền dạy thêm, tôi mua nửa con gà về luộc cho cả nhà ăn "tươi". Anh mang rượu ra nhâm nhi với vẻ mặt buồn buồn kéo dài cho tới khuya.

- Thôi đừng buồn anh ạ. Từ nay em sẽ để mắt tới con hơn. Lúc giận em đổ tại anh, chứ phương ngôn đã có câu "con hư tại mẹ"...

Nằm xuống cạnh anh, tôi bỗng thương cả cái hơi thở khò khè nồng mùi rượu. Hóa ra, nỗi lòng người nghệ sĩ cứ khơi khơi như coi nhỏ chuyện gia đình, nhưng khi vì vợ vì con, vẫn cứ thương thương thật, đau đau thật.

Tôi âu yếm hôn nhẹ lên trán anh. Anh vẫn thở dài não nuột.

- Hay anh mệt?

- Không - Anh mở to mắt nhìn lên trần nhà - Anh đang bị xúc động vì cái tin đọc từ sớm. ở Pháp, một phụ nữ bị chồng ruồng bỏ, không đủ tiền nuôi đứa con duy nhất, đã pha thuốc ngủ lừa cho con uống để cả hai cùng chết. Không thể ngờ ở một nước phương Tây, mà thân phận người phụ nữ và con trẻ bị vùi dập đáng thương như thế...

Tôi suýt ngã lăn từ trên giường xuống đất. Nếu ngay lúc đó, đi cân và đo, tôi cam đoan sẽ sụt ít nhất một kí lô gam và một xăng ti mét.

- Nhìn bi kịch ở nước Pháp rồi quay lại nhìn mình, dân tộc mình, anh càng thấy đau lòng... vì cứ đà này, sớm muộn mình cũng sẽ như Pháp thôi...

Tôi bỗng thư giãn ra ít nhiều. Anh đã trở về với dân tộc, thì chí ít tôi và ba

đứa con cũng có được bốn phần trên bảy mươi triệu dân trong tình thương của anh.

*

Hôm nay đang dạy học ở trường bỗng nhiên tôi hoa mắt ngất xỉu, được nhà trường đưa đi bệnh viện cấp cứu. Khi nghe bác sĩ nói tôi bị suy nhược cơ thể vì làm việc căng thẳng và thiếu dinh dưỡng, rồi cho tôi nghỉ dạy một tuần, Thiên Thiên mới thật sự thương tôi. Nhưng tôi nghỉ dạy thì nguồn "dinh dưỡng" cho cả nhà cũng thiếu...

- Thôi được. Vài tháng nữa Hội Nhà Văn tổ chức trại viết trên Đà Lạt, anh sẽ biến lên đó viết bộ trường thiên tiểu thuyết vẫn ấp ủ từ lâu, để có tiền hỗ trợ cho em và các con. Lần này anh không thèm đưa nhà xuất bản nữa mà đưa cho đầu nậu, vì nó hứa có bản thảo là nó trả ngay cho anh chín phần trăm theo giá bìa, trong khi nhà xuất bản chỉ có tám phần trăm... Nếu anh viết bốn tập tổng số 1.200 trang, nhìn thấy phải có bảy tám cây!"

Ôi, vui sướng làm sao. Anh đã bắt đầu biết coi trọng những con số hàng đơn vị. Thấy tôi sáng mắt hy vọng, anh nói thêm:

- Trở về với đời thường, đó là chìa khóa sáng tạo ra nghệ thuật đích thực. Và chỉ có thế mới định hướng bạn đọc tới thẩm mỹ chân chính. Bọn đầu nậu nó cũng nói nếu anh viết về đời thường, nó sẽ tăng "tê-ra".

Một hôm, bỗng nhiên anh nói:

- Chiều nay em mặc đồ xịn một chút để đi với anh.

Lần đầu tiên, kể từ khi cưới nhau, được anh ưu ái cho phép sóng đôi ra khỏi nhà, tôi cảm động lắm lắm.

- Đi đâu hả anh yêu?

- Đến dự tiệc với hội thằng Tư Bê, Tổng giám đốc ViNaMếx.

À. Tôi quên không kể chồng tôi ngoài việc quảng giao với các nhà văn nhà thơ còn quen biết rất rộng với các giám đốc và tổng giám đốc... chịu chơi. Họ cần mấy anh văn nghệ sĩ ở bên cạnh để chứng tỏ mình có văn hóa. Còn mấy anh văn nghệ sĩ cần họ để chứng tỏ mình cũng bình đẳng với quyền uy. Mẹ con tôi tuy chẳng được lợi lộc gì trong mối quan hệ này nhưng chồng tôi cũng có ít nhiều. Nay anh nhậu với người này món lẩu dê ở Nhà Bè, mai anh nhậu cua lột với tổng giám đốc khác ở Thanh Đa... Cuộc nhậu nào cũng như tắm trong bia lon hoặc rượu Tây hảo hạng. Khuya nào anh cũng về với vẻ mặt tự hào rồi hăng say kể tỉ mỉ từng mùi vị của các món ăn đặc sản cho vợ con nghe. Thỉnh thoảng lại có một chiếc xe đời mới của ông giám đốc nọ xịch tới cửa làm lé mắt hàng xóm, đón anh đi... vui chơi. Anh là người duy nhất trong nhà không bị thiếu dinh dưỡng.

Bởi thế, được anh mời đi dự tiệc, tôi tưởng đã đến lúc được anh "bát cơm xẻ nửa, chăn sui đắp cùng". Tôi bận tấm áo dài vừa phải mang ra tiệm chữa nhỏ lại. Thật may, nhờ tôi đi đôi dép thấp và nhờ anh đi đôi giày đế cao...

thành ra tôi thấp hơn anh.

Hóa ra ông Tư Bê tổng giám đốc chỉ mời tiệc có bốn người. Trừ chồng tôi, còn có một nhà thơ, một nhạc sĩ và một ca sĩ đều cùng khá nổi tiếng. Sự có mặt của tôi rất lẻ loi và lệch hẳn gam khiến tôi dâm ngượng và không hiểu sao Thiên Thiên lại rủ tôi đi.

Khi cô nhân viên nhà hàng mang bảng thực đơn ra, ông Tư Bê mặt dửng dưng nói với các nghệ sĩ:

- Các vị thèm cái gì "đi chợ" đi.

Tôi nghe mà sửng sờ, lén bấn tay anh. Anh cười nói thầm vào tai tôi:

- Ồ. Anh Tư cũng máu nghệ sĩ, thích dùng ngôn ngữ đời thường...

Trong khi các nghệ sĩ phấn khởi "đi chợ", tôi chỉ thấy hối hận vì đã đi cùng anh. Lần đầu tiên trong đời tôi được chứng kiến bữa tiệc đúng như mỗi lần chồng tôi đi nhậu về thường kể. Các nghệ sĩ muốn kêu món gì cũng được, muốn uống bao nhiêu cũng được. Bia lon hết thùng này lại có thùng khác tiếp. Các cô phục vụ xinh đẹp mặc váy ngắn, bén khách, cứ lượn qua lượn lại một cách rất đáng ngờ. Càng ăn nhiều càng uống say, các "tâm hồn lớn" càng thi nhau tâng bốc ông Tổng. Chồng tôi cũng nâng một ly bia đầy ắp, ánh mắt đầy xu nịnh:

- Nói thiệt với anh Tư, xã hội bây giờ nhiều khi phải *làm điếm* mới sống được. Bọn tôi cũng là *điếm* cả thôi...

- Đúng. Đúng - Anh nhạc sĩ nói - Tôi sáng tác bài hát ca ngợi anh, tôi cũng là điếm.

Thiên Thiên lả lơi đặt tay lên vai tôi:

- Anh Tư hãy nhìn vợ em. Hôm nay em đưa Thúy tới đây để anh nhìn tận mắt. Hồi mới ra trường, cô ấy cao 1m75, nặng 68kg, vậy mà cơ chế nhà trường khốn nạn đã vắt kiệt sức cổ, đồng lương chết đói đã làm hao mòn... Sau hơn mười năm dạy học, chỉ còn nắm xương bọc da thế này.

Rồi Thiên Thiên dầm dìa nước mắt khóc rống:

- Thúy ơi. Em không hiểu được lòng anh đâu...

Đúng là tôi không sao hiểu nổi. Lần đầu tiên kể từ khi lấy nhau, tôi được thấy ông chồng thừa lòng kiêu ngạo của tôi, khóc lóc, quỵ lụy. Tôi khờ khạo nghĩ, có lẽ tại anh say quá.

Đến khuya tiệc mới tàn. Ông Tổng và các người khác vẫn ở lại. Chỉ có vợ chồng tôi được xe của ông Tổng đưa về tận nhà. Tôi thắc mắc, chồng tôi nói:

- Họ ở lại nhậu tiếp tới sáng - Rồi quá say không giữ được ý tứ, anh buộc miệng - Tụi nó còn chơi gái rồi mới về.

Tôi ngồi xa hẳn anh ra, với vẻ kinh sợ. Còn anh lại toét cười và rên lên:

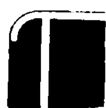
- Tối nay thắng lớn... - Anh mở cái túi vẫn đeo kè kè bên người - Em cầm đi. Năm trăm ngàn, thằng Tư nó cho riêng em để bồi dưỡng - Mặt anh đầy hỉ hả - Bây giờ em hiểu tại sao anh rủ em cùng đi chưa? Bọn chúng nó có thừa tiền lắm của, tội gì mà không cuốc. Mỗi bữa nhậu như vậy, nó chi không dưới năm triệu, trong khi cuốn tiểu thuyết mới nhất của thằng Lê Nguyễn nổi

tiếng như cồn, viết cắm cúi hai năm chỉ được bằng đúng số tiền thằng Tư cho mình.

Tôi lặng lẽ nhìn qua kính xe, như mù như điếc. Tôi có cảm giác như người lái xe ngồi phía trước đang mỉm miệng cười. Tôi bỗng thương thân tôi và thương con cái tôi... hơn bao giờ hết.

5.1991
VÂN HOÀNG
(Trong nước)

NGUYỄN TIẾN



chiều ra mắt thơ ở quán bia ôm

Đứng sững
Dàn trống mặt da câm lặng
Ẩn hình

Bàn tay vẫy tuyệt vọng
Lời tan xác
Dưới trũng sâu

Ở quán bia ôm
Bàn ghế níc vào nhau

Đàn ông chi mà hay khóc
Cũng thế, em
Thơ ra đi một mình
Lầm lũi

ẩn dụ

Từ biệt ngắm gót chân di chuyển
Ăn ngủ từng bừng đá, cỏ xanh
Tàu băng qua núi từng hộc nước
Rung tơ em chồm bát độ anh

NGUYỄN TIẾN



TRẦN VÀNG SAO

văn bia

người này chết cha
tên là Nguyễn Văn Hẹ
tám tuổi
ăn sắn say chết
chết ba ngày mẹ mới biết
hàng xóm phụng lập

Trần Văn Hạ
bốn mươi tuổi
bốn đứa con
cuốc đất trên núi
lựu đạn nổ
chết
vợ con không lên kịp để đưa đám

người nằm
ở đây là đàn ông không biết
tên tuổi quê quán
lúc chết mặc áo lính ngụy
quần đàn bà màu nâu
nằm sấp cách đường xe lửa năm mét
mặt bị đánh giập không có mắt mũi chân tay

người chết ở đây
hai mươi sáu tuổi
bị bắn
đạn xuyên qua đầu
họ và tên: Phan Văn Tế
lý do: ăn cắp bỏ chạy
kêu không đứng lại

Nguyễn Hán
ba mươi chín tuổi
tự đâm cổ bằng cái chai nước cam đập bể
có người nói vì điên
trước khi chết có nói
thời buổi này
cứt cũng không có mà ăn

Nguyễn Thị Lùn
34 tuổi
Lê Văn E 13 tuổi
Lê Thị Muốn 10 tuổi
Lê Văn Thuộc 6 tuổi
Lê Thị Lý 2 tuổi
uống thuốc tự tử
ở trong bếp
bên cạnh có mấy củ khoai cả hà còn nóng
để trong cái rá không có vành
trong giấy để lại có viết
cực quá sống không nổi
mẹ con tôi phải chết

Trần Thị Lan
hai tuổi rưỡi
đau không có thuốc
chết

Nguyễn Văn Lớn
bốn mươi lăm tuổi
đói lâu ngày ăn quá nhiều
chết
không có bà con thân thích

Nguyễn Văn Thụ
hai mươi sáu tuổi
chết ở trần trên đống rác
giữa chợ

Nguyễn Hữu Thực
năm mươi tuổi
chết ngay giữa bàn tiệc

không kịp đưa vào bệnh viện
có trên một ngàn người đưa đám

Phan Ngọc Thế
chết trong trận dịch tả năm 19...
sống được bốn mươi hai tuổi

ở đây chôn bốn em nhỏ
khoảng từ sáu đến chín tuổi
sốt xuất huyết
nằm chết ngoài chợ

Phạm Huỳnh Thưởng
chết năm năm mươi sáu tuổi
đứt mạch máu
lúc đang đọc diễn văn
gần đến đoạn cuối

nhớ ức trai

Lòng nước nhớ đất còn gang tất
sách ngâm ngọn cỏ đẫm sương
người xưa đi từng bước hạc
bài bình Ngô biến cả nối đường

một tối nhà đất cỏ liếm vách
cách song tùng xanh bốn mùa
tóc chưa bạc thu về thân Thục Đế
đậu cành Nam chim nhớ cội xưa

người dãi gió ruộng hoang chẳng về
ao cá mây đêm khôn khuây nỗi quê
lời suông nhạt nhớ người áo vải
năm trăm năm rồi Côn Sơn đất lạnh tê

TRẦN VÀNG SAO (Trong nước)
(Trích trong tập
Bài Thơ Của Một Người Yêu Nước Mình
Tân Thư sẽ xuất bản)



KHÁNH TRƯỜNG

vẫn còn chỗ trống trong bộ sưu tập



Chiếc Bus xuất hiện đầu ngã tư, vượt qua đèn xanh, chậm lại. Hắn rời trạm tiến vội ra lề đường. Thất vọng. Ba con số trước đầu xe không phải những con số hắn chờ đợi. Trở lại chỗ ngồi, nôn nóng đưa tay xem đồng hồ (dù chẳng có việc gì gấp). Theo lời dặn của Thư, muốn ra gare, hắn phải chọn chiếc bus mang số 615B. *Nhớ, 615B. Lên nhầm anh sẽ lạc qua tuyến khác.* Gần năm năm sống ở nước ngoài, lần đầu tiên hắn sử dụng phương tiện di chuyển công cộng. Ở California, mở cửa bước ra đường, đã xe hơi. Đi làm, xe hơi. Đi chợ, xe hơi. Đi học, xe hơi. Đi chơi, xe hơi. Thậm chí "sinh hoạt tình yêu", cũng xe hơi: đưa nhau vào bãi chiếu phim lộ thiên - *Drive-In-Theatre* - quay kín kiếng, mặc kệ Ninja tả xung hữu đột, cuộc cờ người vẫn cứ bày ra ngay trên nệm xe. Hấp dẫn (diện tích lòng xe chật chội, không muốn kiểu cọ vẫn phải kiểu cọ). Hồi hộp (vừa *sinh hoạt* vừa lấm la lấm lét dòm chừng phú lít). Tiện lợi (khỏi motel khách sạn rắc rối sự đời). Rẻ tiền (Đồng hạng hai vé sáu tì). Và dĩ nhiên không kém phần thơ mộng (phàm cái gì hội đủ mấy yếu tố hấp dẫn, hồi hộp, tiện lợi, rẻ tiền mà không thơ mộng?). Đã quen với lối sống rất... Hiệp Chủng Quốc kia, hắn thật hết sức bực mình khi phải đứng chờ hàng nửa giờ dưới khí hậu lạnh cóng của thời tiết chớm đông. Thư nói: "*Đã thấm gì. Tháng mười hai kia, anh không hạnh phúc thế này đâu. Vừa ngóng xe vừa... nhảy. Cho máu huyết lưu thông. Cho cơ thể tỏa nhiệt. Ngồi yên một chỗ sẽ biến thành cây nước đá ngay*

thôi". Hắn đùa: "*Thảo nào dân Tây đàn ông bụng không bự, đàn bà mông đùi nở nang phốp pháp. Ai cũng có triển vọng trở thành lực sĩ điền kinh*". Đùa, nhưng không hẳn vô căn cứ. Dân Tây hình như là giống dân đi bộ nhiều và nhanh nhất thế giới. Đi như chạy. Như rượt cướp. Như sơ tán. Như di tản chiến thuật. Vừa bước chân ra khỏi bus, đã ba chân bốn cẳng lao xuống hầm. Ào ào. Dông gió. Cho kịp chuyến xe lửa đang từ bóng tối lao ra. Nhỡ một chuyến là mất đi mười phút. Là đến sở trễ. Là trừ lương. Không có trường hợp giảm khinh. Không có lý do thông cảm. Không *lay-off*. Không khiển trách. Chỉ trừ lương. Chỉ kề dao ngoáy vào bao tử. Hết cựa. Riết, trở thành thói quen. Trở thành phản xạ. Hồi ở Việt Nam, Thư đi đứng khoan thai tiểu thư khuê các, khiến nhiều khi phát bực. Bây giờ, Thư như con sóc chuyền cành, như mũi tên lao ra từ dây cung, vun vút đến chóng mặt. Năm giờ sáng chuông báo thức réo inh ỏi. Bật dậy, lập cập bò vô buồng vệ sinh. Bài tiết. Đánh răng. Rửa mặt. Thay quần áo. Mở cửa lao xuống đường (từ tầng thứ mười hai). Nhảy lên bus ra gare. Từ gare, ngủ gà ngủ gật qua năn bảy trạm. Xuống. Chui vào métro. Thêm năm bảy trạm nữa. Xuống. Chuyển qua tuyến khác. Xuống... Trồi lên mặt đất, và đi. Không, chạy chứ. Vừa chạy vừa vén tay áo coi đồng hồ. Quãng đường từ ngoại ô vào Paris - nơi Thư đang làm việc - nếu tính theo đường chim bay không quá hai mươi kilomet, nhưng đã phải đổi ba bốn tuyến, bằng đủ mọi phương tiện, và mất ngót hai giờ vàng ngọc mới nhìn thấy cửa công ty. Thư nói: "*Chưa kể những hôm đình công - mà bọn Pháp chúa đình công - cũng phải tìm cho ra cách đến sở. Quá giang; đổi lộ trình; đi vòng... Mệt tắt thở*". "*Sao không sắm một chiếc xe?*". "*Lương lao động chuyên chính như Thư, chỉ vừa đủ tiền đổ xăng. Vả, riêng khoảng học lái đã mất bốn năm tháng, tốn ngót mười nghìn quan, chưa chắc đã đậu. Mà có xe lắm khi còn phiền phức hơn. Ở cái thành phố lổn ngổn người ngợm này, tìm ra một chỗ đậu nào khác chi ngậm ngải tìm trầm. Chưa kể kẹt xe. Kẹt khủng khiếp. Kẹt kinh hoàng. Cái cảnh ngồi trong xe, vừa mở sách đọc vừa nhích dần từng thước, ba bốn tiếng đồng hồ chưa bò quá năm trăm mét, chuyện thường*".

Bầu trời chùng thấp một màu chì bẩn. Mưa lất phất. Chiếc áo khoác dùng để "diện" của thời tiết Cali quanh năm nắng ráo không đủ giữ hơi ấm. Hắn ngồi thụt sâu vào trạm đợi, khuất sau tấm bảng quảng cáo, tránh gió. Lại đưa tay xem đồng hồ. Không phải giờ cao điểm nên các chuyến bus có vẻ thưa. Bực bội. Hắn đứng lên định quay lại nhà thôi không đi nữa thì nó đến. Nó, con vật kềnh càng mang số 615B bò vào chỗ đậu. Hắn thở phào dập điếu thuốc hút dở, leo lên, bước vội đến chiếc ghế trống chỗ cửa sau. Gã tài xế gọi giật *Monsieur*. Hắn quay lại. Gã tài xế đưa tay chỉ chiếc hộp sắt. Hắn sực nhớ chưa bấm thẻ. *Pardon*, hắn nói. Đút thẻ vào khe bấm.

Xe chuyển bánh. Mưa có vẻ nặng hạt. Hai chiết gạt nước khổng lồ gạt liên tục. Mưa xóa nhòa cảnh vật bên ngoài khiến hắn dâm lo. Theo lời Thư, nhà gare nằm phía tay trái. "*Có bảng chỉ dẫn chứ?*". "*Không. Anh cứ thấy chỗ nào đường sắt loanh quanh ngang dọc, nó đấy*". Đường sắt loanh quanh ngang dọc!

Trời ạ! Hắn từng nhìn thấy bao nhiêu chỗ như thế hôm qua, hôm kia. Đường sắt! Thiếu giống gì ở cái xứ sở hàng đầu về giao thông công cộng này. Làm sao phân biệt được đâu là nhà gare, nhất là trong tình trạng tầm tả mờ mờ nhân ảnh thế kia? Hắn rủa thầm, chưa có một thành phố văn minh tiến bộ nào... quái đản như thành phố này: bảng tên đường, bảng hướng dẫn xuống trạm métro luôn luôn nằm e ấp ở một góc khuất nào đó, và không lớn quá hai gang tay. Nhìn vào họa đồ càng thêm hoa mắt, lối ngang nẻo dọc chi chít, ngoằn ngèo, rối rắm, chẳng biết nơi mô mà tìm. Nhưng thôi, đã nhập gia đành phải tùy tục. Hắn quay qua cười cầu tài với em bé ngồi bên cạnh,

"Xin lỗi, tao ở Mẽo mới qua, rất lấy làm mù mờ cái dzụ đường sá. Mi mần ơn chỏ cho tao chộ cái gare Aunay Sousbois nó nằm ở xó góc mô?"

Em bé trừng hai hòn bi ve ngó hắn. Chợt nhớ mình vừa *thót* với em bằng tiếng Mẽo, hắn vội vàng *pardon*, dịch câu hỏi qua tiếng bản địa (Kể ra, *một trăm năm đô hộ giặc Tây* cũng có cái lợi, bọn sồn sồn cỡ hắn đa phần đều hót được chút đỉnh thứ ngôn ngữ của mẫu quốc). Lần này thì mặt mày em bé tươi rói,

"A, mi dân Mẽo?"

"Ừa."

"Răng tao chộ mi giống bọn asic quá thể."

Mẽo gốc Mít bị chạm nọc, phùng mang,

"Mi mần ơn chỏ giùm thằng Mẽo nào một trăm phần dầu tao coi. Mi không nghe tên của nước tao là Hiệp Chủng Quốc đó ru??"

"Ô là là... tao xin lỗi, tao quên."

Giọng em bé lảnh lót như chim, khiến tự ái dân tộc được an ủi đôi phần. Hắn tỏ ra rộng lượng,

"Đâu có sao. Đâu có sao..."

Và dưng không chẳng đánh cũng khai,

"Thật ra tao thuộc loại Mẽo mới, xuất thân gốc *Rì phiu di.*"

Mắt em bé sáng như đèn pha, liếng thoắng,

"Tao hiểu rồi. Mi dân Indochine, mi vượt biển bằng xuồng ba lá..."

"Chí phải."

"Tao có coi télé, thấy bọn mi gan cóc tía. Mần răng bọn mi dám vượt biển bằng mấy cái xuồng chó chết đó?"

Hắn bốc phét,

"Nhằm nhò gì ba chuyện lẻ tẻ. Tự do trên hết. Tự do muôn năm bất diệt. Nhân dân tao anh hùng. Đã đánh cho Mẽo cút, đã đánh cho ngụy nhào, thì một cái biển chớ mười cái biển bọn tao cũng chấp."

Em bé lại ném hai hòn bi ve về phía hắn. Trông em ngưỡng mộ ra mặt. Hắn cảm thấy lòng dạ phơi phới, đang định tìm cách lắp ráp chút ngữ vựng ăn dong để *trộ* tiếp, thì em bé nhỏm người la,

"Chết, mãi nói chuyện, tao quên. Bọn mình vừa qua khỏi gare Aunay."

Hắn giật thót. Mười cái biển hắm dám vượt, nhưng *gết lốt* trong trận đồ

bát quái ngổn ngang đường sá này thì coi mòi khó khá. Hắn hỏi, giọng có sút giảm nhuệ khí đôi phần,

"Rồi mần răng?"

Em bé so vai rất đằm, cười toe,

"Xuống trạm tới mình đi bộ trở lại, có mần răng mô."

"Xa không?"

"Năm trăm mét thôi mà."

"Mi cũng ra gare Aunay?"

"Oui, rứa mi định đi đâu?"

"Tao muốn tới dòm cái tháp nhọn nhọn được coi như niềm hãnh diện của bọn mi."

"A, tháp Eiffel."

"Phải, tháp Eiffel. Tuần trước tao có chộ, nhưng chỉ lòng vòng bên dưới. Lần ni tao định leo lên đỉnh coi chơi."

"Nên lắm. Mi sẽ thấy thành phố Paris ở dưới chân. Năm rồi kỷ niệm sinh nhật trăm năm cái khối sắt khổng lồ đó. Dân khắp nơi trên thế giới đổ về, đông như giòi. Vui hết biết.

Ừ thì đông là cái chắc. Tuần trước Thư rủ hắn lên chơi đỉnh tháp. Ban đầu hắn khoái lắm, OK ngay. Nhưng sau đó nhìn cái *lai* rồng rắn dài ngoằng dễ chừng đến cả trăm mét, đâm nản chí. Hắn nói với Thư *"thôi để khi khác"* rồi kéo nàng vào cửa tiệm bán đồ lưu niệm dưới một chân tháp mua gói hạt dẻ, xong ra đứng chỗ bệ tượng ông Eiffel, ngước cổ nhìn lên, vừa nhai hạt dẻ vừa ngắm nghía từng thanh sắt, từng con ốc, để ngợp. Bao giờ cũng vậy, mỗi lần đối diện một cái gì quá sức vĩ đại, hắn đều cảm thấy ngợp. Hắn đã từng ngợp khi lái xe qua cầu Golden West, khi leo lên đầu Nữ Thần Tự Do, khi đứng dưới chân ngọn núi đá có ba khuôn mặt ba ông tổng thống Mẽo, khi mấy ngón tay chạm vào bệ đá bức tượng Davis... Hắn vẫn thường tự hỏi một cách rất ngây ngô, rằng làm cách nào, chỉ với hai bàn tay, con người có thể thực hiện được những công trình kinh khủng thế kia? Dĩ nhiên, chẳng bao giờ hắn trả lời thông câu hỏi ngây ngô mà hóc búa đó. Và vì không trả lời nổi, hắn tiếp tục đứng hàng giờ, vừa nhai hạt dẻ (hay phì phèo thuốc lá, hay lách chách kẹo cao su...) vừa ngợp.

Chiếc bus vào trạm. Hắn theo em bé lội ngược trở lại. Mưa ngớt. Bầu trời ửng sáng. Nắng rải xuống mặt đất một màu vàng dịu. Nắng làm cho màu đỏ của tấm pano quảng cáo trên mặt tường ngôi nhà phía bên kia đường hực lên rực rỡ, khiến thân thể trần truồng một trăm phần trăm của thiếu nữ nằm tênh hênh suốt chiều ngang tấm pano trở nên mời mọc quyến rũ hơn. Em bé đi sát vào hắn, tự nhiên, thân mật như tình nhân. Hắn cảm thấy vui vui. Riêng khoảng xởi lởi thì dân Tây bỏ xa bọn Mẽo. Hắn từng theo Thư vào một số hàng quán, con cháu của dân Goloa cũng đấu hót chí cha chí chát chẳng khác bao nhiêu tụi Á Châu lắm mồm cả tiếng. Thư lắc đầu: *"Anh lầm, Tây chính gốc nó ngầu lắm. Cái bọn anh thường gặp ngoài đường, trong hàng quán đa*

phần là bọn Rệp, bọn tứ xứ gì đâu. Ô là là... Bọn này so với Annam ta còn củ bựa hơn nhiều phần. Nước Pháp bây giờ cũng tạp chủng không thua gì nước Mẽo của anh đâu". Tôi liếc ngang, chẳng hiểu em bé này thuộc loại một trăm phần dầu nguyên chất hay đã lai tạp lung tung? Chợt em bé đẩy hắn nhích ra xa. Chưa kịp ngạc nhiên hắn đã hiểu: dưới chân hắn, một đống cứt chó ướt mưa nhão nhoẹt. Em bé cất tiếng cười dòn tan,

"Mi phải luôn luôn đề cao cảnh giác!"

"Bê bối, quá sức bê bối."

Hắn nhớ đến lồng thang máy chỗ khu Building Thư ở. Bữa theo Thư từ phi trường về, hắn đã kinh hoàng muốn... té xỉu khi vừa bước chân vào lồng. Dưới chân hắn, lênh láng, nhèm nhẹp, nhầy nhụa một màu vàng ố, bốc mùi khai ngạt thở. "*Nước gì vậy?*" Hắn vừa bịt mũi vừa hỏi. Thư tỉnh khô: "*Nước đái chó.*" Và không đợi hắn hết kinh ngạc, Thư chậm rãi thuyết minh: "*Bọn Tây khoái nuôi chó. Để sáng mai em chỉ anh xem. Đứng trên balcon nhìn xuống, anh sẽ thấy các cậu mợ Tây Đầm dẫn chó ra đường mần vệ sinh, cũng đông vui như người ta trẩy hội xuân". "Bố khỉ. Cảnh sát để mần gì?". "Cảnh sát cũng nuôi chó vậy, cũng dùng đường phố làm nhà vệ sinh cho chó vậy".* May cho hắn, Thư không nuôi chó. Nếu có, chắc hắn đã cuốn gói ra ở khách sạn từ khuya.

"Đến rồi".

Em bé nắm tay hắn lôi xuống cửa hầm. Hắn nhìn quanh. Vỉa hè này cũng bình thường như tất cả mọi vỉa hè khác, chẳng có một dấu hiệu... khả nghi nào. Hắn thở phào, tự nhận mình đã gặp hên. Nếu không có em bé, làm sao hắn có thể phát hiện ra cái cửa hầm... c ấp kia là lối vào sân gare? Hắn than phiền,

"Thì cũng phải cắm một cái bảng chỉ dẫn cho con người ta nhờ chớ".

"Tại mi dân xứ lạ. Tao ở dây quen, đâu thấy có vấn đề chi."

"Nói như mi... Ừ thì lạ nên mới cần chỉ dẫn..."

"Mi thiếu óc phiêu lưu. Có rắc rối rứa mới thú. Tao nghe nói bọn Mẽo chúng mi cái chi cũng đâu ra đó. Đời còn chi bất ngờ?"

Cha chả em bé này coi mòi lãng mạn dữ, vi trùng giang hồ chắc nghẹn cứng trong huyết quản. Hắn lại liếc nhìn em. Tóc vàng xỏa vai, mắt bi ve lóng lánh sáng, miệng mọng đỏ, hai chiếc răng cửa hơi lớn, khi em cười cả khuôn mặt nở bung phơi phới. Em bé không cao hơn hắn, nếu em không mang đôi ủng gót dài nửa tất thì (tưởng tượng) hai đứa hôn nhau, chẳng đứa nào mỏi cổ. Hắn đoán, em bé nhiều lắm chỉ bằng phân nửa tuổi hắn. *Năm anh hai mươi, em mới sinh ra đời. Ngày anh bốn mươi, em mới vừa hai mươi...* Nhất định lát nữa hắn sẽ xin số điện thoại của em bé. Biết đâu. Phải, biết đâu... Hoa thơm cỏ lạ đường xa. Trong bộ sưu tập ái tình của hắn kể ra cũng đã khá bề bộn. Mẽo Mễ Nhật Miên Lèo Đại Hàn... có đủ. Duy một em gốc mẫu quốc hình như chưa.

"Lối ni."

Em bé lại gọi giật. Hắn theo em rẽ trái, sải nhanh trên những bậc tam cấp xi măng. Cả hai bước lên sàn tàu cũng vừa lúc hai cánh cửa tự động xịch đóng. Một hồi còi thét vang. Tàu rời trạm, chui nhanh vào lòng hầm tối thẳm. Hắn ngồi ngả lưng ra thành tựa, cố tranh thủ lấy lại hơi thở bình thường. Em bé quay qua nhìn hắn,

"Coi mi tái xanh. Mệt hả?"

"Không. Tao lạnh".

"Bộ bên Mẽo không lạnh sao?"

"Tao ở Cali, thiên đường của nắng... Không quen..."

Em bé gục gặc đầu ra điều thông cảm. Tàu chuyển nhanh tốc độ. Tiếng bánh nghiến trên đường sắt rào rào. Chung quanh hắn hầu như mọi hành khách đều cúi xuống những trang sách, báo mở rộng trên đùi. Phải chăng phương tiện di chuyển công cộng là nguyên nhân góp phần tạo ra thói quen đọc sách của dân Pháp? Cũng hữu lý lắm. Ngồi trên tàu, trên métro, không ngủ thì mần gì cho qua thì giờ nếu không đọc sách? Cũng tuần trước, theo Thư vào một hiệu sách, hắn đã hết sức kinh ngạc khi nhìn thấy rừng người trùng điệp, chen vai thích cánh trong diện tích mênh mông cả mấy nghìn thước vuông với hàng ngang dãy dọc những sách là sách. Hắn càng ngạc nhiên hơn, không phải rừng người kia đến hiệu sách chỉ để dạo chơi, rửa mắt (như hắn và đám bạn vô công rồi nghề vào những ngày cuối tuần trong khu Amigo), mà kiên nhẫn trước hàng chục quầy tính tiền, là những hàng người dài thậm thượt - mỗi người trong tay chí ít cũng vài ba cuốn sách - đang chờ trả tiền. Thảo nào dân Pháp vẫn được tiếng có văn hóa cao. Hắn vỡ lẽ.

Đang suy diễn lang mang từ việc đi tàu, đi métro đến chuyện đọc sách, bỗng ngay trước mặt hắn, một giọng nói (không phải nói, hét mới đúng) vang lên chát chúa. Hắn giật mình ngước nhìn. Chỗ khoảng trống giữa toa, gã đàn ông một tay cầm cây gậy, một tay níu thanh sắt chống từ sàn tàu lên đến nóc, đang vừa giữ cho thân thể thăng bằng vừa bắt đầu độc diễn một màn bi kịch.

"Thưa quý bà, quý ông... Xin đói thương kẻ bất hạnh này..."

Gã đàn ông đưa cao một chân, dùng cây gậy quất mạnh vào ống chân. Sự va chạm giữa hai vật thể cứng vang lên những tiếng kêu khô khốc. Rồi gã chồm người về phía trước, đôi mắt ướt nhèm nhìn hút vào khoảng không nào đó trước mặt, hai mép môi gã trễ xuống thành một vòng cung nhăn nhúm, những vết gấp trên trán cày sâu. Hai chân mày lốm đốm bạc gần như giao hẳn với nhau. Gã tiếp, hằn học, phẫn uất,

"Tôi què. Tôi tật nguyền. Tôi vô gia cư. Tôi không vợ không con. Tôi bất hạnh như một con chó hoang. Phải. Một con chó hoang..."

Đầu lún sâu giữa hai vai nhô cao, gã từ từ quị xuống sàn tàu. Rũ liệt, tơi tả, bất lực. Rồi vẫn giữ nguyên tư thế đó một lúc lâu, khá lâu, để tất cả hành khách có mặt trên toa đủ thì giờ ghi nhận nỗi tuyệt vọng của gã, mới ngẩn lên, hét cuồng nộ,

"Vậy mà tôi vẫn cứ phải sống... Cho đến hôm nay... Nghĩ mà xem. Hả...

Nghĩ mà xem... Sống như thế này thì sống để làm cái gì? Hả? Sống để làm cái gì...?"

Gã nhìn quanh, tia nhìn xoáy vào từng người, lặp lại câu chất vấn đến lần thứ ba. Nửa phút trôi qua, gã chống tay đứng dậy, lắc đầu ngao ngán, giọng chậm lại, trở nên... hiền triết,

"Phải. Sống để làm gì... Nhưng mà, định mệnh bắt tôi phải thế. Thượng đế bắt tôi phải thế. Chỉ có đấng tối cao mới biết rõ việc làm của chính ngài. Cho nên, tuân ý ngài, tôi không có quyền chết... Chết. Thật dễ dàng... Đút đầu vào bánh sắt dưới gầm tàu này, nhảy xuống sông Sein... Giản dị quá mà... Nhưng như thế là phản lại ý Chúa, là tuyên chiến với quyền năng của thượng đế... Tôi không dám.. Tôi không có quyền tự cắt đứt hơi thở mình. Tôi không được phép phá vỡ cái trật tự Chúa đã cố tình tạo dựng nên, do bởi một lý do nào đó mà chúng ta chưa đủ khả năng để hiểu. Vì vậy, cũng do bởi ý Chúa, xin quí bà, quí ông hãy chia cho tôi một phần nhỏ - thật nhỏ - hạnh phúc của quí bà, quí ông... Xin chúc phúc đến quí bà, quí ông... Vinh danh Cha, Con, Thánh Thần... Amen..."

Gã đưa tay làm dấu. Đầu tiếp tục cúi thấp, rồi nện mạnh gậy xuống sàn tàu, chậm rãi rời chỗ đứng, lần bước qua từng hàng ghế, chìa tay. Coi bộ gã đàn ông mần ăn cũng khá. Hắn để ý gần hai phần ba hành khách bằng lòng chia cho gã "một phần nhỏ hạnh phúc" của họ. Hắn nói với em bé,

"Tao khoái thằng cha này quá mạng. Hắn diễn xuất thần sầu quỷ khốc. Suýt tí nữa tao rơi nước mắt."

Em bé bĩu môi lẩy Kiều,

"Khéo dư nước mắt khóc lầm người dưng..."

"Mi không xúc động sao? Ôi, bọn Tây dương chúng mi tâm hồn sắt đá quá mạng. Nhân dân tao khi cần làm anh hùng thì khó ai bằng. Bọn Tàu, bọn Tây chúng mi, rồi đến thằng sen đầm đế quốc Mẽo... lần lượt theo nhau chạy vắt giò... Nhưng khi đã tình cảm, nhân dân tao cũng tình cảm một cây..."

Em bé ngồi yên nhìn qua cửa sổ. Tàu vừa ra khỏi hầm. Phía tay trái, theo tia nhìn của em bé, thấp thoáng những tòa nhà cổ nằm khuất sau rặng cây xanh. Khung cảnh y chang mấy bức tranh hắn thường thấy trong các cuốn sách hội họa. Hình như em bé chẳng lấy gì làn hào hứng cho lắm khi nghe hắn thuyết trình về cái gốc Mít anh hùng mà đa cảm một cây của hắn, khiến hắn cụt hứng. Bỗng em bé vỗ tay lên đùi hắn,

"Bên Mẽo của mi có ăn mày không?"

Té ra em vẫn nghe hắn đó chớ.

"Có. Nhưng bọn cái bang Mẽo cực nhọc hơn nhiều, mà thu nhập chẳng bao nhiêu."

Rồi hắn kể, ở những ngả tư đông xe cộ qua lại, thỉnh thoảng xuất hiện vài đấng nam nhi mặt mày rất ngầu, tóc dài đến lưng, đô con như bò tót, kiên nhẫn đứng trên hè đường từ sáng đến tối mịt, bất kể cái nắng chói chang của mùa hè hay cái lạnh cắt da của mùa đông, hai tay nâng một tấm bảng nhỏ,

trên viết lằng nhằng mấy chữ đại loại "*I need job for food*". Hẳn nhiên chẳng mấy ai chịu khó chậm xe lại, vất qua cửa kiếng vài mươi cent lẻ. Lối mần ăn này thụ động quá, khó có kết quả khả quan.

"Nước Mẽo giàu có, nhiều việc mần lắm mà."

"Dĩ nhiên. Nhưng bọn chúng thích rứa. Có lẽ cũng là một lối sống. Hay nói như mấy trự chuyên ngâm cứu xã hội học, đó là cách phản kháng lại các định chế trật tự máy móc. Tao chịu, không thể đoán mò. Chỉ biết chắc, nếu bọn chúng chịu khó đi mần việc, dù là mần việc với mức lương hạng bét, cũng OK salem hơn nhiều."

Tàu chậm lại. Em bé đưa tay vuốt tóc,

"Sắp đến gare Du Nord. Tao xuống. Mi biết đường tới Tour Eiffel chớ?"

"Tao có bản đồ, chắc được."

"Ừ, dễ ợt. Đưa đây tao chỉ cho."

Hắn móc túi lấy tấm bản đồ trải lên đùi. Em bé nghiêng qua, cúi xuống, lần ngón tay trỏ trên những lằn vạch xanh đỏ tím vàng. Mùi da thịt em bé thơm ngát, khác hẳn với mô tả của anh đạo diễn đô con *Biển Khổ* - bạn hắn - rằng *đầm hôi như cú*. Thằng cha này chắc bị ung thư mũi!

"Chỗ ni là chỗ tao sắp xuống, gare Du Nord. Mi cứ đi tiếp đến chỗ ni, gare Châtelet Les Halles, đổi qua métro, lấy hướng Ch. de Gaulle-Etoile, đến Champ de Mars, xuống. Cái khối sắt khổng lồ mi muốn tìm nó sẽ nằm bên tay trái khi mi vừa sortie khỏi hầm".

"OK, tao hiểu rồi. Cảm ơn mi."

Em bé đứng dậy, cười vui vẻ,

"Chúc mi một buổi đi rong thú vị."

Tàu dừng. Em bé bỗng ngã người về phía hắn, cọ cọ má em vào má hắn, hết bên này đến bên kia (a, màn chào từ giã coi bộ ngộ), rồi nhanh chóng phóng xuống sân ga. Hắn chợt nhớ, từ lúc gặp em bé đến giờ cả hai đều chưa biết tên nhau, và cái số điện thoại hắn muốn xin cũng chưa kịp hỏi. Hắn vội đứng dậy, lao về phía cửa:

"Ê... Ê..."

Nhưng em bé đã chìm vào rừng người. Tiếng còi lại thét dài. Cửa xịch đóng. Hắn thả người xuống ghế. Tàu chuyển bánh, chui nhanh vào lòng hầm. Những mái đầu lại cúi xuống những trang sách. Chẳng biết từ đây cho đến ngày trở lại Mẽo quốc, hắn còn có cơ hội nào nữa chăng để làm phong phú thêm cho bộ sưu tập ái tình của hắn, bằng hiện diện của một em bé tóc vàng mắt xanh mẫu quốc?

Không có tiếng động nào khác ngoài tiếng rì rầm của động cơ. Bận sau, phải mang theo một cuốn sách mới được.

KHÁNH TRƯỜNG

Paris tháng 10, 1991



TRẦN NGỌC TUẤN

giấc mơ

(Tặng tương lai...)

Thần tình ái dùa dai
đến tận hôm nay mới đưa tôi một nửa
nào có tìm đâu, tự dưng bỗng thấy
- số phận chìa tay
- âu yếm mỉm cười

*

Cũng phải nên đi ngược lại thượng nguồn
nơi anh chảy phí hoài (trao dâng vô tội vạ)
cứ hiến mãi phù sa mình máu thịt
đắp bến bờ hư không

Câu ca dao sẽ bắt một cây cầu
cho anh và em đi về miền đất mới
miền đất bình yên có hoa anh đào nở
khuôn mặt bạn bè tin cậy, yêu thương

Một nửa của anh ơi!
xin được cầm tay dẫn em về nửa đời anh uổng phí
cô bé ngồi im và nghe anh kể:
một chặng đường anh qua...

Có những cánh rừng (chẳng có lá dâu em)
nhà không nóc, và vườn cây không quả
mắt người chết trọn trừng không chịu nhắm
khói bom gói gọn vầng trăng

Có những chiều mưa
bên cột mốc anh nhặt tìm xương thịt bạn
khủng khiếp nhất, có lẽ là cái chết
cái chết cho ai? cái chết vì gì?

Có những chiều hè
anh lặng lẽ nhìn cành hoa nhen lửa
hoa phượng dễ thương (giống như em vậy)

bên giảng đường của một thuở trong veo...

Có những bài thơ tình
hậm hực viết trong những đêm không ngủ
bài thơ ấy hoen màu mực tím
anh trao dâng và không nhận bao giờ

Có lúc niềm tin
bị vỡ vụn ra trăm ngàn mảnh nhỏ
anh gào thét một mình, anh vật vã
cô gái đồng trinh bị Sở Khanh lừa

Người thì nhiều như trấu tro
tìm được tri âm nào có dễ
anh như con thú lạc loài
cấu xé tất (trừ thơ ra em ạ!)

Có những tượng đài
anh xây đắp bằng lời tâm huyết nhất
gió quệt qua lộ nguyên hình quỷ dữ
sự thánh thiện tìm đâu?

Những dấu hỏi (?) hình thành
những dấu than (!) (thụ thai qua cuộc tình chớp nhoáng)
trắng cả hai tay (may trái tim còn đỏ)
anh gọi hoài: Một nửa của anh đâu?

Cho anh được dẫn em
đi lên cây cầu của những thán từ đầy nước mắt:
nước mắt mẹ đợi chờ
nước mắt người hóa phụ
nước mắt trẻ thơ tức tưởi
nước mắt của đất nước mình
(nơi sinh ra em và anh đấy!)
thành đại dương mặn chát muôn đời

Mẹ trở dạ sinh anh
cơn đau của người có ký sinh trùng sốt rét
lạnh - nóng nhiễm vào anh từ đấy:
có hiểu dùm anh không?

Nếm đi em...

giọt lệ chảy trên mình đất nước
mặn như muối để tình yêu nồng nàn như gừng vậy
xui chúng mình yêu nhau

Hãy chìa tay
cho anh được dẫn em tìm về nửa trước...

Thần ái tình dùa dai
đến tận hôm nay mới đưa anh một nửa
(giấu kỹ thế, bây giờ mới mở)
em vẹn nguyên
đằm thắm trong anh

TRẦN NGỌC TUẤN



NGUYỄN LẬP ĐÔNG

trốn

Cánh đồng nước thọ thai
nặng trĩu dòng đòng căng sữa
Xanh mướt mặt trời chiều
Những lông vịt trôi trên gió sóng
Căn chòi trôi
Nhìn mình chìm - trôi theo bóng nước.

Thân như đất vỡ
lá dừa nước thủng mặt trăng
Tiếng chó xa
Sợ
Đói.

Phải đi
Phải về
???.
Hỡi đôi chân mốc thếch
Phải cố chạy cho xa
Xa tội?.

NGUYỄN LẬP ĐÔNG



BẢO NINH

bi kịch khỉ



Từ xa xưa, mấy mẫu hoang xế cửa ga đã mang danh là công viên thị xã mặc dù cho đến trước nhiệm kỳ của ông Thân, đất đó vẫn trụi thùi lụi, chẳng cây, chẳng cỏ. Thuở ấy, ngồi tàu bay dòm xuống, du khách ắt phải thấy dáng hình thủ phủ quê tôi giống y như cái sọ hói.

Nhờ ơn mưa móc của ông Thân dầu tình yêu văn hóa mà cái sọ vốn khô khốc thế một ngày nọ đã mọc tóc xanh. Ông cho lệnh trồng cây, trồng hoa, ông cho tạo thảm cỏ, cho xây đài phun, cho kê ghế đá, cho vạch lối đi rải sỏi và ông cho đặt tượng. Rồi ông cho ứng tiền sắm chim, sắm thú về nhốt trong các chuồng song sắt.

Được dâu dăm năm, khi nhiều cây cao đã tỏa bóng cả, công viên tỉnh nhà vừa đủ độ râm cho bà con dạo mát thì ông Thân bị phối, phải xuống. Không có ông, cỏ cây buồn thảm héo tàn. Bách thảo không đến nỗi trọc lốc trở lại nhưng xơ xác, tiêu điều và ô uế. Bách thú thì rỗng dần, các chuồng trống trơn, cảnh tượng hệt như trại giam sau ngày đại xá. Cuối cùng, sót lại mỗi một anh khỉ làm trò độc diễn ở cái chuồng gần cổng chính công viên.

Cạn kẻ đua tranh, khỉ ta độc quyền hấp dẫn khán giả. Các ông bố, bà mẹ dắt con đi về phía nhà ga không nói là đi chơi công viên mà bảo là đi xem khỉ. Người ta bu tròn, vòng trong vòng ngoài quanh cái chuồng của nó. Trong cuộc đời tù đày của thằng cha dở dít này, những ngày ấy hẳn được coi là thời vang bóng. Mọi người đều vui thích ném quà cho nó, khoái chí xem nó phô diễn sự nhanh nhẹn và khéo léo, tán thưởng những trò khỉ của nó. Còn khỉ ta, dẫu dư thừa thức ăn, trở nên trơn lông đỏ da hơn bao giờ hết, nhưng không

vì thế mà chây ì hay khệnh khạng, vẫn nhiệt tâm phục vụ, vẫn tận tình múa may. Nó là một con khỉ có mẻ. Mặt nó rộng và ngắn, mũi hếch, cánh mũi giành ra, môi khó nhận thấy, đôi mắt rất gần nhau, hết sức linh hoạt và đặc biệt nhất ở nó là vành lông trắng chạy từ tai này sang tai kia như râu quai nón của một tay hải tặc.

Nhưng hạnh phúc ngắn ngủi, ngày vui chóng tàn, thiên hạ dần dà chán ngấy nó. Loài khỉ có bao nhiêu trò thì nó diễn cả rồi. Bây giờ đến lượt con người giở trò với nó. Thoạt tiên chỉ là do hờ hững mà người lớn, trẻ con không thiết vứt chuối liệng mía cho khỉ nhặt nữa. Về sau là sự bỏ đói cố tình theo nghĩa chơi khăm.

Bây giờ chỉ có vỏ chuối, chỉ có lõi ngô với những giấy kẹo bánh, những lời chửi rủa và nước miếng xả vào qua song sắt. Chẳng ai thực sự là người chủ xướng cuộc chơi mới mẻ này, bởi vì đây chính cống là một cuộc hành lạc tập thể. Mọi người đều tò mò háo hức chờ xem con vật bị bạc đãi một cách bất ngờ như vậy sẽ rũ xuống ra sao. Song khỉ thay, khỉ ta không xìu đi như bà con tưởng mà vẫn hăng say nhảy nhót trong chuồng. Thì ra, những thứ ta quẳng vào là những thứ với người thì chẳng còn gì để mút mát, nhưng với khỉ lại vẫn là đồ ăn được, vẫn chứa dựng đáng kể đạm và sinh tố. Hiểu ra điều ấy, dân tình lập tức mạnh tay hơn với khỉ.

Từ nay khỉ mới đích thực đói. Nó chỉ nhận được những món quà phi hữu cơ, tuyệt đối không tài nào xực nổi: mẩu xà phòng, cục nhựa đường, đầu mẩu thuốc lá... Cố nhiên, khỉ rũ rượi ngay, trở nên xấu xí, trở nên chậm chạp, lờ đờ, kiệt quệ. Song mẹ kiếp, nó vẫn sống, vẫn không hoàn toàn quỵ liệt và có vẻ vẫn như muốn giữ phẩm giá. Nó gắng gượng bày trò, gắng gượng hoa tay, huơ chân, nhăn mặt nhe răng để chứng tỏ mình. Chẳng lẽ con quái này là khỉ thành tinh?

Bọn trẻ con bắn súng cao su, thổi xì đồng, ném đá vào khỉ, và chĩa "bòi" tia vào chuồng. Theo gương lũ oắt, cánh tráng niên biến chuồng khỉ thành *toa- lét* công cộng. Chẳng ai có ác ý, người ta chỉ giải trí, chỉ tò mò xem xét, đánh giá sức chịu đựng của một giống vật họ hàng với giống người.

Mùi xú uế nồng nặc, không thể xáp gần chuồng khỉ như trước nữa, người ta đứng né xa xa liệng những vỏ bia và cả những gói phân vào tặng nó. Tai ác hơn, tôi thấy có chị mang chuối ra dứ, từ từ bóc vỏ, từ từ nhá, cho con vật khốn khổ đã đói liệt ấy chết thèm. Nó không kêu choé choé mà rên hừ hừ khi người ta tung những khúc sắn luộc tới kề cửa chuồng nhưng ở ngoài tầm với của nó.

- Người khác loài vật ở chỗ đó, người mà lâm cảnh ngộ thế này ắt phải tự vẫn chết rồi.

Một ông thi sĩ ở Hội Văn Nghệ đã cho tôi một nhận định khúc triết có tính chất phân loại học như vậy. Quả thực thế, người cao hơn mọi loài động vật chính ở chỗ người mới biết cách tự kết liễu cuộc đời mỗi khi cảm thấy đời quá chừng chó má. Khỉ ta thì không, vẫn lay lắt sống trong sự hành hạ của

dạ dày, trong không khí hôi thối kinh tởm. Lở loét, trụi lông, nó nằm bệt trên nền chuồng nhầy nhụa, chẳng còn đủ sức ré lên khi bị tung gạch, chẳng giật mình nổi khi người ta ném pháo đùng qua song sắt, nhưng vẫn cứ sống, vẫn cứ phập phồng hơi thở tàn héo. Song, có là hầu vương cũng không thể thắng nổi con người, một ngày nào đó nhất định nó sẽ chết, ai cũng biết vậy và lại dâm ra chán ngán. Cái chuồng khỉ lại vãn dần khách ghé thăm.

Bẳng đi một tuần không để mắt tới, người ta kinh hãi nhận thấy con khỉ mà ai cũng tưởng đã chết thối trong chuồng lại đã loay hoay đứng dậy, đi đi lại lại, trèo lên trèo xuống. Rác rưởi quanh chuồng và cả trong chuồng nữa, được dọn hết. Ngỡ là bàn tay bảo vệ của công viên đã làm chuyện đó, nhưng không, chính y cũng đang chửi um đứa nào ngạo mạn dám vượt quyền y. Tất nhiên, chẳng mấy chốc, người ta đã chỉ ra đích danh thủ phạm. Ấy là con bé ăn mày ở cửa ga.

Con bé theo tàu ra tỉnh từ chớm kỳ giáp hạt. Rách rưới, âm thầm, nó ngồi câm dưới cột đồng hồ, cái nón mê trước mặt. Xấu xí và dơ dáy, lại hình như nửa ngây, nó không phải là thứ trẻ con để người ta rủ lòng thương. Nhưng dẫu sao thì của bố thí vẫn khi này khi khác rót cho nó. Cuối mỗi ngày, cái nón mê vẫn giúp nó một chút gì đó đỡ đói lòng trong đêm. Trước, nó có chỗ ngủ trên ghế băng phòng đợi của nhà ga, nhưng từ khi có lệnh thu lệ phí nơi nằm, nó dạt vào công viên dãi sương trên ghế đá.

Chính con bé ăn mày ăn nhặt này đã phá đám. Nó quét dọn sạch sẽ khoảng đất bị người ta phóng uế quanh chuồng. Nó kiếm một cái gậy dài buộc chổi tre để quét cả bên trong chuồng. Và nó cùng khỉ chia nhau của khất thực. Thì ra con bé này không chỉ ngây ngây mà chắc chắn là một con diên thực thụ, người ta bảo thế...

Hôm ấy, mùa hè, chủ nhật, buổi sáng, bao nhiêu người dày xéo công viên.

Tôi nhận thấy một vẻ háo hức đồng loạt trên hầu hết các bộ mặt. Mẹ kiếp, gì vậy? - người ta hỏi nhau. Dĩ nhiên vẫn là chuyện cái chuồng khỉ, nhưng còn trò quái gì ở đấy nữa để mà bu lại?

Người đến sau lách vào kiễng chân, ngóng cổ dòm qua vai kẻ trước. Ai cũng bật cười. Có tay hô hố cười phá lên.

Chết cười đi được. Trong chuồng khỉ, ngoài khỉ là con bé ăn mày nọ. Nó bị lột truồng, nó ngồi thu lu, hai đầu gối nhọn hoắt che ngực. Người ta huýt sáo. Lại đá, lại gạch, phang vào. Cốt để nó đứng dậy. Song nó cứ ngồi lì, vai trần run bắn. Anh bạn khỉ quay cuồng lay cửa chuồng, nhưng lay thế quái nào được. Cái khóa rỉ mọi ngày đã bị giật tung vứt dưới đất, thay vào bằng một cái khóa đồng Việt-Tiệp chắc như cùm.

- Đồ khỉ, đứng dậy vươn vai đi em!

Một ông vui tính gào. Bà con cười như nã súng. Đối tượng vẫn cứ cố thu mình lại. Con bé này bảo thủ quá, tôi nghĩ. Đàn bà ở truồng thì có sao, ngày

nào ta chẳng thấy họ phô phang trên màn ảnh, trên bìa tạp chí, trong hiệu tắm hơi, trên bìa lịch treo phòng khách mà còn phải hãi.

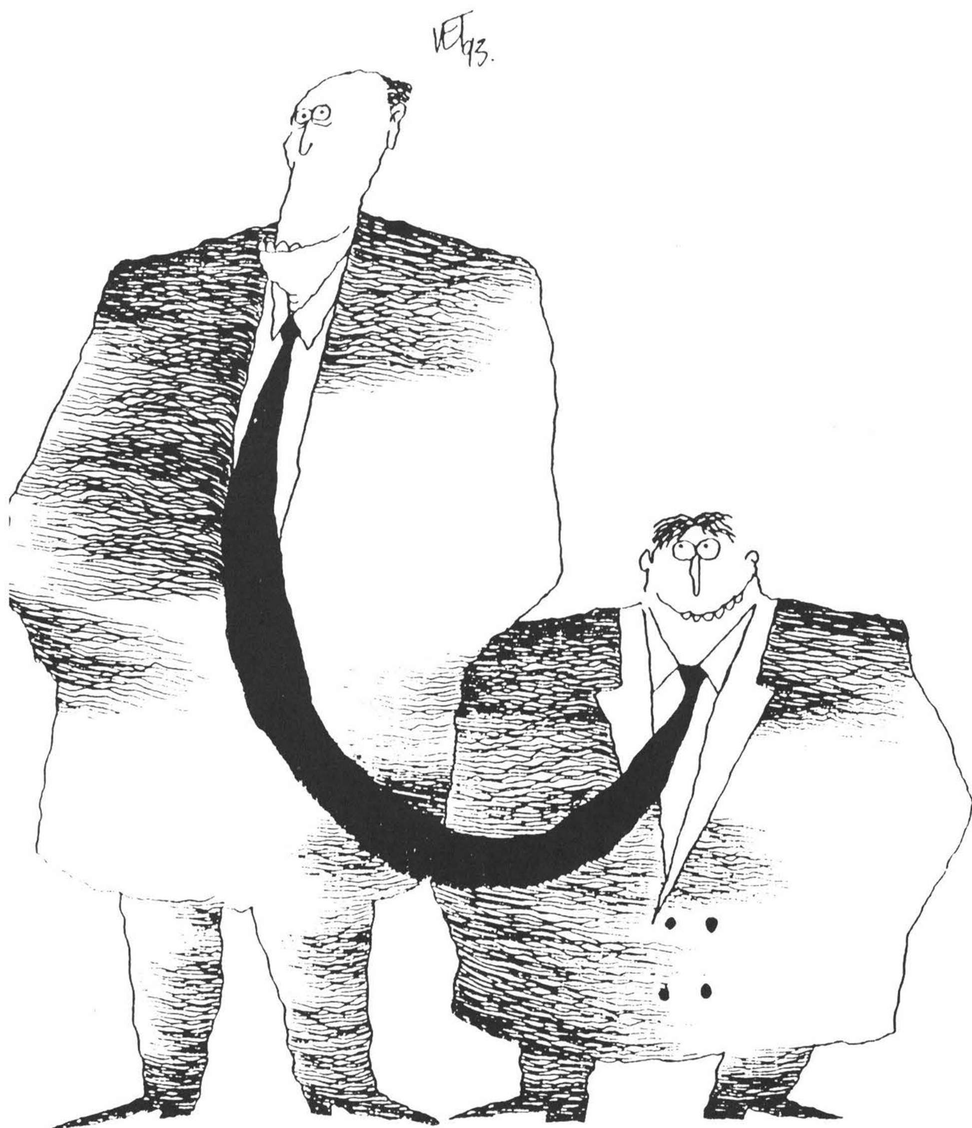
Cuối cùng thì "ý chí tập thể" đã thắng sự xấu hổ ngu dốt của một con nỡm. Mấy gã trai trẻ nghĩ ra cách hay. Họ dùng một cây gậy dài có đầu nhọn thọc thật lực vào lưng con bé để buộc nó phải nhảy dựng lên. Tôi nghĩ là cũng có người không hài lòng, muốn can thiệp, song bây giờ người với người dừng dại sinh sự với nhau. Việc ai nấy làm nếu muốn yên thân. Thành thử gần cả buổi sáng con bé ăn mày phải công diễn triền miên tiết mục gớm giếc của nó đến kiệt sức. Khi người có trách nhiệm phá được khóa, cô gái đẩy cửa bước ra, trần truồng đi thẳng tới đám đông. Mọi người kinh tởm rẻ ra, xô nhau tránh. Con khỉ toan chạy theo cô nhưng bị đá lộn vào. Người ta khóa kỹ cánh cửa.

Với mọi người, thế là hết chuyện. Nhưng với cô gái và con khỉ, tấn bi kịch còn nối một đoạn nữa.

Đêm ấy, cô gái treo cổ tự tử, thân xác lõa lồ gầy guộc đung đưa dưới cái dóng ngang của cột đồng hồ trước ga. Sáng ra, tới lượt khỉ lặp lại nguyên trò chết treo ấy. Không biết ai đã quẳng vào cho nó một sợi dây thừng. Sự thật khó tin, mặc dù là sự thật. Những người chứng kiến bảo là nó cũng trợm mắt, cũng đưa hai chi trên chụp lấy vòng thòng lọng đang thít cổ, cũng giãy dùng dùng y hệt người bị xử giảo.

Có thể cho rằng chẳng qua đấy là trò bắt chước cuối cùng của con khỉ, chỉ một điều khó hiểu là từ trong chuồng của nó không thể trông thấy cột đồng hồ nơi cô gái đã thắt cổ. Nhiều người giải thích đấy là một hiện tượng bí ẩn của sinh học, một thứ đại loại như chuyện thần giao cách cảm.

BẢO NINH
(Trong nước)



HAI NHÀ VĂN "ĐỒNG TÁC GIẢ"
Tranh biếm họa vui của Vẹt

ĐỖ KH.



tình hoài hương (đột nhiên, đêm)

Trong sauna tôi không có điện
Pina Colada tôi không đá nhận
Máy hát CD tôi yếu pin
Lluis Llach ề à dăm ba vòng rồi tịt
"Vinyes Verdes Vora el Mar"

(Lát nữa tôi sẽ ra bật lại cầu chì
Vào sửa máy nghiền đá nơi tủ lạnh
...)

Nhưng giờ khụt khịt mùi gỗ tùng và khuynh diệp
Tôi bỗng thèm:
Ra đường cái nhìn xe con chạy
Ra bờ ao ngồi uống trà tàu
Nghe trẻ con hàng xóm kế bên lải nhải
"Sáng sớm đi cua đào
Lỗ đít chảy máu
Hey! Hey! Hey!
It's a beautiful day"

ĐỖ KH. (10-93)



KHẾ IÊM

nước loãng

Tát vỡ họng
Khói mốc

Đốt bỏ hết rơm rác để may ra

Cầm chắc
Sương lưng vong

Nước loãng
Cứ ngỡ không còn sống sót trở về giữa thời ôn dịch.

dường như

Đã nhắc nhở là đừng phỉ báng
Ngang trái

Mồ hôi
Nếm thấy vị mặn của hôn ám

Thôi đã
Muôn ngả

Dường như có cánh bèo trôi nơi bến nước ngoài, nhì nhằng.

ngàn chim

Quăng mẩu thuốc
Mắt rạ nâu
Du kích
Mong manh giữa im hơi và chiến tranh
Hồi sinh đắng
Xóa sạch
Tàng trữ hồ nghi về ngày không còn dấu vết người
Líu lo ngàn chim.

trong cõi

Cáu kỉnh
Dìu dịu lại
Phớt tỉnh như chưa bao giờ bị đắm tàu

Mắt rỗng

Hóa đá
Nổi dóa vì không thấy rạng đông
Trong cõi.
KHẾ IÊM



VÕ THỊ HẢO

vườn yêu



Tôi nhón chân trên đôi giày giấy thiếu nữ đi vào Vườn Yêu.

Tôi bận trên người cũng một thứ quần áo bằng giấy không sột soạt, lóng lánh và nhẹ bỗng. Né xê một chút vì sợ anh làm hỏng đôi giày và bộ quần áo. Anh nhìn dáng đi liệng chiệng của tôi và cười hiểu biết. Tôi cũng vui thích cười vang. Thú vị quá, vì mình đã có một bộ quần áo và đôi giày dễ hỏng khiến người khác phải kiêng dè.

Đêm ấy trăng quánh lắm. Đến nỗi vướng víu vì trăng. Dưới những gốc cây to, trăng từng sợi chảy qua vòm lá, kết nhiều đôi trai gái trong vòng tay nhau. Đôi khi tôi nhìn thấy một bộ quần áo giống mình. Càng vững dạ. Mỗi gốc cây đã đơm đầy một đôi. Phần lớn họ đứng ngồi theo những hình khối kỳ cục và im lặng. Tôi không thể hiểu nổi tại sao họ lại có thể im lặng như thế mà không chán khi ngồi bên nhau. "Họ giận nhau đấy anh à?". Anh lại lần nữa mỉm cười ra dáng hiểu biết. Trông anh thật từng trải.

Tôi nhón chân theo anh và chợt lắng được một tiếng thì thào từ đâu vẳng lại. Suýt soát một năm trước đây, mẹ tôi dặn: "Đến tuổi rồi đấy! Đôi khi đi trong vườn, nghe tiếng gọi thì thào chớ có đáp lại. Đáp là trí khôn bị lưỡi đấy lìa khỏi xác, bay theo tiếng gọi ấy. Đó là tiếng của những người con trai tự tử vì thất tình. Họ chết nhưng cứ khát yêu và luôn bay theo lũ con gái mới lớn".

Nghe lời mẹ, nhưng tôi không sợ. Tôi thích được thấy một người đã dám chết vì tình, bỗng một hôm nào đó đáp xuống vườn và thì thào: "Anh yêu em!". Đó là những lời tuyệt hay. Có gì đáng sợ nhỉ?"

Bà còn dặn: "Lành nhất là làm theo cách này: đánh hai hàm răng kêu lạch cạch vào nhau mười ba lần, súc miệng rồi nhổ toẹt nước bọt về hướng đông.

Ma tà quỷ quái mới chịu không xâm được". Tôi lăn ra cười một hồi dài. Mở mắt ra thì bà đã bực bõ bỏ đi từ lúc nào, chỉ còn tiếng lầu bầu vọng lại: "Con gái gì mà cười tít mắt thế? Giống dì họ mày quá! Con mắt có đuôi thế kia rồi khổ thôi..."

Đó là hành trang bà sắm sửa cho, khi tôi bước vào tuổi thiếu nữ.

Vườn nhà tôi đẹp và rộng lắm, dù không rộng bằng Vườn Yêu. Những ngọn núi giả được ôm ấp bằng dòng suối giả đã chứng cho bốn đời trong gia hệ tôi thay nhau cựa quậy, đứng dậy và tàn lụi. Trong gian nhà thờ chính luôn mờ tối, những bài vị và cờ tán võng lọng sơn son thếp vàng luôn hắt ra một thứ ánh sáng uy nghi dọa dẫm. Một hàng các cụ kỵ tôi ngồi ở trên, lẫm liệt trong những bức chân dung. Tôi chưa bao giờ dủ can đảm để vào trong đó một mình. Sợ những bức chân dung đó cựa quậy. Và câu đầu tiên các bậc tiền bối ấy nói với tôi, ắt hẳn là một lời quở trách. Ôi! Tôi là một con bé thích mạo hiểm. Tôi dám liều mạng mặc áo đỏ trong khi người ta chỉ mặc áo đen. Tôi đi giày gót cao trong khi người ta đang đi giày gót thấp. Thế mà sau nhiều đời trồi sụt, bây giờ họ tôi đã nổi tiếng là biết đi đứng vuông vắn và cấm ngặt hậu sinh về sự mạo hiểm.

Mẹ tôi sợ vườn nhà. Còn tôi, cố tình đi dạo một mình trong vườn và băn khoăn: có một linh hồn thì thào hỏi "anh yêu em", nếu tôi đáp lại "em yêu anh" thì linh hồn đó có được trở lại làm người không nhỉ? Không nghe tiếng thì thào, nhưng tôi thường lẩm nhẩm "em yêu anh". Biết đâu, vô tình nghe được lời thoảng như gió ấy của tôi, một người trai nào đó cũng sẽ được tái sinh.

Thế hệ mẹ và bà tôi quá nghiêm cung. Ngay cả việc thêu dệt những câu chuyện huyền hoặc cũng không dám thêu dệt đến cùng. Họ đã kịp học được cách tiết kiệm cả mơ ước để ngày ngày chu đáo lặng lẽ quét dọn những gian thờ. Sẽ chẳng bao giờ đáp lại những lời yêu vẩn vơ. Thế thì làm sao những ma yêu có thể trở lại làm người được? Trong khi những ma yêu cần lời đáp thoát ra từ ngực chứ không phải từ cuống họng. Có lẽ vì thế mà ngày xưa nhiều ma yêu hơn bây giờ chăng?

Lại nói, tôi nhón chân trong đôi giày giấy thiếu nữ đi vào Vườn Yêu, mải lắng tiếng thì thào, còn anh mải đi tìm một gốc cây còn trống. Tôi đang thích yêu. Yêu đương là một việc hay. Mặt khác, tôi còn dụng tâm thử xem khi người ta hôn nhau, hai chiếc chóp mũi có cộc vào nhau đau điếng hay không?

Mỏi chân trong Vườn Yêu, chúng tôi mới tìm ra được một gốc cây. Và anh nói: "Ngồi xuống này bé". Tôi ngồi xa xa, bắt đầu run vì hồi hộp. Trong khi tôi đang ngượng ngịu vuốt lại bộ quần áo bằng giấy, anh chợt kéo tôi vào lòng, đặt ngồi lên đùi và bắt đầu. Tôi run rẩy trong cái hôn đầu và gần như ngạt thở. Nhắm mắt một lúc lâu mới dám mở mắt nhìn qua vai anh. Trên cao kia là vầng trăng cười cợt và bầu trời tím dịu lớt phớt sao. Một đám mây trắng viền màu đồng đỏ đang cuộn tròn lại, rồi thoát tãi ta thành hình cánh buồm

rách trôi vụt ngang trời. "Sao lại buồm rách nhỉ? Buồm rách có tới bến được không?"

Đang mơ màng theo đám mây viền màu đồng đỏ, tôi bỗng giật thót người nhìn xuống. Bàn tay thành thạo của anh đã đặt lên ngực tôi tự lúc nào. Bộ ngực mà khi mới nhú, tôi đã vội che dấu kỹ lưỡng bằng những chiếc áo nịt dày đến mức khó thở và cố khom vai để khỏi lộ. Thế mà bây giờ...! Tôi chưa kịp tưởng tượng ra những hình ảnh như thế trong các cuộc yêu đương!

Tôi ngồi bật dậy. Giận dữ đẩy anh ra và nói: "Không ngờ anh lại khinh rẻ tôi... Mẹ ơi!". Anh ngạc nhiên: "Ô, sao em lại như thế? Chẳng lẽ em không hiểu gì hết về tình yêu?". "Tôi hiểu. Nhưng không giống anh. Anh đã hạ nhục..." Tôi khóc nức nở. Anh nói: "Yêu là thế đấy, cô bé ạ. Em thử nhìn ra chung quanh mà xem. Người ta im lặng, bởi vì người ta đang bận bịu cả đấy!".

Qua làn nước mắt, tôi nhìn ra chung quanh. Những đôi đứng ngồi theo các hình thù kỳ dị dần mờ tỏ. Và tôi buồn rầu khi thấy anh nói đúng.

Vườn Yêu là thế chăng?

Tôi không dám bỏ về. Ngồi thu mình như con nhím sẵn sàng xù lông. Đâu rồi những tiếng thì thào và ước vọng tái sinh cho một linh hồn đã chết vì tình của tôi? Mười phút trước đây nó vẫn còn. Hay vừa nãy nó đã bay theo cánh buồm rách?

Chuyện trò bỗng nhạt như nước ốc. "Anh yêu lần này đã là lần thứ ba rồi. Yêu là như thế đấy. Anh không muốn bị thất tình. Ý định là nghiêm túc: anh muốn cưới em làm vợ".

Tôi chưa yêu bao giờ nên không đủ lý lẽ để cãi với anh. Tôi cảm thấy như vừa bị mất cắp. Trong lòng trống rỗng.

Nhưng mắt tôi chợt sáng lên vì có một cô gái mặc bộ quần áo bằng giấy giống tôi đang vội vã bước ngược chiều. "Cô ta hẹn với người yêu. Cầu cho cô gặp may mắn". Lúc đó trăng rạng lên soi tỏ mặt. Và tôi thấy cô ta có một nước da trắng mịn như sương.

Tôi quay mình nhìn theo chân cô. Cô bước xuống lòng mương cạn mọc lún phún một lớp cỏ, cách chỗ tôi đứng chừng mươi bước. Ở đó đã có lố nhố đến bốn năm người đàn ông đang đứng ngồi ra vẻ sốt ruột trên tấm nhựa đi mưa trải rộng. Tôi trông rõ họ vồ lấy cô gái và nói: "Muộn quá! Cô em! Để các anh chờ mỏi cả mắt!"

Tôi hốt hoảng níu lấy anh, quên cả giận: "Kìa anh, cứu cô ấy với! Cô ta bị lừa đấy. Cứu mau!". Nhưng anh chỉ cười hiểu biết và đứng yên. Tôi cũng kịp buông tay ra, không la lối nữa khi thấy cô gái đang thong thả cởi quần áo. Bộ quần áo bằng giấy lấp lánh. Bộ quần áo ấy vừa rời khỏi người cô liền chảy nhũn và dúm lại thành một đống ướt sũng. Trong ánh trăng đặc quánh, thân hình trắng dịu như sương của cô gái từ từ thấp xuống tấm nhựa đi mưa.

Tôi khóc và bỏ chạy. Chạy khỏi Vườn Yêu, hộc tốc trở về nương náu trong vườn nhà. Tôi lặng lẽ quèo tay mở cổng. Đó là lần đi khuya đầu tiên trong đời tôi.

Tôi ngồi tựa lưng vào gốc cây duối cổ thụ trong vườn. Đây là gốc cây dại duy nhất không bị đốn. Bởi vì tán lá của nó quá nhiều vặn vẹo, trông hệt như một thân người gầy guộc đang quằn quại chống lại những cơn đau. Nhưng bên trái, có một cành mọc vói lên cao rồi xòe ra. Trên đám lá đó bỗng phủ rực rỡ một vầng dây tơ hồng vàng tha thướt. Tôi không cho người làm vườn đốn cây ấy. Vì tôi nghĩ rằng trong đau đớn, cái cánh tay kia vẫn vươn cao để với lấy vầng mây vàng rực kia. Tôi đã đặt cho cây duối ấy cái tên rất văn chương: *Khát vọng sống*. Tôi ngồi dưới gốc cây, duỗi thẳng chân tay trước khi cẩn thận gỡ đôi giày giấy và để ra một bên.

"Chỉ tại mình không biết cách tiết kiệm mơ ước nên mới ra nông nỗi này" - tôi nghĩ và duyệt lại trong óc cách tiết kiệm mơ ước của gia tộc tôi. Để chắc ăn, không ai thích sinh ra những đứa con ưa mạo hiểm. Tôi là một đứa lạc loài. Tuy nhiên, nghe đồn thầm đồn vụng rằng, dù các cụ cố hết sức vuông vắn, song đời nào cũng vẫn để lọt một vài đứa đầu nhọn như vậy.

Có tiếng bước chân. Tôi ngước lên. Một người đàn bà da trắng, răng đen nhánh và mắt sáng đang tiến đến. Cặp đùi thon nở nang được quấn chặt trong một lần váy thâm ướt. Dưới ánh trăng, tôi nhìn rõ màu thâm của váy hình như có pha sắc đỏ. Trông chị ta thật quyến rũ, mặt dù đang hết sức nhợt nhạt:

- Con không nhận ra ta sao? Ta là dì Bản của con đây mà. À phải, con không nhận ra ta, bởi vì ta chết trẻ. Ta chết vì băng huyết, trong một túp lều lá bố thí ngoài đồng - Mắt dì có đuôi - Con ạ. Ta đành phận. Nhưng ta muốn làm được một chút gì đó cho các con - Dì mỉm cười và giơ ra một ống tiêm to, cỡ kim tiêm lợn. Ống tiêm đựng đầy một thứ nước màu xanh cỏ úa - Ta muốn cho các con không biết đến nỗi đau khổ. Và nhất là, không bao giờ phải khổ vì tình. Muốn khỏi khổ, hãy tiêm vào người một liều máu lạnh này. Và sẽ không có kẻ nào làm cho các con đau khổ được.

Tôi nhìn ống tiêm, ngần ngại đo dắn màu xanh lạnh lẽo đang phát sáng lên trong ống. Nhìn ra chung quanh, thấy bốn chị gái tôi đang đi xa bỗng dưng cũng từ lúc nào về đây đông đủ cả.

Với một chút khôn lỏi, tôi giục chị Cả:

- Chị tiêm đi. Tiêm trước đi!

Chị Cả tôi buồn bã lắc đầu:

- Chị không còn tuổi để tiêm, em ạ. Chị đã kịp nếm trải đủ điều và đã kịp gặp một hậu duệ của Sở Khanh.

Tôi ngước nhìn chị Hai.

Chị Hai tôi cười. Mặt chị không một nếp nhăn nào, mặc dù năm nay chị đã ngoài bốn mươi tuổi. Chân tay chị vẫn quá mảnh mai và ngực lép như ngực một đứa trẻ:

- Chị tiêm rồi, em ạ. Hơi quá liều. Chị đã đợi chờ một người lính. Chờ mãi rồi người đó trở về. Nhưng anh ấy lấy một người khác. Người đó xin việc cho anh ấy và mua nhà cho ở. Chị đã tiêm một liều khá mạnh ngay sau đó. Hiệu nghiệm lắm em! Bây giờ chị không còn ước được làm vợ và làm mẹ nữa.

Tôi ngước nhìn chị Ba. Chị Ba tôi hỏi dì Bản:

- Đằng nào con cũng đã có chồng con. Chưa biết từ giờ về sau sẽ ra sao. Nhưng con đã sinh một cháu gái. Dì cho con để dành chỗ thuốc đó phòng về sau cho con gái con, được không?

Chỉ có chị Tư tôi vén tay áo chìa sẵn. Nhưng dì gạt đi:

- Cháu Tư không cần tiêm. Sự đau khổ không bén được gót. Vì khi có mang nó, mẹ của chúng mày đã tiêm một liều. Thuốc đến giờ vẫn còn tác dụng.

Và dì nhìn tôi, mời mọc:

- Nào, con Năm đâu? Cháu cưng của dì, ngoan nào. Chìa tay ra đây. Sẽ chấm dứt mọi phiền não. Dì Cơ trước kia không nghe ta nên mới lặp lại cái chết của ta như vậy...

Tôi ngoan ngoản chìa tay. Tôi cắn môi chịu đựng chút đau nhói khi kim xuyên vào da thịt. Rồi tiếp theo là cảm giác lạnh buốt. Tôi nhắm mắt chờ đợi.

Nhưng dì bỗng kêu ầm lên:

- Cái gì thế? Thuốc tràn ra khỏi ống. Máu con bé không chịu hòa huyết này. Vô phương cứu chữa!

Dì tôi khóc, rút kim ra rồi yểu điệu quay đi:

- Ta sẽ tìm chế cho con thuốc uống. Tuy nhiên, thuốc uống thì tác dụng không chắc chắn lắm. Con vẫn còn một chỗ để nhờ cậy. Đó là ta. Nhớ gọi ta khi cần.

Dì đi khuất. Các chị tôi cũng đi lúc nào, bỏ lại mình tôi ngồi trơ dưới gốc cây duối dại.

Tôi đứng dậy, buồn nản đi tìm một chiếc hộp. Hộp sơn son thếp vàng đẹp đẽ để đựng đôi giày giấy thiếu nữ. Tôi dấu vào một chỗ trong hốc cây duối.

Còn bộ quần áo thiếu nữ cũng bằng giấy của tôi, nó đã chảy nhủn và dúm lại thành một nắm dưới cái nhìn của một chàng trai khác trong lần yêu thứ hai. Tôi đã kết bè bằng tơ hồng và thả nó trôi trên sông.

Tôi đẩy bè, tôi hát:

... Ơ bè!... Ơ bè!...
Sao không dạy ta cách đừng mong đợi mùa thu...

VÕ THỊ HẢO
(Hà Nội, tháng 8.1993)



CHÂN PHƯƠNG

cogito blues

con đường của thịt
mái nhà của xương

khó đi   khó ở

từ góc phố đến góc biển

bốn mươi hai mùa hè
*   và mấy áng mây*

ergo sum
ergo say
*   này tờ giấy trắng*

trả xong món nợ tha ma
nếu còn phải đầu thai
ta sẽ làm máy chữ
để phá trinh mày
CHÂN PHƯƠNG



LÊ HỮU KHÓA

ngồi

đến đây cùng chết lặng
dưới mắt rũ của lũ chim tật nguyền
Đến đây dứt cùng nhau ngày cuối
mát lưng trên lớp bụi cũ
đã đuổi đi những chuyến du mục xa
Đến đây ngồi bên nhau rạng đông
cùng một lời: Thôi!

Những cơn mưa sao trời
cắm sâu vào bình nguyên dưới thấp
*   vắng tanh.*
LÊ HỮU KHÓA



NGUYỄN TÔN NHAN

về mỹ thuật kiến trúc chùa một cột



LTS: *Trước 1975, những ai yêu văn chương hẳn chẳng xa lạ gì với người thơ Nguyễn Tôn Nhan. Sau 1975, ông nghỉ sáng tác một thời gian dài, để rồi những năm gần đây, người đọc lại thấy ông xuất hiện với một bút hiệu khác dưới các bài biên khảo: Nguyễn Tiên Yên, và vài bút hiệu nữa, ở các dã sử tiểu thuyết (theo ông, những bút hiệu này chỉ nhằm mục đích kiếm cơm, nên "chẳng cần nhớ làm gì").*

Về chùa Một Cột, đã có nhiều bài viết, của nhiều tác giả, nhưng bài viết sau đây đã cho chúng ta một nét nhìn mới, khá táo bạo, thiết nghĩ không phải là vô ích, cho những ai quan tâm đến mọi công trình văn hóa, mỹ thuật của tiền nhân.

Hợp Lưu.

*

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép truyện năm Kỷ Sửu (1049) niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ đời thứ 6 Lý Thánh Tông: *"Mùa đông, tháng 10 dựng chùa Diên Hựu. Trước đây vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy vua đem việc ấy nói với bầy tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đìa (tức ao) làm tòa sen của Phật Quan Âm, đặt trên cột đá như đã thấy trong mộng..."* (bản dịch in của NXB Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1983, trang 278) và từ đó tất cả đều tin rằng chùa Một Cột (tức Diên Hựu) xây dựng theo hình cánh sen nở giữa hồ.

Quy mô kiến trúc của chùa Một Cột hiện nay là đã thu lại rất nhỏ hẹp so với thực tế ban đầu của chùa khi khởi công dưới triều Lý. Chúng ta biết rằng triều Lý Việt Nam (tương đương thế kỷ X - XI) Phật Giáo lúc ấy là Phật Giáo

Mật Tông do các vị cao tăng Thiên Trúc (hoặc do các nước lân cận Thiên Trúc) truyền sang mà tên tuổi còn để lại: Ma Hà Kỳ Vực (Mahajivaka), Khâu Đà La ((Ksudra), Chan Hỉ (Kalyanaruzi) v.v... đã đến Luy Lâu (vùng Hà Bắc ngày nay) từ những thế kỷ đầu tiên của công nguyên. Đó là những vị tăng nước ngoài đầu tiên đến Việt Nam truyền giáo. Họ đều có quyền năng "hàng long phục hổ" như *Thuyền Uyển Tập Anh* chép, đồng thời thuộc lòng các "đại bi thủ ấn", "tam muội ấn", "đà la ni ấn" v.v... là các ấn chú phổ biến trong Mật Tông Phật Giáo. Mới đây người ta còn phát hiện được ở Hoa Lư những cột đá khắc kinh Phật với những bài chú Đà La Ni dựng vào đầu thế kỷ X do Đinh Kiễn thực hiện với dòng chữ "Phật đỉnh tối thắng già cú linh nghiệm Đà La Ni" và cuối thế kỷ ấy chính Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn cũng có bài kệ:

Chi thiên thường văn Phạn ngữ thanh
Văn niệm Phật đỉnh Đà la ni
Tất đắc cụ túc trai giới...

Nghĩa là: Các thần thường nghe âm thanh tiếng Phạn và nghe trong niệm bài chú Đà la ni (thế thì) tất nhiên được đầy đủ trai giới...

Rõ ràng, Phật Giáo Việt Nam lúc ấy là Phật Giáo Mật Tông mà hình tượng hoa sen trong kiến trúc là hình tượng chỉ phổ biến khi Thiền Tông và Tịnh Độ Tông đã thịnh hành. Năm 1049 chắc rằng ảnh hưởng Mật Tông còn sâu đậm cộng với ảnh hưởng kiến trúc điêu khắc Chăm do các nghệ nhân người Chăm trong mấy cuộc chinh phạt Chăm vua Lê Đại Hành và các vua Lý đã bắt về Thăng Long.

Chúng tôi cho rằng chùa Diên Hựu lúc ấy không phải kiến trúc theo hình hoa sen mà chính là kiến trúc theo mô-típ dương vật (linga - yoni) của Chăm do ảnh hưởng Ấn Độ Giáo sau khi kinh đô Phật viện Đồng Dương (vùng Quảng Nam, Đà Nẵng ngày nay) bị Lê Đại Hành san phẳng. Vua đặt tên cho chùa là "Diên Hựu" cũng không phải là vô tình, vì Diên Hựu có nghĩa là "rộng rãi dài lâu" ám chỉ sự sinh sản phồn thực vốn là tín ngưỡng lâu dài của nhân loại thời cổ sơ. Mà tượng trưng cho "sinh sản phồ thực" có gì cụ thể sinh động bằng sự kết hợp giữa linga và yoni mà sau này chúng ta còn thấy nhiều ở điêu khắc Chăm cũng một thời từng ảnh hưởng Phật Giáo Mật Tông trước khi theo hẳn Ấn Độ Giáo và Hồi Giáo. Trên mái chùa ngày nay còn điêu khắc hình chim thần Ấn Độ Giáo (như phần lớn các đền chùa Chăm) mà chữ Hán phiên âm là *xi vẫn* (có lẽ phiên âm tên chim thần Garuda) như bài thơ tả chùa Diên Hựu của sư Huyền Quang vào thế kỷ XIII:

Thượng phương thu dạ nhất chung lam
Nguyệt sắc như ba phong thọ đan
Xi vẫn đảo miên phương kính lãnh
Tháp quang song trĩ ngọc tiêm hàn
Vạn duyên bất nhiễu thành giả tục
Bán điểm vô ưu nhãn phóng khoan

Tham thấu thị phi bình đẳng tướng
Ma Cung Phật quốc hảo sinh quan

(Đêm thu chuông đổ tiếng như khàn
Trăng rạng cây phong sóng dậy lan
Chim thần in ngược gương nước rét
Bóng tháp song song ngón ngọc hàn
Vạn duyên không vướng lìa xa tục
Một mảy không lo rộng nhãn quang
Thấu lẽ thị phi là một cả
Thì Ma với Phật có chi bàn
(Nguyễn Tôn Nhan *dịch)*

Đọc bài thơ tả cảnh chùa Diên Hựu vào thế kỷ XIII ở trên ta thấy hiện nay hình chim "xi vẫn" đã bị đắp thay vào hình rồng và "tháp quang song trĩ" (2 ngọn tháp đứng song song) đã bị tàn phá từ bao đời rồi.

Triều Lý đã nhiều lần chinh phạt Chiêm Thành và có bắt về Thăng Long nhiều vũ nữ, thợ thủ công, nhà sư v.v..., trong ấy có lẽ có không ít thợ xây dựng giỏi đã góp công kiến trúc một loạt các chùa chiền vào thịnh thời Phật Giáo ở Thăng Long lúc ấy, trong đó có chùa Diên Hựu. Chạm khắc hình tượng âm dương vật không phải chỉ có chùa Một Cột. Vì kiến trúc mỹ thuật thời Lý - Trần đến nay bị tàn phá hầu hết nhưng ta vẫn còn thấy một viên gạch đời Trần còn sót lại rõ ràng các người thợ lúc ấy đã chạm hình ảnh sinh thực khí nữ chứ không phải "hình hoa chanh" như các nhà nghiên cứu lâu nay vẫn gọi tên (xem ảnh chụp trong *"Mỹ Thuật Thời Trần"* của nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội, 1977). Vả lại, như đã nói, quy mô chùa Một Cột ngày nay bị thu hẹp và sửa đổi nhiều rồi, ta còn nhớ câu chuyện về "An Nam tứ đại khí" là: 1) Chuông Quy Điền, 2) Tháp Báo Thiên, 3) Tượng chùa Quỳnh Lâm và 4) Đỉnh đồng Phổ Minh, mà "đại khí" đầu tiên: Chuông Quy Điền, chính là chuông chùa Một Cột, chỉ nội tên dương gian "Một Cột" cũng có ý nghĩa khái quát đặc điểm của chùa. Vì lúc ấy chùa nổi bật với cột cao tới 20m. Chuông Quy Điền đúc năm 1080 do thái hậu Ỷ Lan, và ao Linh Chiểu rộng lớn, vì sử cho biết để treo chuông người ta phải dựng một phương đình cao tới 8 trượng bằng đá xanh (1 trượng cao khoảng 4m). Như vậy bản thân của chùa không thể nào lại nhỏ thấp hơn phương đình đặt chuông được.

Tiếc rằng qui mô và kiến trúc mỹ thuật của chùa Diên Hựu đã bị thay đổi hoàn toàn (nặng nề nhất là lần cuối cùng 1954 khi thực dân Pháp rút khỏi Hà Nội đã cho đặt mìn phá sập chùa, khiến chúng ta không còn chiêm ngưỡng được "chân diện mục" và nghệ thuật thẩm mỹ của cổ nhân.

NGUYỄN TÔN NHAN
(Trong nước)



NGUYỄN TÔN NHAN

tiếng dội

Xõa tràn tóc ngả trên vai
Ráng chiều thu ngả bóng dài hiển linh
Ôi chao trời đất nghi tình
Mười phương dội lại trung đình tiếng kêu.

thở hít

Có không tự buổi sơ đầu
Thiên lao dồn dập cơ mầu huyền hư
Bên lưng hạo khí một hồ
Thở ra sương khói hít vô mây ngàn

tiếng rống

Rống lên một tiếng tan dò
Vầng trăng tráng trứng nằm co góc trời
Càn khôn hơi ấm nhạt rồi
Đốt thêm lửa cháy cõi đời bay tro.

thảnh thơi

Hạo nhiên đầy một bầu deo
Sớm đi vô núi đợi chiều trở ra
Tịch không hạt bụi sa bà
Rủ ngàn lau kịp về nhà ngủ thôi.

thiên lượng

Thở ra luyết dội về nguồn
Hít vô lửa táp nỗi buồn xa khơi
Trăm năm thân thế trên đời
Chẳng qua nhờ chút lượng trời bao dong.
NGUYỄN TÔN NHAN

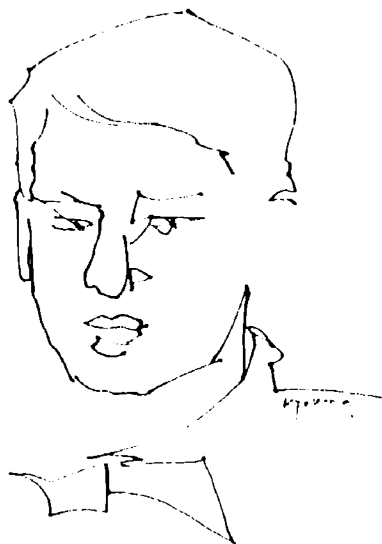


THỤY KHUÊ

trường hợp trần vũ

"Cần phải nhắc lại với người viết truyện là: không phải tác giả viết nên tác phẩm mà tác phẩm tự xác định qua người viết, và cho dù sáng suốt đến đâu người viết cũng trải qua một kinh nghiệm vượt quá sức mình"

Maurice Blanchot



Một câu hỏi thường hay đến với người đọc: Truyện, viết như thế nào? Nguyễn Công Hoan đáp: *"Tiểu thuyết là một truyện bịa y như thật. Nhà tiểu thuyết là người biết bịa truyện".* Làm thế nào để bịa y như thật? Nguyễn Công Hoan cho thêm bí quyết: muốn bịa y như thật thì phải bịa bằng sự thật, nghĩa là, viết gì thì viết nhưng tất yếu phải dựa trên kinh nghiệm sống thực, kinh nghiệm đã trải qua. Dường như không chỉ một Nguyễn Công Hoan nghĩ như thế, mà hầu như nhà văn nào cũng dựng truyện xoay quanh chân lý đó.

Trần Vũ là một trường hợp: Bịa không giống thực và phải nói ngay: anh thành công trong cái "sự bịa" - còn gọi là hư cấu - ấy.

Trần Vũ sinh ngày 2/10/1962 tại Sài Gòn. Vượt biển sang Pháp từ năm 1979, hiện sống tại Paris. Tác giả hai tập truyện ngắn: *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* do Thời Văn xuất bản năm 1990 và *Cái Chết Sau Quá Khứ* do Hồng Lĩnh xuất bản năm 1992, cũng tại California, Hoa Kỳ.

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu mới là bước đầu chập chững tìm kiếm. *Cái*

Chết Sau Quá Khứ, bước thứ nhì, xác định một phong cách, một giá trị. *Cái Chết Sau Quá Khứ* gồm chín truyện ngắn với những thể dạng khác nhau. *Mùa Mưa Gai Sắc*, viết về Nguyễn Huệ và Ngọc Hân. *Gia Phả*: Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị và Trần Thủ Độ. Cả hai thuộc loại giả sử. Giả sử chứ không phải dã sử. *Cánh Đồng Mùa Gặt Khó*, hồi ức, tâm ký. *Những Bông Cẩm Chướng Dại*: những cuộc đời giang hồ. *Pháo Thuyền Trên Dòng Yang-Tsé*: loạn luân. *Benhur và Messela*: vấn đề hồi hương và hội nhập xứ sở. *Buổi Sáng Sinh Phần*: người nói chuyện với ma - đối thoại câm giữa hai miền Nam-Bắc. *Phố Cổ Hội An* và *Cái Chết Sau Quá Khứ*: ám ảnh dục tình, tội ác, ảo giác, quá khứ đè lên hiện tại.

Trong toàn tập chỉ có *Cánh Đồng Mùa Gặt Khó* dựa trên thực tại, phần còn lại thuộc phạm vi hư cấu. *Cánh Đồng Mùa Gặt Khó* là một tâm ký rất hay, cái hay cổ điển, hay với phần đông mọi người. Các truyện khác, còn tùy quan niệm đạo đức, chưa chắc đã hay, nhưng mạo hiểm và *có chất sáng tạo.*

Trần Vũ dùng kỹ thuật làm sở trường, gạt bỏ phần cảm tính, bút pháp khô, lạnh, plastique và ác. Nhịp văn nhanh và lôi cuốn.

Trực tiếp đi vào tác phẩm, chúng ta có thể đọc một vài trích đoạn. Về Ngọc Hân công chúa, Trần Vũ viết:

Những ngón tay tỉ mỉ kẻ viền mắt, đánh thật sắc khóe mắt vốn đã sắc lịm bén như nước lam, nhìn ai thường hớp hồn người đó [...] Ngọc Hân sai thị tỳ cùng nô tài khiêng kiệu đưa nàng ra cửa Tuyên Vũ xem bêu xác Trịnh Khải [...] đầu mắc một nơi, xác phanh một góc [...] từ cặp mắt trợn ngược, nốt ruồi dứ mà lúc sinh tiền Khải thường hay vân vê, đến lỗ dao sâu hoắm ở cổ họng và những sợi gân còn vướng mắc dong dưa lòng thòng bên dưới. Ngọc Hân cảm thấy hả dạ, cúi xuống lần lần khăn san cầm ở tay ra vẻ xúc động nhưng kỳ thực là để che nụ cười thỏa mãn, cực sung sướng. Lần đầu tiên nàng khám phá ra hiệu quả của những xác chết có thể giãi bày mọi uất ức trong người mình" (trang 13-17)

và đây là chân dung Nguyễn Huệ:

Huệ chỉ nghĩ tới việc giết người để lấy phần của người chết [...] Vai to bè hơn vai tê giác, mặt vuông ván gỗ. Huệ cất tiếng nói. Giọng ồ ề vỡ ra như tiếng thác đổ vào giữa khuya [...] Khạc nhổ, lầm bầm chửi rủa, dóng mạnh nướng, rồi trở ra bàn gục mặt vào thau rượu. Huệ uống tới lúc ngủ quên trong thau" (trang 11-26)

Cảnh chào đời của Linh Từ Quốc mẫu Trần Thị, vợ Trần Thủ Độ:

"Cuống rốn nắm trong tay mụ đỡ hiểu được số mệnh, vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân, cuống rún như con rắn nước liều lĩnh kháng cự trước lúc bị chặt đầu. Miểng chai xắn xuống, cứa mãi, cứa mãi, thịt rách, gân đứt, máu phụt, vợ Trần Lý căng, đạp, thét la oằn oại gào trong mất mát [...] Máu tiếp tục phun. Nước mắt tôi chảy cho Trần Thị: Vào đời giữa máu mê hung bạo. (trang 118)

Cái Chết Sau Quá Khứ không chỉ chứa chất những trang bạo lực máu me, mà còn có những đoạn ngoạn mục như tiếng nước chảy:

"Tiếng nước rỏ xuống sâu, nghe vắng âm hắt dội giữa trưa vắng tịch mịch, chợt vang vang thành bước chân của những tên khổng lồ đuổi bắt thời gian" (trang 119).

Quái gở như cảnh Trần Thủ Độ phi ngựa:

"Chiều đó, bầu trời bẩn lắm [...] Độ thúc ngựa như điên như dại. Nắng ruổi theo sau, hớt hãi [...] Lúc vó ngựa của Độ rầm rập dẫm vào trong sân thì mặt trời đã trở nên cực hung hãn, mặt trời như có đúc vàng đặc cứng chặt căng trên da mặt Độ phừng phừng lửa giận" (trang 123).

Trong sáng như đôi mắt của u già:

"Đôi mắt u buồn lắm. Đôi mắt u nhìn kỹ trong veo như đáy sông Thao" (trang 132).

Chúng ta có thể nhân lên những ví dụ tương tự. Những trích đoạn trên đây lạ lùng và không phản ánh hiện thực. Kể cả hình ảnh sống động như *"cuống rốn vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân"* đến thơ mộng như *"mắt u già trong veo như đáy sông Thao"* đều không dựa trên một thực tại bình thường. Nếu nói là bịa thì đúng là bịa: Ngọc Hân công chúa làm gì biết vẽ mắt? Ai biết diện mạo tính tình Nguyễn Huệ? Nước sông Thao làm sao mà trong được?

- *Sông Thao nước đục người đen* (ca dao)

- *Sông Thao nước đỏ như son*
Người đi có nhớ nước non quê mình (ca dao)

Ai không biết sông Thao thì hỏi sách, sách mách: *"Sông Thao, dòng trên Nhị Hà, chở nặng phù sa nên màu nước đục, đỏ như màu son"* (Địa Chí Vĩnh Phú).

Vậy thì có bịa. Biết rằng bịa nhưng những câu văn kia vẫn lôi cuốn chúng ta bởi lối viết chặt chẽ, cực đoan, có nghệ thuật, có chất thơ nhờ những ẩn dụ hung dữ phóng ra bất ngờ *"thổi hồn"* - chữ của Hoàng Ngọc Hiến - vào cái cuống rốn, mặt trời, tia nắng, giọt nước... bắt chúng đầu thai làm người với một tâm hồn mãnh liệt, một sức sống cuồng nhiệt thiết tha. Cái mãnh liệt, cái cuồng nhiệt đó, có thực.

Trần Vũ dùng chân dung giả tưởng của Ngọc Hân, Nguyễn Huệ để diễn tả một hiện thực không giả: sự bạo tàn trong chiến tranh, trong các nhân vật lịch sử, trong thiên nhiên, vạn vật và con người.

Trần Vũ là hợp kim của một thế giới giả tưởng. Văn chương Trần Vũ có bóng ma của Marquez váng vất nhưng anh tạo ra kỹ thuật hổn hợp của riêng anh với sách hình, phim chưởng, khoa học giả tưởng, hoạt họa và máy vi điện toán... tất cả những sản phẩm để sáng chế ra cái gọi là tout est possible - gì cũng làm được - kể cả việc *chết sau quá khứ*, nhị hóa nhân cách (dédoublement du personnage). Nhưng "cái bịa" của Trần Vũ không phải là thứ *bịa đặt* tầm thường mà là bịa có tâm hồn, có ý thức sáng tạo và nghệ

thuật, ngoài tác dụng ảo hóa và thi hóa văn phong, còn làm tăng nồng độ ma quái của lòng người.

*

Tại sao lại có hiện tượng giả tưởng đó? Do nhiều nguyên nhân:

- Trần Vũ rời xa đất nước lúc 17 tuổi. Ngôn ngữ của anh là tiếng Việt, nhưng cái tiếng mẹ đẻ ấy, Trần Vũ không được sử dụng cho dã. Trong công việc hàng ngày, 80% dùng tiếng Pháp, tiếng việt chiếm 20% thời gian còn lại với người thân, còn thì chỉ dùng trong giấc ngủ, trong độc thoại với chính mình. Vậy ngôn ngữ của Trần Vũ đã là thứ tiếng giả tưởng, thứ tiếng tưởng mình nói, nhưng thật ra mình chỉ tưởng tượng đang nói.

- Trần Vũ kể: "không viết được những gì đang sống vì đi làm với Tây, có gì mà viết!". Vậy là không hội nhập. Không hội nhập đồng nghĩa với từ chối thực tại - thực tại của con người - để cấu tạo một thực tại khác của riêng mình.

- Tuổi trẻ của Trần Vũ nhìn những diễn biến trên đất nước trong hai, ba thập niên vừa qua khác với những người làm nên giai doạn lịch sử dó, ở cả dôi bờ. Những giá trị mà thế hệ già dùng sinh mạng để mua hay chuộc dối với thế hệ trẻ có vẻ vô nghĩa, giả trá, đáng ngờ. Do đó, từ chối lịch sử, từ chối dạo đức rút ra từ lịch sử, để viết nên giả sử, bộ mặt trái của sử thật và sự thật.

*

Nếu hư cấu là khía cạnh thứ nhất trong văn chương Trần Vũ, thì bạo lực và dục tính là bộ mặt thứ nhì trong tác phẩm Trần Vũ.

Bạo lực và dục tính kết hợp với nhau trong thế liên hoàn: Sade là một trường hợp mà Blanchot cho là thành quả của niềm cô đơn tuyệt đối. Thống kê Kinsey cung cấp những con số: trong giới anh chị (la pègre, underworld): 49,4% cần thỏa mãn thể xác cao độ (haute fréquence), tỷ lệ giảm hẳn đối với môi trường lao động bình thường. Giới trí thức, mộ đạo còn thoái trào hơn nữa.

Phân tích sâu hơn tương quan giữa dục tính, bạo lực, thế quyền, sức lao động, sự sống và sự chết, Georges Bataille dùng hai luận điểm:

Điểm thứ nhất: Quyền lực xây dựng trên sức lao động của con người, tức là xây dựng trên cái chết chậm (mort leute). Làm việc là dem sinh lực của mình để đổi lấy đồng tiền, nói khác di, đồng lương mỗi tháng chúng ta lĩnh được chẳng qua chỉ là giá trị sinh lực để tiến dần đến sự chết. Lao động đối lập hai khái niệm chết dần (mort leute) và chết ngay (mort violeute). Từ xã hội du mục đến bây giờ, dưới hình thức này hay hình thức khác, các thế quyền luôn luôn dùng bạo lực cưỡng bách con người lao động để sinh sống: tức là ngăn chặn sự *chết ngay* bằng sự *chết chậm*. Vậy bạo lực và sự chết nằm trong sự sống.

Điểm thứ nhì: Dục tính được phân biệt dưới hai khía cạnh: khía cạnh tận hưởng khoái lạc và khía cạnh sinh sản. Khía cạnh sinh sản lại diễn biến trên hai đẳng độ: Sự kết hợp giữa trứng và tinh trùng tạo nên một sinh thể mới, đồng thời kéo theo sự hủy diệt hằng hà sa số tinh trùng khác.

Vậy phần đất của dục tính cũng là địa hạt giao tranh mất còn giữa các tinh trùng, là lãnh vực của bạo lực (violence) và xâm lấn (violation). các *anh hùng* chẳng qua chỉ là một thứ tinh trùng thành công trong việc tiêu diệt các tinh trùng khác để chiếm hữu đối tượng trứng và đã chiến thắng.

Chúng ta sinh ra là những thực thể cá biệt, chia cắt nhau, gián đoạn nhau, và chết đi trong cô đơn, không chia sẻ. Động tác dục tính - cơ nguyên của sinh sản - giết chết cô đơn, gián đoạn, cho chúng ta cảm giác liên tục qua sự hợp kết hai thể xác hai linh hồn, gắn bó hai tế bào (tinh trùng và trứng) - tự hủy - để tác thành một sinh vật mới. Con người vào đời trong bối cảnh *máu mê hung bạo*": sinh con người mẹ phải đớn đau, xuất huyết, đôi khi phải bước qua cửa tử. Vì sự chết, từ sự chết mà thoát thai sự sống. Nhưng khát vọng giết người làm đảo lộn tất cả các hình thái xã hội dựa trên lao động và lẽ phải. Từ đó nẩy sinh những cấm kỵ (interdit) và đồng thời những vi phạm cấm kỵ (transgression): chiến tranh, săn bắn, loạn luân, cuồng ẩm (orgie), tế thần... đều thuộc vào lãnh địa vi phạm cấm điều.

Chúa dạy "*đừng giết người*" (tu ne tueras point). Phật dạy "*từ bi hỉ xả*" nhưng xưa nay những chiến tranh tôn giáo là những chiến tranh tàn bạo nhất. Nguyên tắc "tử vì đạo" giải thích những cái chết rùng rợn nhất: Tự thiêu bên cạnh những "Phật tử" bình tâm tụng kinh chứng kiến, trợ giúp, quay phim và chụp ảnh ở những nước "có văn hóa" thật ra chỉ là hình thức biến dạng của sát sinh tế thần nơi những bộ lạc dã man "vô văn hóa".

*

Viết lại những vi phạm cấm điều của con người và là một trường hợp phức loạn tri năng (narchiste), Trần Vũ chống lại mọi tính cách bài bản của đạo đức xã hội. Trần Vũ bày ra những hình ảnh, ẩn dụ, chữ nghĩa "giết người": "*Mắt chị không nhìn ai mà cũng như lấy dao lia tứ phía*" (trang 63).

"*Yêu nước không vụ lợi, bán mình cho tổ quốc không lấy tiền*" (trang 61)

"*Lửa té tát lên mặt, lửa đỏ kè hai con mắt lão, lửa phà cả vào mồm vào miệng lão, bắt lấy hơi rượu cay lão đương tợp lấy tợp để, tu uống ừng ực như con vắt thèm máu*" (trang 195).

"*Đợi cho tất cả dã man ngấm hết vào mình Loan*" (trang 181).

"*Thịt da lão đã mọc trở lại. Thịt mọc trên xương, mỡ bao lấy thịt, da bao lấy mỡ*" (trang 211).

"*Giọng cười khé khất hăng hắc như nước sôi quá độ, tiếng cười luộc bỏng tim tôi*" (trang 203).

Những hình ảnh trên đây làm sững sốt quần chúng bình thường, được viết

bằng ngòi bút lạnh lùng ráo hoảnh, tán tận lương tâm, bất bình thường. Có gì cắt, khứa, khiêu, khích, châm, chích, gai, sắc, hoắt, nhọn trong bút pháp ấy: bạo lực không chỉ đến qua những xen bạo tàn mô tả, qua lối sấp ngửa trinh thám, qua bố cục dồn dập xen kẽ dục tình và tội ác. Chặt chẽ những bất ngờ cực kỳ thác loạn. Mà còn ngấm trong chữ nghĩa, thấm vào chúng ta như độc dược uống nhầm khiến "*tất cả dã man ngấm hết vào mình*". Khảo sát ngôn ngữ nhà văn, người đọc có thể cho rằng Trần Vũ bị bạo lực ám ảnh, nhưng không ngờ rằng chính cái văn phong bạt mạng, ma quái ấy "*hớp hồn*" chúng ta - phản ứng giao thoa - độc và đẹp, hai chiều.

Bản chất hiền lành, nhút nhát, không làm nát một con ruồi, Trần Vũ chống trả những độc ác của cuộc đời bằng những fantasme, tựa như sade, chống lại sự cô đơn tuyệt đối trong ngục tù, oan ức trọn đời bằng ý niệm bạo dâm, hoang tưởng, triệt hạ tất cả đối tượng không phải là mình, ngoài mình.

*

Nhiều người cho rằng Trần Vũ bắt chước Nguyễn Huy Thiệp. Không đúng. Trần Vũ và Nguyễn Huy Thiệp không có gì giống nhau, ngoại trừ việc dùng lịch sử làm tay sai cho những điều mình muốn nói. Ngoài sự khác nhau về tài năng, bản sắc, chỉ riêng việc dùng lịch sử họ cũng đã khác nhau. Nguyễn Huy Thiệp đánh đổ thần tượng quá khứ (kỳ thực ám chỉ bù nhìn hiện tại), dùng chổi quá khứ để quét hiện tại và dọn tương lai. Nguyễn Huy Thiệp dùng lịch sử với chủ đích nhân bản, cải tiến xã hội. Nguyễn Huy THiệp tin vào con người.

Trần Vũ không có chủ đích đó và không tin vào con người. Anh dùng lịch sử vì bản năng dập phá của mình, muốn tiêu diệt những ảo tưởng tốt đẹp về con người: ảo tưởng về nhân vật lịch sử, ảo tưởng về một thứ phụ nữ nết na, hiền hậu, đẹp và sang, phục vụ tổ quốc như Ngọc Hân công chúa... Làm gì có thể? Đằng sau bộ mặt đẹp, hẳn phải có một "thú tính" nào đó - hoặc danh ác, chua ngoa, hoặc lừa lọc, dâm đãng - nếu không xuất đầu lộ diện trong cách xử sự, thì cũng sống ngầm trong tiềm thức, trong vô thức. Cái vô thức ấy, Trần Vũ đẩy cho nó lộ ra và cái bản mặt của Ngọc Hân, của Nguyễn Huệ mà Trần Vũ mô tả là cái ác, bị dồn ép, cấm kỵ, nhưng vẫn nằm trong vô thức của con người.

Khi các nhà văn chủ trương: viết phải dựa trên sự thực, thì sự thực này là vòng ngoài của tâm giới, vùng mà Freud định danh là ý thức, tức là ý thức xã hội. Ý thức xã hội phân biệt con người với con vật. Những thèm muốn, khát vọng bên trong, thuộc địa phận bản năng - còn gọi là thú tính - bị ý thức xã hội đẩy lui, vào ngủ trong tiềm thức, rồi lùa vào quên lãng trong vô thức. Thực ra nó vẫn sống, có một đời sống ngầm, ít khi được nói ra. Trần Vũ mô tả bộ mặt ngầm ấy để làm gì? Anh viết để dập phá cái phi nghĩa của chính nghĩa, của đạo đức, của tôn giáo... do con người đặt ra để che dấu phần tội

ác ngầm của chính mình. Nhưng lá bài của Trần Vũ cũng là một con dao hai lưỡi: phơi ra bộ mặt bạo tàn có thể khơi lên động lực thúc đẩy bạo tàn, đối với một số quần chúng chưa đủ trang bị tinh thần, chưa nhuần nội lực.

Ngoài ra, việc sử dụng lịch sử trong văn học là chuyện rất bình thường. Có nhiều thái độ sử dụng lịch sử: có thể dùng lịch sử để viết tiểu thuyết ly kỳ, có thể dùng lịch sử để tuyên truyền cho một chính nghĩa nào đó, có thể dùng lịch sử để rút tỉa bài học quá khứ cho hiện tại, và còn có thể dùng lịch sử để dập phá ảo tưởng của thực tại như trường hợp Trần Vũ. Dùng cách nào chăng nữa, khi người viết đạt được trình độ nghệ thuật chín chắn, thì người viết thành công.

Chuyện bôi nhọ lịch sử là một cách nói dễ dàng, vội vàng. Bởi lịch sử của một dân tộc, ở đâu, và trong thời điểm nào - không cần bôi - cũng đã nhọ nhem, phản trắc và đầy tội ác. Hamlet, Le Cid... những bi kịch anh hùng ca lớn của nhân loại chỉ phản ánh sự bạo tàn của con người trong tình cha con huyết thống trong oán thù truyền kiếp: giết nhau nhân danh tình yêu, danh dự, tổ quốc... Lịch sử nước ta: nhà Trần lấy việc loạn luân làm quốc sách, tôn thất nhà Nguyễn dùng cách giết vua làm thượng sách. Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh cha đẻ những chiến công oanh liệt và tác giả kỳ công thống nhất đất nước còn là thủ phạm những cực hình phanh thây xé xác (Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm...), xử giảo, voi dày (Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân...), đấy là những cái chết có danh, "có tội". Ngoài ra, họ còn là tác giả của bao nhiêu cái chết vô danh, vô tội?

Diện mạo anh hùng mà lịch sử phơi bày tiếc rằng chỉ mới có một nửa: phơi ra áo gấm trạng nguyên rực rỡ huy hoàng và cất đi bộ mặt sát nhân tàn ác. Lịch sử còn quên nhìn kỹ hậu trường, đến bản chất của chiến tranh: một dịch vụ giết người có tổ chức, được chính thức công nhận, tổ quốc ghi ơn. Điều đó đúng cho cả người chinh phục - tức kẻ ngoại xâm - lẫn người chống chinh phục - là những vị anh hùng dân tộc.

Ai viết nên bộ mặt tàn bạo ấy, tức là đã đi xa hơn lịch sử, để xâm nhập vào lãnh vực con người.

THỤY KHUÊ
18.10.1993



TRẦN ĐẠO

cái chết sau quá khứ một nỗi ám ảnh của hôm nay



Văn Trần Vũ có một đặc điểm hiếm: ám ảnh. Lâu sau khi đọc truyện ngắn của Trần Vũ, tình cờ nhớ tới, ta đã quên nội dung, tình tiết của những câu truyện. Thế mà không quên cảm giác gờn gợn, canh cánh trong lòng! Cái gì, trong văn Trần Vũ, khắc vào ta ấn tượng ấy? Chính ta! Ngôn ngữ biến thành văn trong khoảng khắc này : nó khiến ta nhận mặt ta, một bộ mặt chưa thật rõ nét, nhưng đích thực là ta. Sự nhận diện đó, dù chớp nhoáng, khó quên.

Có người nghĩ truyện ngắn của Trần Vũ xúc động ta vì chúng manh động, tàn bạo, dâm dãng. *Actions, violence et sexe!* Nội dung tàn bạo, dâm dục, hình ảnh tàn bạo, dâm dục, câu chữ tàn bạo, dâm dục. Nhịp văn đặc biệt tàn bạo, dâm dãng, có lúc miên man. Đúng. Không cơ bản. Những xảo thuật nho nhỏ kiểu best-seller ấy chỉ đủ để khoái phút chốc, rùng mình trước một thế giới cuồng loạn *ngoài da*, những thèm khát *lặt vặt*, phổ biến trong sinh hoạt "nghệ thuật" hàng ngày ở Tây Âu. Tiêu thụ, rồi quên. Ta đã quên biết bao thriller và sex đủ kiểu ta đã xem, đã đọc, trên màn ảnh, sân khấu, trong sách báo? Đó là những thủ thuật không thể lạm dụng trong văn chương. Chúng thích hợp với điện ảnh, chúng đòi hỏi khán giả thụ động. Văn chương, trái lại, cần sự chủ động của độc giả: nó chỉ hình thành, "tồn tại" trong quá trình đọc. Độc giả sơ ý một khắc, những hành vi tàn bạo, dâm dãng, tức khắc tan hoang. Ta có thể ngồi ì vài giờ trước một màn ảnh đầm đìa máu lửa, miễn sao ta đừng *nhìn* để khỏi bật cười! Ta không thể dâm chém loạn, gieo bão, giật chớp mười

phút liền trong óc ta. Sức người có hạn, nhất là sức tưởng tượng kiểu ấy! Đoạn văn tả Toàn đuổi theo chị để hiếp y hệt một cuộc đuổi bắt trong phim hành động đương đại (1). Nó kéo dài... năm dòng. Dù sao, cốt truyện, hình ảnh, câu chữ tàn bạo, dâm dục, có thể như ta dôi giờ, không thể để lại trong ta một ấn tượng lâu bền. Đâu phải cứ bắt chước Sade là viết được thành văn! Nếu chỉ có vậy, sẽ thiếu một cái *giọng*! Cái gì làm ta nhớ *giọng* văn của Trần Vũ? "Cái" chết sau quá khứ, "cái" sống hôm nay.

Chết, ta vĩnh viễn lăn vào quá khứ, biến thành sự thực không thể sửa đổi được nữa. Người ấy sinh năm ... đã làm ... đã nói ..., và đã chết ngày ... tháng ... năm ... Cái chết ấy, đối với người Việt, trong văn hoá cổ truyền, không khủng khiếp. Tổ tiên ta sợ sống nhục, không sợ chết vinh. Nhưng người ta có thể sống vinh mà chết nhục. Chết, ta biến thành nỗi đau, công cụ, trò đùa của người sống: *"Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, chúng ta phải..."* Ngả xuống, Bác hết khả năng dậy bảo, chỉ còn chức năng làm bia đỡ đạn cho người đời. Chính vì thế, hôm nay, Hồ Chí Minh vẫn đỡ đạn cho thiên hạ! Chết, ta mất khả năng *làm* người, khả năng hành động, tác động vào cuộc đời, tái tạo và sáng tạo chính ta, ta mất tự do, mất mặt người. Đó là ý nghĩa câu văn nổi tiếng của Malraux: *La mort transforme la vie en destin (Chết, đời ta biến thành định mệnh)*. Chết khủng khiếp ở chỗ phải trao trọn mình cho đời. Đó là một nội dung độc đáo của vở kịch Huis-clos, với câu văn bất hủ: *"L'enfer, c'est les autres" (Địa ngục, chính là tha nhân)*. Người khác thú ở chỗ này: không thể chết hoàn toàn, không thể Niết Bàn, phải "đầu thai" mãi mãi qua tâm hồn người khác. Niết Bàn! Giấc mơ tan hoà vào vũ trụ! Cuộc tự thiêu không bao giờ trọn vẹn! cứ vương vấn chút tro tàn. Vũ trụ *có* lịch sử, không 'có' kỷ niệm. Con người có kỷ niệm nhưng lại không có sự thật. Vì nó tự do, nó phải tái tạo kỷ niệm, phải sáng tạo thời gian, phải lấy hiện tại nuôi quá khứ, vẽ tương lai. Cái chết hôm qua biến thành cuộc sống hôm nay, cuộc sống hôm nay trở thành quá khứ của mai sau, *trong từng cuộc đời, qua từng thế hệ*. Nhân loại còn, ta chưa thể chết *dứt* được!

Đó là cái chết thường tình. Nhưng, trong hoàn cảnh đặc biệt, ta có thể chết đằng sau quá khứ! Chết trước khi sống! Trước khi *làm* người! Đó là cái chết khủng khiếp nhất, bất nhân nhất, cái chết của cỏ cây, gia súc, chết ngoài ngôn ngữ của chính mình, chết vĩnh viễn, ít nhất đối với một tiếng nói, một nền văn hoá. Cái chết dành riêng cho một số thân phận.

Sống, ta tái tạo quá khứ từng ngày, từng giờ, từng suy nghĩ, từng tình cảm. Khả năng tái tạo ấy gắn với khả năng sáng tạo tương lai của con người. Quá khứ *trở thành quá khứ* của ta khi nó bắt rễ vào hiện tại của ta, vươn tới tương lai của ta. Nó *trở thành quá khứ* của một tương lai, của một con người, nó trở thành chính ta. Nếu văn Trần Vũ ám ảnh ta, nó ám ảnh ở đó, nó khơi một tương lai khủng khiếp, một tương lai không có quá khứ, không người. Tuy kể chuyện quá khứ, nó vạch mặt hiện tại, vạch mặt ta: tương lai của mày là ai?

Có người biết *sống* vì quá khứ. Họ có thể viết văn hoài cổ, văn lãng mạn.

Cũng có thể hay. Có người biết sống *bất cần* quá khứ. Họ có thể viết văn phản kháng, văn tôn giáo. Cũng có thể hay. Có người biết sống *với* quá khứ. Văn của họ không chỉ luyến tiếc quá khứ, không chỉ thèm khát tương lai, nó đòi hỏi hiện tại, một quá khứ và một tương lai sống, xuyên qua một kiếp người. Nó đòi hỏi thời gian toàn vẹn của con người, của độc giả. Ba thái độ ấy với đời, ba sự lựa chọn làm người ấy, dĩ nhiên, thể hiện trong bút pháp, văn phong. Sống vì quá khứ thường thích nhân hoá tất cả, một cánh hoa, một mầu tím, một sắc nắng, một ban mai, một con chó. Sống bất cần quá khứ thường thích thần thánh hoá, thi vị hoá tất cả, một cơn rượu, một phút loạn, một giây điên, một thằng đĩ. Còn muốn sống *với* quá khứ *vì* tương lai, phải sống thế nào, phải viết thế nào? Đó là câu hỏi hàng ngày của con người, là *nỗi đau nhân tình* của muôn thuở. Câu hỏi ấy nổ tung khi thời gian đột ngột dứt, khi quá khứ và tương lai chửi nhau qua cuộc sống hiện tại, khi thời cuộc bẩy ta ra ngoài lịch sử, buộc ta làm người di tản, làm người của một thế kỷ rụng rời, long trời lở đất nứt người, khi ta sửng sốt thét: *"Trời ơi, chuyện gì đã xảy ra? Chúng tôi còn ở Vũng Tàu hôm qua kia mà!"*(1) Mới hôm qua ta còn ở Vũng Tàu, còn là người Việt, với phong cách, tình cảm, lý trí, luân lý, đạo đức, quá khứ và tương lai của người Việt. Hôm nay ta là ai, khi ta không còn là nhịp cầu "tự nhiên" giữa quá khứ và tương lai của người Việt? Khi, trong thực tế, ta đã thành con tàu không bến? Ta là ai? Là con người trần truồng thuở hoang sơ, con người bị chặt dứt một phần mình: gia tài bốn nghìn năm hình thành ra mình, với những giá trị, những ràng buộc của nó, với tiếng Việt. Với ta. Bình thường, con người tiếp nhận gia tài đó để trở thành người, và chống đối gia tài đó để trở thành mình, trong đất nước, xã hội, văn hoá, tiếng nói của mình. Qua đó, xuất thân từ quá khứ bốn nghìn năm nó vươn tới tương lai "vô tận" của nhân loại. Chẳng mấy khi nó phải sáng tạo nhân tính của nó từ buổi "hồng hoang" của loài người, khi nó chỉ tìm được chút nhân tình trong bộ lạc, dòng máu. Chẳng mấy khi, nhưng cũng đã phần nào là thân phận của một bộ phận của dân tộc Việt Nam, và một phần không nhỏ của nhân loại hôm nay. Văn Trần Vũ ám ảnh ở đó. Nó ám ảnh được ta vì, vô tình hay cố ý, nó thể hiện được điều ám ảnh tác giả, ám ảnh ta: dù sao đi nữa, ta vẫn là người Việt, đến chết, và, trong tư cách ấy, sẽ *chết dứt*. Nó khơi vẻ mặt của ta, mặt người giữa cuộc bể dâu. Khi *"Tôi gục xuống. Toàn quay lại, mặt đầy thẹo. Vết thẹo. Trời ơi, buổi sáng"* (1), ta cảm, ta hiểu. Vết thẹo ấy chính là ta, người Việt, là nhát dao chặc dứt dòng thời gian trong cuộc sống của ta, là khoảng trống giữa quá khứ và tương lai của ta, vực hư vô không ai lấp được, ngoài ta. Ta biết, ta không thể trở lại thuở hồng hoang, không thể tìm ánh sáng trong bóng tối của rừng già. Nhưng ta cũng biết, ta đã dứt nguồn. Thời gian không chẩy ngược. Con người là thời gian và, khốn nạn thay, là trí nhớ! Có một cái gì đang chết ngoài đời cứ đòi sống mãi ở ta, qua ta. Muốn sống giữa ban ngày, dáng mặt người, ta phải sống một bình minh mới của nhân loại, ta phải từ thân phận khốn nạn này- ôm cả quá khứ của ta mà sống, mà sáng tạo

một vài giá trị cho đời nay, ta phải dám một lời hứa với ngày mai, dám *làm* người với hai bàn tay gần như trắng, vì lịch sử, vì thời đại đã xóa trắng một phần nhân cách của ta. Ta? Ai?

Ở hải ngoại, trong văn chương Việt Nam, vừa xuất hiện một ngòi bút.

TRẦN ĐẠO

(1) Pháo thuyền trên dòng Yang-Tsé.



BẠT XỨ

làm thế nào cuộc đời

Những con đường lên những con đường xuống
không nhìn thấy nhau
Nhân dạng em nhân dạng tôi
Nói-cười-rao-bán
Mỗi ngày tôi đi qua cuộc đời
Lần giở tâm hồn từng vết thương rơi rớt
Thuở nào em trưa nắng hanh hao nét nhíu mày
tóc rối cánh rừng hoang khuya
Tiếng thở dài
Băng ngang vầng trán nóng

Làm thế nào được em
Cánh tay vẫy đã chìm con sông mùa nước lũ
Cuốn luôn ra biển những nụ cười xanh
những đêm dáng khan
Dù mất dù còn tôi và em thành phố bụi đường
đèn vàng đèn đỏ
Đứng hai bên dòng ngược xuôi không ngớt
Xuống lên
Cống rãnh thì lặng lờ
Lòng chúng ta không bày biện
Và chúng ta
Có còn nhìn vào mắt nhau
Để làm gì hai con người đục lờ dù nước mắt
đã tuôn không kể xiết

...
Làm thế nào được em
Mưa xuyên ngang
Tôi dấu hình tôi trong cỏ ướt

BẠT XỨ



T.L

bi kịch nhỏ
tập truyện ngắn: lê minh khuê



(Gồm 9 truyện)
Sách dày 184 trang
Nhà xuất bản *Hội Nhà Văn* ấn hành

*

Một nỗi buồn u trầm không sao nói hết. Nỗi buồn nhân thế. Hầu hết những truyện trong tập này đều dẫn đến một kết thúc bi thương, nổi lên là những thân phận sản sinh từ những bi kịch lớn của thời đại.

Đất nước trải qua những thời kỳ lịch sử đau thương. Nô lệ triền miên, rồi chiến tranh triền miên và đấu tranh giai cấp khốc liệt. Trong một thời gian dài, đại bộ phận nhân dân chìm trong đói nghèo, bất hạnh, chả mấy ai ý thức được về mình, xô dạt theo số phận đầy những rủi ro, bất trắc; đầy những giành giật, oán thù, súng đạn và hành quyết... Tâm hồn con người trở nên héo cằn, thứ tâm lý bạo hành như một bệnh dịch ngày một nghiêm trọng thấm vào tim óc con người. Những con người toàn là những chúng sinh thấp hèn chẳng khác thú vật là bao. Sống nay, chết mai, chẳng mấy lúc được yên ổn, tai họa luôn rình rập. Toàn những truyện giết người ! (*Bi Kịch Nhỏ, Anh Lính Tôny Đ, Bến Tàu Mùa Đông, Đồng Đô La Vĩ Đại.*) Không thể làm ngơ trước một thực trạng nhức nhối như thế. Người cầm bút phải dám dấn thân, hòa nhập với những con người đang chìm dưới đáy sâu của xã hội, những con người bi thương không thể nào nói hết.

Theo tôi truyện hay nhất: *Bi Kịch Nhỏ*. Nhân vật Thảo như là sự hiện diện của tác giả với nỗi suy tư u hoài, với trầm ngâm và khát vọng. Nỗi suy tư về

những đau thương của một thời tao loạn không bút nào tả xiết; Những mất mát không bao giờ bù đắp Và hậu quả cùng những di hại của nó cũng không sao lường hết ! Mở đầu truyện là vụ án thằng con giết cha. Rồi kết thúc cũng là tiếng gào thét của thằng con giết cha ấy.Chỉ mấy dòng mở đầu và kết thúc bằng một ấn tượng kinh hoàng như thế, cơ hồ như không có liên quan gì đến truyện ! Thực ra là một dụng ý vô cùng sâu sắc. Đừng bao giờ để lâm vào cảnh chiến tranh triền miên, vào giết chóc triền miên, vào thù oán triền miên; không thể lấy oán thù và trả thù để giành giật cuộc sống, sự tàn bạo không thể nào có một tương lai sáng sủa. Và thật là khủng khiếp khi con người ngày càng cằn héo, trở nên bạo hành hung ác !

Bức tranh: " *Sự Yên Tĩnh Đời Đời* " là biểu tượng nói lên nỗi khát vọng của tác giả. Nhưng biết đến bao giờ ? Biết bao giờ ?! Nỗi khát vọng trở thành khắc khoải cuả người cầm bút.

Truyện hay ở chổ kết cấu rất phức tạp để tạo nên những ý tưởng của chủ đề, không đơn giản một chiều mà nhiều vẻ hình, nhiều tầng suy nghĩ làm cho người đọc suy ngẫm nhiều hơn là phát biểu rút ngay ra một kết luận.

Truyện diễn biến qua nhiều trạng thái tình cảm, khi kinh hoàng dận dữ, lúc ai oán bi thương, khi buồn bã ưu tư, khi tràn trề hạnh phúc; nhiều đoạn biểu lộ những trạng thái tâm lý tương phản nhau, làm đối trọng để tạo nên những ý tưởng của tác phẩm. Ngôn ngữ tác phẩm nhiều câu, nhiều đoạn rất súc tích văn chương, khiến người đọc phải chậm rãi suy ngẫm và thưởng thức.

Trên đây là mấy cảm nhận bước đầu. Thực ra đây là loại tác phẩm phải đọc nhiều lần mới cảm thụ được những giá trị của nó. Tôi tin rằng tập truyện này sẽ có một vị trí xứng đáng trong những tác phẩm hay nhất hiện nay.

T.L.
(Trong nước)

Phần viết thêm:

Có một số ý kiến cho rằng việc ông Tuyên (*Bi Kịch Nhỏ*) đẩy hàng trăm con người chết trong lửa đạn là khiên cưỡng, không thể có được. Nhưng tôi lại nghĩ khác. Ông Tuyên là một tính cách rất phức tạp. Đó là một trí thức xuất thân gia đình địa chủ phong kiến. Gia đình ông, họ hàng ông bị tan nát một cách thảm thương trong cải cách ruộng đất. Nhưng ông là người có tham vọng lớn. Con đường tiến thân của ông giống như lai lịch của những tên bạo chúa. ích kỷ và tàn bạo đó là nét đặc trưng thể hiện bản lĩnh của con người gian hùng này, hắn đã rứt bỏ vợ con một cách hết sức nhẫn tâm. Nên chặt

trong tâm can một mối thù xương máu, tàng ẩn như ma quái trong hàng ngũ cách mạng, chìm thật sâu để leo lên chót vót đỉnh cao, giành một vị trí không ai dám dụng đến, nắm quyền sinh sát; bề ngoài rao giảng những lời vì dân vì đảng, nào ai biết được tâm địa y khinh miệt nhân dân biết chừng nào, lạnh lùng và độc ác biết chừng nào. Và một điều chắc chắn rằng chính hắn, hơn ai hết, bầm gan tím ruột một mối thù đối với cách mạng. Là một bạo chuá lạnh lùng, thâm trầm, gan góc thì việc nướng hàng trăm dân đen trong lửa đạn cũng là một tất yếu thôi !

T.L
(Trong nước)



LÊ MINH KHUÊ

mở cửa

Tôi mở cửa căn phòng.
Nơi tôi ngủ, nơi tôi chiêm bao..
Mở thành phố, mở cánh đồng
Nơi tôi qua, tôi lại.
Nơi tôi vừa tỉnh vừa mơ.
Nơi mặt trời thức dậy
Nơi trong mắt tôi vắng lặng.

ánh sáng vụn vàng.

Thế gian như hạnh phúc còn con không bờ, không đáy
Nơi những thú vị vừa hiện ra đã lại mất rồi
Cái sống và cái chết trộn vào nhau như truyền nhiễm
Trong nếp hằn của đất hòa lẫn nếp hằn trời
Tôi không nói gì nhưng lòng tôi đã vượt.
Vì yêu, tôi tạo ra nào mộng nào thực, xa xôi.
Tôi dâng cả dáng hình, hơi ấm
và sứ mệnh cho em - người soi sáng muôn đời.

LÊ MINH KHUÊ
(Trong nước)



VƯƠNG NHU *thực hiện*

vài phút trò chuyện với lê minh khuê - nguyễn quang thiều



Lê Minh Khuê- Nguyễn Thị Hoàng Bắc

LTS: *Cuộc phỏng vấn dưới đây được thực hiện bởi Vương Nhu, đặc phái viên của bổn báo tại Boston, với các nhà văn Lê Minh Khuê, Nguyễn Quang Thiều, hai tác giả từng tạo ra dư luận sôi nổi chung quanh các sáng tác của họ, nhân dịp những nhà văn này đến Hoa Kỳ do lời mời của một tổ chức văn hóa Mỹ. Hợp Lưu hy vọng bài phỏng vấn sẽ cung cấp được ít nhiều thông tin tương đối khách quan, để qua đó, chúng ta có thể hình dung phần nào sinh hoạt văn học tại Việt nam hiện nay, mà do điều kiện chính trị, độc giả ngoài nước vô cùng thiếu thốn*

Hợp Lưu

VỚI LÊ MINH KHUÊ

VƯƠNG NHU: *Xin cho biết chị nghĩ thế nào khi những đề tài sáng tác văn học đề cập đến những mặt trái của xã hội?*

LÊ MINH KHUÊ: Khi viết, tôi hướng tới bản thân mình và mô tả trạng thái tình cảm của tôi với các vấn đề xã hội. Vì vậy, các truyện ngắn của tôi có đủ tất cả: sự lừa lọc, phản trắc, sự nhẫn tâm, chém giết, máu, nước mắt và sự tuyệt vọng... Đó có thể gọi là mặt trái. Những sáng tác của các nhà văn trên hoàn cầu cũng không ra khỏi các vấn đề ấy. Vì thế, các vấn đề ấy không trói buộc tôi vào việc phanh phui, mổ xẻ một mặt trái nào cụ thể. Đó cũng là vấn đề chung của con người hiện đại: con người cô đơn trong tất cả các lĩnh vực, trở nên thiếu đức tin, bèn quay lại đời sống hoang dã trong tinh thần. Nhằm tạo sự hấp dẫn, tôi thích dùng các truyện hình sự để tải những vấn đề lớn... Tội ác, giết chóc, nhân tính bị hủy hoại... bao giờ cũng là cái gì hết sức buồn.

Tuy vậy, bản thân người nghệ sĩ chẳng qua là một sản phẩm của thời đại, sứ mệnh chính của hắn là miêu tả các trạng thái tinh thần của thời đại hắn đang sống, giống như các họa sĩ vẽ nên những cảnh trạng đương thời. Tôi cố gắng viết về những cảm nhận của tôi với cuộc sống chung quanh.

Quan điểm của chị khi cầm bút sáng tác?

Tôi quan niệm viết là một nghề cao quý. Nhưng tôi không cho rằng cái mình viết ra là mẫu mực, là quan trọng, là khởi đầu, là tiền đề khai giải cho một trạng huống nào đó... Văn chương không thay đổi được cái gì hết. Nó quan trọng với người này nhưng lại không là gì với người khác.

Trước kia, các nhà văn thường có tham vọng viết cho tương lai, viết dưới ánh sáng vĩnh cửu. Nhưng tôi luôn nghĩ rằng tôi chỉ viết cho hôm nay. Nói cách khác, viết được, đứng vững được vào thời điểm đang sống, đã may mắn lắm rồi. Tôi không hy vọng con tôi sẽ đọc sáng tác của mẹ nó. Hy vọng như thế là ảo tưởng. Có thể tuần sau, tháng sau đã không còn ai đọc cái mình viết bây giờ. Chúng ta nên sáng suốt chấp nhận thực tế đó . Việc cần thiết nhất của một nhà văn là cố gắng làm tốt cho hôm nay.

Chị thích nhà văn nữ nào nhất tại Việt Nam hiện nay ?

Ở Việt Nam, tôi ngưỡng mộ các nhà văn nữ như: Xuân Quỳnh, Ý Nhi, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Phan Thị Thanh Nhàn và một số các cây bút nữ đang lên như Trần Thị Trường, Phan Thị Vàng Anh... Đó là những nhà văn, nhà thơ nữ thực sự có tài và có những cống hiến lớn cho văn học nước nhà. Khi đọc họ, người ta không nghĩ họ là phụ nữ. Bản thân tôi cũng vậy, tôi cho rằng không nên phân biệt nhà văn nam hay nữ. Chỉ có sự khác biệt là tài năng và sự tầm thường.

Chị có thể cho biết rõ thêm về tình cảm và sự nhận xét của chị về hai nhà văn Dương Thu Hương và Phạm Thị Hoài ?

Tôi không muốn nhắc đến những việc xảy ra với chị Hương - tất cả đã cũ - Tôi cũng không muốn khơi dậy cái gì mà người ta ít còn nhắc tới. Tôi quen biết chị Hương trong đời sống bình thường. Chị Hương rất dễ thương : thẳng thắn, tốt bụng và vui tính. Tôi đặc biệt thích những truyện ngắn khởi đầu con đường văn chương của chị. Đọc nó rất buồn, ví như truyện *Người Đàn Bà Và Những Bông Bần Li.*

Một nỗi buồn dịu dàng, trong sáng và...rất hay.

Phạm Thị Hoài cũng vậy: tài năng, tính cách hơi đặc biệt. Nhưng vẫn là một phụ nữ lịch thiệp, có văn hóa cao trong ứng xử và là một người mẹ rất yêu con. Tôi thích một số truyện ngắn và tiểu thuyết Thiên Sứ của chị.

Còn nhà văn nữ nào chị có tình cảm như vậy không?

Phải nhắc thêm ngoài Xuân Quỳnh (đã mất). Tôi đặc biệt yêu quý Ý Nhi.

Thơ chị kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa cảm xúc cao khiết của một nghệ sĩ với lý trí sáng suốt của một người cầm bút ý thức rõ sứ mệnh của mình với dân tộc. Những bài thơ của chị tràn ngập một cảm xúc mạnh mẽ và ý tưởng sâu sắc. Nó không hề rơi vào sự véo von trung bình mà nó luôn để lại ấn tượng mạnh, không thể quên được. Tôi còn thích Ý Nhi trong đời thường: Một người vợ, một người mẹ thực sự và là một người không thể xa được khi đã trở thành bạn của chị.

VỚI NGUYỄN QUANG THIỀU



Nguyễn Quang Thiều qua Phan Ngọc

VƯƠNG NHU: *Anh có thể cho độc giả biết anh hiện đang làm công tác gì tại tuần báo Văn Nghệ?*

NGUYỄN QUANG THIỀU: Hiện tại tôi làm trong bộ phận Văn Học Quốc Tế của tuần báo *Văn Nghệ*. Nơi đó, chúng tôi biên tập, tổ chức dịch thuật, giới thiệu văn học đương đại của nước ngoài để giúp các độc giả VN được làm quen với nền văn học thế giới.

Có thể gọi anh là một nhà văn trẻ được không? Đời sống hàng ngày của anh thế nào?

Tôi sinh năm Đinh Dậu (1957). Năm nay là năm tuổi của tôi và hình như có La Hầu chiếu mạng. Tôi có vợ và hai con cùng sống tại Hà Đông cách Hà Nội 11 cây số. Hàng ngày tôi đi làm, tối về. Buổi tối, hầu hết tôi viết, đọc, dịch... Tôi thích đọc và theo dõi những tác phẩm của các nhà văn trên thế giới.

Anh dịch những gì?

Tôi thường dịch thơ, truyện ngắn, các bài báo của các nhà văn Úc, Ấn Độ, Mỹ và một số nhà văn Tây Ban Nha.

Anh có đọc những sáng tác phẩm của các nhà văn Việt Nam tại hải ngoại?

Tôi rất ít được đọc. Ngay cả tờ *Hợp Lưu* có in truyện ngắn của tôi, tôi cũng chỉ được nghe mà không thấy. Cũng có người có tờ báo đó, nhưng mượn họ khó lắm. Khi sang bên này, gặp một số anh em mới thấy được vài số.

Là một nhà văn trẻ, xin anh cho biết về tình hình đội ngũ sáng tác trẻ ra sao?

Tôi biết và đọc được tác phẩm của nhiều tác giả trạc tuổi như mình. Có

những người mới cầm bút vào năm 1975, khi họ còn là một người lính. Cũng như tôi, tác phẩm đầu tay của tôi được xuất bản năm 1982.

Có thể nói: Văn học trẻ bây giờ là một phong trào lớn mạnh chưa từng thấy ở Bắc, Trung, Nam. Tôi khẳng định điều đó vì tôi có quan hệ với tác phẩm của họ và bằng vào sự quen biết, qua gặp gỡ, qua đọc và nghe về họ. Điều đó thật đáng mừng. Truyện, thơ xuất bản rất nhiều, giải thưởng cho các tác giả trẻ cũng rất nhiều. Các câu lạc bộ thơ của các nhóm trẻ từ Hà Nội đến thành phố Hồ chí Minh, cùng những thành thị cũng phát triển mạnh. Người ta có thể đi nghe thơ hai ba lần, hai ba buổi trong một tuần. Tại tất cả các câu lạc bộ đó, đọc thơ trẻ là chính yếu. Tất nhiên ở họ cũng có điều này, điều nọ trong kích thước đời sống sáng tác, trong thi pháp, trong câu cú... tuy nhiên trông họ rất hồ hởi, tự tin.

Điểm qua các khuôn mặt trẻ,- tính từ 40 trở xuống, - tôi thấy có Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Đỗ Minh Tuấn, Nguyễn Thị Ấm, Nguyễn Thị Thu Huệ, Phan Thị Vàng Anh, v.v.. Tôi không thể liền một lúc liệt kê ra đây hết được. Nhưng đó là những khuôn mặt điển hình trong trí nhớ của tôi.

Tôi cũng xin được nói thêm rằng: Đây cũng là thời kỳ tốt nhất cho những người cầm bút ở VN và đặc biệt cho giới trẻ như tôi: có điều kiện thoải mái để đưa sáng tác của mình đến độc giả.

Anh vừa nói đây là một thời kỳ tốt nhất cho những cây bút trẻ, xin anh cho biết cụ thể hơn vì sao?

Bây giờ chúng tôi không phải bị dày vò khi viết về thời kỳ chiến tranh nữa. Vì khi cầm bút viết về chiến tranh, không ai thấy hạnh phúc cả. Nói chung cái buồn nhất vẫn là chiến tranh. Hiện nay, sau mười tám năm im tiếng súng, đất nước đang trong cơn chuyển mình để chen vai thích cánh cùng cộng đồng nhân loại, chúng tôi có rất nhiều vấn đề để viết và có thể viết về rất nhiều vấn đề, mà trước đây chúng tôi không nên viết. Nói tóm, chúng tôi có thể viết tất cả những gì chúng tôi thích: anh thích viết về biển, tôi thích viết về núi; anh thích viết về tôm, tôi thích viết về cua, v..v... Tùy khả năng và chọn lựa của mỗi người. Tuy nhiên, nếu sứ mệnh của văn chương là phản ánh hiện thực để cải tạo hiện thực, thì nhà văn chân chính, khi cầm cây bút, anh ta phải ý thức được điều này: Nhà văn, như mọi kẻ khác, là một thành tố làm nên xã hội, và cái xã hội đó có những vấn đề chung cần liên đới giải quyết. Sự bi lụy quá đáng sẽ ảnh hưởng đến tiến trình chung.

Còn những lợi điểm khác?

Một điểm nữa cho chúng tôi là: chưa bao giờ chúng tôi lại có được những lượng thông tin thế giới đầy đủ như hiện tại. Những thông tin về sinh hoạt của những người Việt Nam ở nước ngoài, thông tin về khoa học kỹ thuật, thông tin về lịch sử, về tình hình quốc tế hàng ngày, về những sáng tác phẩm văn chương thế giới . Và cũng chưa bao giờ các nhà văn, nhà thơ lại có thể

xuất bản tác phẩm nhiều như bây giờ. Tôi có thể xuất bản 10 tập thơ, 100 tập thơ trong một năm nếu tôi đạt đến mức có thể xuất bản được.

Đạt là đạt ở mức độ nào: tính nghệ thuật hay đáp ứng nhu cầu xã hội?
Tất nhiên ai mà không mong bất cứ tác phẩmnào, khi chào đời, cũng có tính nghệ thuật cao; về văn chương, về ngôn ngữ, về tâm hồn nghệ sĩ.

Đề tài nào các nhà văn trẻ chú trọng nhất hiện nay ?
Hầu hết những sáng tác cho ta thấy các nhà văn trẻ quan tâm đến cuộc sống thường nhật. Bởi vì các nhà văn , nhà thơ nhận thức được những điều thực tế. Theo tôi, nghĩa vụ của nhà thơ, nhà văn là trình bày cái chính của anh, vũ trụ của anh do anh khám phá mà giới thiệu cho độc giả. Anh phải tự hiểu về mình trước khi tìm hiểu chung quanh. Anh phải tự làm đẹp thế giới của anh, anh mới có cơ hội làm đẹp thế giới chung quanh. Đôi khi anh cũng có thể trình bày cả nỗi buồn của anh - Một nỗi buồn đẹp.

Tại sao anh gọi là nỗi buồn đẹp?
Theo tôi nỗi buồn là khởi đầu của những giấc mơ. Nhưng đó không phải là những nỗi buồn nhỏ nhen, phát sinh bởi sự cay cú giữa những cá nhân với nhau... mà, nỗi buồn ấy cao cả hơn nhiều:ấy là nỗi băn khuăn của con người với vũ trụ, với cộng đồng lớn lao của mình; từ đó những hy vọng, những ước mơ về một tài năng với những tác phẩm mới sẽ ra đời.

Trong sáng tác - các nhà văn trẻ như anh có phải viết một cách gượng ép, nhân nhượng điều gì, hay phải nhận một sự chỉ đạo nào từ cấp trên hoặc từ chính quyền không?
Tôi chưa được biết ai chỉ đạo tôi. Tôi sáng tác bằng xúc động của tôi, cho tất cả. Thí dụ tập truyện mới nhất của tôi: *Người Đàn Bà Tóc Trắng*, trong đó gồm 7 truyện ngắn tôi viết về miền sông Đáy quê tôi, đầy rẫy những điều đẹp đẽ, và những huyền thoại. Tôi vẫn nói với mọi người rằng: Hãy lật một hòn đá nơi góc vườn, hãy mở một cánh cửa, hay hãy lật những viên ngói lên ta sẽ bắt gặp bao nhiêu điều kỳ bí, tuyệt diệu. Khi anh có một con tim tốt đẹp, một tấm lòng yêu thương nhân loại, anh sẽ thấy từ thế giới ấy vọng đến anh những ký hiệu tuyệt vời. Đó là những điều cần thiết đầu tiên đối với người cầm bút sáng tác. Khi tôi viết về làng quê tôi, tôi đã khóc với những người con gái ở đó. Người con gái trong *Mùa Hoa Cải Bên Sông* (đã đăng trên *Hợp Lưu*), nhiều người nói không có thật, nhưng tôi có thể khẳng định rằng nhân vật đó có thật. Họ có từ 100 năm, 50 năm, 20 năm trước. Và bây giờ, tất cả đều bàng bạc hiện ra trong tác phẩm của tôi. Nếu anh đọc, anh sẽ thấy đằng sau lớp áo vải đó, sau những đời sống vất vả, sau những mái nhà tranh vách đất là một thế giới tuyệt vời. Một số nhà tiên tri Ấn Độ đã nói rằng: Thế kỷ 21 sẽ trở về với những điều kỳ diệu này. Chúng ta hãy sống hạnh phúc trong

thế giới đó khi những linh hồn con người, trái tim con người được phủ ấm bằng thời gian của huyền thoại.

Tác phẩm nào là tác phẩm mới nhất của anh?

Tôi vẫn làm thơ, viết văn đều đặn. Tác phẩm mới nhất của tôi là một truyện ngắn viết về chiến tranh : *Hai Người Đàn Bà Xóm Trại* (*Hợp Lưu* số 13). Đây là câu chuyện về hai người đàn bà tiễn chồng sang sông đi vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Khi sang sông những người chồng dặn rằng: "*Tết chúng tôi sẽ về... hãy nấu nhiều bánh chưng nhé !* " Hai người đàn bà đã chờ đợi. Cứ Xuân về họ xuống sông vo gạo nếp, rửa lá dong xanh gói bánh. Chưa bao giờ họ đẹp đến vậy trong ngọn gió lạnh ngắt cuối đông. Hết mùa Xuân này đến mùa Xuân nọ, hai người chồng vẫn biệt vô âm tín. Duy chỉ có một cơ hội, một lần, một người chồng về thăm nhưng người vợ lại vắng nhà , chỉ còn có bạn vợ mình đang trong trạng huống dằn vặt.... Đó là những hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Những tình huống này bắt gặp ở tất cả các cuộc chiến kể cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam. Hai người đàn bà chờ đợi đến bạc đầu, ký ức đã bị lẫn lộn, thậm chí cả giới tính cũng không còn phân định được. Ấy thế mà vào một buổi sớm tinh mơ, trong ngọn gió đầu Xuân thổi phả từ lòng sông quê tôi vào căn nhà bé nhỏ, hai người đàn bà chợt thức giấc hỏi nhau: "*Tết năm nay mình gói bao nhiêu bánh chưng?*"

Đó là một khúc ca bi tráng. Anh nghĩ gì về chiến tranh?

Mọi cuộc chiến tranh vì mục đích giữ nước, dựng nước đều có chính nghĩa. Tại Mỹ chúng tôi đã đến xem đài tưởng niệm những người lính đầu tiên đã đứng lên chống lại ngoại xâm là những người Anh. Tôi cũng đã gặp một vị giáo sư dậy học ở một trường đại học tại bang Massachusetts. Trong những ngày lễ kỷ niệm ông ta đã mặc một bộ quân phục, có đầy đủ mọi trang bị như người lính xưa kia đã mặc trong cuộc nổi dậy dành độc lập. Đó là niềm tự hào của ông ta. Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có những niềm tự hào tương tự cho công cuộc dựng nước hào hùng. Tất cả những người Việt Nam có công trong việc xây dựng tổ quốc đều cũng có niềm hãnh diện như vậy. Từ đó đẻ ra những thiên trường ca, những thiên trường ca đó tác động trực tiếp vào đời sống của nghệ sĩ. Giai đoạn hiện tại là giai đoạn những người Việt Nam vừa hoàn tất một thiên trường ca. Những người trẻ như chúng tôi nhìn, cảm và có thể viết về chiến tranh, nhưng cái nhìn sẽ khác hơn. Tất cả những dấu ấn của ngày hôm nay để lại cho sau này có thể cho chính mình muốn được xem lại . Nghe những bài hát lúc đó, những bài thơ lúc đó... không bị bắt buộc thế này hay thế khác.

Anh đang viết gì?

Tôi đang viết một tập thơ thứ ba.

Chủ đề của nó thế nào và xin cho độc giả biết anh đã đặt tên cho tác phẩm chưa?

Dưới Trăng Của Một Bậc Cửa . Tôi muốn viết về những cảm giác, tất cả những giác quan của mình bắt nguồn lan tỏa vào vũ trụ. Khi con người đã ngủ rồi, hình như mọi thứ khác thức dậy. Tôi muốn mình hòa vào vũ trụ thử xem trong vũ trụ quanh ta có những cái gì, đằng cuối xa kia có cái gì. Tôi bước từ bậc cửa bên này sang bậc cửa bên kia của vũ trụ để khám phá những điều bí ẩn và hy vọng rằng sẽ có biết bao điều giải đáp giữa chúng ta. Trong những đêm thanh vắng khi tôi thức giấc, nhớ một điều gì đó, nhớ một ai đó, một người bạn ở xa chẳng hạn... Tôi đi trong trí nhớ như người mộng du. Tôi đi, tôi trườn qua như một con mèo,những đàn bướm bay ngang qua tôi, những thế giới côn trùng bay qua tôi. Những con dán xòe cánh bay - tôi là người rất sợ dán, khi một con dán chạm vào người tôi, tôi có thể chết ngất đi... Nhưng trong đêm này tôi yêu thương trái đất của mình, dù có nồng nặc mùi hôi từ một con dán đang mang bụng chửa, tôi vẫn hy vọng một cách lý thú sẽ được trông thấy một thế giới sắp ra đời, một thế giới của loài dán. Và tôi nghiệm ra rằng mình muốn thử xem trong cơn kinh sợ của sự tê liệt thần kinh kia, cái gì đã nảy sinh từ tình yêu.

VƯƠNG NHU thực hiện



HỮU THỈNH

biển

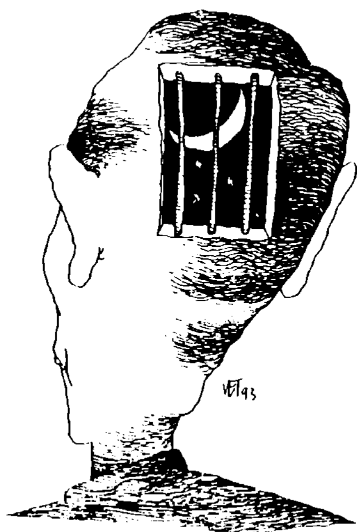
Anh xa em,
trăng cũng lẻ,
mặt trời cũng lẻ
Biển vẫn cậy mình dài, rộng thế.
Vắng cánh buồm một chút đã cô đơn.
Gió không phải là roi
mà vách núi phải mòn.
Em không phải là chiều,
mà nhuộm anh đến tím.
Sóng chẳng đi tới đâu,
nếu không có em đến.
Dù sóng đã làm anh nghiêng ngả vì em .

HỮU THỈNH
(Trong nước)



NGUYỄN HỮU THÀNH
BÙI VĨNH PHÚC

từ "tà tà dương" đến "một vài khía cạnh của thưởng ngoạn, phê bình và thảo luận"



LTS: *Bài* Mấy Suy Nghĩ Thơ *của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc đăng trên* Hợp Lưu *số 13, tháng 10 &11, 1993 đã được một độc giả từ Paris "góp ý" về một số điều.*

Tòa soạn trân trọng giới thiệu cả hai bài viết. Một, của độc giả Nguyễn Hữu Thành, và một, của tác giả Bùi Vĩnh Phúc.

Bài viết của Bùi Vĩnh Phúc không hẳn chỉ trả lời riêng cho ông Nguyễn Hữu Thành, mà nhân tiện, tác giả Mấy Suy Nghĩ Thơ *muốn đưa ra* một vài khía cạnh của thưởng ngoạn, phê bình và thảo luận. *Thiết nghĩ, cũng là một đóng góp bổ ích cho chúng ta, những người, hoặc đang làm công việc viết lách, hoặc đang là độc giả của văn chương tiếng Việt.*

Cũng nhân đây, tòa soạn xin nói riêng với ông Nguyễn Hữu Thành: Mấy chữ "quý vị trong ban biên tập" *ông dùng như một hàm ý "liên đới trách nhiệm" về các bài viết xuất hiện trên* Hợp Lưu, *chúng tôi xin thưa để ông rõ: đành rằng BBT có trách nhiệm chọn lọc bài vở, nhưng hai chữ "trách nhiệm" ở đây nên hiểu theo nghĩa tương đối: a) Ngăn chận, loại bỏ những bài viết nào có tính cách mạ lỵ cá nhân; b) Làm phương hại đến văn học nghệ thuật Việt Nam; c) Chưa đạt tiêu chuẩn thẩm mỹ và giá trị văn học trong chừng mực nào đó... Chứ không có nghĩa "đồng sáng tác" với người viết. Nói cách khác: mỗi tác giả tự "trách nhiệm" lấy bài viết của mình trước dư luận độc giả. Đó là tinh thần*

chung, chẳng những của Hợp Lưu, *mà có thể nói của tất cả mọi diễn đàn văn học đứng đắn khác. Chính bởi lý do đó, chúng tôi mới đăng bài góp ý của ông, và bài trả lời của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc (cũng như, trong số này, có bài của Nguyễn Nguyên Thanh nói về Phạm Tiến Duật, nhân cuộc phỏng vấn của Vương Nhu với nhà thơ này trên* Hợp Lưu *số 9, tháng 2 & 3, 1993, và bài* "Lại Trả Lời Giáo Sư Nguyễn Quỳnh Về Nghệ Thuật Baroque" *của nhà khảo cổ Phan Quốc Sơn.*

Tóm lại, Hợp Lưu *là một diễn đàn tự do, tất cả mọi đóng góp của văn hữu, độc giả đều được* Hợp Lưu *trân trọng. Và vì là diễn đàn tự do, nên rất có thể nhiều ý kiến, quan điểm sẽ trái ngược, đối chọi với nhau,* Hợp Lưu *sẵn sàng nhường diễn đàn này để các tác giả "luận bàn", hầu tìm đến "chân lý", trong tinh thần tôn trọng nhân phẩm của nhau, và trên ý hướng xây dựng, học hỏi.*

Hợp Lưu

NGUYỄN HỮU THÀNH

tà tà dương

HỢP LƯU số 13, tháng 10 và 11 - 1993 có bài *Mấy Suy Nghĩ Thơ* của ông Bùi Vĩnh Phúc. Tôi xin phép trích một đoạn cuối trang 28:

"*Bàn về mặt ngữ pháp của thơ, trong phần phân biệt giữa thơ và văn, Nguyễn Hưng Quốc, trong tập tiểu luận* Nghĩ Về Thơ, *có viết:*

(...) "*Ngữ pháp*" *của thơ nhắc đến, trước hết, mục tiêu biểu cảm và truyền cảm. Nó là một thứ ngữ pháp tình. Nó chấp nhận là đúng, cái câu thơ này của Tản Đà:* Cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà dương. *Trong tiếng Việt, làm gì có* tà tà dương. *Thừa một chữ* tà. *Nhưng nếu bỏ đi một chữ* tà *hoặc thay thế nó bằng một chữ gì khác, câu thơ lại thành dở ngay tức khắc. (...)*

Về cách phân tích tác dụng của cụm từ "tà tà dương" *Nguyễn Hưng Quốc có những lý giải khôn khéo và khá lý thú. (...)*" Hết phần trích dẫn (1)

Theo ngu ý thì câu thơ của Tản Đà trên đây chưa cần đọc theo cách bác học, chỉ đọc theo lối bình dân như tôi cũng đã thấy hay rồi. Mà biết đâu, khi thi sĩ gánh thơ lên hầu Trời, các nàng tiên cũng đã "tà tà" mỗi cô một cách.

a) NHẠC ĐIỆU: Quý vị tách "*tà tà dương*" ra một "*cụm*" thì khi đọc phải "nghỉ hơi" sau chữ *bóng*. Tôi thấp giọng không đọc nổi nên phải đọc:

Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà / tà dương.

b) NGHĨA: Không biết quý vị định nghĩa *dương* là gì, chỉ biết quý vị giảng *dương* là *tính từ* (tr. 29 và tr 38). Tôi thì cho *dương* là *danh từ*, nghĩa là mặt trời. *Tà dương* gốc Hán, nghĩa là *mặt trời xế chiều*. *Tà dương* đồng nghĩa với *tà huy: "Sa song tịch mịch chuyển tà huy"* - Đặng Trần Côn - *Chinh Phụ Ngâm*. Câu 169.

Thấy quý vị viết dễ dàng (không phải dễ dãi), tôi cũng tìm các câu khác của Tản Đà như: "*Bóng lặn tà dương trời xẩm tối*" và "*Tản Viên bóng gác tà dương*" rồi tách "*lặn tà dương*" và "*gác tà dương*" ra thành từng "*cụm*" để tán một bài nhưng tán không nổi! Bèn bóp trán tự hỏi:

Văn chương của cụ Tản Đà
Phải chăng "*sáng tạo*" chỉ "*tà tà dương*"?
"*lặn tà dương*", "*gác tà dương*"...
Đều là những "*cụm*" "thường thường bậc trung"?
Thánh Thán chỉ có một ông,
Muốn làm Thánh Tán: giận không có tài!

NGUYỄN HỮU THÀNH
Paris ngày 10, 10, 1993

(1) Xin lưu ý quý vị trong BBT báo *Hợp Lưu:*
Mấy đoạn trích văn của quý vị tôi không dám chép sai một chữ hay một dấu chấm câu. Bởi vì: một là tôi không bao giờ dám tự ý sửa sai bài của người khác. Hai là tôi chú ý nhiều đến lối viết "độc đáo" của quý vị như: "*Mấy suy nghĩ thơ*", "*cái câu thơ này*", v.v...

BÙI VĨNH PHÚC

về một vài khía cạnh của thưởng ngoạn, phê bình và thảo luận

Nhân được đọc phần góp ý của ông Nguyễn Hữu Thành về một vài điểm nhỏ trong bài *Mấy Suy Nghĩ Thơ* của tôi đăng trên *Hợp Lưu* số 13 tháng 10 & 11, 1993, do tòa soạn trao lại, với lời đề nghị là nếu tôi có thể nhân cơ hội này trình bày cái nhìn của mình về một vài khía cạnh của vấn đề thưởng ngoạn, phê bình và thảo luận nói chung thì đó là một điều tốt, và có thể bổ ích cho người thưởng ngoạn (ai trong chúng ta không là người thưởng ngoạn?), trong chiều hướng đó, tôi xin ghi ra đây một vài suy nghĩ của mình về sự gợi ý này, đồng thời hy vọng chia sẻ thêm được với ông Nguyễn Hữu Thành một vài nhận xét nhỏ về những khía cạnh văn chương mà ông đã đặt ra trong phần góp ý của ông.

1.

Phê bình nghệ thuật nói chung, phê bình văn học nói riêng, là một nỗ lực của con người nhằm tìm đến cái đẹp, và, trong thiện chí và chừng mực của

mỗi người làm công việc phê bình, chia sẻ cái đẹp ấy với những người khác. Cái đẹp nâng tâm hồn con người lên cao và giúp nó nhìn ra và cảm nhận rõ hơn cái ý nghĩa cuộc-sống-giữa-đời của nó.

Tạm thời, ta có thể nói là kể từ khi con người biết vẽ lên vách của những hang động mình sống những hình tượng có ý nghĩa, mô tả sự vật quanh mình hay những kinh nghiệm sống và những mộng mơ của mình, con người đã bắt đầu có những *cảm thức nghệ thuật* và muốn biểu hiện cái cảm thức đó ra trong ý hướng sáng tạo và chia sẻ. Khi con người cổ sơ dùng những điệu nhảy có vẻ thô thiển, với một số những cử điệu của thân mình, tứ chi và những diễn tả của nét mặt, để kể về một kinh nghiệm (chẳng hạn một kinh nghiệm về cuộc đi săn thú của mình), nó đã muốn trao truyền cái kinh nghiệm sống, đồng thời cái hứng khởi khi có được những kinh nghiệm ấy, cho những người xung quanh.

Chấp nhận một số qui ước chung của tập thể mình đang sống cùng để "giải mã" những ý nghĩa được diễn tả qua điệu múa, những con người cổ sơ bao quanh kẻ *múa chuyện* kia có lẽ đều hiểu về câu chuyện được kể ở một mức độ nào đó. Có thể có những người hiểu thật sát câu chuyện, có những người khác hiểu ở một mức độ thấp hơn. Cái nỗ lực của kẻ nhảy múa kia, ở một mức độ nào đó, trong ý hướng trao truyền, chia sẻ của mình cho đồng loại, như thế, đã được thành tựu. Đồng loại của hắn hiểu hắn, mặc dù ở những mức độ khác nhau. Và bập bùng quanh ánh lửa, những con người cổ sơ kia hẳn phải cảm thấy một nỗi niềm sung sướng nào đó dâng trào trong tim họ, vì họ hẳn là đã nhận ra một cái cảm thức nghệ thuật sơ khai nào đó đang như những làn khói vẽ vu vơ những hình thù kỳ diệu trong bầu trời tâm thức họ. Con người thấy mình không hẳn chỉ là những con vật tầm thường.

Lúc ấy, có lẽ những điệu múa còn thô sơ, thu gọn trong một số những cử điệu nào đó, một số những nét diễn tả nào đó, cho nên người ta hiểu nhau một cách tương đối dễ dàng. Lúc ấy, có lẽ chưa có những người làm công việc lý luận và phê bình. Cuộc sống nghệ thuật của con người vào giai đoạn đó có lẽ chưa đòi hỏi con người phải có những đóng góp về những mặt phê bình và lý luận để làm sáng tỏ hoặc giàu có hơn cái sinh hoạt nghệ thuật của nó. Con người tạm chấp thuận, *qua một số những qui ước, những hiểu biết của mỗi người như là một phần tử sống trong vòng, trong tập hợp*, để cho phép mình lý giải những ý nghĩa nghệ thuật mà mình đã được chia sẻ vì là một phần tử của vòng, của tập hợp, của nhóm.

Con người đã tiến triển dần lên trên nhiều khía cạnh của cuộc sống kể từ những ngày cổ sơ ấy. Những ngày cổ sơ mà núi rừng cây lá đã nhìn con người sống "hồn nhiên" quanh ánh lửa bập bùng của đoàn lũ. Đời sống càng lúc càng trở nên vừa phức tạp vừa phong phú hơn. Nghệ thuật là một trong những nét của văn hóa con người. Từ một cành, một chi đơn sơ, nó cũng đã trở nên một cánh rừng rậm rạp và chi chít những hoa lá, những lộc mới, những nụ non ươm đầy sức sống. Những nỗ lực để chia sẻ, trao truyền nghệ

thuật mỗi lúc mỗi dầy dặn và cấp thiết hơn. Bây giờ, không một ngành nghệ thuật nào thực sự là sống động và "đúng đắn" mà lại không đòi hỏi những đóng góp trong lãnh vực phê bình lý luận. Những người làm việc trong ngành này, cũng như những người làm việc trong lãnh vực nghệ thuật khác, nếu tự trọng, đều phải có những nỗ lực học hỏi riêng để có được một số kiến thức cần thiết nào đó trong lãnh vực làm việc của mình, hầu có thể đóng góp nỗ lực xây dựng nghệ thuật của họ ở một tầm mức có giá trị.

Đối với quần chúng thưởng ngoạn, người ta có thể thấy có những người không cần đến lý luận và phê bình mà vẫn tự mình cảm thấy hạnh phúc qua những *hiểu biết* của họ về những gì gọi là nghệ thuật. Những người này hoặc là tự họ đã có những nỗ lực riêng để cảm nhận cái đẹp, hoặc là họ đã có một quá trình dài lâu trong việc nhận xét cái đẹp của nghệ thuật. Vậy thì, họ là những người hạnh phúc trong bước đường dẫn đến nghệ thuật của họ. Lại có những người không cần đến lý luận và phê bình mà vẫn tự mình cảm thấy hạnh phúc qua sự *cảm nhận* của họ về nghệ thuật. Nghệ thuật là những gì làm cho trái tim họ rung động. Sự rung động này tùy thuộc *rất nhiều* vào những *kinh* và *nghiệm* mà họ đã có trong đời. Nó cũng tùy thuộc vào kiến thức mà họ đã có về mặt nghệ thuật, về thẩm mỹ và cái nhìn về mặt nghệ thuật của họ. Dĩ nhiên, thẩm mỹ và cái nhìn của họ cũng tùy vào cái kiến thức mà họ có. Vậy thì, họ cũng là những người hạnh phúc trong thái độ đến gần nghệ thuật của mình.

Ngoài hai loại người trên, có những người, trên căn bản, đã là một trong những người thuộc hai giới vừa kể; dù sao họ còn có thêm những nỗ lực khác trên con đường tìm đến nghệ thuật của riêng mình.

Đấy là những người nhận thức rằng nghệ thuật là một khía cạnh của văn hóa, và văn hóa có những cấp độ của nó. Chúng ta không cần đi sâu vào việc phân tích khái niệm và những giá trị của *văn hóa* trên những khảo hướng có tính cách xã hội học, nhân chủng học, mỹ học, hay đạo đức học, vân vân. Đó là những chuyên đề, hoặc rộng hơn, đó là những lãnh vực nghiên cứu rộng và sâu của những người làm việc trong những ngành ấy. Dù sao, tôi vẫn nghĩ là câu văn với hai mệnh đề độc lập mà tôi vừa viết, "*nghệ thuật là một khía cạnh của văn hóa, và văn hóa có những cấp độ của nó*" không phải là một câu văn bao gồm hai mệnh đề trừu tượng. Nếu chúng ta sống thật thiết tha và sâu sắc cái đời sống mình (gồm có việc tự hiểu mình và hiểu đời sống quanh mình) thì chúng ta đều có thể kinh nghiệm ý nghĩa của những mệnh đề vừa nói.

Khi một người nhận thức rằng "nghệ thuật là một khía cạnh của văn hóa, và văn hóa có những cấp độ của nó", người ấy có thể chọn một thái độ khác khi tìm hiểu và thưởng ngoạn nghệ thuật. Người ấy có thể tìm đọc thêm những sách vở, những khảo cứu về những đề tài nghệ thuật mà mình đang muốn tìm hiểu. Người ấy biết rằng kiến thức của nhân loại thì vô cùng (qui chiếu trên khả năng tiếp nhận của bộ óc hắn cũng như trên thời gian mà hắn

có thể hít-thở-sống- còn trên đời); bởi thế, hắn nhờ vào những người chuyên môn. Những người này, trong sự chọn lựa và đánh giá để tìm đến của hắn, có thể giúp hắn hiểu biết hơn về nghệ thuật, và qua đó, giúp hắn hạnh phúc hơn khi sống ở đời.

Những người này cũng là những người hạnh phúc trong thái độ tìm đến nghệ thuật của mình.

Tóm lại, kiến thức và nghệ thuật thì vô cùng (trong hướng qui chiếu đã nói trên). Con người có thể rung động trước một hình tượng, một khía cạnh nghệ thuật của đời sống qua sự máy động của con tim mình hoặc qua sự phân tích của lý trí mình. Nó cũng có thể vừa dùng con tim vừa dùng khối óc để thẩm thức cái đẹp. Khi dùng khối óc thì sự tổng hợp, phân tích, liên hệ, so sánh... (những kỹ thuật của lý trí con người giúp nó tìm hiểu sự thật, cái đẹp...) chắc chắn phải cần đến. Những kỹ thuật này đòi hỏi những kiến thức. Những kiến thức này có thể ở trong nhiều ngành và có thể nằm ở những cấp độ chuyên môn khác nhau. Những kỹ thuật này cũng ngầm chứa trong nó *những tiền đề, những qui ước, những căn bản hiểu biết tối thiểu* nào đó. Để tiếp cận cái đẹp, con người phải biết chấp nhận cái mới, phải biết nhìn ra cái mới, và phải biết hân thưởng cái mới. Cái đẹp không chỉ nằm trong cái mới, cái lạ; nó có thể hiện diện trong những cái cũ, cái có từ lâu đời. Nhưng nghệ thuật sở dĩ cứ mỗi ngày mỗi có thể mở rộng chân trời của nó ra mãi chính là vì nó đã nhờ vào đôi cánh của những điều mới lạ. Nghệ thuật lớn lên nhờ vào những chồi non và những nhụy biếc, những lộc thơm và những búp nụ kia.

Trong bất cứ một *quần thể người* nào, nghệ thuật cũng có thể được nhìn ngắm, thưởng ngoạn ở dưới những dạng thức và những mức độ khác nhau. Nghệ thuật Việt Nam nói riêng hay nghệ thuật thế giới nói chung đều không đi ra khỏi qui lệ đó. Và nghệ thuật thì, ai cũng biết, bao gồm nhiều khía cạnh của đời sống con người.

2.

Một hạnh phúc của con người, trong kiếp sống hiện tại, là nó có khả năng trao truyền, chia sẻ những kinh nghiệm, những suy nghĩ của nó cho những kẻ chung quanh. Con người sở dĩ tiến lên được địa vị cao quý hiện nay, so với các loài động vật hạ đẳng khác trên trái đất này, chính là ở cái khả năng chia sẻ và trao truyền này của nó. Trong những năm tháng đầu của cuộc đời một thụ tạo tên gọi là "con người", nó không phải nhọc công học lại những điều sơ đẳng, đã làm cho tổ tiên nó phải hết sức cố gắng để khám phá và vượt qua. Cách gìn giữ lửa, sự chế tạo ra bánh xe, sự tạo ra ngôn ngữ, chữ viết, sự sáng tạo ra giấy, máy in, máy điện toán... đã đẩy con người đi rất nhanh trên dòng tiến hóa. Khả năng trao truyền và chia sẻ thật sự không phải chỉ làm cho con người thỏa mãn về mặt tâm lý, mà nó còn giúp con người tiến rất xa trong việc mở rộng và làm chủ cái không gian vật lý bao quanh nó.

Chia sẻ là một hạnh phúc. Đó cũng là sức đẩy con người trên bậc thang

tiến hóa.

Sự thảo luận trong một cuộc họp hoặc sự thảo luận trên mặt giấy là một hình thức của sự chia sẻ. Và đây là một hình thức cao trong tiến trình thăng tiến con người qua sự đóng góp của tư duy và những kinh nghiệm cá nhân. Một đặc điểm khiến cho *con người* đứng cao hơn các loài động vật hạ đẳng khác là nó biết dùng ngôn ngữ, văn tự để *thảo luận* hầu tìm ra *cái đúng, cái đẹp, cái thật, cái mới*, qua đó, nó nâng cao bình diện tinh thần (và nhiều khi cả vật chất) của nó lên một cấp độ khác.

Để việc thảo luận đạt được kết quả tốt, người muốn thảo luận cần phải *hiểu rõ điều mình muốn đưa ra bàn thảo*. Muốn hiểu rõ một vấn đề, người ta phải đọc *kỹ*, nghiên cứu *kỹ*, suy nghĩ *kỹ* về đề tài mình muốn bàn đến. Nếu việc thảo luận dựa trên một lời nói, một ý kiến, một bài viết, hay một công trình nghiên cứu của một người nào khác, có lẽ một người nghiêm túc trong cách thảo luận của mình nên tìm hiểu và suy nghĩ kỹ về lời nói, ý kiến, bài viết hoặc công trình nghiên cứu của người mà mình muốn thảo luận với. Sau khi *thật sự* hiểu *kỹ* điều một tác giả nói hay viết, chúng ta, như những người muốn thảo luận một cách nghiêm chỉnh, nếu có thể, nên tìm hiểu thêm về kinh nghiệm chuyên môn của người mà mình muốn thảo luận với. Đặc biệt là chuyên môn của người ấy về phạm vi hay đề tài mà ông (bà) ta đã nói hay viết khiến mình nảy sinh ra ý muốn thảo luận. Có thế, chúng ta mới có thể tự thăng tiến mình trong việc chuẩn bị kỹ lưỡng về đề tài mình muốn thảo luận, đồng thời, có được cái nhìn trân trọng với người mà mình sẽ thảo luận.

Khi thảo luận, có lẽ mỗi chúng ta cũng nên mang trong lòng một ý hướng xây dựng tốt đẹp để có thể bắt tay và tôn trọng tư cách cũng như nhân vị của người mà ta thực lòng muốn trao đổi. Cuộc thảo luận càng dễ đạt đến kết quả tốt nếu chúng ta giữ được cho mình lòng khách quan tối đa có thể trong cách nhìn vấn đề, trong việc tiếp nhận và định giá ý kiến của người trao đổi với mình. Chúng ta đừng để những tình cảm không liên hệ đến *mục tiêu xây dựng* trong việc trao đổi chen lấn vào những bán cầu tiểu não và đại não và vào những vùng tâm thất cũng như tâm nhĩ phải và trái của chúng ta. Có lẽ cũng là một điều tốt nếu chúng ta giữ được một thái độ bình tĩnh khi trao đổi, thảo luận với nhau. Thái độ này giúp cho chúng ta nhìn ra điều thật và điều đúng một cách rõ ràng. Ngoài ra, không hẳn là bất cứ sự thảo luận nào cũng phải dẫn đến sự *liễu ngộ* điều đúng, điều thật. Thảo luận, rất nhiều khi, là để tìm ra một số những điều chung có tính cách đại đồng đầy tính căn bản và xây dựng; đồng thời, cũng là để tìm ra những điều *tiểu dị*, mở ngỏ cho những *cái lạ, cái tân* mọc ra như những lộc mới hoặc bay lên như những cánh chim vào không gian của *Cái Thật* và *Cái Đẹp*. (*Sự thật, sự mỹ* về một khái niệm, một vấn đề, một khía cạnh, một hiện tượng con người, có thể khác nhau tùy theo không gian và thời gian cư trú của con người trong *cái-vũ-trụ-không-thời này*. Chúng ta vẫn nhớ câu nói nổi tiếng của Pascal, "*La vérité au delà des Pyrénées, erreur au deçà*" (Sự thật ở bên này dãy núi Pyrénées, là điều sai lầm

ở bên kia núi). Nhưng *Cái Đẹp, Cái Thật* thì bao giờ cũng chỉ có một. Nó bao la, rờn rợn, mênh mang, tươi sáng, thẳm sâu, lồng lộng, thiết tha, huyền bí, ngất ngây, phơi phới, hồn hậu, thiên thu... trong vũ trụ này. *Cái Đẹp, Cái Thật*, chúng nó cũng ở trong con tim chân chính và lòng khát khao vươn với về những sự mỹ ở mỗi chúng ta nữa).

Trong việc thảo luận, chúng ta cũng có thể chạm vào những cái lớn và những cái bé, những cái đặc sắc và những cái tầm thường. Chính sự đụng chạm, thái độ đụng chạm, mức độ đụng chạm và tần số của sự đụng chạm với những cái lớn, bé, đặc sắc, tầm thường... kia, rất nhiều khi, xác định con người của chúng ta. Thảo luận cũng là một cách để tự nhận biết mình cũng như tạo cơ hội cho người xung quanh nhận biết về mình.

Căn bản xây dựng của sự thảo luận là thiện chí. *Căn bản đóng góp* của sự thảo luận là hiểu biết, là kiến thức. Hai căn bản ấy đưa đến sự tôn trọng lẫn nhau và lòng chân thành trong thái độ giao tiếp. Hoa trái của sự thảo luận dễ đâm chồi nảy lộc từ những mảnh đất thơm mùi xây dựng này.

3.

Hai phần trên là những suy nghĩ sơ thiển của tôi về *một vài khía cạnh* của việc Thưởng Ngoạn, Phê Bình, và Thảo Luận nói chung. Những khía cạnh ấy, qua bài viết này, liên hệ nhiều đến lãnh vực văn chương nghệ thuật. Bởi lẽ, khi nói đến việc *thưởng ngoạn*, người ta dễ nghĩ đến khía cạnh nghệ thuật nói rộng, hoặc văn học nghệ thuật nói hẹp. Nhưng nếu chỉ xét đến việc phê bình và thảo luận, những nhận xét thô thiển ở trên hy vọng vẫn có thể áp dụng được cho tất cả những sinh hoạt trí thức khác của con người.

4.

Về những góp ý của ông Nguyễn Hữu Thành, tôi nghĩ là phần trình bày vấn đề và lập luận của tôi đã khá kỹ trong bài *Mấy Suy Nghĩ Thơ*, nên, ở đây, tôi xin phép để chỉ trả lời một số điểm như sau:

● Thơ văn, nghệ thuật nói chung, có thể được thẩm thức theo nhiều cách. Hoặc trực tiếp bằng những rung cảm. Hoặc gián tiếp bằng sự can thiệp của lý trí, tư duy. Hoặc bằng cả hai cách kết hợp lại. Người nào thấy mình hợp với cách nào thì đi theo cách đó. Hạnh phúc của mỗi người ngợp hay vơi, đậm hay nhạt, mỏng hay dày, đầy hay cạn... trong vấn đề thưởng thức nghệ thuật có thể *tùy* hay *không tùy* vào những cách thưởng ngoạn kể trên.

● Theo ý tôi, *tà tà dương* là một cụm nhỏ trong một cụm lớn *bất khả phân cách* là *bóng tà tà dương*. Tôi không nghĩ khi xem *tà tà dương* là một cụm thì người ta phải "nghỉ hơi" sau từ *bóng*. Về cách ngắt nhịp trong thơ (cũng như ngắt đoạn trong văn), chúng ta phải để ý kỹ đến liên hệ ngữ pháp của các từ.

Cách ngắt của ông, *Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà / tà dương*, không giải thích được liên hệ ngữ pháp của *bóng tà* và *tà dương* trong câu thơ của Tản Đà.

Ngoài ra, nó cũng không thỏa mãn được cấu trúc *ba vế đồng đẳng* của câu thơ ấy.

Tôi nghĩ là ba cụm: *Cỏ vàng, cây đỏ* và *bóng tà tà dương* phải là ba mệnh đề [hoặc chí ít là ba ngữ danh từ (noun phrase)]. Tôi đã trình bày lập luận này rất rõ trong bài viết mà ông đã dẫn nên xin phép không giải thích thêm ở đây. Điều tôi muốn nhấn mạnh, và tôi đã thưa rõ trong bài viết của tôi, là tôi chỉ *thử* góp một cái nhìn, một hướng lý giải *về cấu trúc ngữ pháp* của câu thơ Tản Đà (nhân việc bàn về cấu trúc của *ngữ pháp mở* trong thơ, nói chung). Tôi không coi cách lý giải của tôi là duy nhất đúng. Cách lý giải của Nguyễn Hưng Quốc cũng đẹp và có cái lý của nó. Ông không đồng ý với cả hai chúng tôi, tôi và Nguyễn Hưng Quốc, nhưng cách lý giải của ông, một cách nào đó, cũng có thể hợp lý với một số (ít hoặc nhiều) người thưởng ngoạn. Nó không nhất thiết là sai trong sự đánh giá của tôi. Chỉ riêng *trong hướng phân tích ngữ pháp* để xét cấu trúc câu thơ của Tản Đà, nếu chúng ta chấp nhận phương pháp tiếp cận ấy như một tiền đề, tôi thấy ông không thỏa mãn được điều kiện *đồng đẳng* cần thiết của thẩm mỹ câu thơ cũng như không giải thích được liên hệ của các từ trong câu thơ ấy. Chỉ khi chúng ta đứng trên cùng một sân đứng và nói cùng một thứ ngôn ngữ thì ta mới có thể nói chuyện và chia sẻ được. Nếu không, chúng ta vẫn có thể nói lên tiếng nói của mình; tiếng nói của ta vẫn mang nghĩa; nhưng chúng ta không chia sẻ được, bởi lẽ chúng ta ở trên những đất đứng, trên những tiền đề, những khảo hướng khác nhau để làm việc. Dù sao, tuy không đạt được mục tiêu chia sẻ, các công việc của chúng ta vẫn có thể là tốt trong cái hướng riêng của nó.

Một dấu ngoặc ở đây. Trong việc tìm hiểu văn chương nghệ thuật, hiện chúng ta có rất nhiều khảo hướng hoặc nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Chính những sự khác nhau này làm cho đối tượng nghệ thuật được nghiên cứu tăng thêm độ dày và chiều sâu của nó. Tôi chọn hướng tiếp cận ngữ pháp vì tôi nghĩ ngữ pháp là một trong những yếu tố đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp người đọc *lột vỏ* một bản văn. Câu thơ của Tản Đà, theo tôi, đòi hỏi sự đồng đẳng của ba vế. Sự đồng đẳng, cân phương này có giá trị nghệ thuật trong văn hóa của nhiều dân tộc. Trong kiến trúc, trong thơ, văn, nghệ thuật của nhiều quần thể người (trong đó có Việt Nam), những nét song trùng, những sự cân phương, đồng đẳng... đã là những qui chuẩn thẩm mỹ. Trong môn *Mỹ từ pháp* hay *Tu từ học* (Rhetoric) của nhiều nước (kể cả Việt Nam), các nhà chuyên môn có nói khá rõ về vấn đề này ở nhiều mức độ và khía cạnh khác nhau.

Mỗi khảo hướng hay hướng tiếp cận đều có một giá trị riêng và nhất định của nó. Những tác phẩm nổi tiếng thế giới đều được trở nên bất tử vì chúng được soi chiếu dưới nhiều góc cạnh của thẩm mỹ con người. *Truyện Kiều* không trở nên bất tử vì đã được giải thích theo một khảo hướng được coi là duy nhất đúng!

● *Dương* (trong *tà dương, bóng dương*...), như tôi *đã viết* trong bài *Mấy Suy Nghĩ Thơ*, căn bản là một danh từ với nghĩa bình thường là *mặt trời* hay *chỗ có nắng*. Riêng trong hướng tiếp cận ngữ pháp của tôi và trong cấu trúc ba vế đồng đẳng của Tản Đà, tôi nghĩ là nó *có thể* được Tản Đà dùng một cách sáng tạo như một tính từ; bởi lẽ, chỉ trong trường hợp ấy, Tản Đà mới giữ được cho cả ba vế *Cỏ vàng / cây đỏ / bóng tà tà dương* của mình được đồng đẳng. Phần này tôi đã giải thích *rất kỹ* trong bài viết của mình với những lập luận trên mặt ngữ pháp, *hoàn toàn có tính căn bản*. Tôi nghĩ có thể Tản Đà đã làm mới câu thơ, làm mới nhận thức của người đọc trong cách dùng chữ có tính sáng tạo như thế. Và tôi đã đưa ra một số dẫn chứng Đông Tây trong cách làm mới *ngôn ngữ thơ* tương tự như cách mà, *có thể*, Tản Đà đã làm.

Mong ông có dịp *đọc kỹ* lại phần trình bày của chúng tôi trong bài *Mấy Suy Nghĩ Thơ*. Mấy từ như *tà dương, tà huy* gốc gác ở đâu, ý nghĩa như thế nào, thiết nghĩ không cần phải trình bày trong cuộc thảo luận này vì chúng không cần thiết. Nếu giảng cho học sinh, sinh viên học thêm về tiếng Việt, chúng ta có thể mang chúng ra nhân dịp nói về từ Hán Việt, về *thang độ Việt hóa* của chúng trong ngữ vựng Việt... Chúng ta cũng có thể đi sâu vào mặt *từ nguyên* (etymology) để giúp sinh viên hiểu thêm về những khác biệt căn bản và tế nhị giữa *dương* và *huy*, và về những khác biệt của *huy* với nhau (viết như thế nào hoặc với bộ nào thì nó là *ánh sáng mặt trời* và với những bộ nào thì nó là *sáng sủa, rực rỡ, ánh sáng mặt trời buổi sáng*, và như vậy thì chữ *huy* sau có thể kết hợp được với *tà* không, v.v...). Chúng ta cũng có thể đi vào phần phân tích ngữ âm và âm vị học với ảnh hưởng khác biệt của *dương* và *huy* khi ghép với *tà*. Nhưng ở đây, tôi nghĩ là chúng ta đang bàn đến một vấn đề cao hơn và tế nhị hơn khi, bất ngờ, *tà tà dương* (chứ không phải *tà dương*) lại đi với nhau. Chính vì sự kết hợp tuyệt vời của *tà tà dương* mà Nguyễn Hưng Quốc và chúng tôi có dịp cất tiếng.

"Lặn tà dương" và "gác tà dương" không liên hệ gì trong sự làm mới ngôn ngữ của của bất cứ một người Việt Nam nào. Không cần nói đến Tản Đà.

● Cụm từ *Mấy Suy Nghĩ Thơ*, được dùng làm tựa đề bài viết của tôi, xét về mặt căn bản ngữ pháp, có thể được phân tích như sau: Đây là một *danh ngữ* trong đó danh từ *suy nghĩ* là từ chính (key word). *Mấy* là tính từ chỉ số lượng, bổ nghĩa cho *suy nghĩ*. *Thơ* là danh từ *được dùng như tính từ* (chẳng hạn như trong *Cảnh trông thơ quá*), bổ nghĩa cho *suy nghĩ* (Cấu trúc này cũng giống như cấu trúc của những cụm *cuộc cách mạng dân tộc* và *những tiểu luận văn học*, trong đó *dân tộc* và *văn học* căn bản là những danh từ, ở đây, đứng làm tính từ, bổ nghĩa cho *cách mạng* và *tiểu luận*. Cấu trúc này, trong rất nhiều ngôn ngữ, là chuyện hết sức bình thường.)

Vậy, *Mấy Suy Nghĩ Thơ* (không phải là *Mấy Suy Nghĩ Về Thơ*) là *một vài suy nghĩ có tính cách thơ mộng*. Vậy thôi. Không có gì là khó hiểu cả. Bài ấy viết về thơ; vậy thì, có thể nghĩ thêm là *một vài suy nghĩ có tính cách thơ mộng*

về Thi ca. Thật sự, đó là một lối chơi chữ và chơi ngữ pháp rất thông thường của nhiều nhà thơ và nhà văn (của ta cũng như của thế giới. Có thể để ý đến khái niệm *logopoeia* của Ezra Pound và những nhận định của ông về nghệ thuật chơi chữ độc đáo và tuyệt vời của các nhà thơ.). Về vấn đề làm mới ngôn ngữ thơ nơi các tác giả Việt Nam, ông có thể nghiên cứu thêm về Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện, Mai Thảo, Xuân Diệu, Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Cao Đông Khánh, v.v... Ta chưa cần xét đến những nhà văn nhà thơ nước ngoài.

Sở dĩ tôi đặt tựa đề như thế là vì tôi chủ ý viết bài ấy *một cách thơ mộng* theo ý của mình, chứ không có tính trường ốc, mặc dù bài ấy nếu viết một cách trường ốc thì cũng không khó, và, có thể, nó cũng có cái đặc sắc riêng của nó. Còn nỗ lực của tôi có thành công hay không, hoặc thành công ở mức độ nào, thì đó là nhận xét ở phía người đọc.

● Về vấn đề chơi chữ và chơi ngữ pháp, nếu ta không có thì giờ để theo dõi chữ viết, tư tưởng và tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ hiện đại, cuốn *Chơi Chữ* của Lãng Nhân, mặc dù in đã lâu, cũng đưa ra được nhiều giai thoại, nhiều thí dụ tốt và lý thú.

● Cụm từ *cái câu thơ này* của Nguyễn Hưng Quốc mà ông dẫn ra để phê bình có tính bỉ thử, trong nhận xét của tôi, và trong ngữ cảnh mà nó được dùng trong câu văn của Nguyễn Hưng Quốc, hoàn toàn đúng về mặt ngữ pháp. Dù sao, đây cũng là chuyện nhỏ nhặt. Theo tôi, NHQ là một trong những người có những đóng góp và xây dựng đẹp trong lãnh vực phê bình văn học ngoài nước.

Để trở lại vấn đề, trong suy nghĩ của tôi, *cái, con* (chưa kể đến những mạo từ khác hết sức độc đáo trong tiếng Việt Nam, góp phần làm cho ngôn ngữ Việt trở nên đẹp đẽ và đặc biệt trong chùm hoa lá phất phới của tiếng nói và ngôn ngữ con người) là những mạo từ rất độc đáo trong tiếng Việt. Ở đây, tôi xin lỗi không có giờ để đi sâu vào những phân tích có tính ngữ nghĩa và ngữ lí học cũng như có tính triết lý về trường hợp của những từ này. Tôi chỉ xin phép đề nghị ông nghĩ thử về một số những câu này trong tiếng Việt:

- *Cái* cô này là hư lắm đấy! Lớn rồi mà chẳng để ý đến chuyện chồng con gì cả!!
- *Cái* ngủ mày ngủ cho lâu / Mẹ mày đi cấy đồng sâu chưa về (Ca dao VN)
- *Cái* phương pháp ấy không tiếp cận được vấn đề .
- Nó bé nhưng *cái* gié nó to (Tục ngữ VN)
- *Cái* cò, *cái* vạc, *cái* nông / ba *cái* cùng béo vặt lông *cái* nào (Ca dao VN)
- *Cái* sống, *cái* chết chẳng qua thì cũng nằm trong thân phận con người:
-*Cái* hèn, *cái* dởm
- *Cái* sống và *cái* chín

(Le cru et le cuit, Claude-Levi Strauss)

Thật sự, trong ngữ pháp Việt nói riêng và ngữ pháp nhiều nước nói

chung, một cách tổng quát, mạo từ được chỉ định rõ là phải dùng hoặc không được dùng trong những ngữ cảnh nào. Tuy nhiên, có những trường hợp mà người viết có quyền tùy nghi sử dụng để diễn đạt cho đúng tâm ý mình hay cho đẹp nhịp văn. Điều này, tôi nhấn mạnh lại, không phải chỉ trong ngữ pháp Việt hay ngữ pháp Âu Mỹ. Nó ở trong ngữ pháp của nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Ngoài *cái* ra, tiếng Việt lại còn có *chiếc*. Ông nghĩ sao về những *cái "chiếc"* này của các nhà thơ Việt Nam:

Trăng mờ chiếc *quạ kêu sương*
Lửa chài cây bãi sầu nương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San
(Tản Đà dịch *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế)

Một chiếc *linh hồn nhỏ*
Mang mang thiên cổ sầu
(Huy Cận (?))

● Về Thánh Thán, đề nghị ông xem thêm về tiểu sử, công trình và hướng phê bình cũng như phong cách phê bình của Thánh Thán. Cũng nên so sánh đóng góp và hướng phê bình của Thánh Thán với những đóng góp và hướng phê bình của hai vị cũng rất nổi tiếng là Lưu Hiệp và Viên Mai.

Tôi không nhìn thấy cách dùng hình ảnh hoặc thí dụ về Thánh Thán trong phần nhận định của ông (là) hợp lý.

BÙI VĨNH PHÚC
Irvine, California (11.1993)



TRẦN SA

hai tròng mắt

tôi bóp mạnh hai tròng mắt ướt ướt long lanh ấy trong lòng tay
cho đến khi chúng vỡ
để không còn bị ám ảnh nữa
bởi những cái nhìn si mê có lúc làm tôi hãi sợ
rồi tôi đứng trước gương
cười nức nở:
tôi sẽ không đẹp nữa bao giờ!

và tôi đi rửa tay
rửa sạch sẽ những tế bào trắng trắng đen đen
lẫn trong máu đỏ hồng nhầy nhụa
thật khó hiểu được tại sao
từ hai vật thể nhỏ nhoi đó
lại sản sinh ra những khát khao đắm đuối điên cuồng
gần như mộng mị
nửa như của thiên thần
nửa dường là ma quỉ
thiên thần bay bổng thênh thang
ma quỉ vật vờ buồn bã

tôi thoa xà phòng đến năm lần
nước sẽ cuốn trôi đi tất cả...

nhưng cái cảm giác khi hai tròng mắt ướt ướt long lanh ấy
bị vỡ bụp trong lòng tay
và sự cọ xát âu yếm đau đớn vô cùng
của đôi nhãn cầu kỳ dị
vẫn bám chặt trên từng phân vuông của bàn tay tôi
trắng sạch

đã trắng sạch hẳn chưa?
tôi không thể nào nhìn thấy!

TRẦN SA



ĐOÀN NHẬT

thức dậy ở cố quận

Thức dậy ở cố quận
Đợi bình minh
Bình minh, bình minh sao chưa rộn rã
Ngọn gió tự bao giờ hao hút
Có lá tinh mơ thời tuổi trẻ
xanh lên nỗi sơ sinh quạnh quẽ

Thức dậy ở cố quận
Đợi sớm mai
Sớm mai, sớm mai sao chưa mênh mang
Ngọn nắng còn bao lâu lẩn hút
mảng mây dăng ngang ngước nhìn hôn ám
khẽ kêu gọi người xưa người xưa

Thức dậy ở cố quận
Đợi mặt trời
Mặt trời, mặt trời sao chưa bừng sáng
Tiếng chim kêu hoang vu đưa về nguồn
Tình thơ tiếng hát xưa vây hãm
Giọt sương rớt trên mặt cỏ lạnh bất thường

Thức dậy ở cố quận
Đợi tình xưa
Tình xưa, tình xưa sao chưa bật khóc
Biệt mù đường về xa trước mặt
Xáo động cây lá ẩn dật sau lưng
Tự hỏi có thật không, cuộc đời có thật không

Thức dậy ở cố quận
Còn rất sớm
Gầy nhóm lửa trong tinh mơ chờ đợi...

ĐOÀN NHẬT



LÊ PHỔ: Les fleuristes, *sơn dầu trên bố (45.3/4" X 31.7/8")*



LÊ BÁ ĐẢNG: Gương Đêm - *Mixed Media*

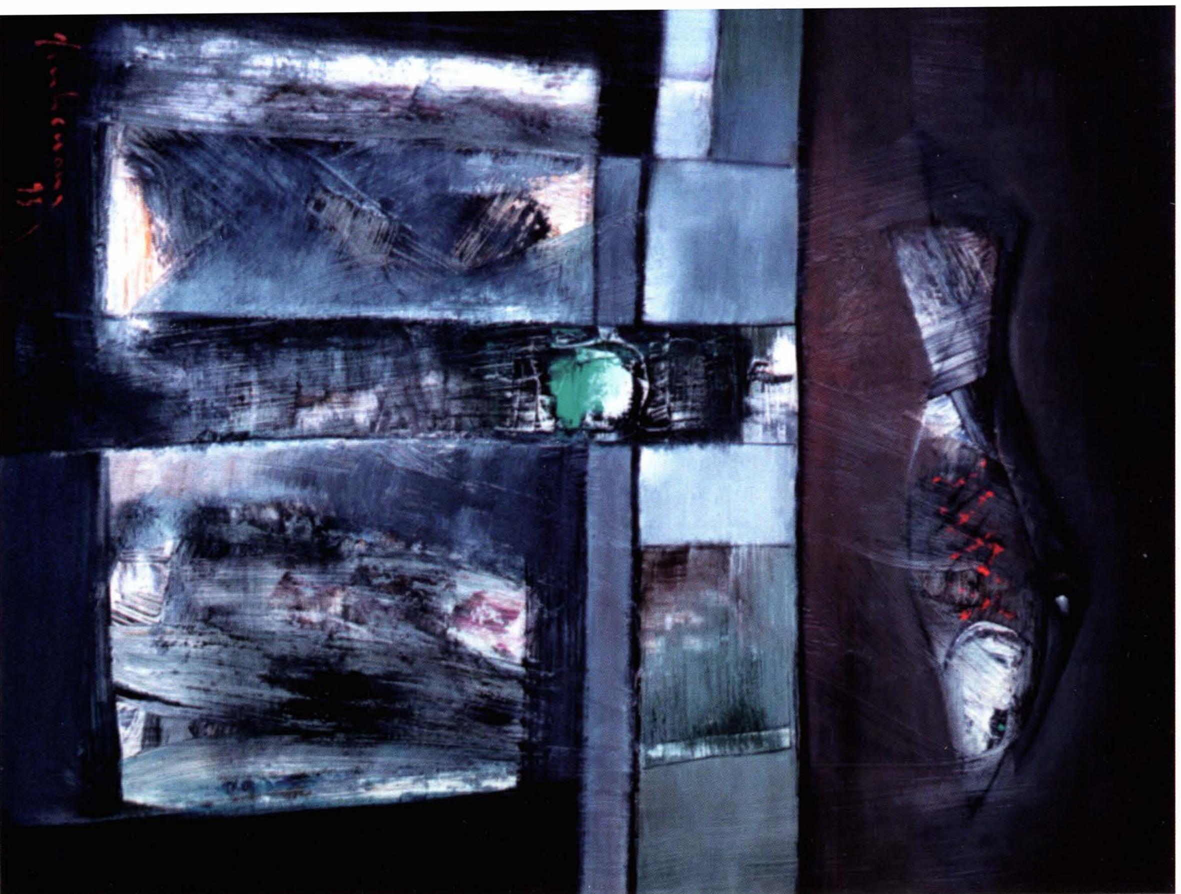


Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư
KL.

VÕ ĐÌNH: Núi Không Lộ - *mộc bản* - 1982



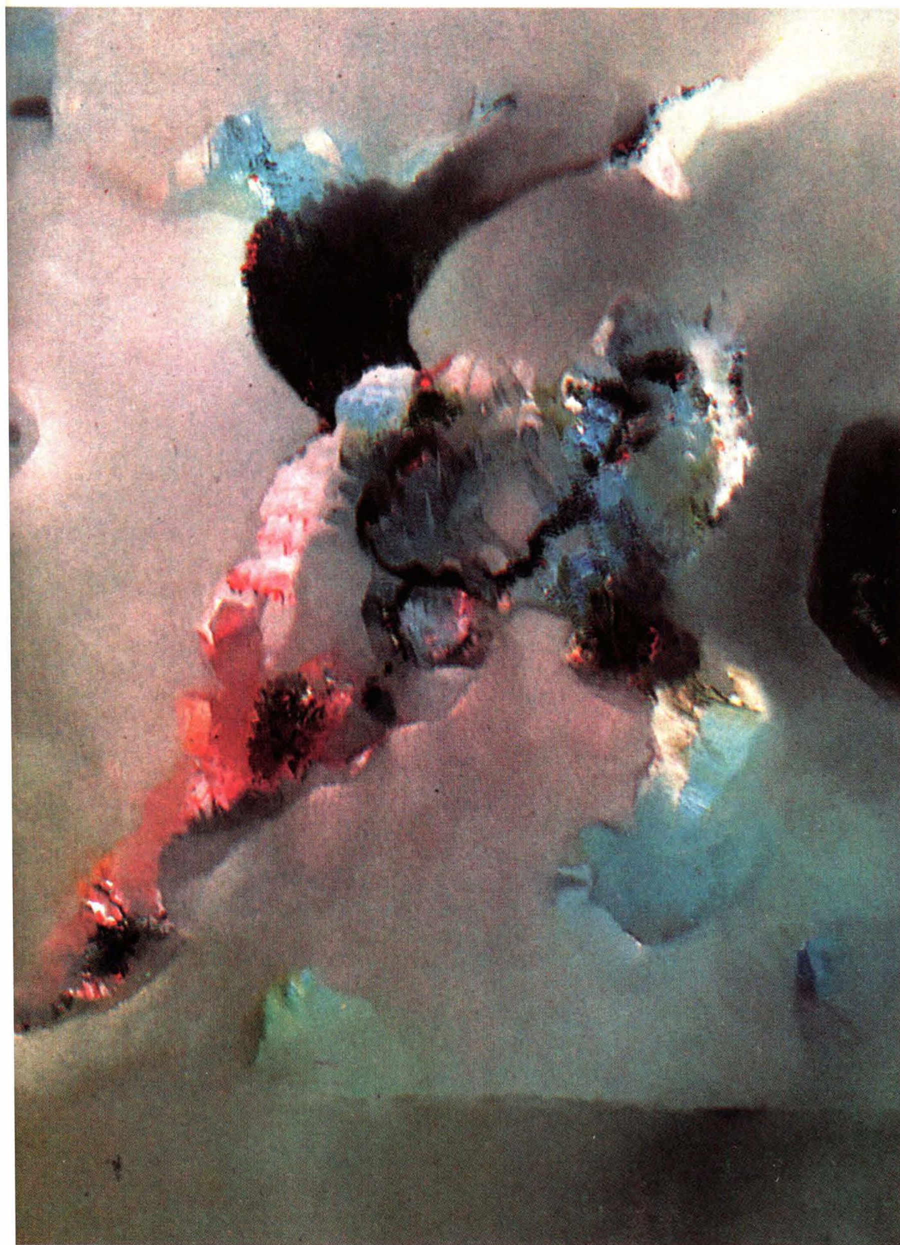
VÕ ĐÌNH: Chim Và Đá - 24" X 32", *Polymer trên gỗ* - 1992



ĐINH CƯỜNG
Tỉnh Vật
Sơn dầu trên bố
24" X 30". 1993



NGUYỄN TRỌNG KHÔI: Vũ Nữ, *23" X 31", sơn dầu trên bố, 1993*
Sưu tập của BRUCE ROSSLEY



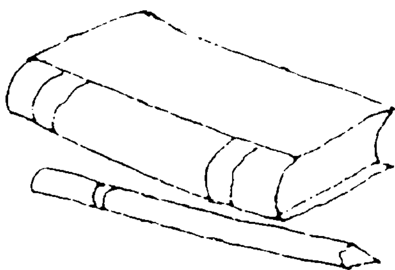
LÂM TRIẾT: Ký Ức - *sơn dầu*



KIM THI

ngày... tháng...

Ngày 4 tháng 10, 1993



PHẠM THỊ HOÀI VỚI GIẢI LIBERATURPREIS

Ngày 3 tháng 10, 1993, nhà văn Phạm Thị Hoài được hội những người yêu thích văn học của thành phố Frankfurt (Đức) trao giải Liberaturpreis 1993 cho tác phẩm *Thiên Sứ*. Đây là giải thưởng văn học hàng năm, trao trước ngày khai trương hội chợ sách ở Frankfurt. Giải thưởng này dành riêng cho các nhà văn nữ của Á, Phi, Châu Mỹ La Tinh... có sách xuất bản ở Đức trong năm vừa qua. Năm nay có gần bốn mươi tác phẩm của khoảng hơn 30 tác giả tham dự, với những tên tuổi như Nadine Gordimer, Isabelle Allende, Dương Thu Hương, LeLy (Việt Nam ở Mỹ, với tác phẩm: *Khi Trời Đất Đổi Thay*) Amy Tan (Trung Quốc ở Mỹ, với tác phẩm: *Những Đứa Con Gái Của Trời*), v.v...

Đến Đức từ đầu tháng 9, 1993, Phạm Thị Hoài cho biết chị vẫn tiếp tục sáng tác và hiện đang viết cuốn tiểu thuyết thứ nhì, sau *Thiên Sứ*.

Bản đáp từ dưới đây nguyên văn bằng tiếng Đức, được nhà văn Phạm Thị Hoài đọc trong buổi lễ trao giải thưởng, và do chính tác giả chuyển ngữ sang tiếng Việt:

Tôi xuất thân từ một nền văn minh mang nặng dấu ấn văn chương. Ở đó, văn học từng gánh nhiều trách nhiệm đối với toàn bộ đời sống xã hội hơn cả người mẹ đối với đứa con sơ sinh, nhiều sứ mệnh hơn cả một đạo quân giải phóng, chịu nhiều ràng buộc hơn cả tình máu mủ, và có thể dựng nên nhiều kỳ tích hơn cả phép màu. Ở đó, văn học là phẩm hạnh sinh ra và củng cố những phẩm hạnh khác, và với tư cách là phẩm hạnh, nó buộc hơn chỉ là một nghệ thuật.

Nhưng ai cũng biết, nền văn minh hàng ngàn năm ấy đã sụp đổ khi chạm phải một thế giới từ phương xa đến, một thế giới hoàn toàn không hoạt động

theo kiểu văn chương, bằng các khái niệm văn chương cơ bản và các ý niệm văn chương, nó sụp đổ khi vẫn còn mơ màng và bay bổng trong sự vô nghĩa và tối nghĩa tuyệt đối của các vần thơ tao đàn, và trong sự bất lực của các bộ kinh điển cao siêu.

Hậu thế của nó, một xã hội tuy tước bỏ chớp nhoáng ngôi vị quyền quý của các văn sĩ, nhưng vừa nghiêm khắc vừa có chiều hướng tin tưởng ban cho họ địa vị của đám đầy tớ trung thành, một xã hội trong đó mọi thứ đều phải viết hoa, cái xã hội đó đã biến văn học "phẩm hạnh" thành một thứ văn học "loa phóng thanh", thật ồn ào, để những gì bị bịt câm cũng thực sự nằm trong câm nín. Mọi người cũng lại biết, cái xã hội đó đang trong giai đoạn tan rã. Nó tan rã, khi các văn sĩ đầy tớ tận tụy nhất của nó vẫn đang hét hò ầm ĩ.

Có lẽ tôi không bao giờ diễn ra được hết nỗi niềm của các nhà văn của nền văn minh văn chương chúng tôi. Mặc cảm tội lỗi rằng chính mình, từ ngôi vị cao sang, hay từ địa vị thân tín nhất, đã cùng gây nên sự sụp đổ không chỉ một lần này. Hăng hái dấn thân, như người ta thường đòi hỏi và luôn ca ngợi, chán ngấy cả mớ bòng bong đó, thì ăn nhằm gì đến mình nào. Kiệt sức, ốm người, mà cách nào đó vẫn lại đầy mong ngóng. Và trốn chạy, cốt sao thoát khỏi cái nền văn minh đáng nguyền ấy, thà lao vào, chẳng hạn, một thế giới trong đó chỉ có cái gì bán được là đáng kể còn hơn. Đắm mình trong những đam mê mới, chẳng hạn, đam mê con chữ. Thách đố ngoại nhập, chẳng hạn, những thể nghiệm táo tợn nhất. Hoặc đơn giản là chịu đựng, già nua và suy sụp đi trong miếng cơm manh áo tối thiểu hàng ngày. Và có lẽ sẽ chết ngu trong sự chồng chéo của các mặt trận, các hiệp định hòa bình, các quan hệ hỗn loạn Nam-Bắc, Đông-Tây, và các quan hệ sản xuất thay đổi luôn xoành xoạch.

Điều đó nghe có vẻ không lạc quan cho lắm. Tôi thừa nhận là rất nhiều khi tình trạng của tôi cực kỳ tồi tệ, rằng tám mươi triệu đồng bào tôi cũng chẳng hơn gì. Rất nhiều khi tôi cảm giác như có một đấng tối cao nào đó nhất định không ưu ái chúng tôi, và dường như đó là một bi kịch nổi tiếng toàn thế giới.

Song một nhúm lạc quan cá nhân bé nhỏ của tôi vẫn cứ tồn tại, với mỗi dòng tôi viết. Thật khó nói tôi hy vọng điều gì. Viết hay hơn, tất nhiên, và bằng cách đó một chút hơn chỉ là một nhà văn, và như vậy tiếp tục thủy chung với nền văn minh sinh ra tôi, một cách hoàn toàn tự nguyện.

PHẠM THỊ HOÀI
Frankefurt, 3.10.1993
(Dịch từ bản tiếng Đức)

Ngày 7 tháng 10, năm 1993

Hôm nay, Viện Hàn lâm Thụy Điển vừa công bố nhà văn được giải Nobel 1993: nữ văn sĩ Mỹ Toni Morrison, 62 tuổi, sinh tại Lorain, Ohio, Hoa Kỳ. Hiện là giáo sư về khoa Nhân văn tại Đại học Princeton, New Jersey. Từng đoạt giải thưởng Pulitzer (Mỹ) năm 1988.

Morrison trước tác không nhiều, tổng cộng chỉ sáu tác phẩm, nổi tiếng

nhất là ba cuốn: *"Tar Baby"*, *"Song of Solomom"* và *"Beloved"*. Viện Hàn Lâm Thụy Điển cho rằng tiểu thuyết của Morrison được cá tính hóa bằng cách du nhập thi ca và sức mạnh của thị kiến trong đời sống hiện thực của xã hội Hoa Kỳ.

Đặc điểm của Morrison trong kỹ thuật viết là sự chặt chẽ và thống nhất với chủ đề, nhưng cũng mang nhiều biến đổi phong phú. Người đọc có thể thích thú theo dõi sự chuyên nhất trong bút pháp và bố cục thay đổi theo từng tác phẩm, và được khai triển độc lập nhau, ngay cả những ảnh hưởng bắt nguồn từ Fulkner và các nhà văn Mỹ miền Nam Hoa Kỳ.

Bằng ngôn ngữ của thi ca, Morrison làm bật lên lòng thương cảm và tính nhân bản trong mọi tác phẩm. Bà cho rằng thế giới hiện nay đang bị phái tính hóa, tính dục hóa và chủng tộc hóa, vì vậy, qua văn chương, bà nỗ lực muốn giải phóng con người ra khỏi những xiềng xích đó, nhất là xiềng xích chủng tộc. Tuy nhiên, bà viết thêm: "Nỗ lực của tôi khởi lên từ niềm vui, chứ không vì thất vọng".

Morrison là nhà văn nữ da đen đầu tiên và là phụ nữ thứ tám đoạt giải Nobel, kể từ khi giải này được thành lập vào năm 1901.

Rất tiếc, Morrison chỉ viết truyện dài (chỉ có một truyện ngắn duy nhất, nhưng không xuất sắc), vì vậy không thể giới thiệu cùng độc giả một cách cụ thể, trực tiếp văn chương của bà, trên diễn đàn này.

Ngày 12 tháng 10, 1993

Nhà văn Mai Thảo nói: *"Độc giả than phiền sáng tác trên các tạp chí văn chương phẩm chất sút hẳn so với những năm trước đây"*. Nhà thơ Du Tử Lê bi quan: *"Văn xuôi hải ngoại đang hấp hối"*. Một vị cầm bút lâu năm ai oán: *"Không thể cầm nổi cây viết. Viết cái gì và viết cho ai?"* Một chủ bút thở dài: *"Chịu trách nhiệm biên tập cho một tờ báo bây giờ thật khổ, số nào cũng lo không đủ bài trám đầy trang. Nhiều sáng tác dưới trung bình rất xa, vẫn phải đi"*.

Đó là tình trạng chung của văn học hải ngoại. Ông bà chủ bút nào cũng đều biết chuyện ấy. Nhưng độc giả thì không. Độc giả bỏ tiền ra mua một tờ báo, họ đòi hỏi những trang chữ được chọn in phải xứng đáng với đồng tiền đã bỏ ra. Đó là một đòi hỏi chính đáng, hữu lý và công bằng.

Khi sự hữu lý và công bằng không được thực thi, độc giả thôi, không mua, không đọc báo nữa. Kết quả: các tạp chí văn học, vốn đã "thắt lưng buộc bụng" để sống còn, càng trở nên èo uột, thoi thóp hơn. Sự tồn tại của một tờ báo, không còn dám tính từng quý, từng năm, mà là từng số. Ra được số nào hay số ấy.

Nhưng ra, để rồi hoặc chất đống trong garage, hoặc nằm mốc meo trên các giá gỗ của các hiệu sách. Sự thờ ơ ghẻ lạnh đối với văn chương, đã biến chữ nghĩa thành một thứ phế phẩm, nhìn, không khỏi cảm thấy nao lòng.

Nếu bạn là người từng cầm bút, hẳn bạn hiểu hơn ai hết công sức bỏ ra

để hoàn tất một trang bản thảo nó kỳ khu đến chừng nào. Thường khi bạn phải thức trắng đêm, trăn trở với từng dòng, từng chữ, viết, dập xóa, xé bỏ, viết lại... rồi khi bản văn hoàn tất, bạn cẩn thận đánh máy lần cuối, cẩn thận bỏ bao bì, cẩn thận dán tem, gởi đi, và chờ đợi. Chờ đợi báo ra, chờ đợi độc giả đọc, chờ đợi một vọng âm... Khổ thân chưa! Chờ mãi, chờ hoài, vẫn chỉ là sự vắng lặng lạnh người. Một lời khen, không có, một tiếng chê, cũng không nốt. Không, không, và không... (ngoại trừ một hai bài thù tạc, tung hứng của... anh em: tớ viết cho cậu lần này, lần sau, cậu đừng quên tớ đấy nhé!). Vậy thì nhà văn, anh viết cho ai? Anh suy nghĩ, anh khám phá, anh tìm tòi, anh khốn khổ vì nó, để làm gì? Những câu hỏi không có lời giải đáp! Kẻ cầm viết cảm thấy nhuệ khí tiêu tan, niềm tin suy sụp, cây viết trong tay dần dần trở thành đồ vật thừa, vô bổ, không còn đủ hấp lực để buộc chủ nhân của nó cầm lên. Chưa kể, đời sống quanh anh mới nghiệt ngã làm sao. Cái gì cũng trở nên quá đỗi tầm thường, quen thuộc, nhợt nhạt. Không một tình yêu lớn để vật vả, không một bất hạnh vừa để khổ đau, không một thảm kịch nhỏ để trăn trở. Mọi điều đã được định đặt đâu ra đó: sáng, lên xe, tới sở. Chiều, lên xe, về. Tối, dán mắt vào màn ảnh TV, rồi làm tình, rồi ngủ, để sáng hôm sau lại một vòng quay mới không khác bao nhiêu với vòng quay hôm qua. Nhà văn bị nhận chìm trong hệ lụy đời thường: cái nhà, cái xe, xấp "biêu" ký trả hàng tháng, con cái cần thêm vài bộ quần áo mùa đông, vợ cần hút bớt lớp mỡ thừa chảy xệ quanh khoang bụng, gia đình cần một món tiền đi nghỉ hè xứ lạnh... Nhà văn, ông teo tóp thế kia, lấy cái gì vắt ra để phơi trải lên trang giấy? Quê hương? Chỉ một tấm vé tám trăm đô la, đã tuần sau có thể dạo quanh bùng binh Nguyễn Huệ. Những khốn khó của bằng hữu người thân? Ông không trầm mình trong đó, không thực sự hít thở nỗi bất hạnh, dòng chữ ông viết ra nào khác chi công việc của một kẻ cỡi ngựa xem hoa? Vừa bất nhân vừa bất nhẫn. Những căn thù uất ức của bao năm tù đày tủi nhục? Bao nhiêu người đã viết, xạo có, thật có, đầy nhóc, tràn ngập, viết thêm ư? Cũng chẳng gây nổi ngạc nhiên, xúc động cho ai. Vả, thời gian cùng bao nhiêu đổi thay hiện tại, trước mắt, coi chừng ông sẽ trở nên lạc hậu, đóng vụng về vai trò của một thầy bói mù xem voi. Cuộc sống bơ vơ, xa lạ xứ người? Có đấy, nhưng chẳng ghê gớm gì cho lắm, một năm, hai năm, cũng quen, cũng thích nghi được...

Trở lại với câu hỏi: nhà văn, ông viết cái gì và viết cho ai? Rốt cuộc, vòng tương quan luân hồi giữa tác giả và người đọc càng lúc càng đi đến chỗ bế tắc: người viết không viết được vì không có gì để viết, và không có người để đọc. Người đọc thờ ơ vì người viết không cung cấp nổi cho họ món ăn tinh thần mới lạ...

Lẩn quẩn loanh quanh một hồi mấy tay chủ bút lãnh đủ: không có bài làm sao ra báo? Báo ra không bán được làm sao đủ tiền tiếp tục ra?...

Có người thắc mắc: đã thế, còn duy trì làm chi văn chương với chữ nghĩa? Để thì giờ làm tiền kiếm cơm nuôi vợ nuôi con có hữu ích hơn không?

Nhưng kẻ vừa thắc mắc quên không thử đặt một câu hỏi khác: Nếu mười tám năm qua, trên xứ người, cộng đồng Việt Nam không có những tờ báo, những tạp chí, những kẻ "điên khùng", "cơm nhà ngà voi" là các tay chủ bút, các ông bà chủ nhiệm, các loại người "bất bình thường" đêm đêm còng lưng trước trang giấy, thì "khuôn mặt văn hóa" của cộng đồng chúng ta sẽ thế nào?

Nói như thế không phải để tự an ủi, để tuyên dương bản thân hay để than oán nỉ non. Nói, chỉ để gióng lên một tiếng kêu cứu: Trừ phi chúng ta thực sự muốn trở thành Tây, Tàu, Mỹ, Nhật hay Đức, Úc... gì đó, không bàn. Nếu chúng ta vẫn còn muốn làm một người Việt Nam, còn thích nói ngôn ngữ mẹ đẻ hơn tiếng xứ người, còn có ý định trở lại quê hương (trở lại để thăm bà con họ hàng hay để ở luôn) thì cũng nên, mỗi người một chút, cố gắng đóng góp trong muôn một tí công sức mình, vực dậy một sinh hoạt có vẻ như "vô bổ" nhưng hết sức cần thiết, là sinh hoạt văn chương. Tôi nghĩ, không khó lắm đâu, đối với mỗi cá nhân chúng ta: Trích ra vài mươi đồng một năm để chọn mua một tờ báo, và thay vì dán mắt vào TV mỗi tối, hãy dành mỗi tuần vài hôm tập lại thói quen đọc sách, đồng thời bỏ thêm năm mươi phút ngồi vào bàn, hay nhấc ống điện thoại, gởi đến kẻ làm văn một vài ý kiến. Dù khen hay chê, đối với kẻ cầm bút vẫn là một khích lệ "ắt có". Nó chứng tỏ người đọc có quan tâm đến người viết. Đừng tin những ông bà ra điều "đạt đạo": *"Tôi viết, tôi sáng tác trước tiên và cuối cùng cho tôi, mọi bình phẩm chỉ là chuyện thị phi, tôi gác ngoài tai"*. "Tôi viết, trước tiên cho tôi", đúng. Không ai bắt nhà văn làm công việc ấy cả, nếu tự bản thân không cảm thấy cần bày tỏ những băn khoăn ray rức nào đó trong nội tâm ông (hay bà) ta. Nhưng "cuối cùng cũng chỉ cho tôi" thì sai. Nhà văn bày tỏ nỗi niềm lên trang giấy, há chẳng phải để gởi cho đời sao? Há chẳng mong có người đọc đến và chia xẻ sao? Như vậy, tương quan giữa kẻ sáng tạo và độc giả là một tương quan có thật, cần thiết. Không có cái này, cái kia không thể tồn tại. Từ đó, nghiêm chỉnh mà nói: nhờ vọng âm từ độc giả, kẻ làm văn sẽ cố gắng hơn, nỗ lực hơn, dám hy sinh nhiều hơn, để tác phẩm có đủ chất xúc tác vươn đến sự hoàn thiện. Do tác động hỗ tương này, tôi lạc quan tin rằng vòng nhân quả kia sẽ dần dần mở ra: người làm văn có đủ nghị lực ngồi vào bàn, trau chuốt từng dòng, từng chữ, sao cho cái của ngày hôm nay phải khác cái của ngày hôm qua, bởi ông (bà) ta biết rằng những con chữ ông (bà) ném xuống trang giấy, sẽ có nhiều, rất nhiều người khác chờ đợi, đón coi. Ngược lại, người đọc, nhờ ý chí vượt thắng của người viết, sẽ biết đâu không còn cơ hội than phiền: *"Văn chương Việt Nam hải ngoại đang trong cơn hấp hối"*.

Tôi vẫn thường nghĩ: trồng được một cây ổi cây mận trên phong thổ lạ lẫm quê người, đã khó. Vun bồi, chăm sóc, tỉa cành, nhặt sâu cho cây ổi cây mận kia tăng trưởng, tỏa rợp bóng râm và đơm hoa kết quả hẳn nhiên còn khó hơn nhiều. Việc khó tất không dễ làm. Nhưng sẽ ấm áp biết bao nếu ai cũng dám quên việc dễ để làm việc khó.

Ngày 5 tháng 11 năm 1993

Bài "*Thơ, Phi Cơ*" của Đỗ Kh. trên Hợp Lưu số 13 khiến tôi băn khoăn không ít.

Đỗ Kh. nói chuyện tàu bay, chuyện chó, chuyện mèo, chuyện beo, chuyện gấu, chuyện Trung Đông, chuyện Việt Nam, chuyện Tây, chuyện Mỹ, linh tinh đầu ngô mình sở. Đọc, chẳng ai hiểu đương sự muốn gì. Bỗng dùng một cái, đương sự kết:

Những con Ma trên vùng trời nào
Cũng đều như nhau
Có khác, là vị trí của từng người ở dưới với đường bom.

rồi chấm hết, sau khi viết trong ngoặc kép một mẩu nhắn tin ngắn cho thằng bạn tên Tư nào đó của đương sự.

Công bình mà nói: viết "nhận định" với "tiểu luận" kiểu này, nếu lấy thang điểm của mấy vị phê bình gia chính quy để xét, có nhiều phần bản văn sẽ được lãnh một vòng tròn rõ to tượng hình con số zéro.

Nhưng khổ nổi, tôi và nhiều người khác, đọc xong cứ băn khoăn hoài. Băn khoăn và ray rứt. Hình như đương sự vừa dụng chạm đến một cái gì rất dễ rung trong tâm hồn chúng ta.

Những con ma trên vùng trời nào
Cũng đều như nhau

Con ma, một loại phi cơ chiến đấu, bay nhanh như sấm sét, mình mang đầy bom, là tên hung thần trên trận địa. Trừ những anh trốn quân dịch, những vị lính văn phòng và những con ông cháu cha tếch ra ngoại quốc du học đúng vào cái tuổi cần phải cầm súng "giữ biên cương", bất cứ nam nhi hảo hán nào ở vào cỡ sồn sồn như tôi bây giờ, đều không lạ gì loại hung thần này. Mỗi lần trông thấy cái khối sắt đen chùi chủi ấy gần rú nhào xuống, phóng ra phía trước hai lằn tên lửa, rồi lập tức một vầng mây đỏ như cây nấm khổng lồ bùng lên ở một góc rừng, là nhiều phần lát nữa ngang qua nơi đó, bọn "ăn bờ ngủ bụi" tụi tôi cũng tìm thấy rải rác đâu đó những cánh tay, bàn chân hay ruột gan phèo phổi của "lũ Việt Cộng tham tàn" vùi dưới đất đá hoặc treo tòng teng trên các cây cành trụi lá!

Những con ma trên vùng trời nào
Cũng đều giống nhau.
Có khác, là vị trí của từng người ở dưới đường bom.

Chứ còn gì nữa? Ông Phạm Duy đứng bên này bờ vĩ tuyến, nhìn "anh Quốc" hào hùng sai khiến "con ma" gào rú ầm ĩ trên bầu trời miền Bắc, thả xuống thôn làng nhà cửa đường sá con người những trái bom mang sứ mệnh cao cả *"gìn giữ mọi miền, dẹp đổ bạo quyền"*, ông bồi hồi cảm xúc, và thế là nhạc chảy ra, và thế là có anh ca sĩ thò đầu qua lỗ cắt tấm carton vẽ hình máy bay, lim dim mắt nỉ non "*anh Quốc ơi!*". Nhưng thử tượng xem, nếu ta sinh ra

ở miền Bắc, ta lớn lên ở miền Bắc, trong thời điểm đó, liệu ta có vải cứt vải đái bò lê bò càng dưới hầm sâu, môi cắn chặt răng để dằn cơn sợ, và lầm thầm cầu trời khấn Phật sao cho những trái bom *"gìn giữ mọi miền"* kia nó đừng giáng xuống đầu ta hay không?. Và hãy đẩy trí tưởng tượng xa thêm một chút: nếu chẳng may "anh Quốc" bị bắn rụng, ta sẽ làm sao? Có phải "tên giặc lái tay sai đế quốc Mỹ" kia sẽ bị ta "hồ hởi" phanh thây ra làm mắm? Có phải - giả dụ ta là người cầm bút - những bài thơ những bản văn của ta sẽ chất ngất căm thù, sẽ nồng mùi máu tanh? Cả hai thứ cảm xúc: cảm xúc của ông Phạm Duy, và cảm xúc của những con vật người khốn khổ chui rúc dưới hầm chờ đợi định mệnh gọi tên kia, đều rất thật. Thật, nhưng trái ngược hẳn với nhau như đen với trắng, như đêm với ngày, như sáng với tối, dù rằng chung quy cũng bắt nguồn từ một "con ma" vần vũ gào rú trên "vùng trời quê hương", được điều khiển bởi một con người mang tên "Quốc" mũi tẹt da vàng!

Những con ma trên vùng trời nào
Cũng đều giống nhau
Có khác, là vị trí của từng người ở dưới đường bom.

Chân lý thường giản dị. Không nói đến chuyện chính trị chính em, không mắc công lý giải minh chứng ai đúng ai phải, không nhì nhằng gào thét ai chính nghĩa hơn ai, chuyện đó xưa như trái đất, và đã tốn quá nhiều máu, trước kia, nước bọt, sau này. Ngấy tận cổ rồi. Chỉ nói đến cái "vị trí" của kẻ làm thơ, làm văn, và kẻ đọc thơ, đọc văn. Thứ nhất, cần phải tập cho mình một cách nhìn sao cho khách quan, nghiêm chỉnh, đường hoàng. Thứ hai, phải có cho mình một chút can đảm, nghĩa khí, dám đặt mình vào "vị trí" của kẻ khác, kể cả kẻ thù. Làm được hai điều đó, mọi việc sẽ sáng tỏ hơn, công bình hơn, dễ giải quyết hơn, và nhân bản hơn.

Ngày 10 tháng 11, 1993

Bạn thân,

Năm kia tôi sang Âu Châu, trước, để thăm gia đình, bằng hữu, sau, để "trình làng" *Hợp Lưu*. Lần ấy tôi vượt biên giới đến Đức gặp bạn, và đã cùng bạn chén thù chén tạc, suốt đêm. Vui như rất ít khi có dịp vui như vậy. Còn nhớ sáng hôm sau trên đường ra ga, bạn nói với tôi: *"Mình không đồng ý với chủ trương của Hợp Lưu. Vì thế mình sẽ không tham dự. Trừ phi, ngày nào đó, những sáng tác của chúng ta được phổ biến bên nhà. Cụ thể hơn, truyện của bạn hoặc của tôi xuất hiện trên báo chí Việt Nam, lúc ấy, có thể tôi sẽ viết cho bạn. Còn bây giờ việc ai nấy làm. Bạn có quan niệm của bạn, tôi có quan niệm của tôi, không ai dẫm chân lên ai. Nói cách khác, chúng ta vẫn sẽ tôn trọng nhau và vẫn sẽ là bằng hữu"*. Hình như tôi đã quàng vai bạn, thích thú: "*Thẳng thắn như vậy thật là tuyệt. Vâng, chúng ta sẽ mãi mãi là bằng hữu*".

"Sẽ mãi mãi là bằng hữu". Cho đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ thế. Dù rằng,

không như trước kia, chúng ta vẫn thường thư từ liên lạc. Dù rằng, có lần bạn nhờ tôi trình bày bìa cho một cuốn sách sắp in, tôi đã vui vẻ làm ngay, nhưng sau đó, thư cho tôi, bạn bảo: *"Nhà xuất bản in bìa từ lâu, mình không biết. Thôi để dành cho cuốn sau..."* Đọc thư, tôi hiểu chuyện không giản dị thế. Tôi hiểu ông giám đốc nhà xuất bản ấy vẫn xem tôi là đứa "sáng đánh tối đấu", tất nhiên ông không thể chấp nhận tấm bìa có ký tên tôi lại do ông in ra, bày bán trên thị trường. Tôi cảm thông nỗi khó khăn của bạn, cảm thông luôn với lập trường kiên định của ông giám đốc. Nhưng dẫu sao tôi cũng có buồn, chút chút. Để rồi tự nhủ lòng: quan điểm với lập trường là cái quái gì, sao nó làm cho con người chia cách nhau đến thế? Đành vậy, nhất định sẽ có một ngày tôi được hân hạnh vẽ bìa sách cho bạn.

"Sẽ mãi mãi là bằng hữu". Dù rằng, sau này bạn có ra thêm ít nhất hai cuốn sách, nhưng không gởi tặng tôi cuốn nào, như vẫn, lúc tôi chưa làm *Hợp Lưu*. Dù rằng, cách đây vài tháng bạn có qua chơi Cali, có đến thăm hầu hết những anh chị em văn nghệ. Duy chỉ tôi bạn không đến, không gọi điện thoại, không cả một lời nhắn hỏi... Tất nhiên tôi lại buồn, chút chút. Nhưng không trách. Bạn là người ngay thẳng, minh bạch, lý tưởng, thủy chung, bạn không chấp nhận nổi suy nghĩ của tôi, vì thế, có lẽ theo bạn, không nên gặp nhau tốt hơn, đỡ bẽ bàng hơn. Tôi hiểu, và cảm thông, để rồi lại tự nhủ lòng: "lập trường với quan điểm là cái quái gì, sao nó làm cho con người chia cách nhau đến thế? Đành vậy, nhất định sẽ có một ngày chúng ta cùng thoải mái quàng vai bá cổ nhau đến một quán nhậu nào đó, dùng rượu rửa sạch nợ nần."

Đành vậy... Đành vậy... Những tiếng "đành vậy" buồn nao lòng. Đành vậy, cái ngày ba mươi tháng tư năm ấy. Đành vậy, lớp lớp người ra khơi đi tìm một bến bờ nào đó ngoài muôn trùng sóng gió. Đành vậy, những thảm kịch. Đành vậy những dạt trôi. Đành vậy, những chia tan đứt ruột. Đành vậy, những tấm chân tình gãy, vỡ. Đành vậy, những nguyền rủa, những tro trấu, những vật thừa tanh lợm ném vào mặt nhau. Đành vậy, giữa chúng ta, đã không còn nữa sợi dây mật thiết nối liền hai kẻ có cùng nghiệp dĩ. Dù rằng, chúng ta "sẽ mãi mãi là bằng hữu", tôi tin thế, và bạn, trong tận cùng sâu thẳm của trái tim, có lẽ cũng còn tin thế.

Nhưng mà... bạn thấy đó, rõ ràng đã có một vết thương sâu, trên thịt da bằng hữu!

Tuần vừa qua tôi nhận được vài tờ báo từ trong nước gởi ra. Đọc lướt. Thấy tên bạn, thấy truyện ngắn của bạn đã được in lại, trang trọng, đàng hoàng, với những lời "mở" êm thấm, hiền hòa. Lập tức, tôi nghĩ ngay đến câu nói của bạn trên sân ga ba năm về trước.

Té ra điều tôi không tiện nói với bạn vào ngày ấy bây giờ đã ứng nghiệm: *"Rồi sẽ có lúc tác phẩm của bạn sẽ được in trong nước, sẽ có lúc văn chương sẽ dành lại được vị trí xứng đáng của nó, trong lòng dân tộc, vượt qua, vượt trên mọi xung đột chính kiến giai đoạn"*. Không lâu lắm, trước đây, có người trong

nước mỉa mai khinh bỉ: làm gì có một nền văn chương gọi là văn chương hải ngoại? Không lâu lắm, trước đây, có người ngoài nước ngạo mạn khẳng định: chỉ có nền văn chương lưu vong mới là chính thống! Cả hai thái độ đều ngầm chứa sự phẫn nộ, cả hai thái độ đều công khai chối bỏ nhau. Cả hai thái độ đều ăm ắp thù hằn, nghi kỵ. Thế nhưng bây giờ, vài ba năm sau, chuyện ấy đã trở thành... dĩ vãng. Ngày nay, trên những trang báo tôi vừa đọc, là truyện của bạn, là sáng tác, là thơ, là biên khảo của bao nhiêu người khác, bên ngoài. Và cũng trên những trang báo này, người ta đã dành cho các bản văn đó một niềm trân trọng tương xứng. Cũng như, ba năm nay, tuy chưa công khai, tạp chí *Hợp Lưu* đã được thầm lặng đón nhận bằng rất nhiều thiện cảm của hầu hết các văn nghệ sĩ thuộc nhiều thế hệ của cả hai miền Nam, Bắc, mới, cũ trong nước (tôi không hoa ngôn đâu, hãy thử hỏi bất cứ kẻ nào từng về thăm quê hương, từng gặp gỡ các văn nghệ sĩ, khắc biết). Và ngược lại, những sáng tác của người trong nước, đã được phổ biến, đón nhận rộng rãi khắp nơi trên thế giới. Đấy, lưu đạo của những dòng sông muôn đời vẫn phải trôi về biển. Biển, của kẻ cầm bút chúng ta, phải chăng là tiếng nói Việt Nam, là ngôn ngữ Việt Nam, là vùng đất chôn nhau, là chốn quê hương bầm dập, nát tan sau bao nhiêu năm chiến tranh thù hận?

Viết những dòng này cho bạn, không phải để nhắc: tác phẩm của bạn đã được in trong nước rồi đó. Vậy hãy hợp tác với *Hợp Lưu* đi. Thật tình mà nói, có bạn tham dự trên diễn đàn này, là điều tôi vô cùng vui, và hẳn nhiên độc giả cũng vui không kém. Tuy nhiên, nếu mãi mãi vắng bóng bạn, thì tờ báo cũng chẳng vì thế mà hay thêm hoặc dở ra. *Hợp Lưu* đã tương đối vững vàng. Bằng kiên trì, nhẫn nhục, chịu đựng, nó đã vượt qua giai đoạn rủi may của số phận. Nói cách khác, *Hợp Lưu* đã đủ trưởng thành để bước đi, bằng những bước chân, có thể đôi lần trong dĩ vãng, và cả tương lai, chệch choạc, nhưng điều chắc chắn: nó sẽ tiếp tục "đi". Tôi cho rằng bất cứ vận hành nào trong cõi nhân sinh, cũng đều khởi nguồn từ động từ "đi". "Đi" như thế nào, "đi" đến đâu, không quan trọng bằng hành động "đi". "Đi", là chuyển động, là tiến về một phía nào đó, là tự thay đổi cảnh giới trong nhãn quan, là "làm mới" suy nghĩ của mình, cách nhìn của mình, định kiến của mình.

Định kiến của mình. Tai hại lắm. Nó không cho phép ta nhìn thấy bất cứ cái gì khác, ngoài những cái "đã thấy". Hai mươi năm trước không phải bây giờ. Hai mươi năm sau lại càng không phải bây giờ. Chân lý này chẳng phải cao xa mới mẻ gì, phải không, bạn thân?

Nói cách khác, văn chương, nghệ thuật... không đi, là giẫm chân tại chỗ, là giam nhốt mình trong sự cũ mòn, sao chép, lạc hậu.

Lá thư này được viết cho bạn trong ý hướng ấy: hãy "đi", bạn thân. Hãy ra khỏi vũng lầy định kiến hữu hạn. Hãy buông trái tim bạn ra, cho nó thoải mái hòa cùng nhịp đập với quê hương. Bởi tôi tin rằng, qua tiếp xúc với bạn, qua những trang sách của bạn, bạn là người vô cùng yêu mến quê hương, và, hơn thế, vô cùng yêu mến chữ nghĩa. Nếu không, làm sao một người đã rời

khỏi đất mẹ trên hai mươi năm nay, lúc tóc còn xanh mướt, lúc tuổi đời còn quá đỗi non trẻ, mà ngày nay bạn vẫn sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ tuyệt vời như đã, trong bao nhiêu tác phẩm? Nếu không, làm sao bạn thản nhiên vất bỏ mảnh bằng tiến sĩ vào sọt rác, để chỉ sống, chỉ hít thở bằng một thứ dưỡng khí duy nhất: văn chương?

Tôi yêu mến bạn, vì thế. Tôi kính trọng bạn, vì thế, và tôi tha thiết mong bạn "đi", cũng vì thế.

Ngày 28 tháng 11 năm 1993

Anh em tòa soạn bảo tôi: Mùa xuân, cấm không được nói chuyện buồn. Kỳ này cậu phải viết cái gì thật vui.

"Viết cái gì thật vui"? Ngồi hàng giờ trước màn ảnh computer, loay hoay, vẫn không tìm ra "cái gì thật vui" để làm vừa lòng anh em. Chợt điện thoại reo. Nhấc ống nghe. Bên kia, giọng nhừa nhựa của một "tửu đồ" rủ đi... nhậu.

Đầu óc bỗng bừng sáng... "Nhậu"! Sao không viết về những cái liên quan đến "nhậu"? Và nhất là viết về những cao thủ văn nghệ trong làng "nhậu"? Đề tài này nhất định hợp với không khí ba ngày Xuân, và vui, là cái chắc.

Nghe nói tại Việt Nam hiện nay 90% dân văn nghệ đều biết nhậu. Sang, trà đình tửu quán với martell, cognac, hèn, gốc me gốc sấu với rượu đế, nếp than. Từ sáng tinh mơ đến nửa khuya gà gáy, từ ngày này sang ngày khác, từ tháng giêng đến tháng chạp, bất kể tứ thời bát tiết, bất kể nắng mưa sương gió, gặp nhau là có rượu, có men. Nhậu để quên đời, nhậu để yêu đời, nhậu để tìm cảm hứng, nhậu để... được nhậu. Riêng tại hải ngoại, cao trào nhậu không bừng bừng khí thế như vậy. Có lẽ do ảnh hưởng của môi trường chung. Tại Bolsa, nơi tôi đang ở, đếm đi đếm lại chỉ vài ba mạng. Tuy nhiên điểm đặc biệt: đã không nhập "đảng" thì thôi, nhập, hầu hết xứng dáng được xếp vào hàng "cao thủ".

Cao thủ mười hai túi, thượng thừa, không ai khác hơn *Viên Đạn Đồng Chữ Nổi* Mai Thảo. Ông uống rượu thay nước trà. Trung bình mỗi ngày một chai rưỡi, chưa kể những trận đột xuất (bù qua sớt lại, vị chi mỗi tháng khoảng 50 chai. Để tiết kiện bớt khoản chi "khổng lồ" này, ông thường mua từng... thùng, mười chai, giá sỉ, loại hai chữ). Ông uống từ ba giờ sáng hôm nay đến mười một giờ khuya hôm sau (tuổi già ít ngủ, và theo ông *"không ngủ được thì làm gì cho hết đêm? Rượu vậy!"*). Ông uống tì tì, tà tà, trường kỳ. Càng uống càng nhớ nhiều, chuyện năm mươi năm trước nhớ như ngày hôm qua; thơ tiền chiến, thơ hậu chiến, thơ *Sáng Tạo* đọc, ngâm vanh vách. Và càng uống càng tỏ lộ một phong thái rất... Mai Thảo: thích... mắng. Mắng sát sạt, bất kể nam phụ lão ấu, bất kể thâm giao hay sơ kiến. Mắng tuốt. Ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt, hầu hết những ai bị mắng cũng đều... cười xòa, không giận. Bởi vì có gần gũi Mai Thảo lâu, sẽ hiểu: chưa bao giờ ông thù ai, ghét ai. Với ông, chỉ có thích hoặc không thích. Thích, là bạn, không thích, cũng bạn, nhưng tránh quan hệ, nhậu nhẹt. Điểm đặc biệt: trong ngôn ngữ

đối đáp Mai Thảo có thể nặng lời với người này, kẻ kia, nhưng trên chữ nghĩa, chưa bao giờ, tuyệt đối chưa bao giờ, ông viết một dòng, dù chỉ mỉa mai nhẹ nhàng, hay cay đắng khinh bạc. Tôi đố các bạn, thử tìm xem trong suốt quá trình năm mươi năm làm chuyện văn chương của Mai Thảo, một chữ nào mạ ly, gay gắt với ai, dù không thiếu tro trấu thường ném vào ông, có khi vô cùng tàn nhẫn. Bài học tôi vẫn cố học ở người cầm bút lão thành này, cho đến nay, vẫn chưa học được, đó là sự trân trọng đối với cái gì viết ra thành chữ. Một đời Mai Thảo sống với văn chương, một đời Mai Thảo hít thở trong khí hậu của văn chương, và một đời Mai Thảo nghiêm cẩn với từng dòng chữ được viết ra. Chúng ta có thể không thích văn chương Mai Thảo, nhưng không ai phủ nhận được sự nhân hậu, tốt lành trên những trang viết của ông.

Từ ngày đặt chân lên đất Mỹ đến nay, trên mười bốn năm, Mai Thảo có lẽ là người đi nhiều nhất. Gần như tháng nào cũng đi. Miền Đông sang miền Tây, miền Bắc xuống miền Nam, tiểu bang này qua tiểu bang khác. California tới Pháp, tới Đức, tới Úc, tới Nhật, tới Trung Quốc, tới Hồng Kông... Đến đâu cũng bằng hữu anh em, đến đâu cũng những chai rượu hết vơi lại đầy, đến đâu cũng những cơn say mịt mù. Rượu thay cơm, rượu thay nước, và rượu nối liền các đại dương, ngoài thực địa, trong lòng người. Rượu, muôn năm.

Cao thủ mười túi có lẽ do *Thăng Long Văn Sĩ* Vũ Huy Quang nắm giữ. Sáng ra đã súc miệng bằng rượu. Điểm đặc biệt của tửu đồ này là bất cứ khoảng thời gian nào trong đời cũng buộc phải có hai nhân vật, một: để ghét, và một: để thương. Nếu chẳng may vào giai đoạn nào đó ta lỡ bị ông ấy ghét thì chớ có dại diện kiến, nhất định sẽ vuốt mặt không kịp bởi những "lời hay ý đẹp". Ngược lại, đã được thương thì... cái gì cũng thương được ráo, từ cái râu cái tóc đến... mụn ghẻ ngứa! Tất nhiên thương ghét ở đây không hề dựa trên bất cứ cơ sở luận lý lô-gíc nào, nó tùy từng lúc... nắng mưa trong tâm cảnh của ông ấy. Có khi, mới ngày hôm qua *"thằng ấy tuyệt vời, hay ho xuất chúng"*, hôm nay đã *"ra cái chó gì, đầu toàn đất sét"*. Hầu như ở Bolsa, tất cả những anh chị em văn nghệ, đều đã bị và được Vũ Huy Quang ghét hoặc thương ít nhất hai lần! Kim Thi đang trong thời điểm bị ghét. Nhưng nghe nói sắp được... thương lại!

Tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ: hình như chỉ một người Vũ Huy Quang... "ghét" trường kỳ, "ghét" muôn năm (hy vọng thế) là Dương Thu Hương. (thử kiểm lại xem, tất cả những bài viết sau này của ông ấy, hầu như không có bài nào không nhắc đến tên "kẻ thù"). "Ghét" đến độ, trên bàn viết của Vũ Huy Quang bao giờ cũng có một tấm hình nhà văn nữ này. "Ghét" đến độ, đang là tác giả của *Mười Truyện Trần Liêu Trai, Chín Truyện Ngắn*; dịch giả của *Nhục Bồ Đoàn, Nơi Trại Trừng Giới, Đường Lên Trời*; soạn giả của *Câu Chuyện Triết Lý*... bỗng "đằng sau, quay", sổ toẹt toàn bộ tác phẩm cũ, nhất định đòi viết tiểu luận chính trị... đua với họ Dương, để... thức tỉnh nhân tâm hầu tìm cơ... cứu nước! (coi nào, ai yêu nước hơn ai?). Trong cõi

người ta, chỉ có một cách duy nhất để cư xử với người mình ghét hoặc thương là đối diện thường trực với kẻ ấy (vật chất: nhìn hàng ngày vào chân dung kẻ thù, cho nhập tâm. Tinh thần: kẻ thù làm gì ta làm nấy, thử coi mèo nào cắn miểu nào?). Vũ Huy Quang không thoát ngoài thông lệ đó. Ông cũng giống như những người chống cộng kiên cường tại hải ngoại: tạo ra kẻ thù để nuôi dưỡng căm thù. Trừ phi, một hôm nào đó thức dậy, ông bỗng nhận ra mình vừa tìm thấy "kẻ thù" mới - Lynda Trang Đài chả hạn - "dễ ghét" hơn Dương Thu Hương. Lúc đó, nhiều phần trăm hy vọng ta lại sẽ được đọc những bài tán dương nồng nàn nghệ thuật lắc mông nhuần nhuyễn của các ca sĩ trẻ. Bảo đảm cỡ Lâm Tương Dũ, Trịnh Lâm Ngân, Vũ Xuân Hùng thất nghiệp dài người, chỉ còn nước về nhà chăn heo.

Kế tiếp là cao thủ tám túi: *Tháng Ba Gãy Súng* Cao Xuân Huy. Anh này uống nhiều, say ít nhưng số phần kém may mắn: hai lần bị cớm vồ vì tội uống rượu lái xe. Giờ, đi đâu cũng nhờ hiền nội làm tài xế (bằng lái đã nhờ phú lít giữ hộ), và mỗi tuần vài buổi, tàng tàng đến trường học tập chính sách "cải tạo" nhà nước dành cho các tửu đồ vi phạm luật lệ giao thông. Thế nhưng, ngoài những giờ học tập gương mẫu đó, anh vẫn rất ư chăm chỉ tại những "tửu trường". Đặc điểm của cao thủ này là viết cái gì cũng phải có tí "nhà binh" cài vào mới ra chuyện. Nhà binh đánh nhau tóc lửa nhưng vẫn có đủ thời giờ ngồi dưới giao thông hào mò... hang cua; nhà binh học tập cải tạo đói nhăn răng nhưng vẫn đởm lược vùng lên dập sái quai hàm mấy thằng phàm ăn tục uống; nhà binh dấu khẩu ra trò với địch nhưng vẫn mềm lòng trước giọng oanh vàng thỏ thẻ của em gái hậu phương; nhà binh gãy súng bơ vơ quê người nhưng trong bàn nhậu vẫn Đông Hà Gio Linh đì đùng dạn pháo... Một đặc điểm khác: càng uống càng nhăn răng... cười. Cười cho đến khi hết cười nổi thì lăn quay ra bàn, gục.

Mấy lúc gần đây nghe nói anh đang chuẩn bị cho ra lò một tờ báo có tên *"KaKi"* (đã nói, không có tí mùi nhà binh, không phải Cao Xuân Huy). Cũng nghe nói tuy có tên *KaKi* nhưng không chính trị chính em, không lập trường lập đoản, cũng không đánh đấm, khều chọc ai. Giải trí, giải trí, và giải trí... Đó là tôn chỉ của tờ báo. Hy vọng tờ *KaKi* của ông *Tháng Ba Gãy Súng* đừng dẫm mùi rượu, kẻo không, quảng cáo của hãng làm hòm dán nhầm vào quảng cáo phòng mạch bác sĩ, phiền to. Cái này không phải nói chơi. Hồi mới đến đất Mỹ, chủ biên *Hợp Lưu* kiếm cơm bằng nghề lay-out cho một tờ lá cải. Có cái quảng cáo của tiệm furniture: *"mềm, êm ái, dàn hồi mạnh nhờ hệ thống lò xo bằng thép nguyên chất"* (ý nói đến phẩm chất tuyệt hảo của cái nệm), anh ta quáng gà thế nào lại dán vào quảng cáo của một bác sĩ thẩm mỹ chuyên bơm ngực. Ngược lại, trên quảng cáo bán gường thì chần dần một câu xanh dờn của ông bác sĩ : *"Không đau. Có computer vẽ sẵn kích thước to nhỏ phù hợp với sở thích của nữ thân chủ"*. Tất nhiên chủ nhiệm tờ báo bị nạo, bị xé hợp đồng quảng cáo và cũng tất nhiên, tên thợ "cắt dán" bị lay-off! Kinh nghiệm đau thương này xin công khai để chuẩn chủ nhiệm *KaKi* liệu mà cảnh

giác.

Cao thủ phái Nga Mi, bảy túi: *Đảo Rùa* Vũ Quỳngh N.H. Nữ lưu này ngoài nhan sắc rất ư mượt mà (so với Lê Thị Thấm Vân - chân dung trên bìa tập truyện *Đôi Bờ* đã in ở bìa sau *Hợp Lưu* số 12 - chưa biết mèo nào cắn mĩu nào) còn là tửu hảo thủ danh trấn giang hồ, từng hạ đo ván không biết bao nhiêu hảo hớn. Trần Vũ từ Tây sang, được tiếng "súc miệng bằng rượu" cũng lạng quạng mấy phen trước cao thủ này.

Mới đây, tại San Jose, tửu đồ bảy túi của chúng ta lên xe bông. Mười hai giờ đêm, khách khứa tan hàng, tân lang và tân giai nhân áp tải bọn cái bang trong "đảng" về nhà riêng, mỗi tên cặp dưới nách một "ve", tất cả khoảng... trên mười "ve". Vừa mở cửa bước vào phòng khách, nữ anh hào đã oang oang tuyên bố: *"Không động phòng hoa chúc cái con... khỉ gì hết. Nhậu cái đã"*. Thế là rượu thừa, thừa cặn, rượu chưa khui, rượu Tây, rượu Mỹ, cognac trộn với vang đỏ, martell hòa cùng khai vị, làm tuốt. Rượu và hát, và ngâm thơ, và... gào. Năm giờ sáng, rượu sạch, giọng khan, chân tay bắt chuồn chuồn, chủ khách lăn quay ra thảm, ngáy.

Vậy mà tuần trước, Kim Thi lên San Jose dự buổi ra mắt thi phẩm *Nét Phẩy Bên Ngàn* của nhà thơ Nguyễn Tiến, gặp lại Vũ Quỳnh N.H., để rồi suốt bốn ngày đêm không nghỉ với những cuộc rượu bất tận, bao giờ cũng có mặt nữ tửu hảo thủ, nhưng lạ chưa? Chỉ ngồi góc tường cười góp và uống nước... lã! Không một hớp cà phê (trước, mỗi ngày chục cử, đen, đậm, không đường), không một hơi thuốc lá (trước, trên môi ít khi vắng bóng điếu thuốc, loại thuốc vấn bằng tay của Pháp, nặng như Bastoz Xanh), không một giọt rượu(trước, mỗi lần ngửa cổ là "đi đứt" nửa cốc cognac nguyên chất, không soda, không đá). Hỏi tại sao? Đáp: "Có chồng, phải bỏ chứ". Bỏ. Đoạn tuyệt hẳn. Và đoạn tuyệt được. Dễ dàng. Hân hoan. Nghiêm chỉnh. Đến độ cực đoan: "cấm" luôn cả đấng phu quân. Hỏi tiếp: "Mất đi những chất xúc tác, viết nổi không?". Trả lời: "Sao không? Kỳ này *Hợp Lưu* nhớ dành cho N. mấy trang. Bảo đảm không hay bẻ bút ngay". Thú thực, tôi chưa từng thấy một văn nghệ sĩ nào "hùng dũng" như vậy. Mất đi một "đảng viên", buồn. Nhưng vẫn xin ngả mũ bội phục. Hoan hô bà mẹ Việt Nam tương lai Vũ Quỳnh N.H.

Cao thủ hạng bét: Chủ biên *Hợp Lưu*. Uống ít say nhiều. Ngửi mùi rượu đã say. Tuy say sớm và nhếch nhác hơn ai hết, thế nhưng số lúc nào cũng đỏ như son: cớm chê không thèm đoái hoài, dù ít nhất bốn lần bị chận vì lái xe lạng quạng. Thậm chí có lần cùng Vũ Huy Quang quẹo trái chỗ cấm quẹo, cớm rượt theo tốp lại, trên tay đang cầm nửa chai cognac chưa kịp phi tang, và khi bị gọi ra làm "chim bay cò bay", đứng ngã nghiêng rất đúng phong cách của một thằng... say. Ấy thế mà vẫn thoát! Chả là lần đó chuyện anh chàng King đang gây sôi nổi dư luận khắp thế giới. Các ngài cảnh sát có lẽ hơi... kiêng bọn đen với bọn Á Châu da vàng mũi tẹt trong huyết quản có máu... cùi, nên rõ ràng hắn nghe anh cớm nói với chị cớm đi cùng *"hắn say quá rồi"*, thế mà (phúc bảy mươi đời) anh cớm chỉ xé cho hắn một cái giấy

phạt vi phạm luật lệ giao thông, rồi đuổi khỏi xe, bắt đi... bộ, để xe đấy ngày mai tới lấy! Một lần khác, từ quán nhậu về đến chung cư, hắn lạng quạng thế nào... chui lọt cả chiếc Toyota vào phòng khách của một căn hộ, sau khi ủi sập tường. Cảnh sát đến, hắn sợ vải đái, tỉnh ngay, mặt mày từ đỏ gấc chuyển sang xanh lè như chiến sĩ Trường Sơn sốt rét ngã nước. Cảnh sát bảo chuyện xảy ra trong parking, manager và kẻ gây tai nạn hãy tìm giải pháp thương lượng. Kết quả: Qua khảo giá, dựng lại bức tường sập và cánh cửa gỗ trị giá năm nghìn đô la. Hắn than đang thất nghiệp, bằng lòng trả mỗi tháng 100 tì cho đến lúc hết. Dĩ nhiên mọi chuyện êm đẹp. Luật pháp nước Mỹ nắm thằng có tóc, ai hơi đâu nắm thằng trọc đầu. Đã hên đến vậy, còn hên hơn nữa: Anh chàng manager, kiêm luôn thợ xây cất, tham ăn, tự xuất tiền mua vật liệu, ra công sửa chữa mất chưa đầy tám trăm. Anh ta không báo cho chủ, định cứ tà tà lãnh của hắn trăm tì hàng tháng. Nhưng hắn chỉ mới trả được đúng hai tháng, chủ bự bán khu chung cư cho người khác, thay đổi toàn bộ nhân viên điều hành. Anh manager không còn ai để nhân danh đòi nợ. Thế là hắn bỗng nhiên sạch nợ! Chuyện có vẻ như phịa, nhưng bạn bè của tay tửu đồ hạng bét này đều biết, thường đe: "Đi đêm có ngày gặp ma, vận may không đến hai lần". Hắn cười ruồi: "Thưa, đã đến ạ, lần thứ... tư kia đấy." Nay, bác sĩ cấm hắn rượu chè cà phê thuốc lá vì máu cao đến "mức báo động", nhưng chứng nào tật ấy: vẫn uống tì tì, vẫn say dài dài, vẫn loạng quạng như một thằng phải gió và vẫn hên tiếp tục! Trời đánh tránh thằng liều. Câu... danh ngôn này, áp dụng với hắn coi bộ đúng!

Ngoài các tửu đồ vừa kể, hình như giới văn nghệ Bolsa chỉ biết "nhấp môi" lấy thảo (có thể còn nhiều tửu hảo thủ nhưng Kim Thi không biết hết). Thậm chí, có vị, cả đời chuyên trị trà đá chanh đường (ít trà, nhiều đường, sữa càng tốt!). Thế mà mần thơ, viết truyện, biên khảo lại tuyệt hay, mới chết. Như trường hợp thi sĩ vạm vỡ Nguyễn Mạnh Trinh, nhà văn râu xồm Hoàng Khởi Phong, nhà phê bình đẹp giai Bùi Vĩnh Phúc, nhà báo vét tông cà vạt tứ thời bát tiết Lê Đình Điểu, nhà chủ nhiệm kiệm lời Đỗ Ngọc Yến, nhà văn dốn ngộ Phan Tấn Hải, nhà thơ trăng mười sáu Trần Dạ Từ, nhà tiểu thuyết sông Côn mùa lũ Nguyễn Mộng Giác và người đi trên mây Nguyễn Xuân Hoàng...

Hy vọng những tấm "gương" tôi vừa phát thảo chân dung bên trên có thể giúp độc giả tìm thấy một nụ cười nhỏ. Một nụ cười nhỏ, trong ba ngày Xuân, biết đâu sẽ đem lại nhiều may mắn cho một năm mới đang đến, ngoài cửa.

Ngày 5 tháng 11, 1993

Từ ngày 7 đến ngày 31 tháng 10, 1993, tại Scollay Square Art gallery, thành phố Boston, họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi cho mở cửa một phòng tranh. Đây là những tác phẩm ông sáng tác trong thời gian bốn năm, kể từ ngày vừa đặt chân đến nước Mỹ tới nay.

Theo tin tức nhận được, cuộc triển lãm thành công lớn, cả tinh thần lẫn vật chất. Già nửa số tranh được khách yêu nghệ thuật và các nhà sưu tập



chọn mua; một viện bảo tàng khá nổi tiếng mời Nguyễn Trọng Khôi triển lãm vào cuối năm nay; báo chí (Mỹ) tại địa phương dành những dòng ưu ái nhất cho người họa sĩ Á Châu này...

Còn nhớ bốn năm trước, vừa đến Cali, Nguyễn Trọng Khôi đã bị một số báo chí Việt ngữ chụp cho chiếc mũ cối to tổ bố. Ông cay đắng nói với bè bạn: "*Không sống ở đây được, mình đi thôi. Nhất định phải đi và phải làm nên chuyện.*" Và ông đi thật, để rồi hôm nay, quả ông đã "làm nên chuyện". Có thể nói, ít, ít để hy hữu, một họa sĩ Việt Nam, chỉ bốn năm, đã "hội nhập" được vào sinh hoạt nghệ thuật bản xứ. "Hội nhập" thật, chứ không tự "đánh trống thổi kèn" ồn ào, hữu danh vô thực.

Rất vui được chia xẻ thành công này với Nguyễn Trọng Khôi. cũng tuyệt đối tin tưởng cuộc trưng bày sắp tới vào cuối năm nay, "bạn dzàng" sẽ thành công hơn nữa. Bởi vì, dù có... ghen tức chút xíu (thông cảm đi, hai cô ca sĩ có khen nhau bao giờ? Nhất là "ta" tự hiểu dẫu có "hát" ỏm tỏi đến bao nhiêu, vẫn cứ mãi dở hơn "người"!), nhưng làm sao phủ nhận được sức sáng tạo mãnh liệt và óc cầu tiến, học hỏi không ngừng của "bạn dzàng"?

Ngày 4 tháng 11, 1993

Tòa soạn *Hợp Lưu* nhận được *"Thư Ngỏ"* dưới đây của ký giả Phan Thanh Tâm, với lời đề nghị anh em trong ban chủ trương *Hợp Lưu* cùng ông lên tiếng yêu cầu các cơ sở báo chí, truyền thanh, truyền hình của người Việt hải ngoại hãy tôn trọng quyền được đính chính, biện giải, trả lời của bất cứ cá nhân, đoàn thể, tổ chức nào bị bôi nhọ, chỉ trích, ngay trên những diễn dàn mà chính họ là nạn nhân.

HL xin đăng tải "*Thư Ngỏ*" này với ước mong, mọi cơ sở truyền thông của người Việt hải ngoại sẽ xem đây là vấn đề chính đáng cần lưu ý.

THƯ NGỎ GỬI QUÍ VỊ VỊ CHỦ NHIỆM BÁO VÀ GIÁM ĐỐC ĐÀI TRUYỀN THANH, TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Giới viết văn, viết báo người Việt hải ngoại vẫn thường nêu lên vấn đề tôn trọng quyền trả lời trên báo chí của những thành phần sinh hoạt trong cộng

đồng Việt Nam mà không có cơ quan ngôn luận trong tay.

Trong trường hợp một cá nhân, đoàn thể, tổ chức bị phê phán chỉ trích hay bị kết án, muốn cải chính hoặc muốn biện giải về hành động chủ trương đường lối của mình, nhưng khi các hệ thống truyền thanh, truyền hình và báo chí không chịu đăng tải, phổ biến bản minh xác, họ phải làm thế nào?

Câu hỏi trên không phải mới đặt ra. Người ta đã nói tới nhiều lần, dưới nhiều hình thức khác nhau. Nhưng hồi gần đây, nó trở thành một vấn đề thời sự sôi động. Người viết văn viết báo thấy rằng đã đến lúc cần phải lên tiếng bày tỏ quan điểm của mình.

Trước hết, chúng tôi, những người có tên dưới đây công nhận rằng trong vai trò thông tin nghị luận, các cơ quan truyền thông Việt Nam hải ngoại đã có những đóng góp cụ thể bằng các bài báo, tin tức, bình luận, điều tra, phóng sự về hoạt động của các cá nhân, đoàn thể và tổ chức trong cộng đồng. Sự đóng góp ấy giúp độc giả có những phản ứng thích nghi đối với các biến chuyển của thời cuộc.

Tuy nhiên, khi các bài đăng có tính cách phê phán, chỉ trích, chúng tôi nghĩ để rộng đường dư luận, độc giả cũng cần được nghe tiếng chuông thứ hai từ chính các đương sự bị nêu đích danh. Có so sánh, độc giả mới thấy rõ được sự việc, rút được kết luận riêng, vì một quan điểm được đưa ra không nhất thiết đã là chân lý.

Mặt khác, chính nhờ tiếng chuông thứ hai đó, độc giả mới có được một cái nhìn đầy đủ hơn, đánh giá được tính khách quan, trung thực và chính xác của tiếng chuông thứ nhất.

Vì thế, chúng tôi cho rằng nếu cá nhân hay đoàn thể tổ chức nào trong cộng đồng hải ngoại lên tiếng đính chính hoặc trả lời một bài báo liên quan đến họ và được đăng tải tại một vị trí tương xứng như bài báo đã đăng trong một thời hạn thích hợp thì đó là điều công bằng và hợp lý, giúp cho sinh hoạt cộng đồng tốt đẹp hơn. Đối thoại ngay thẳng sẽ làm bớt hiểu lầm, tranh chấp, giữa lúc, hơn bao giờ hết, cộng đồng người Việt cần có sự hợp tác và thông cảm.

Vả lại, việc tôn trọng quyền trả lời chỉ là tuân theo truyền thống sẵn có và luật lệ của ngành truyền thông thế giới, làm sáng tỏ đạo đức báo chí của người cầm bút, đồng thời phù hợp với tinh thần thượng võ: kẻ có báo không trấn áp kẻ không có báo. Quy luật đơn giản nhất của một xã hội tự do dân chủ là người bị chỉ trích, phê bình, kết án bao giờ cũng có quyền trả lời và có cơ hội đối chất công khai.

Trong lúc chờ đợi thấy bức thư này đăng trên quí báo, chúng tôi xin gởi đến ông bà lời chào đoàn kết để cùng tiến đến việc thực hiện ước mơ tha thiết nhất của chúng ta: Xây dựng một nền báo chí lành mạnh, tiến bộ về kỹ thuật và tư tưởng tại hải ngoại cũng như ở một nước Việt Nam thực sự tự do, dân chủ và giàu mạnh trong tương lai.

Làm tại Hoa Kỳ ngày 9 tháng 9, 1993

Bảo Hoàng, Bùi Bảo Trúc, Bùi Hồng Sĩ, Bùi Văn Phú, Bửa Sao, Cao Thế Dung, Cung Tiến, Đàm Trung Pháp, Đặng Tiến, Đặng Văn Âu, Đào Khanh, Đinh Thịnh, Đinh Viết Tứ, Đỗ Hữu Tài, Đỗ Kh., Đông Duy, Dương Phục, Hà Vũ Trọng, Hoàng Khởi Phong, Huỳnh Hữu Ủy, Khánh Trường, Kinh Huy, Lê Bi, Lê Đình Diểu, Lê Thái Hưng, Lê Thọ Giáo, Lê Thứ, Lê Văn Khoa, Lê Vũ, Lôi Tam, Minh Hằng, Nghiêu Đề, Ngọc Lan, Nguyyễn Đình Cường, Nguyễn Đình Hà, Nguyễn Đình Thắng, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Huỳnh Mai, Nguyễn Khắc Nhân, Nguyễn Hồng Long, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Ngọc Linh, Nguyễn Nguyên Thanh, Nguyễn Ninh Quang, Anh Tử, Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Quang Định, Nguyễn Quang Dũng, Nguyên Thi, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Khoa Phương, Nguyễn Tiến, Nguyễn Trọng Cảnh, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Xuân Nghĩa, Nhã Ca Trần Thị Thu Vân, Nhật Tiến, Nhuệ Giang, Phạm Đình Tùng, Phạm Nhân Trí, Phạm Phú Minh, Phạm Quang Trình, Phạm Trần, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Phan Thanh Tâm, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Song Thi, Tạ Tỵ, Thân Trọng Mẫn, Thanh Hiệp, Thế Giang, Thế Uyên, Thụy Khuê, Tôn Thất Đào, Trần Dạ Từ, Trần Hồng Châu, Trần Quán Niệm, Trần Quảng Nam, Trần Sa, Trần Văn Lưu, Trần Văn Thịnh, Trần Vũ, Trọng Kim, Trùng Dương, Trương Anh Thụy, Trương Vũ, Tư Đồ Tuệ, Từ Nguyên Trần Văn Ngô, Tường Vy, Viên Linh, Vũ Ánh, Vũ Đình Kh., Vũ Hoàng Anh Bốn Phương, Vũ Thanh Thủy, Đỗ Thị Kênh G., Nguyễn Đăng Thường, Võ Đông Pha, Lê Phục Thủy, Mai Lý Cang

(*Danh sách cập nhật đến ngày 20.10.93. Còn tiếp tục nhận thêm chữ ký*)

Ngày 10 tháng 11, 1993

Tác giả *Mùa Hè Đỏ Lửa* từ Việt Nam đến Hoa Kỳ vào đầu tháng 11, 1993, nhưng hôm nay Kim Thi mới được nói chuyện với anh, qua đường điện thoại.

Anh cho biết có mang theo bốn tập bản thảo: hai tập thơ, một tập tiểu luận và một truyện dài, bảo tôi tìm hộ nhà xuất bản nào chịu in (có trả nhuận bút đàng hoàng) để thứ nhất, thiết thực: có ít tiền hầu giải quyết nhiều nhu cầu cấp thiết cho đời sống mới. Thứ hai: các công trình tim óc này (dĩ nhiên không thể ra đời tại Việt Nam), sẽ có dịp đến với bạn đọc hải ngoại (và cả trong nước). Tôi nói sẽ liên lạc, thương lượng giúp anh, và tin rằng không thiếu gì nhà xuất bản bằng lòng in. Hãy cứ xét vấn đề dưới con mắt thượng mại: tên tuổi, uy tín của Phan Nhật Nam nào có xa lạ gì với giới sinh hoạt văn học nghệ thuật, nói riêng, người đọc, nói chung, sách của anh có nhiều phần trăm hy vọng được đón nhận nồng nhiệt, khỏi sợ cảnh nằm "ụ" trong kho.

Cũng qua cuộc điện đàm, anh bảo ít hôm nữa sẽ đến quận Cam thăm anh em, nhân tiện "trao ít thư từ bài vở gì đó bạn bè trong nước gởi cho KT". Và vì biết tôi chơi thân với nhà thơ Trần Mạnh Hảo, họa sĩ Phạm Cung nên anh vui vẻ nói ngay: Ngày lên đường, chính hai "thằng" đó đã đưa tôi ra phi

trường. Anh còn cho biết thêm: Tôi ở tù về, Phạm Cung giúp chỗ ăn ở, vợ chồng Trần Mạnh Hảo lo từ cái bàn chải chà răng đến cái... quần đùi. Chúng nó là những thằng bạn tốt.

Tôi nói có biết mối quan hệ mật thiết giữa anh và "chúng nó" từ lâu. Hảo, Cung, thỉnh thoảng thư từ, vẫn "khoe", Dương Phục về nước qua, cũng bảo đã gặp Trần Mạnh Hảo qua giới thiệu của Phan Nhật Nam. Giới văn nghệ Sài Gòn không ai còn lạ gì cảnh hai kẻ thù "không đội trời chung": *cựu bộ đội đặc công* Trần Mạnh Hảo và *cựu nhảy dù 12 năm cải tạo* Phan Nhật Nam vẫn thường cặp kè như Bá Nha với Tử Kỳ.

Dưới mắt nhìn của các vị "cực hữu", có thể hiện tượng này khó giải thích, nhưng những ai từng là độc giả của họ, sẽ dễ dàng tìm thấy cái lo-gic tạo ra mối quan hệ "bất bình thường" ấy: Họ là những "nam nhi" đúng nghĩa, những nhà văn nhà thơ chân chính. Văn chương của họ có thể rất khác nhau về phong cách, về tư tưởng, về vị trí, tầm vóc... nhưng có cùng một điểm đồng qui: đó là thứ văn chương thẳng và thật, không quanh co úp mở, không ngụy trang, giả hình, không màu mè riêu cua ra điều vượt trên vượt trước không thời gian! Một điểm đồng qui khác nữa, tôi cho là yếu tố quan trọng nhất khiến họ có thể nhìn ra nhau, đến gần nhau, trở thành "đồng chí" với nhau: tinh thần nhân bản và ý thức đấu tranh không khoan nhượng cho cái toàn thiện trong tác phẩm của họ.

Khi nghe Phan Nhật Nam bảo chính Trần Mạnh Hảo đưa anh lên phi cơ qua Mỹ, tôi chợt nhớ sáu năm trước, buổi tối, trên lề đường Trần Hoàng Quân, cũng chính tác giả *Ly Thân*, là hai trong số rất ít bạn bè tiễn tôi ra bến xe đò xuống Rạch Giá, vược biên, sau khi đã "đánh ngã" mấy lít rượu để cùng ngổn ngang "dồi lòng, dựa mận, chả chìa" được biến chế từ một "em" cầy tơ nào đó, khiến suốt nửa đoạn đường "đi tìm tự do", tôi luôn lơ mơ trong trạng thái dật dờ dở say dở tỉnh (chả hiểu vì "vía" tên Việt Cộng này lành, hay nhờ "thần men" hỗ trợ, chuyến vượt biên trót lọt ngon ơ, chẳng khác nào một cuộc pic-nic cuối tuần?). Ngẫm mà buồn cười, ma đưa lối quỷ dẫn đường thế nào, tên bộ đội đặc công này lại hai lần "tống tiễn" hai tên lính nhảy dù của Quân Lực VNCH ra nước ngoài, một, đi chui, một, chính thức. Coi bộ "bản mệnh" của hắn hệ lụy khá nhiều với "ngụy"!

Nghiêm chỉnh một chút, có thể kết luận không lầm, chính buổi tiễn đưa của vợ chồng Trần Mạnh Hảo đêm ấy, là một trong những nguyên nhân dẫn tôi đến ý nghĩ làm một tờ báo với chủ trương như *Hợp Lưu* hiện tại. Bởi vì, qua rất nhiều lần tiếp xúc với giới văn nghệ sĩ Nam cũng như Bắc, tôi hiểu, những người cầm bút viết văn chân chính (tôi nhấn mạnh: chân chính) sẽ mãi mãi chẳng bao giờ là "công cụ"' của bất cứ thế lực chính trị nào. Có thể trong cuộc đời họ, đôi khi phải thế này, thế khác (ai không thế này, thế khác, để tồn tại? Vả, như đoạn trên tôi viết về bài *Thơ, Phi Cơ* của Đỗ Kh.: sự biểu hiện tâm tư tình cảm của người cầm bút, trên văn chương, trong nghệ thuật, còn tùy vào vị trí và chỗ đứng của mỗi cá nhân đó, trong mỗi thời điểm),

nhưng bao giờ lương năng của họ cũng muốn vươn tới sự chân thiện. Làm sao có nổi sự chân thiện trong các trò chơi chính trị? Vì vậy, tôi tin, sớm muộn gì rồi các văn nghệ sĩ cũng sẽ nhìn ra nhau, nắm tay nhau, bởi chỉ trong thế giới đó - thế giới văn học nghệ thuật - họ mới thật sự là họ. Và cũng chỉ trong thế giới đó, chữ nghĩa của họ mới có cơ hội cất cánh, bay bổng, bung nở.

Trở lại chuyện Phan Nhật Nam. Mừng anh đã đến Hoa Kỳ. Mong anh sớm ổn định để tiếp tục công việc "tay phải" của mình: viết những dòng trung thật nhất, ngay thẳng nhất để ghi lại đoạn đời dài dằng dặc trên năm mươi năm làm người, cùng bao bao nhiêu "*ải trần gian*"* anh đã đi qua.

KIM THI

---

*Tên một tác phẩm của Phan Nhật Nam trước 1975.



NGUYỄN TRỌNG TẠO

không đề

có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi
có con người sống mà như qua đời

có câu trả lời biến thành câu hỏi
có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới

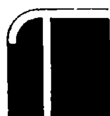
có cha có mẹ có trẻ mồ côi
có ông trăng tròn nào phải mâm xôi

có cả đất trời mà không nhà ở
có vui nho nhỏ có buồn mênh mông

mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ
mà đời vẫn say mà lòng vẫn gió

có thương có nhớ có khóc có cười
có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi...

NGUYỄN TRỌNG TẠO
(Trong nước)



TẾ HANH

mưa ngâu

Mồng bảy tháng bảy, tiết mưa ngâu
Chạnh nhớ chàng Ngưu và ả Chức
Chẳng biết lòng mình đang ở đâu
Trong cảnh vừa hư lại vừa thực

Sông Ngân một dải rộng mênh mang
Chức nữ làm sao gặp Ngưu lang
Đội đá trọc đầu thương chú quạ
bắt cầu Ô thước để ai sang

Em đi biền biệt tận phương trời
Anh đợi chờ em ở khắp nơi
Ngày vắng không vơi lòng tưởng nhớ
Đêm dài thêm nặng nỗi tương tư

Ngưu lang Chức nữ cách xa nhau
Còn có những nhịp cầu Ô thước
Anh muốn tìm em biết ở đâu
Muốn đến cùng em không đến được

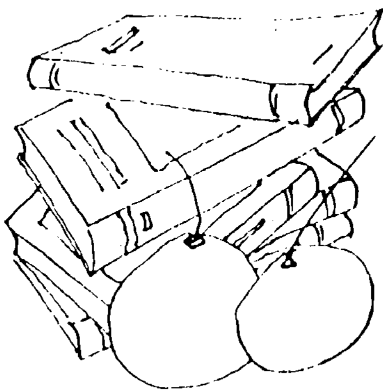
Đêm nay anh nhìn dải sông Ngân
Lòng nhớ thương em biết mấy tầng
Mưa ngâu rơi hạt trên mi mắt
Hàng vạn ngôi sao bỗng sáng ngần

TẾ HANH
(Trong nước0



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



NÉT PHẨY BÊN NGÀN, trường thi của Nguyễn Tiến. Bìa tranh Võ Đình. Phụ bản Nguyên Khai, Võ Đình, Khánh Trường. Thời Văn xuất bản 1993. Giá 10MK.

Từ lâu, chúng ta vẫn nghĩ "trường thi" theo nghĩa một bài thơ dài, kể lại một câu chuyện, có khởi đầu, có diễn tiến, để đi đến một kết luận nào đó ("có hậu" hoặc "không có hậu"), như *Đoạn Trường Tân Thanh* (Nguyễn Du); *Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu); *Cung Oán Ngâm Khúc* (Đoàn Thị Điểm), hay gần gũi với thời đại chúng ta hơn: *Đoạn Trường Vô Thanh* (Phạm Thiên Thư); *Tiếng Hát Dậy Từ Lòng Đất* (Trần Mạnh Hảo); *Trường Khúc Mẹ Về Biển Đông* (Du Tử Lê)... Quen với nếp nghĩ đó, độc giả hẳn sẽ ngạc nhiên không ít khi đọc *Nét Phẩy Bên Ngàn* của Nguyễn Tiến.

Đó cũng là một bài thơ dài, được nối kết bằng 250 đoạn, mỗi đoạn bốn câu lục bát, nhưng nếu chúng ta thử lóc bất cứ đoạn nào trong 250 đoạn, đọc lên, sẽ thấy một trong những đoạn rời này lại là một bài thơ, độc lập, gần như không liên quan gì đến hai đoạn trên và dưới. Nói cách khác, "trường thi" Nguyễn Tiến không có "truyện", không "kể" lại một "câu chuyện". Thế mà, bằng hơi thơ, bằng ngôn ngữ, bằng cấu trúc và nhịp điệu lục bát, được tắm dẫm và soi rọi dưới ánh sáng của Phật giáo đại thừa, tác giả đã tạo ra một tổng thể nhất quán, cái nhất quán có khả năng xóa bỏ "định kiến" về hai chữ "trường thi" đã có từ bao lâu nay. Chỉ riêng mặt này, chúng ta có thể khẳng định: đây là một phát kiến mới lạ và độc đáo trong sinh hoạt thi ca hải ngoại, nói riêng, Việt nam, nói chung.

Bạn đọc muốn có tác phẩm này với chữ ký của tác giả, thư kèm ngân phiếu về: Nguyễn Tiến P.O.Box 51634. San Jose, CA 95131 - 5634. USA

PHƯỢNG CÒN XANH, tuyển tập ca khúc của Đoàn Xuân Kiên. Bìa

Trầm Trọng Hải. Tác giả trình bày và kẻ nhạc. Phố Tịnh (Luân Đôn) xuất bản 1993. Không ghi giá bán.

23 ca khúc. Gồm 10 ca khúc trong tập CHIA XA (Ý Việt, Sài Gòn 1970), 8 ca khúc trong tập PHƯỢNG TRONG THÀNH PHỐ ẤY (Phố Tịnh, Vĩnh Long, 1972) và 5 ca khúc trong tập BẾN CHỜ) chưa xuất bản).

Thanh Phượng, một bằng hữu của nhạc sĩ Đoàn Trung Kiến, cho rằng: Phượng Còn Xanh *là tiếng hát về một hiện thực lãng mạn, là tâm cảnh của một người...*

VỀ ĐÂY NGHE EM, nhạc Trần Quang Lộc. Nhà xuất bản Thuận Hóa (Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam) 1993. Bìa Hồ Hữu Thủ. Design Quốc Bảo. Kẻ nhạc Minh Tiên. Không ghi giá bán.

Gồm mười bảy ca khúc chọn lọc của nhạc sĩ Trần Quang Lộc, gã du ca đúng nghĩa nhất trong sinh hoạt âm nhạc Việt Nam. Tiện nữ, lúc chưa vượt biển đến đất nước này, vẫn thường lai vãng những chốn "quần hùng tụ hội" để "nghe hôi" các anh chị em văn nghệ sĩ của Sài Gòn cũ, Hà Nội mới ngâm thơ, đàn hát và... chửi trời chửi đất. Đó là những Bùi Chí Vinh, Trần Mạnh Hảo, Phương Huệ, Đoàn Yên Linh, Thạch Cầm, Mai Hiên, Trụ Vũ, Nguyễn Tôn Nhan, Hoàng Ngọc Tuấn, Huy Tưởng, Mạnh Tường, Trương Đình Quế, Nghiêu Đề và Giang, Vũ Ngọc Giao, Nguyễn Tiến Văn, Hoàng Xuân Giang và Mai, Trần Dạ Lữ, Dũng Lệ... và đặc biệt nhất: Trần Quang Lộc. Trần Quang Lộc, tiện nữ sẽ chắc chắn không bao giờ quên giọng hát, cung cách đam mê ngất ngất và rã rượi rất mực của "chàng", khi nâng cây đàn trên tay, khi "gõ đàn hát chơi", khi buông đàn nâng ly rượu đế cay xè nốc cạn. Quả, ấn tượng "chàng" gieo trong đầu những người nào trót nghe "chàng" hát, có thể nói, là một ấn tượng cực mạnh. Mạnh, như đế Bà Điểm. Mạnh, như rượu Cây Lý, và mạnh, như mũi dao duyên ngập qua tim. Mạnh, nhưng đẹp. Cái đẹp của một tiếng kêu lặng lẽ của loài chim đêm giữa vòm lá tối. Đẹp, như nụ cười xót xa tiễn người ra đi biền biệt. Đẹp, như giọt nước mắt đọng trên gò má thanh tân giữa chiếu chăn nhàu nát.

Ước gì có một ca sĩ đam mê đủ mạnh như Lộc, để đưa những dòng nhạc này đến với thính giả!

CHẤM DỨT LUÂN HỒI EM BƯỚC RA, thơ Du Tử Lê. Mẫu bìa Khánh Trường. Tranh bìa Đinh Cường. Phụ bản họa Ngọc Dũng, Khánh Trường, Phạm Kim Khải. Ảnh Nguyễn Bá Khanh. Nhạc Trần Duy Đức, Đăng Khánh, Vũ Thành An, Song Ngọc, Phạm Anh Dũng. Ngoại Tập Bùi Bảo Trúc: *Lục bát Du Tử Lê*. Tủ sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản 1993. Giá 10MK.

Du Tử Lê tâm sự: "*Khởi đầu cũng như cuối cùng, tôi muốn được là một người làm thơ. Ở con người này, tôi thấy nó mang nhiều cái tôi chân thật hơn cả*".

Lời tâm sự trên là một khẳng định. Nó thật, với người thơ Du Tử Lê. Nó

thật, với những ai từng là độc giả của Du Tử Lê. Mấy mươi năm hệ lụy cùng chữ nghĩa, Du Tử Lê viết truyện, tùy bút, Du Tử Lê tả xung hữu đột trong chốn "gió tanh mưa máu" báo chí... cuối cùng, còn lại, trội bật hơn cả, vẫn là một Du Tử Lê thi sĩ, gã sứ giả trẻ hoài - và khổ đau hoài - trong tình ái. Tình ái, cái nền của thơ Du Tử Lê. Tình ái, chất xúc tác làm nên những tình ca bất hủ trong văn chương Việt Nam hiện đại.

Về "phong cách thơ" Du Tử Lê, có lẽ Bùi bảo Trúc đã có những nhận xét khá chân xác: *Du Tử Lê là một thi sĩ đích thực (...) Du Tử Lê đã làm công việc mà Paul Valéry nói: khủng bố ngôn ngữ. Ông đi tìm ngôn ngữ mới cho thơ. Ông cho những chữ đã cũ những đời sống mới bằng sáng tạo của ông. (...) Nghệ sĩ phải luôn luôn làm mới con người mình, làm mới nghệ thuật mình. Du Tử Lê đã làm công việc đó (...)*

Sách đã bán trên khắp các nhà sách toàn thế giới.

TÌNH YÊU TRONG DANH NGÔN VÀ THI CA, của Nguyễn Hoài Thương, Khai Trí xuất bản 1993. Giá 25MK.

Đây là tác phẩm đầu tiên của nhà xuất bản Khai Trí, tại hải ngoại.

Dày trên 600 trang, với 2170 câu danh ngôn bất hủ của các danh nhân Đông Tây, kim cổ, cùng trên 150 thi sĩ với trên 300 bài thơ thuộc mọi thời điểm của văn học Việt Nam, cũng như một số nhỏ các thi hào thế giới như Lý Thương Ẩn, Lý Bạch, R. Tagore, G. Apollinaire... Theo tác giả, những bài thơ được trích dẫn không hẳn là những "tuyệt tác", mà chỉ là những bài thơ ông sưu tầm được, trong một khoảng thời gian nào đó, bởi cơ hội thuận tiện nào đó, bằng chủ quan của mình, cho nên ông tin rằng sẽ còn nhiều, nhiều lắm, những thi sĩ, những tác phẩm tuyệt vời khác ông chưa có "cơ duyên" tương phùng.

ĐỜI NGHỆ SĨ, của Nguyễn Hiến Lê. Bìa: tranh Ingres: *Madame Marcotte de Sainte-Marie* vẽ năm 1826, trong sưu tập của viện bảo tàng Louvre. Trình bày Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản 1993. Giá 9MK.

Cuốn sách ghi lại cuộc đời của những danh nhân tên tuổi: Walt Disney, William Somerset Maugham, Goeth, Chateaubriand, Honoré de Balzac.

Vẫn bằng văn phong giản dị, minh bạch, khúc triết và nhân hậu, Nguyễn Hiến Lê dựng lại cuộc đời của các danh nhân vừa kể: họ sinh ra tại đâu, lớn lên thế nào, làm việc, phấn đấu, thành công, thất bại, vượt qua nghịch cảnh và mưu cầu sự toàn bích trong các lãnh vực đã chọn lựa ra sao?

Một loại cẩm nang bồi bổ kiến thức phổ thông, dễ đọc.

JOHN F. KENNEDY VÀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM, của John Newman, Trần Ngọc Dung chuyển ngữ. Hình bìa họa sĩ Quan Trường. Thế Giới xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ 1993. Giá 18MK.

Tài liệu bí mật của Ngũ Giác Đài mới tiết lộ 30 năm sau cái chết của Ngô

Đình Diệm, vạch trần những âm mưu của bộ ngoại giao Mỹ, qua mặt tổng thống Kennedy để lật đổ chính quyền đệ nhất cộng hòa tại miền Nam vào ngày 1 tháng 11 năm 1963, đưa đến cái chết của ông Diệm và bào đệ của ông: Ngô Đình Nhu.

Một tác phẩm cần đọc, để thấy rõ hơn thân phận nhược tiểu của một quốc gia, lúc nào và bao giờ cũng chỉ là một con cờ trên bàn cờ tranh chấp lợi quyền giữa các đại cường.

NHỮNG GIỜ ĐÃ MẤT, trường thiên của Võ Thánh Tâm. 5 tập. Tác giả xuất bản. Văn Nghệ tổng phát hành. Không ghi giá bán.

Nhìn chiều dày của bộ sách độc giả chắc chắn sẽ kinh ngạc. Với 2012 trang chữ khổ 11, khung rộng, những câu đối thoại không xuống hàng, hẳn tác giả đã phải tốn rất nhiều công sức.

Sách chia làm năm tập. Mỗi tập có một tiểu đề, theo thứ tự: Lan Đại Nương Tử, Xuân Di, Minh Hằng, Bạch Cúc Hoa, và Dư Hương. Thành thật mà nói, người giới thiệu sách phân vân không biết phải gọi bộ trường thiên này là gì: Tiểu Thuyết? Hồi Ký? Nhật Ký? Ghi chép? Càng phân vân hơn khi nhìn thấy những chương, hồi với tiêu đề rất gần gũi với truyện Tàu. Ví dụ: *Cửu chương nguyên tắc / Dạo hoa viên Ngọc Lan luận tôn giáo*. Hoặc: *Người yêu và con chó / Trường hợp nào Thần Sầu và Minh Thiếu quen nhau...*

Trên thị trường chữ nghĩa hiện nay, in sách, mỏng thôi, đã là một can đảm. In những năm cuốn, trên hai nghìn trang, là chuyện khiến cho những ai từng hệ lụy với ngành xuất bản không thể không nghiêng mình bái phục.

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG, truyện dài Vĩnh Hảo. Bìa của Kim Ấn quán. Tác giả xuất bản tại California, Hoa Kỳ năm 1993. Giá 15MK.

Chỉ trên dưới hai năm, Vĩnh Hảo liên tiếp cho ra đời 5 tác phẩm: hai truyện dài, ba tập truyện ngắn. Chưa kể, ở trang bìa sau, mục "sẽ xuất bản", ta còn thấy thêm 5 tác phẩm nữa, đã hoàn tất, chờ in! Sức làm việc như thế quả là hiếm có.

Phương Trời Cao Rộng dày 355 trang, gồm 15 chương, tác giả kể lại cuộc đời của một chú tiểu, từ ấu thơ đến lúc bước chân vào cửa chùa, cùng những kỷ niệm vui buồn, những vấp ngã và vượt thắng trong giai đoạn khoác áo nâu sồng, cho đến ngày 30 tháng 4, 1975, chú, cũng như bao người đồng tu, xiêu dạt, thất tán. "*Chưa đầy một năm rời viện, các chú đã trở thành người lớn để chọn lối đi khác cho mình. Tôi không biết cơn bão ấy sẽ ảnh hưởng gì đến cuộc đời tôi nay mai. Nhưng tôi muốn nói với các chú ấy rằng người lớn thường chọn nhầm lý tưởng, còn tuổi thơ, giống như những cánh chim non, không bao giờ chọn nhầm vòm trời mênh mang xanh biếc của mình cả...*" Truyện kết thúc ở đó. Như một tiếng thở dài, buồn, nhưng nhẹ nhàng, phiêu hốt, phản ảnh tâm tư tình cảm của một nhà tu, lấy giáo lý an nhiên nhiệm màu của Đạo Phật làm cứu cánh cho đời mình.

Những trang chữ hiền hòa, những tình cảm thanh cao, những hoài vọng trong trắng... Tất cả đã làm nên tác phẩm của Vĩnh Hảo. Tôi có thể nói không sợ lầm lẫn: trong thế giới văn chương hôm nay, rất hiếm một bút pháp như thế. Cái bút pháp khiến ta không thể không nghĩ đến chức năng cao quí của văn chương: thăng hoa con người và tụng ca cuộc sống.

KHÔNG KHÍ THỜI CHƯA CHIẾN, tập truyện Đỗ Kh., bìa Khánh Trường, Hồng Lĩnh xuất bản 1993. Giá 10 MK.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng viết trong lời bạt:

Mới mẻ trong chữ nghĩa, tân kỳ trong suy nghĩ, giàu có trong "đi và sống", dễ dàng như chơi trong những tình huống khó diễn tả nhất, Đỗ Kh. với tập truyện Không Khí Thời Chưa Chiến *là một vụ nổ bom lớn trong văn chương của chúng ta...*

Đỗ Kh., không hề dẫm chân lên bất cứ một cách viết nào của những người đi trước ông, và rõ ràng đối với những người đương thời, Đỗ Kh. càng cho người đọc thấy ông đứng tách ra một mình. Bằng một làn điệu riêng, ông hát những ca khúc của chính ông sáng tác, rất Đỗ Kh., và thuần túy Đỗ Kh.

Một điều đặc biệt khác nhân đọc tác phẩm của ông, đó là những truyện ngắn của Đỗ Kh. đều có tác động hai mặt nơi người đọc: thích nhất và ghét nhất. Ví dụ truyện Một Cành Hoa Một Chặng Đường Xa.

Tại sao?

Xin mời bạn đọc đi thẳng vào Không Khí Thời Chưa Chiến.

Đây là tác phẩm thứ năm của một trong vài nhà văn trẻ tiêu biểu nhất của văn chương hải ngoại: Đỗ Kh., sau *Cây gậy Làm Mưa* (Tân Thư 1989). *Thơ Đỗ Kh.* (Tân Thư 1989), *Ký Sự Đi Tây* (Xuân Thu 1990), *Có Những Bực Mình Tức Không Thể Nói* (Thơ, Tân Thư 1990).

ĐẢNG CẦN LAO, của Chu Bằng Lĩnh. Nhà xuất bản Mẹ Việt Nam 1993. Giá 18MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK. Liên lạc mua sách: Lê Kiệt. P.O.Box 712502. San Diego, CA 92171. USA.

Theo ông Cửu Long Lê Trọng Văn viết trong lời tựa, tác phẩm từng bị "cấm phổ biến" tại Việt Nam vào năm 1971

Tại sao cấm?

Đây là một "Bút ký chính trị" chắn chắn sẽ gây tranh luận trong những ngày sắp đến, bởi nó đề cập đến ông Ngô Đình Diệm và những người thân của ông: Ngô Đình Nhu (Lãnh tụ của Đảng Cần Lao), Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Thục, Trần Lệ Xuân... Cùng các nhân vật cao cấp thời Đệ nhất Cộng Hòa, với một hướng nhìn trái ngược với những tác phẩm đã bênh vực chế độ Ngô Đình.

MỘT THỜI DI TRÚ, thơ Nguyễn Đăng Trình. Bìa Trịnh Thanh Tùng. Nhạc (phổ thơ) Vũ Ngọc Giao, Nguyễn Văn Hiên, Nguyễn Long. Nhà xuất

bản Trẻ. Giá 6.000$ VN.

Thơ Nguyễn Đăng Trình hiền lành, giản dị. Nội dung vẫn là những đề tài muôn thuở: tình yêu, tình bằng hữu, tình mẹ, tình quê. Người đọc sẽ thất vọng nếu muốn tìm ở thơ anh những khai phá táo bạo trong ngôn ngữ, cấu trúc hoặc tư tưởng. Tuy nhiên có lẽ nhờ sự hiền lành giản dị đó, thơ anh có được sự thành thật rất đáng trân trọng.

TÌNH KHÚC HỒI HƯƠNG, tình ca Phạm Anh Dũng. Phạm Duy Cường soạn hòa âm Tây ban cầm. Phạm Duy đề tựa. Mùi Quý Bồng vẽ bìa và phụ bản. Le's Media tái bản lần thứ nhất. Giá 6MK.

Nhạc sĩ lão thành Phạm Duy viết cho *Tình Khúc Hồi Hương:*

"12 tình khúc của Phạm Anh Dũng, phần nhiều là thơ phổ nhạc, ra đời vào đầu thập niên 90 này, cho tôi cảm tưởng có sự quay về với nhạc tình lãng mạn quý báu sau đúng nửa thế kỷ lạc loài (...) Nhạc diệu của những tình khúc *trở về nguồn ân ái xưa* này cũng đi theo với lời thơ, nghĩa là cũng giản dị, nhưng nồng nàn, không cầu kỳ nhưng nhạy cảm... Qua bao nhiêu năm tháng ngụp lặn trong biển nhạc dữ dằn, có lẽ đây là lúc ta phải trở về với nguồn suối nhạc trong trẻo..."

VẺ VANG DÂN VIỆT, của Trọng Minh. Phần Anh ngữ được dịch bởi Lê Tứ Vinh. Tủ sách Vẻ Vang Dân Việt xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ. Giá 32MK.

Sách in tuyệt đẹp với bìa giả da, chữ mạ vàng, ép nổi, dày tổng cộng (Anh lẫn Việt ngữ) gần 800 trang.

Vẻ Vang Dân Việt lẽ ra rất đáng được khích lệ, nếu tác giả công tâm hơn. Nghĩa là cam đảm vất đi nhiều nhân vật "hữu danh vô thực" mà có lẽ do tình thân, hay do chính các đương sự tự "đánh bóng" mình bằng những bài viết của "chính mình cho mình", làm những ai am tường sự thật, đọc, có cảm tưởng đang bị đánh lừa trắng trợn, vừa xấu hổ, vừa bực bội. Chúng tôi thiết nghĩ nếu còn có những cuốn tương tự tiếp theo, tác giả nên cẩn trọng hơn, để những trang tài liệu này thực sự là những viên ngọc quí làm "vẻ vang dân Việt", và để những viên ngọc thật, không cảm thấy nhột nhạt khi đứng cạnh mớ hạt thủy tinh, cũng màu mè óng ánh, nhưng hoàn toàn vô giá trị.

VẪN CHỜ XE THỔ MỘ, tập truyện Vi Khuê. Bìa Đinh Cường. Nhà xuất bản Sao ấn hành tại Hoa Thịnh Đốn 1993. Giá 14MK.

Trong tập tài liệu gởi kèm theo tác phẩm, chúng tôi đọc được nhiều ý kiến của độc giả và văn hữu nghĩ, viết về Vi Khuê. Sau đây là ý kiến của bà Lê Tống Mộng Hoa, nguyên giáo sư trung học, hiện ở Annandale, VA:

Tôi tin tưởng rồi mình sẽ bị hấp dẫn từ đầu đến cuối vào thế giới tâm tình cũng là thế giới văn chương đầy biến cố bất ngờ của chị, mà nếu tôi nhớ không sai sót thì có ông chủ bút một tạp chí Văn Học Nghệ Thuật nào đó từng nhận

xét rằng: "truyện ngắn của bà mang đầy ý tưởng độc đáo, cái nhìn sắc bén mà nhân hậu". Thật là đúng ý tôi. (...) Nguồn cảm hứng của chị Vi Khuê nhà văn nhà thơ càng về lâu càng khởi sắc và thăng hoa hơn...

Sách đã bày bán tại các nhà sách trên toàn thế giới.

YOGA, của Trần văn Kha và Trần Thiên Thanh. Tác giả xuất bản. Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 18MK.

Sách dày gần 700 trang, trình bày sáng sủa, trang nhã.

Hơn 40 năm vừa nghiên cứu, vừa thực hành, vừa giảng dạy , tác giả đúc kết lại, để biên soạn thành tác phẩm này, nhằm mục đích giới thiệu cho những ai chưa từng biết Yoga là gì, có thể coi mà tự tập luyện.

Với một văn phong sáng, rõ, những điều trọng yếu thường được tác giả nhắc đi nhắc lại nhiều lần, giúp người đọc dễ lĩnh hội.

Đây là một cuốn sách rất cần thiết cho mọi lứa tuổi, trong việc tu tập tâm thân, thông qua một môn học đã tồn tại ngót 6.000 năm nay, và được xem là kho tàng quí báu của Đông phương.

ĐƯỜNG PHÍA BẮC, truyện dài Lê Đại Lãng. Tranh bìa "Tô Thị", sơn dầu của Vũ Quốc, Việt Nam 1993. Đồng Dao xuất bản 1993, tại Úc châu. Giá 14Úc Kim.

Tác giả viết về cuốn sách của mình: "*Tôi đã nghe, thấy, và sống với nhiều người xa tổ quốc, nhưng lạ nhất vẫn là cuộc đời của những người đi theo hướng Bắc để ra chốn ngoài.*

Con đường ngược Bắc của những cá nhân ấy lại được kể thầm thì như tội đồ xưng tội, tội tổ tông, tội bỏ nước, tội đi tìm chỗ sống, chỉ dành riêng cho kẻ muốn nghe, không có tiếng mõ nhịp, chỉ có những bàn chân xếp thành dấu chấm in trên đất trên nước của vạn dặm hành trình.

Hành trình hướng Bắc của những người sinh và sống từ cầu Hiền Lương đến nàng Tô Thị, và từ tượng Mẹ bơ vơ ấy, trổ ra những nhánh đời.

Muốn theo dõi nổi trôi của "*những nhánh đời*" này, mời bạn đọc tìm mua tại các nhà sách, hoặc liên lạc trực tiếp với nhà xuất bản: Đồng Giao, P.O.BOX 1040, North Richmond Vic 3121. Australia.

TRỞ VỀ, tạp ký Hoàng Nguyên Hưng. Đồng Dao xuất bản 1993. Không ghi giá bán.

Tác giả nói về tác phẩm của mình bằng những lời cảm động: "*Tôi trở về Việt Nam. Không như một du khách tới vùng đất lạ tìm vui. Mà như một linh hồn trở về thăm lại nấm mộ đã chôn tôi mười năm trời. Linh hồn tôi trở về bới lục lại thi hài mình, tìm và nhìn cho ra những gì bỏ lại (...) Khi chứng kiến đất nước và con người cụ thể, tôi không tránh được cảm tưởng khó chịu rằng mình là một kẻ ngoại tình. Kẻ ngoại tình lang chạ với những ý tưởng và lý tưởng rất gần với ảo tưởng.*

Giản dị, mộc mạc, tác phẩm là tiếng lòng của một đứa con hoang vừa trở về với Mẹ sau bao năm dứt lìa, trôi dạt. Có lẽ vì vậy, dù tác giả không cố tình "làm văn chương", tác phẩm vẫn có một sức thuyết phục cao. Đọc, nhiều lúc có cảm tưởng đang nhìn thấy chính mình, trên tấm gương trong là những con chữ thành thật trước mắt.

Mua sách, liên lạc với địa chỉ Đồng Dao.

MÂY TRẮNG THONG DONG, thơ Huyền Không. Bìa Đinh Cường. Bạt 1: Nhất Hạnh, bạt 2: Phạm Xuân Đài. Thanh Văn xuất bản 1993. Giá 10MK.

Giữa cảnh đời rối rắm, bên cạnh nhữngtác phẩm chất chứa bao nhiêu trăn trở, khổ đau, thù hận... thơ Huyền Không, như một cánh sen tinh khiết vươn lên từ vũng ao tù bùn đọng, mang trong mỗi dòng, mỗi chữ sự bình yên, tự tại, thong dong, phản ánh đúng tâm cảnh của một bậc chân tu. Điều này sẽ không làm chúng ta ngạc nhiên, nếu biết, Huyền Không là bút hiệu của thiền sư Mãn Giác.

Sách in đẹp, trang nhã.

CUỘC SỐNG, CUỘC CHIẾN TRANH VÀ RỒI... Bút ký của Oriana Fallaci, Lê Minh Đức dịch từ bản tiếng Pháp của Jacqueline Remillet. Bìa Khánh Trường, Hồng Lĩnh xuất bản. Giá 16MK.

O. Fallaci, người Ý, có mặt hầu như ở khắp mọi điểm nóng trên trái đất trong suốt gần ba thập niên qua, và là người được cái may hiếm có trong nghề báo: được trực tiếp phỏng vấn các khuôn mặt nổi bật như Kissinger, Khomeini, Kadhafi, Walesa, Đặng Tiểu Bình...

Chị sang Việt Nam đúng vào lúc cuộc chiến tranh đang ở mức độ khốc liệt nhất, khoảng thời gian trước và sau Tết Mậu Thân. Cuốn *Cuộc Sống, Cuộc Chiến Tranh Và Rồi...* được ghi chép, hình thành trong bối cảnh một đất nước đang ngụp lặn trong giết tróc tàn bạo, khốc liệt và đê tiện nhất.

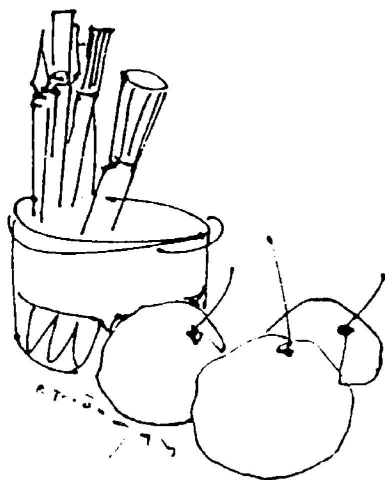
Tác phẩm được đánh giá cao, được dịch ra nhiều ngôn ngữ, vì tính trung thực và văn phong lôi cuốn, nóng bỏng.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và độc giả

THƯ VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ



Lại góp ý với giáo sư Nguyễn Quỳnh về nghệ thuật Baroque.

Trong *Hợp Lưu* số 13 có đang một bài do giáo sư Nguyễn Quỳnh viết, liên quan đến bài *Đồ Sứ Khang Hi Của Thuyền Buôn Trung Quốc Đắm Tại Côn Đảo Nước Ta* của tôi. Phần sử liệu về phong trào Baroque, giáo sư có nêu ra những điển cho rằng tôi không chính xác.

Vốn là người mê thích nghệ thuật cổ truyền Đông phương, tôi vừa lấy làm mừng vừa tiếc vì một đề tài sứ cổ Khang Hi, mà nay xin được phép thù tạc với giáo sư chuyện mỹ thuật Tây phương, qua từng điểm giáo sư giảng về nghệ thuật Baroque

Bài viết của tôi tuy không liên quan gì đến gốm cổ Việt Nam như giáo sư nêu ra, nhưng tôi cho đấy là một sự kiện hy hữu: gốm chế bên Tàu để bán qua Tây, mà bị chìm ở Việt, rồi mãi ba trăm năm sau được Việt bán lại qua Tây! (Sau khi lưu lại một phần lớn cho các viện bảo tàng trong nước). Sở dĩ tôi ghi lại vắn tắt mỹ thuật Baroque, đặc biệt ở Hòa Lan, nhằm chủ ý đặt nó làm bối cảnh trong thời đại người Âu ham chuộng sứ trắng xanh Tàu, để nói đến giai đoạn mỹ thuật Đông Tây gặp nhau.

1. Nguyên văn câu tôi viết: *"Chữ Baroque có gốc từ chữ Bồ Đào Nha Barroco, tả hình dáng không đều viên ngọc trai"*. Giáo sư cho rằng: "*Viết như vậy người đọc hiểu lầm là phong trào văn học và nghệ thuật Baroque mượn danh từ chữ Barroco. Trên thực tế, đây chỉ là một giả thiết vì cho tới nay, chưa ai khẳng định về cỗi nguồn của từ ngữ Baroque*".

Tôi e rằng giáo sư đã lầm. Đây không là một phát minh hay khẳng định

của riêng tôi. Người ta đã "khẳng định" cỗi nguồn chữ đó rồi: Về *nguồn gốc* chữ Baroque, sử sách mỹ thuật cho là do chữ Barroco của Bồ Đào Nha mà ra (hoặc chữ Barrueco trong tiếng Tây Ban Nha). Còn về ý nghĩa phong trào này, quả thực đã có những cuộc tranh cãi phức tạp lâu dài trong lịch sử. Riêng trong ngôn ngữ Anh, ngày nay người ta đã chấp nhận 3 định nghĩa về phong trào Baroque (Xin xem *The Concise Oxford Dictionary of Art and Artists - Oxford University Press*, 1990, trt. 30).

Trường hợp này cũng hệt như phong trào mỹ thuật Mannerism ở Ý trước thời Baroque: ai cũng biết nguồn gốc chữ này lấy từ chữ Maniera của Ý (tạm dịch là làm dáng, làm điệu). Nhưng về ý nghĩa và sự phân định ranh giới phong trào mỹ thuật này vẫn còn là một tranh luận rắc rối lâu dài giữa các học giả (sách đã dẫn, tr. 283).

Do đó, tôi nghĩ là giáo sư đã lẫn lộn giữa *nguồn gốc* của tên gọi và *ý nghĩa* của phong trào Baroque.

2. Về sự lầm lộn giữa hai tên Van Eyck và Van Dyck. Do sơ suất khi sửa chữa chính tả, tôi nhìn nhận có sự lầm lộn giữa vần "D" và vần "E". Tiện đây, cũng xin gởi đến độc giả HL một lời xin lỗi thành thật.

3. Khi trích văn để phê phán nội dung, tôi nghĩ nên trích nguyên câu, để giữ đúng ý nghĩa của câu văn. Trọn câu tôi viết: "*Phong trào Baroque triệt tiêu tính chất sùng bái tôn giáo thời Renaissance (Phục Hưng) để thiên về cá nhân và dân tộc tính mỗi vùng*". Chủ ý của tôi sơ lược về phong trào Baroque ở Âu châu chỉ nhằm qui chiếu đến phong trào này tại Hòa Lan, là bến về cuối của hàng sứ Khang Hi. Hòa Lan cũng như Anh Quốc, bấy giờ là đất của Reformist (Tân Giáo Cải Cách). Tuy phong trào Baroque khởi phát từ Ý, đất của Counter Reformmation, đất của những đề tài chuộng tôn giáo từ thời Renaissance. Nhưng tranh của họa sĩ trường phái Hòa Lan thiên về sự bình thường tự nhiên. Họ vẽ những cảnh dịu dàng kín đáo của xã hội hàng ngày, cảnh thiên nhiên, tĩnh vật, chân dung con người. Trong tranh họ vắng những nghi lễ rực rỡ của nhà thờ, cảnh họp chầu hào nhoáng của triều đình. Chữ *triệt tiêu* ở đây, qua sắc thái hội họa đặc biệt Hoà Lan, đồng nghĩa với sự xa lìa, bỏ đi, tiêu mất dần, như biến chuyển thời trang: cái này qua, cái kia tới. Chứ không có nghĩa là "tiêu diệt" hay "bài xích" tôn giáo. Sự triệt tiêu này đi đến cực điểm vào thời Roccoco thế kỷ XVIII tiếp đó.

Tôi hoàn toàn không đồng ý với lối chia 7 điểm từ A đến G của giáo sư, vì trong đó có sự lẫn lộn giữa hai đặc tính mỹ thuật Renaissance và Baroque với nhau.

Nói chung, nghệ thuật Renaissance, ví dụ cách thiết kế nội ốc hay ngoại vi, nhằm tạo cảm giác của chiều sâu (depth), gây cho mắt nhìn sự tương phản giữa ánh sáng (light) và bóng tối (shadow). Với hình ảnh quyến rũ đền đài cổ Hy Lạp và La Mã trng trí tưởng, kiến trúc gia thời Renaissance chú trọng đến sự cân đối hài hòa của tự nhiên (natural).

Còn kiến trúc Baroque có khuynh hướng phóng đại hóa, vượt qua kích

thước tự nhiên (outdo Nature); ôm đồm nhiều thứ (overloaded), tiểu tiết vụn vặt thái quá (overornamented), nghĩa là ngược lại nguyên tắc cái đẹp đơn giản. Giáo sư dùng chữ "cuốn hút" (dramatization); tôi thì dùng chữ phô trương kiểu phường tuồng (thearical art). Kiến trúc Baroque làm vóc dáng và đường nét lớn và dài hơn sự cần thiết: dài thêm chiều ngang lan đến cả ngoài vườn; chiều cao hơn chiều dọc như vươn đến tận trời xanh.

Giáo sư viết: "*Tất cả những điểm nêu trên đã tạo ra bút pháp Baroque do công lao của những thiên tài nửa đạo nửa đời (tức con người Công giáo mang tinh thần cá nhân sáng tạo Phục Hưng như Brunelleschi, Michelangelo, Maderno, và đặc biệt Bernini)*".

Giáo sư đã đồng hóa nghệ thuật và nghệ sĩ giữa hai thời Phục Hưng và Baroque riêng ở Ý lại với nhau. Vừa nói về Baroque mà lại đưa ví dụ "các nghệ sĩ nửa đạo nửa đời Phục Hưng". Trong khi Brunelleschi (1377-1446) và Michelangelo (1475-1564) thuộc thời Phục Hưng; còn Marderno (1576-1636) và Bernini (1598)- 1680) thì thuộc thời Baroque. Và giáo sư không nhắc cho độc giả rằng: ở giữa phong trào Phục Hưng và Baroque Ý, bị ngắt khoảng bởi phong trào Mannerism kéo dài tới 80 năm (1520- 1600), đánh dấu sự suy đồi nền mỹ thuật Ý.

Tôi cũng xin góp ý về từ "bút pháp" của giáo sư dùng cho mỹ thuật Baroque vốn qui tụ 3 bộ môn chính: hội họa, điêu khắc và kiến trúc. Với hội họa thì được, chứ dùng từ "bút pháp" cho điêu khắc và kiến trúc thì không ổn. Vì làm sao nặn khắc hay xây cất bằng bút được (Tôi đoán có lẽ giáo sư dịch từ chữ "style" ra, mà trong tiếng Việt dùng nhiều từ khác nhau để dịch, tùy theo bộ môn và trường hợp áp dụng).

Giáo sư viết tiếp: "*Như bút pháp chính hiệu Baroque nếu căn cứ vào các mô hình lý tưởng - Ví dụ St. Peter Basillica, và những tác phẩm hội họa và điêu khắc có liên quan trong thời đại - ai cũng nhận rằng bút pháp đó chỉ xảy ra ở Ý mà thôi*". Tôi cho rằng đó là phần quan trọng nhất trong bài viết của giáo sư, và dễ làm người đọc ngộ nhận lịch sử phong trào Baroque, nhất là lẫn lộn giữa *nơi xuất phát* với cái gọi là *bút pháp chính hiệu* Baroque.

Phong trào Baroque xuất phát từ La Mã, rồi từ đó lan đi các xứ khác ở Âu Châu. Đến đâu nó biến cải đến đó để phù hợp với tâm tư, sở thích, dân tộc tính mỗi nước. Nên ngày nay các sử sách viết về thời Baroque chia từng đề mục riêng cho mỗi nước: Baroque Ý, Baroque Pháp, Baroque Tây Ban Nha, Baroque Hòa Lan v.v... Do đó, tôi đã viết "*thiên về cánhân và dân tộc tính mỗi vùng*" và tôi chỉ giới hạn trong mỹ thuật Baroque Hòa Lan, vì sự liên hệ đến nội dung bài viết của tôi.

Như thế, xin hỏi giáo sư: các nước đó không có "bút pháp" Baroque hay sao? Việc gì phải khẳng định *chỉ xảy ra ở Ý mà thôi?*

Có lẽ giáo sư đã quên rằng hội họa Ý, tiếp nối truyền thống Mannerism, bấy giờ đang trên đà suy tàn (xem *The Romance of The Art* của Frederick H. Martens, tr 245, vol. III, nxb J.A. Richards Inc. NY. 1924). Tuy trong bộ môn

điêu khắc và kiến trúc, Bernini là tên tuổi sáng chói nhất thời Baroque Ý, nhưng cũng đừng quên điện Versailles là công trình lừng lẫy nhất Âu Châu là của Baroque Pháp. Đặc biệt cái gọi là "bút pháp" ấy được diễn tả vô cùng hào nhoáng lòe loẹt qua mỹ thuật cung đình, nhà thờ ở Tây Ban Nha, rồi họ mang sang cả tận Châu Mỹ La Tinh. Trong hội họa Baroque, những mặt trời chói chang nhất gồm Reubens thuộc xứ Flanders; Rembrandt và Franz Hals thuộc Hòa Lan; El Greco và Velasquez thuộc Tây Ban Nha... Các nghệ sĩ và công trình đại tập thành ấy của họ - mà giáo sư gọi là "mô hình lý tưởng" - tại các nước không thuộc Ý, bộ không có "bút pháp" Baroque hay sao? Ngay cả tranh tĩnh vật của Franz Hals Hòa Lan cũng được coi là "mô hình lý tưởng" tiêu biểu tranh tĩnh vật thời Baroque.

Theo tôi, chính những đặc sắc của mỗi nước ấy cộng lại thành cái giáo sư gọi là "bút pháp" - còn tôi gọi là "kiểu cách" (style) nghệ thuật Baroque Âu Châu. Nước Ý là nơi xuất phát, chứ không phải chỉ xảy ra ở Ý. Những kiểu cách Baroque đó lưu lại cho hậu thế những di sản vàng son một thời vang bóng, do dân tộc tính mỗi nước Âu Châu sáng tạo chung, chứ không do riêng ai, hoặc còn lờ mờ chính hiệu hay không chính hiệu gì nữa.

PHAN QUỐC SƠN

Tháng 10.1993)

Tòa soạn cảm ơn những đóng góp nghiêm chỉnh và ôn hòa của hai anh Nguyễn Quỳnh và Phan Quốc Sơn về một vấn đề liên quan đến mỹ thuật, học thuật. Trong tinh thần "hợp lưu", tòa soạn xin mạn phép đăng nguyên văn bài viết của anh Phan Quốc Sơn (như đã đăng bài viết của họa sĩ Nguyễn Quỳnh - HL số 13), để độc giả có đủ dữ kiện suy gẫm, tìm hiểu thêm.

Chữ và Nghĩa

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đi thăm Nhật có mang về một bài thơ của nhà sư Lương Khánh (người Nhật) viếng ông Hồ*. Thế là trong một tháng rưỡi (từ 19-5-93 đến 3-7-93) đã có chừng chục bài viết về bốn câu thơ này đăng trên các báo. Đây chỉ mới là bước đầu thôi, chắc hẳn còn nhiều, nhiều nữa. Điều thú vị và lạ lùng là bài thơ do chính tác giả viết chữ Hán, thế mà có một số chữ mỗi người đọc mỗi khác!

a) Bài của ông Mai Quốc Liên đăng báo *Sài Gòn Giải Phóng* ngày 6-6-93 có đoạn:

"*Để hiểu chính xác bài thơ này, tôi xin dịch lại nghĩa đen kèm theo bình chú đôi lời cần thiết về từ ngữ để bạn đọc thưởng thức và những người yêu cổ thi có thể nhân đó dịch ra tiếng Việt - cũng là một nhã thú.*"

Mai quân có nhã ý "*dịch lại nghĩa đen kèm theo bình chú... để bạn đọc thưởng thức...*" (...) Nhưng hình như ông quá bận "dịch lại nghĩa đen" nên bỏ quên mất chữ? Vì vậy mà ông phiên âm bốn câu thì có ba câu còn để dấu bàn:

- Câu 1: Chữ thứ 3 ông phiên âm *tiên* (tiên nhân). Ông Cao Tự Thanh trên

báo *Phụ Nữ Thứ Bảy* ngày 19-6-93 phiên âm *chân* (chân nhân) và được học giả Nguyễn Quảng Tuân cho là đúng.

Tôi chưa thông nghĩa cả *tiên nhân* lẫn *chân nhân*. Bởi vì:

Tiên nhân là người đời trước, tổ tiên ông bà. Một người Nhật sao lại xưng hô với một người Việt như vậy?

Chân nhân là kẻ tu hành đắc đạo mà đưa viếng một người không phải thiền sư thì cũng không ổn.

Vì quí vị đọc mỗi người mỗi khác nên tôi cũng đọc khác quí vị (Biết đâu cả ba đều phải):

Xét tự dạng tôi đoán *xuất nhân*. Tôi hiểu *xuất nhân* cũng như *siêu nhân, xuất chúng*. Chữ Hán có: *Xuất nhân đầu địa* nghĩa là cao hơn người một bậc và *Xuất loại bạt tụy* nghĩa là siêu việt hơn cả mọi người.

- Câu 3: Chữ thứ 4 là chữ *kiến* mà ông phiên âm *lưu*. Tuy *hi kiến* và *hi lưu* cũng xem như đồng nghĩa nhưng nên tôn trọng văn bản và tác giả.

- Câu 4: Chữ thứ 3 ông phiên âm *phiêu* là sai. Vẫn biết có *phiêu* (phiếu + phong), *phong* là gió cuốn nhưng ở đây tác giả viết chữ *phiên* (phiên + phi) rõ ràng. Chữ *phiên* này có nhiều nghĩa. Ở đây tác giả dùng nghĩa là *bay*. (Trương Hành - "*Tây Kinh phú*": Chúng điểu phiên phiên.)

b) Bài của ông Nguyễn Quảng Tuân đăng báo *Phụ Nữ* ngày 3-7-93 viết rất nghiêm túc, có nhiều đóng góp về văn bản (trừ chữ *chân* (chân nhân) tôi chưa tin lắm, như đã thưa ở đoạn trên trong bài này). Xin hoan nghinh học giả Nguyễn Quảng Tuân.

Tôi không làm việc phiên dịch vì đã lắm người làm rồi. Nhưng nếu cần thì tôi phiên âm như vầy:

Cứu quốc xuất nhân thùng bích không (xuất nhân)
Mê đồ dân chúng khốc bi trung
Cổ kim hi kiến lão anh kiệt (hi kiến lão)
Nhất diệp phiên phong thu sắc mông (phiên)*

Mấy chữ *lạc khoản* thì tôi thấy học giả Nguyễn Quảng Tuân giải rất đúng.

Paris, tháng 8-1993
TAM TỰ KINH
(Một hậu duệ của Trạng Lợn)

Xin chú ý:

1) Bài này chủ yếu chỉ cống hiến một chữ *xuất* mà thôi.

2) Vì thiếu học, nếu tôi nói sai mà được các bậc cao minh chỉ giáo thì xin bái tạ trước.

*Bài thơ này do sư Onishi Ryokel (ông Tam Tự Kinh diễn nôm là Lương Khánh), trụ trì tại chùa Kyomydu, Kyodo, cố đô của Nhật, làm vào năm 1969, năm ông Hồ mất. Lúc bấy giờ vị sư này đã gần 100 tuổi. Ông Võ Văn Kiệt sang Nhật năm nay (1993), đến viếng cổ tự Kyomydu và được vị sư kế vị đưa tặng thủ bút của tiên nhân (dùng chữ "tiên nhân" như vậy liệu có đúng không, thưa ông Tam Tự Kinh?), bèn mang về Việt Nam phổ biến, mới nẩy

sinh những *"xuất nhân"* với *"chân nhân"*, *"tiên nhân"*, *"hi kiến"* với *"hi hữu"*, *"phiêu"* với *"phiên"* rắc rối sự đời như trên. Đúng là chữ với nghĩa! (chú thích của tòa soạn)

Trong thư kèm theo, anh viết "Bài này không có báo nào dám đăng hết: Vì ở hải ngoại thì sợ mấy ông "diệt Cộng" hiểu lầm. Ở trong nước thì ông Mai Quốc Liên là người có uy quyền(...)

Thưa anh, Hợp Lưu *"dám" đăng. Không phải để "làm oai' rằng ta đây chẳng sợ... ông Tây nào cả (sợ chứ, HL sợ rất nhiều thứ: sợ ăn gian nói dối, sợ mồm năm miệng mười, sợ nghĩ một đường làm một nẻo, sợ bẻ cong ngòi bút cho "phù hợp" với "tình thế", sợ chưa đủ ngay thẳng để nói hết những điều muốn nói...), mà chỉ vì nhận thấy bài viết của anh là một góp ý có tính chất học thuật cần được phổ biến để thức giả luận bàn. Và cũng là một cách để bọn văn dốt vũ dát (như người phụ trách mục này) có cơ hội "dựa cột mà nghe", may ra khá lên chút nào chăng? Trong tinh thần đó (cũng là tinh thần chung của HL),anh cho chúng tôi được nhắn riêng cùng mấy vị "diệt Cộng" và học giả Mai Quốc Liên: Xin quí vị niệm tình tha thứ, nếu chẳng may bài viết có chi lấn cấn làm quí vị không được happy.*

Về đề nghị trình bày "Mục Lục" cách nào đó dễ tra cứu hơn. Mong anh cảm thông, toà soạn biết chữ nghĩa chằng chịt thế kia, quả, có làm cho độc giả rối mắt thật, nhưng nếu leo qua những hai ba trang thì coi không ổn, về mặt trình bày. Thành ra, cứ phải cố gói ghém cho vừa một trang. Nếu anh và độc giả bằng lòng, chúng tôi sẽ đưa "Mục Lục" ra các trang áp chót, chiếm bao nhiêu "đất" cũng không sao. Xin anh và độc giả cho ý kiến. Kính mến.

vượt ra khỏi sự hình dung ban đầu...

... Có thể nói ngay rằng những gì *Hợp Lưu* làm được, vượt ra khỏi sự hình dung ban đầu của tôi, mặc dù đã được một bạn văn giới thiệu đôi dòng. Anh ạ, Ở đây tôi bắt gặp được thiên chức nghệ sĩ của các anh, các chị. Đây là cuộc "hợp lưu" vượt lên trên tất cả những thành kiến và định kiến, để cho con người nhân bản bắt gặp nhau.

Có thể nói ngay rằng, các anh chị đã đi đúng hướng, tờ báo nhất định sẽ khởi sắc mãi, mặc dù (dĩ nhiên) nó đã và sẽ phải trải qua bao sóng gió của "đời thường".

NTV (Đức)

Từ nay, anh đã là thành viên của gia đình Hợp Lưu. *Nếu có thay đổi địa chỉ, xin báo ngay để tòa soạn điều chỉnh. Mong anh sớm ổn định mọi mặt để có nhiều thì giờ hơn dành cho sáng tác. Thân mến.*

Tôi thực sự ngạc nhiên.

... *Hợp Lưu* vừa tròn hai tuổi. Vẫn còn là tuổi chập chững biết đi, có lẽ

chưa nên chúc "vạn thọ". Hãy bằng lòng với việc chúc các anh chị chủ trương luôn mạnh giỏi, lạc quan, và đi đến đâu thì dỡ bị thiên hạ "kính nhi viễn chi"!...

Bài giới thiệu BKBAV của ông Trần Đạo hay. Tôi còn nhớ một buổi tối cách đây chừng sáu năm, tôi nhận cuốc sách ấy do một anh bạn trong nước gửi tặng. Tôi đã đọc một mạch thâu đêm, và ngạc nhiên: sao DTH viết mạnh mẽ và hay đến thế...

Bài thơ của ông Đỗ Kh. cũng có thể coi là đặc sắc nữa. Đọc cứ như xem những cảnh phim chồng chéo lên nhau vậy. Qua bài này tôi dám đoán ông Đỗ Kh. còn "trẻ"? Mà từ hồi đọc bài của ông về vụ DTH "Giữa hai làn (lần?) đạn" thời "Tiểu Thuyết Vô Đề", tôi đã có cảm giác này rồi. Tự nhiên tôi có ý nghĩ ngu xuẩn là nếu lấy bài thơ này làm đề tài phân tích cho học sinh phổ thông "dưới mái trường xưa" ở Việt Nam, không hiểu họ sẽ xoay sở ra sao? Không hiểu tính đảng, tính dân tộc, và tính đại chúng ở đâu? Mà học thuộc lòng thì cũng khó nữa...

À, bài về Nguyễn Bính (trang 52), tôi đọc mà giật mình:

Cha **Buồi** tiễn bạn hơi thu quạnh

Tôi không có bản gốc bài này nên không rõ là lỗi nhà in, hay Nguyễn Bính "đố tục giảng thanh"?

NHL (Budapest)

Lẽ ra đã trích đoạn thư anh viết về vụ LT, nhưng tòa soạn nhận thấy câu chuyện coi như đã dủ, "bàn rộng" nữa thêm nhếch nhác. Dù rằng, sau HL số 12, dư luận độc giả, giới thưởng ngoạn và văn nghệ sĩ trong, ngoài nước có phản ứng giống anh, nghĩa là tất cả đều yêu cầu HL nhân vụ này, đẩy mạnh hơn nữa việc "quét rác", trên nhiều lãnh vực khác, không những chỉ "bên ngoài", mà cả "bên trong" nữa.

Về bài "Nguyễn Bính...", *anh xem Kim Thi số 13 để sáng tỏ hơn, cũng xin lỗi anh và độc giả về câu thơ đánh máy sai một cách... không thể tha thứ như thế. Tiện đây, xin được đính chính luôn:*

Cha **buồn** tiễn bạn hơi thu quạnh.

Nghe nói anh có gởi bài cho số đặc biệt về Thơ Ca Việt Nam Hiện Đại, *nhưng tòa soạn không nhận được. Thân mến.*

TRẢ LỜI VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

NNBK (Berkeley, CA): Bài K. chuyển, của "ông ấy", đã đi trong số này. Rất mong K. hoàn tất sớm cái luận án, để biết đâu *Hợp Lưu* có thể "lóc" được vài ba đoạn gì đó, giới thiệu cùng độc giả.

Về cái giá "đổi một bài viết lấy một bức tranh" thì... "o ép" con người ta quá! Tuy nhiên, sẽ... thương lượng sau. Chừng nào trở lại "chốn ấy", xin cho

biết để hoặc có thể xin "tháp tùng" hoặc có gì cần nhắn gởi. Thân mến.

Anh Nguyễn M. Hùng (Canada): Đã nhắn các anh em quen biết, sẽ chờ ở Cali trong mùa Giáng Sinh. Để đối ẩm. Thân mến.

Anh Đỗ Duy Minh (Canada): Họa sĩ kiêm thêm Nhiếp ảnh gia thì thiên hạ chỉ có chết! Nếu có tác phẩm nhiếp ảnh nào chiên chiến, xin một tấm để khoe với bè bạn. Chúc anh "bắt được nàng thu" ở mấy tỉnh phía Đông Canada trong chuyến đi "săn" này. Thân mến.

Nguyễn Tôn Nhan, Hà Nguyên Thạch, Trần Quang Lộc, Phạm Cung... (Việt Nam): Đã nhận được thư và thăm hỏi của các bạn. Trong thời đại này địa lý tất nhiên không cách trở, nhưng ... tem cò thì... mệt! Tôi hiểu. Sẽ gởi cho các bạn loại tem "coupon à réponse", chỉ cần ra bưu điện đổi là tha hồ muốn viết cả... ký cũng không ngán. OK? Riêng Trần Quang Lộc, nhớ giọng hát của Người lắm lắm. Nhất định rồi cũng phải có dịp nghe lại. Thân mến.

Anh Cung Tích Biền (Việt Nam): Tháng 8, 1993 có người quen về, nhờ tìm anh, nhưng được báo: Nhị Hoàng đã đóng cửa từ lâu, không tìm ra địa chỉ nhà. Hỏi các vị khác thì hình như giữa anh và họ không có quan hệ tốt (?!), nên ai cũng lắc đầu nói "không biết"! Tôi rất buồn. Ở xa và nhiều "nhiễu xạ" quá, chẳng thể nắm vững được tin tức gì bên nhà cho chính xác, tất cả chỉ là "đồn rằng..." chả biết nên kết luận thế nào! Cố gắng thư cho tôi. *Thằng Bát Quỷ* đã trình làng. Thân mến.

Ông Trần Huy (Houston): *Hợp Lưu* đã có người đại diện bên TX, từ nay báo sẽ có đều hơn ở các nhà sách, để ông khỏi phải "tìm đỏ con mắt" nữa. Bài viết ấy có lẽ nên "rà" lại. Chính xác và trung thực là "ưu tiên một", HL không muốn sử dụng cái câu "cứu cánh biện minh cho phương tiện", mà một số những "tờ báo" hải ngoại thường sử dụng. Ngày sau, người ta căn cứ vào những bài viết ấy, xem đó là "tư liệu", thì nguy quá. Vả, còn liêm sỉ và lòng tự trong nữa chứ, phải không anh? Thân kính.

Ông Võ Đại (Úc): Xin ông mua thẳng với tòa soạn *Hợp Lưu*, hoặc qua Mr. Nguyễn Xuân Thu, Vietnamese Language and Culture Publications. P.O.Box 133, Pascoe Vale South 3044, Victoria, Australia. Tél: (03) 354-7125. Fax: 354- 7908. Vâng, số phát hành bên ấy chưa như ý, vì vận chuyển khó khăn và không nắm vững được tình hình tiêu thụ. Sẽ cố để *Hợp Lưu* đi "càng xa, càng rộng" như ý ông. Thân kính.

Với các bạn ở Đức, Nga, Tiệp...: Số 11 và 12, báo trả về khá nhiều (nhiều nhất, so với các số trước). Vì vậy, tòa soạn tạm ngưng một kỳ (số 13), trừ những địa chỉ đã được điều chỉnh, chờ các bạn cho lại địa chỉ thật chính xác,

sẽ gởi tiếp. Mong các bạn thông cảm, báo gởi đi, tốn tiền gởi, lại phải đóng thêm tiền phạt, thì "oan" quá. Tình trạng tài chính của *Hợp Lưu* không "vô hạn", nên phải thu vén để còn tiếp tục "góp mặt với đời". Thân mến.

Bà Ngô Nấm (Tôn Nữ Phương Chi) (?): Tòa soạn được anh VĐ cho biết bà có mua dài hạn nhưng không nhận được báo. Chúng tôi đã tìm trong computer tên bà mà không thấy. Không hiểu do sơ xuất của bưu điện hay tòa soạn? Vậy xin bà bỏ chút thì giờ cho *Hợp Lưu* biết bà bắt đầu mua từ số mấy (kèmđịa chỉ), để chúng tôi tiện điều chỉnh. *Hợp Lưu* vẫn được tiếng quan tâm đến độc giả khá chu đáo, nên rất ái ngại khi có độc giả phiền lòng. Dù bởi lý do nào, cũng thành thật xin lỗi bà. Kính.

NL (Seattle): Nghe nói mùa thu trên ấy đẹp lắm. Tiếc chưa có dịp tới. Sẽ cố gắng để đi một lần. Cảm ơn những công việc N đã làm giúp "bên ấy". TMH và GT thương bạn, phóng đại đấy, tôi vẫn nghĩ vẽ chân dung là món khó nhá nhất. Vẽ giống, dễ ợt. Nhưng giống thế nào? Như một tấm hình chụp? Vậy thì cứ ra tiệm mà "úp" vài chục "pô", về, tha hồ lựa, cần gì đến cây cọ của mấy anh họa sĩ? Cho nên vẽ chân dung, muốn cho "giống", cần phải "ăn nằm" với người mẫu dài lâu, chừng nào chỉ cần nhắm mắt lại, hình ảnh "đương sự" bật ngay ra, cả nội tâm lẫn nhân diện, thì lúc ấy không cần "đương sự" ngồi trước mặt, vẽ vẫn cứ "giống" như thường ("Giống", ở đây được hiểu theo nghĩa lột tả được "chân diện mục" của "đương sự"). N chờ đọc bài viết về "món" này trên *Hợp Lưu* một số gần đây, cũng là cách "trả nợ" cho rất nhiều bằng hữu, khách hàng, giới thưởng ngoạn cứ đòi các ông họa sĩ phải "làm" những cái chân dung mượt mà, ngon lành, đầy đủ tay chân mắt mũi miệng "như thật". "Ép nhau" vừa thôi!. Cái khác của một chân dung hội họa với một tấm hình chụp là ở chỗ đó. Hy vọng sẽ có dịp thực hiện yêu cầu của N. Thân mến.

Bác sĩ Phạm Anh Dũng (CA): *Hợp Lưu* cũng định làm một số đặc biệt về Âm Nhạc, nhưng anh chị em tòa soạn nhận thấy có vài trở ngại, nên chưa dám thực hiện.

Thứ nhất, đa số các nhạc sĩ khi viết về âm nhạc thường viết ở một trình độ cao, trong khi giới thưởng ngoạn am tường bộ môn này thì giới hạn, sợ rằng số báo sẽ khô khan, kén độc giả. *Hợp Lưu* vẫn chủ trương làm thế nào "hợp lưu" được với mọi tầng lớp độc giả mà phẩm chất vẫn không tệ. Việc này tất nhiên khó gấp nhiều lần hơn nếu ta chỉ chọn duy nhất một thành phần người đọc nào đó.

Thứ hai, hầu như những bài viết về âm nhạc đều có phần trích dẫn nhạc, việc lay-out sẽ gặp khó khăn. Vả, nhạc là "món" để nghe, chứ không để đọc.

Tuy nhiên, dù sao *Hợp Lưu* cũng sẽ cố gắng thực hiện một số chủ đề như thế, chừng nào đủ phương tiện. Thân mến.

Anh Joseph Luân Nguyễn, (CA) Cảm ơn anh đã tái hạn những hai năm nữa. Về đề nghị thêm phần Anh ngữ để các bạn trẻ dễ dàng tiếp cận với văn học Việt Nam hơn, tòa soạn có nghĩ đến nhưng không thể thực hiện được (hiện nay, chỉ mới thu tóm nội dung những bài viết quan trọng, gói gém trong khoảng 3 đến 4 trang bằng Anh ngữ, đóng kèm vào khoảng 100 số để phát hành trong hệ thống thư viện Mỹ và các quốc gia khác ngoài Việt Nam). Lý do: không đủ nhân lực để trông coi việc dịch thuật. Công việc này không thể một người làm nổi, phải ít nhất ba hoặc bốn người. Lại nữa, số trang của *Hợp Lưu* giới hạn. Nếu có thêm phần Anh ngữ cũng có nghĩa phải tăng trang, về phương diện tài chánh, ngoài khả năng của chúng tôi. Thôi thì hãy cứ ghi nhận ý kiến của anh, và chờ chừng nào chủ biên... trúng Loto, sẽ mở hẳn một trương mục rõ to, lấy tiền lời dịch và in ra đủ loại ngôn ngữ, phát không, để thế giới "lé mắt" chơi. Thân mến.

Anh Hoàng Đình Thông (WA): Cái khó của việc làm báo ở hải ngoại hiện nay là làm cách nào có sự "chuyên nhất" cho mỗi số, vì người viết không nhiều (nếu không muốn nói quá đỗi hiếm hoi). Đa số các tờ báo đều cắn răng với phương pháp "có gì xài nấy". Anh nên thông cảm nếu thỉnh thoảng thấy xuất hiện một hai bài "lạc quẻ" so với không khí chung ở tờ báo ấy. Riêng *Hợp Lưu* vẫn không ngừng nỗ lực tìm kiếm những món ăn mới lạ để độc giả đổi khẩu vị. Công việc này tốn rất nhiều công sức! Tuy nhiên cố được đến đâu hay đến đó. Kính mến.

Phạm Hoàng Chương (San Jose): Nhiều lần lên trển nhưng không có địa chỉ và điện thoại mới, nên chẳng thể liên lạc. Làm ơn viết cho vài chữ kèm địa chỉ, điện thoại, để thỉnh thoảng có dịp "giang hồ", gặp. Thân mến.

Đinh Văn Tứ (?): Nghe nói ngươi ở đâu đó trên đất Mỹ? Có dịp đọc HL, hãy liên lạc với ta (KT). Thân mến.

Nguyễn Nguyên Phương (GA): Mừng đã đến Hoa Kỳ. Định viết thư riêng mà rồi bận rộn quá. Sẽ gởi sách báo anh đọc cho vui. Thân mến

Hợp Lưu

ĐỐI THOẠI

THẢO LUẬN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM

SỐ RA MẮT THÁNG 1 NĂM 1994

Mọi đóng góp nghiêm chỉnh về những vấn đề Việt Nam sẽ được thảo luận, trình bày, mổ xẻ thẳng thắn trên diễn đàn này, không phân biệt vị trí quá khứ, hay chính kiến hiện tại

•

chủ bút:
Nguyễn Hương

•

Nhóm thực hiện:
Nhật Tiến, Hoàng Sử Mai, Trương Vũ, Nguyễn Quốc Trung, Thân Trọng Mẫn, Lê Thứ, Hà Dương Dực, Phan Tấn Hải, Đỗ Hữu Tài

Cùng các cộng tác viên trên khắp thế giới và nhiều trí thức trong nước không tiện nêu tên

Trình bày:
Khánh Trường

•

Bài vở, thư từ, chi phiếu xin đề
ĐỐI THOẠI
P.O.Box 4692 Garden Grove, CA 92642. USA.
Tél: (714) 509-7253

Đã Phát Hành



CHẤM DỨT LUÂN HỒI EM BƯỚC RA

Mẫu bìa: Khánh Trường. *Tranh sơn dầu:* Đinh Cường.
Ảnh: Nguyễn Bá Khanh
Phụ bản họa: Ngọc Dũng. Khánh Trường. Phạm Kim Khải
Nhạc: Trần Duy Đức. Đăng Khánh. Vũ Thành An.
Song Ngọc. Phạm Anh Dũng.
Ngoại Tập: Bùi Bảo Trúc: Lục bát Du Tử Lê

Tác phẩm mang lại nhiều bất ngờ, thích thú hoặc khó chịu cho người đọc.



Sắp tái bản

DỜI MÃI Ở PHƯƠNG ĐÔNG

Cuốn sách được nhắc nhở và tìm kiếm nhiều nhất trong 18 năm qua

PHIẾU GÓP Ý

(Xin đánh dấu chéo (X) vào các ô vuông (☐) quí vị muốn)

- Tiểu luận, nhận định, biên khảo: Thêm ☐, bớt ☐.
- Truyện ngắn và thơ trong nước: Thêm ☐, bớt ☐.
- Truyện ngắn và thơ ngoài nước: Thêm ☐, bớt ☐.
- Phỏng vấn: Thêm ☐, bớt ☐.
- Đọc Sách: Thêm ☐, bớt ☐

Những mục nào hay và nên khai triển:

____

____

____

Những mục nào cần bỏ:

____

____

____

Những mục nào nên mở thêm?

____

____

____

Các đề nghị khác:

____

____

____

____

____

____

____

____

Tên, địa chỉ người góp ý:

____

____

____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi rõ bằng chữ in)

Tôi tên: ______________________

Địa chỉ: ______________________

____

____

Điện thoại: ______________________

nhận mua dài hạn tập chí HL từ số ____ đến số ____

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) - 40MK ☐ (1 năm)

Hạng nhất: 26MK ☐ (1/2 năm) - 50MK ☐ (1 năm)

Âu châu:

Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 34MK ☐ (1/2 năm) - 65MK ☐ (1 năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 38MK ☐ (1/2 năm) - 75MK ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng MỸ KIM. Ngoài Hoa Kỳ và Canada bằng International Money Oder, trả cho:

HỢP LƯU

P.O Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

Nếu thay đổi địa chỉ hoặc không nhận được báo đúng chu kỳ, xin cho tòa soạn biết ngay để điều chỉnh.



9601 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683. USA

Tél: **(714) 531-7223. Fax: (714) 531-1107**

•

Hân hạnh giới thiệu ba tác phẩm tiêu biểu trong năm 1993:

- BETTE BAO LORD: XUÂN NGUYỆT. (800 Trang. Gía 26MK.)
- ORIANA FALLACI: CUỘC SỐNG CUỘC CHIẾN TRANH VÀ RỒI... (450 trang. Giá 16MK.)
- ĐỖ KH.: KHÔNG KHÍ THỜI CHƯA CHIẾN. (200 trang. Giá 10MK)

oriana fallaci

CUỘC SỐNG CUỘC CHIẾN TRANH VÀ RỒI...

TE BAO LORD

n nguyệt

HỒNG LĨNH

KHÔNG KHÍ THỜI CHƯA CHIẾN

Tập truyện

đỗ kh.

HỒNG LĨNH 1993

14

Giá: 7MK